CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36

Trụ sở chính: Lô CN1.2 - Khu Công Nghiệp Vức – P. Đông Quang – Thanh Hóa.

Điện thoại: 0913 83 85 89

Email: ns36concrete@gmail.com Website: betongnghison36.vn

HỒ SƠ NĂNG LỰC

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36

GIỚI THIỆU NĂNG LỰC

CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36

THANH HOÁ, NĂM 2025

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36
Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

MỤC LỤC

- Thư ngỏ.
- Tổng quan về công ty.
- Bộ máy hoạt động công ty.
- Năng lực tài chính.
- Hồ sơ kinh nghiệm.
- Kiểm soát chất lượng nguồn vật tư, vật liệu đầu vào
- Nhân sự
- Năng lực máy móc, thiết bị.
- Lời kết.

THƯ NGỎ

Kính gửi: Quý khách hàng.

Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36 xin trân trọng kính chào quý khách hàng.

Được thành lập theo quyết định của sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 01 tháng 08 năm 2017 và thay đổi lần 09 ngày 20 tháng 08 năm 2025.

Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36 là đối tác chiến lược, là đơn vị duy nhất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa hợp tác với Công ty xi măng Nghi Sơn theo Biên bản ghi nhớ từ ngày 31/10/2017 đến nay, trong đó độc quyền sử dụng xi măng rời Nghi Sơn để sản xuất bê tông chất lượng cao Nghi Sơn 36.

Lĩnh vực hoạt động chính của công ty là Sản xuất bê tông thương phẩm và các sản phẩm từ bê tông, bên cạnh đó Công ty cũng đã tâm huyết nghiên cứu đầu tư trạm nghiền rửa cát nhân tạo phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2023/BXD. Ngoài ra còn tham gia các lĩnh vực hoạt động xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị, Kinh doan bất động sản, tư vấn, môi giới bất động sản.

Với sự lãnh đạo đúng đắn, tâm huyết của Ban giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty chúng tôi đã đạt được những thành tựu đáng kể trong những năm vừa qua: Cung cấp bê tông thương phẩm cho toàn bộ khu vực thành phố Thanh Hóa và các vùng lân cận (bán kính thường xuyên phục vụ khoảng 50km tính từ trung tâm Bưu Điện tỉnh Thanh Hóa đi phục vụ các khu vực Bỉm Sơn, Sầm Sơn, Tĩnh Gia, Nống Cống, Triệu Sơn, Như Thanh, Thiệu Hoá Thọ Xuân, Yên Định, …) với năng lực sản xuất 2 trạm 160 m3/giờ; hệ thống xe máy đầu tư đồng bộ đem đến sự hài lòng tốt nhất cho tất cả khách hàng, trong đó có nhiều dự án, trọng điểm trên địa bà tỉnh Thanh Hóa.

Mục tiêu hàng đầu của Công ty là phát triển bền vững và trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất bê tông và xây dựng công trình tại tỉnh Thanh Hóa.

Công ty chúng tôi rất hân hạnh được hợp tác với quý khách hàng.

Xin chân thành cám ơn sự theo dõi của quý khách hàng!

Trân trọng!

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

1- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36**

2- Địa chỉ: **Lô CN1.2 – KCN Vức – P. Đông Quang – Thanh Hóa.**

3- Điện thoại: **0913 83 85 89** - Email: **ns36concrete@gmail.com**

4- Đại diện: **Ông Phạm Văn Đường** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

5- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2802476069 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 01 tháng 08 năm 2017. Đăng ký thay đổi lần 9 ngày 20 tháng 08 năm 2025.

6- Tài khoản ngân hàng giao dịch: Số tài khoản 030025 83 85 89 tại Ngân hàng Sacombank – Chi Nhánh Thanh Hóa.



7- Các ngành nghề kinh doanh:

+ Hoàn thiện công trình xây dựng
+ Cho thuê xe có động cơ
+ Lắp đặt hệ thống điện
+ Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
+ Chi tiết: Kinh doanh bê tông thành phẩm và bê tông tươi

+ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
+ Phá dỡ
+ Chuẩn bị mặt bằng
+Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
+ Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
+ Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (ngành nghề chính)
+ Xây dựng nhà các loại
+ Xây dựng nhà không để ở
+ Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét
+ Xây dựng công trình đường sắt
+ Xây dựng công trình đường bộ
+ Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá
+ Xây dựng công trình công ích khác
+ Xây dựng công trình điện
+ Xây dựng công trình cấp, thoát nước
+ Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.
+ Xây dựng công trình thủy
+ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
+ Xây dựng công trình khai khoáng
+ Xây dựng công trình chế biến, chế tạo
+ Bán buôn kim loại và quặng kim loại
+ Kho bãi và lưu trữ hàng hóa
+ Bốc xếp hàng hóa
+ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuốc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH THANH HÓA
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 2802476069

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 08 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 20 tháng 08 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô CN1.2 Khu Công nghiệp Vức, Phường Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Điện thoại: *0913838589* Số Fax:

Thư điện tử: *betongnghison36@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 700.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: PHẠM VĂN ĐƯỜNG Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *01/08/1981* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *026081009726*

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Phố Tân Lương, Phường Đông Tiến, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH THANH HÓA
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đỗ Thị Hương

Scanned with CamScanner

BIÊN BẢN GHI NHỚ/覚書

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2024/ *2024 年 6 月 14 日、ハノイ*

Giữa/ *甲*: **CÔNG TY XI MĂNG NGHI SƠN/ギソンセメント社**

Địa chỉ/ *住所*: Thanh Hoa 省 Nghi Son 町 Hai Thuong 坊

Và/ *乙*: **NHÀ MÁY SẢN XUẤT BÊ TÔNG CHẤT LƯỢNG CAO NGHI SƠN 36/NGHI SON 36 CONCRETE 社**

Địa chỉ/ *住所*: Thanh Hoa 省 Dong Son 郡 Dong Quang 社 Vuc 工業団地 1.2 番地

Hai bên tiếp tục hợp tác với nội dung như sau/
両社は下記の通り合意する

♥ Công ty xi măng Nghi Sơn tiếp tục hợp tác độc quyền với Công ty cổ phần Nghi Sơn 36 *(sau 7 năm, tính từ năm 2017 đến nay)* về việc phát triển thương hiệu **"bê tông chất lượng cao Nghi Sơn 36"** trên địa bàn toàn tỉnh Thanh Hoá. Công ty xi măng Nghi Sơn sẽ tiếp tục duy trì các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật từ các chuyên gia người Nhật Bản trong việc kiểm soát chất lượng bê tông thương phẩm cung cấp cho khách hàng trong thời gian 5 năm tính từ ngày 01/01/2024.

Nghi Son Cement Corporation has continued to cooperate exclusively with Nghi Son 36 Joint Stock Company (after 7 years from 2017) on developing product the brand "Nghi Son 36 high quality concrete" in Thanh Hoa province. Nghi Son Cement Corporation will continue to provide technical supports from Japanese experts for the quality control of ready-mixed concrete that Nghi Son 36 Joint Stock Company supplies to customers for 5 years from January 1, 2024.

ギソンセメントコーポレーションは，タインホア省におけるブランド製品「ギソン 36 高品質コンクリート」の開発に関し，ギソン 36 株式会社との独占的な協力を継続してきました（2017 年から 7 年間）。
ギソンセメントコーポレーションは，2024 年 1 月 1 日から 5 年間，ギソン 36 が顧客に供給する生コンクリートの品質管理について、日本人専門家による技術サポートを引き続き提供します。

♥ **Nhà máy sản xuất bê tông chất lượng cao Nghi Sơn 36** tiếp tục cam kết chỉ sử dụng duy nhất sản phẩm xi măng của công ty xi măng Nghi Sơn và các loại vật liệu tiêu chuẩn khác được sử lý bằng bằng *hệ thống dây chuyền công nghệ sàng, rửa cốt liệu hiện đại.* **Nhà máy sản xuất bê tông chất lượng cao Nghi Sơn 36** sẽ tiếp tục sản xuất bê tông trộn sẵn chất lượng cao với tính năng vượt trội về cường độ nén, cường độ uốn, khả năng chống thấm và bền sun phát so với bê tông thông thường bằng cách sử dụng các vật liệu ưu việt nêu trên và thiết kế cấp phối độc quyền.

Nghi Son 36 Joint Stock Company continues to commit to using solely cement products from Nghi Son Cement Corporation and other standard materials processed with washing and screening system for aggregates.
Nghi Son 36 Joint Stock Company's batching plant continues to produce high quality ready-mixed concrete with outstanding performance in compressive strength, flexural strength, permeability, and sulfate resistance compared to normal concrete by using the above-mentioned superior materials and exclusive mix design.

ギソン 36 株式会社は，ギソンセメントコーポレーションのセメント製品，および骨材用洗浄・選別システムで処理されたその他の標準材料のみを使用することを引き続き表明します。
ギソン 36 株式会社のバッチャープラントでは，上述の優れた材料と独自の配合設計を用いることで，通常のコンクリートと比較して圧縮強度，曲げ強度，透水性ならびに耐硫酸塩性において，卓越した性能を有する高品質生コンクリートを引き続き生産します。

♥ **Bê tông chất lượng cao Nghi Sơn 36** tiếp tục nâng cao chất lượng và dịch vụ trong sản xuất và cung cấp bê tông với việc tích hợp 2 dây chuyền sản xuất hiện đại với số lượng lớn các xe trộn, xe bơm bê tông cùng đội ngũ kỹ sư vận hành lành nghề, tâm huyết.
Công ty CP Nghi Sơn 36 sẽ tiếp tục phục vụ quý khách hàng 24/24h (hotline 0913 83 85 89) với mức giá hợp lý nhất với slogan **"Hạnh phúc khi được phục vụ"**.

Nghi Son 36 Joint Stock Company continues to improve quality and service in concrete production and supply with the integration of two modern production lines with a large number of pump trucks, truck mixers and skillful operation engineers.
Nghi Son 36 Joint Stock Company will continue to serve our customers 24/24h (hotline 0913 83 85 89) at the most reasonable price with the slogan "Be happy when serving".

ギソン 36 株式会社は、アジテータ車、ポンプ車を備えた 2 つの最新生産ラインと熟練操作エンジニアの融合により、コンクリートの生産と供給における品質とサービスの向上を続けています。
ギソン 36 株式会社は、「奉仕で幸せを」というスローガンのもと、最も適正な価格で、月 24 日間 24 時間の顧客サービスを引き続き提供します（直通電話 0913 83 85 89）。

♥ Các bên tiếp tục phối hợp để đem lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng đã tin tưởng, lựa chọn sản phẩm xi măng Nghi Sơn và bê tông chất lượng cao Nghi Sơn 36.

Both Parties continue to coordinate to bring the best experience to customers who have trusted, selected Nghi Son cement and Nghi Son 36 high quality concrete.

両社はお客様へ最高のサービスを提供するにあたり、継続して協議し協力していくものとする。

(Sau thời gian trên, hai bên tiếp tục đánh giá và hợp tác cho các giai đoạn tiếp theo. Biên bản ghi nhớ bằng tiếng Việt và tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức, tiếng Nhật chỉ để tham khảo)

(After the above period, both parties will evaluate and cooperate for following time. The memorandum is made in Vietnamese and English as official languages, Japanese translation is just for reference)

(当契約期間終了後、両社は当合意内容を再評価、次の段階へ向けて協力するものとする)

CÔNG TY XI MĂNG NGHI SƠN NGHI SON CEMENT CORPORATION ギソンセメント社	CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36 NGHI SON 36 JOINT STOCK COMPANY NGHI SON 36 CONCRETE 社
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH TAKUMI MAGARA	GIÁM ĐỐC Đào Trọng Thưởng

SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số:HAN-00065001

(Ban hành kèm theo Quyết định số:332/QĐ-SXD ngày 22/6/2022 của Sở Xây dựng Hà Nội)

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: **2802476069**

Đăng ký lần đầu: **01/08/2017** Nơi cấp: **Sở kế hoạch & đầu tư tỉnh Thanh Hóa**

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông (Bà): **Phạm Văn Đường** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ trụ sở chính: **Lô CN1.2 Khu Công nghiệp Vức, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam**

Số điện thoại: **0913838589** Số fax:

Email: **betongnghison36@gmail.com** Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

- Lĩnh vực hoạt động: (Lĩnh vực/Loại công trình/Hạng)

Thi công XD/NN & PTNT (Thủy lợi)/Hạng III
Thi công XD/Nhà công nghiệp/Hạng III
Thi công XD/Hạ tầng kỹ thuật/Hạng III
Thi công XD/Dân dụng/Hạng III
Thi công XD/Giao thông (Cầu, đường bộ)/Hạng III
Giám sát XD/Giao thông (Cầu, đường bộ)/Hạng III

Có giá trị đến ngày: 22/6/2032

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2022
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Hoàng Cao Thắng



ISSQ

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HT 2285-22

CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36

Lô CN1.2 Khu Công nghiệp Vức, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

đã được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 9001:2015

Hệ thống Quản lý Chất lượng

cho lĩnh vực:

Sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm chất lượng cao

Giấy chứng nhận này có giá trị từ:
15 / 6 / 2022 đến 14 / 6 / 2025

HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN
CHỦ TỊCH

GS. TS. Nguyễn Hồng Sơn

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Ngô Tất Thắng

ISSQ ISO 9001:2015

TCVN QCVN ASTM JIS IEC ISO

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: Số 52/46, đường Liên Mạc, P. Liên Mạc, Q. Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024 2266 1111/ 0981851111; Website: issq.org.vn; Email: tcvn@issq.org.vn

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 12786/QĐ-ISSQ	*Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Giấy chứng nhận phù hợp Tiêu chuẩn

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Chứng nhận số A-1100 ngày 25/4/2013 (Đăng ký lần thứ sáu, ngày 25/5/2020) của Bộ Khoa học và Công nghệ về Chứng nhận đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ cho Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng;

Căn cứ Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chứng nhận số: 1026/TĐC-HCHQ ngày 25/4/2022 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về đăng ký hoạt động Chứng nhận của Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực Chứng nhận Hệ thống quản lý và chứng nhận sản phẩm, hàng hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Chứng nhận Hợp chuẩn - Hợp quy,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận phù hợp Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số HT 2285-22 cho Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36 trong lĩnh vực: Sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm chất lượng cao, địa chỉ: Lô CN1.2 Khu Công nghiệp Vức, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam.

Điều 2. Giấy chứng nhận này có hiệu lực trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 15/6/2022 đến ngày 14/6/2025. Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36 được phép sử dụng Dấu Chứng nhận do Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng cấp.

Điều 3. Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36 có trách nhiệm duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và thực hiện nghĩa vụ giám sát định kỳ theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 1;
- Lưu: TTCN.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

HỘI CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM ★ LIÊN HIỆP
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Ngô Tất Thắng

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36
Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1278/ISSQ - TTCN	*Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2022*
V/v sử dụng dấu chứng nhận	

Kính gửi: **Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36**

Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36 đã được Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng (Viện Chất lượng ISSQ) đánh giá và cấp Giấy chứng nhận phù hợp Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số HT 2285-22. Quý Công ty được phép sử dụng Dấu chứng nhận và logo của Viện để tuyên truyền, quảng bá và khẳng định chất lượng sản phẩm của mình theo mẫu và quy định dưới đây:

DẤU CHỨNG NHẬN

ISSQ ISQ ISO 9001:2015

1. **Dấu chứng nhận được phép sử dụng trong các trường hợp sau:**
   a) Trong các tiếp đầu thư, công văn giao dịch, tài liệu kỹ thuật, tài liệu đào tạo, tài liệu quảng cáo, name-card, các chứng từ và các tài liệu tiếp thị;
   b) Trong các chương trình quảng cáo, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh, truyền hình, báo chí...;
   c) Trên các phương tiện giao thông, vận tải, các bảng quảng cáo công cộng...
2. **Dấu chứng nhận không được phép sử dụng trong các trường hợp sau:**
   a) Gây hiểu nhầm là Viện chất lượng ISSQ đã chứng nhận hay công nhận tính pháp lý cho sản phẩm của Tổ chức hay bất cứ một cách hiểu nhầm nào khác;
   b) Gây hiểu nhầm rằng Viện chất lượng ISSQ đã chứng nhận chất lượng cho sản phẩm cụ thể;
   c) Hết hiệu lực chứng nhận hoặc không tuân thủ các yêu cầu về chứng nhận.
3. **Chú ý khi sử dụng:**
   a) Dấu chứng nhận có thể được in đúng theo màu như miêu tả cụ thể, hay có thể dùng một màu để phù hợp với những giấy tờ, tài liệu, báo, tạp chí đã in sẵn;
   b) Dấu chứng nhận có thể phóng to hoặc thu nhỏ một cách đồng nhất, tuy nhiên phải đủ lớn để phần chữ có thể đọc được rõ ràng;
   c) Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận không được phép chuyển nhượng.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: TTCN.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Ngô Tất Thắng

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận sản phẩm:

Cát nghiền dùng cho bê tông và vữa

(Kiểu loại: Cát mịn; Cát dùng cho: Bê tông dùng trong các kết cấu bê tông, bê tông cốt thép và vữa thông thường)

Được sản xuất bởi:

CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36

Địa chỉ:

Lô CN1.2 Khu công nghiệp Vức, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

QCVN 16:2023/BXD

và được phép sử dụng Dấu hợp quy ISSQ QC 6924 QCVN 16:2023/BXD

Phương thức chứng nhận: **Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT - BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT - BKHCN ngày 31/3/2017)**

Số giấy chứng nhận: **QC 6924;** Mã số: **6924-24-01/00**

Ngày chứng nhận lần đầu: **13 / 6 / 2024**

Hiệu lực Giấy chứng nhận: **Từ ngày 13 / 6 / 2024 đến ngày 12 / 6 / 2027**

HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN
CHỦ TỊCH

GS. TS. Nguyễn Hồng Sơn

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Ngô Tất Thắng

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: Số 52/46, đường Liên Mạc, P. Liên Mạc, Q. Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024 2266 1111/ 0981851111; Website: issq.org.vn; Email: tcvn@issq.org.vn

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KH&KT VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN
TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Số: 1556Q/QĐ-ISSQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Chứng nhận số A-1100 ngày 25/4/2013 (Đăng ký lần thứ sáu, ngày 25/5/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về Chứng nhận đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ cho Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng;

Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chứng nhận số: 15/CNĐKCN-BXD ngày 12/01/2024 của Bộ Xây dựng về đăng ký hoạt động chứng nhận của Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng đối với ngành xây dựng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia, số đăng ký 37/CN/BXD;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Chứng nhận Hợp chuẩn - Hợp quy,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2023/BXD số QC 6924, mã số: 6924-24-01/00 cho sản phẩm: Cát nghiền dùng cho bê tông và vữa (Kiểu loại: Cát mịn; Cát dùng cho: Bê tông dùng trong các kết cấu bê tông, bê tông cốt thép và vữa thông thường); được sản xuất bởi: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36; địa chỉ: Lô CN1.2 Khu công nghiệp Vức, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam.

Điều 2. Giấy chứng nhận này có hiệu lực trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 13/6/2024 đến ngày 12/6/2027. Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36 được phép sử dụng Dấu chứng nhận số QC 6924.

Điều 3. Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36 có trách nhiệm duy trì, cải tiến Hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp với yêu cầu Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2023/BXD và thực hiện nghĩa vụ giám sát định kỳ theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 1;
- Lưu: TTCN.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Ngô Tất Thắng

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36
Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KH&KT VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Số: 1556 /ISSQ – TTCN
V/v: Sử dụng dấu chứng nhận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2024

Kính gửi: **Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36**

Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36 đã được Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng đánh giá và cấp giấy chứng nhận sản phẩm: Cát nghiền dùng cho bê tông và vữa phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2023/BXD số QC 6924. Quý Công ty được phép sử dụng dấu chứng nhận và logo của Viện để tuyên truyền, quảng bá và khẳng định chất lượng sản phẩm của mình theo mẫu và quy định dưới đây:

DẤU CHỨNG NHẬN

ISSQ
QC 6924
QCVN 16:2023/BXD

1. **Dấu chứng nhận có thể được sử dụng trong các trường hợp sau:**
   a) Trong bao bì sản phẩm, các tiếp đầu thư, công văn giao dịch, tài liệu kỹ thuật, tài liệu đào tạo, tài liệu quảng cáo, name-card, các chứng từ và các tài liệu tiếp thị;
   b) Trong các chương trình quảng cáo, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh, truyền hình, báo chí...;
   c) Trên các phương tiện giao thông, vận tải, các bảng quảng cáo công cộng,...
2. **Dấu chứng nhận không được sử dụng trong các trường hợp sau:**
   a) Sản phẩm không thuộc danh mục do Viện ISSQ chứng nhận;
   b) Giấy chứng nhận trong thời gian bị đình chỉ hoặc khi có Quyết định hủy bỏ chứng nhận của Viện ISSQ.
3. **Chú ý khi sử dụng:**
   a) Dấu chứng nhận được in đúng theo màu như miêu tả, hay có thể dùng một màu để phù hợp với những giấy tờ, tài liệu, báo, tạp chí đã in sẵn;
   b) Dấu chứng nhận có thể phóng to hoặc thu nhỏ một cách đồng nhất, tuy nhiên phải đủ lớn để phần chữ có thể đọc được rõ ràng;
   c) Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận không được chuyển nhượng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: TTCN.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Ngô Tất Thắng

Ngày ban hành: 03/5/2023. *BM.VCL.08.24a*

UBND TỈNH THANH HÓA **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4331/SXD-VLXD V/v tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.	*Thanh Hóa, ngày 16 tháng 6 năm 2024*

Kính gửi: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36.

Sở Xây dựng Thanh Hóa xác nhận đã tiếp nhận Hồ sơ Công bố hợp quy số: 05/2024/CBHQ-NS36 ngày 13/6/2024, của:

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36;

Địa chỉ: Lô CN 1.2 Khu công nghiệp Vức, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Điện thoại: 0913838589;

Công bố sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng: Cát nghiền cho bê tông và vữa, phù hợp với quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2023/BXD về Vật liệu xây dựng, được Viện nghiên cứu phát triển tiêu chuẩn chất lượng cấp Giấy chứng nhận số QC 6924 (mã số 6924-24-01/00) ngày 13/6/2024, có giá trị đến ngày 12/6/2027.

Đề nghị Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36 sản xuất cát nghiền cho bê tông và vữa bảo chất lượng như đã công bố./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT,VLXD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Bá Hải

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THANH HÓA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

SỐ (N°): **1a - 118/2025**

Tên đối tượng: **Cân bàn (Cân cốt liệu Hệ định lượng trạm trộn bê tông)**
Object

Kiểu: **VIETBACH - PT650D**
Type

Số: **61811106; 065; 100; 068**
Serial N°:

Sản xuất tại: **TAP - Việt Nam**
Manufacturer:

Năm: **2019**
Year

Đặc trưng đo lường:
Specifications:

Mức cân lớn nhất *(Max capacity)*: **Max = 2 000 kg**

Giá trị độ chia nhỏ nhất *(Value division)*: **d = 1 kg**

Cấp chính xác *(Class)*: **III**

Nơi sử dụng: **Lô CN 1.2-KCN Vức, xã Đông Quang, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa**
Plac

Người/Đơn vị sử dụng: **Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36**
User:

Phương pháp thực hiện: kiểm định chế độ tĩnh theo **ĐLVN 14 : 2009**
Method of verification:

Kết luận: **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**
Conclusion: ***(satisfactory technical measurement)***

Số tem kiểm định: **25A.04901; 04902; 04903; 04904**
Verification stamp N°:

Thời hạn đến (*): **31 - 3 - 2026**
Valid until:

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 3 năm 2025
Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN
Verified by

Trịnh Thị Hiền

GIÁM ĐỐC
Director

ThS. Lê Hùng Nam

(*) Với điều kiện tôn trọng nguyên tắc sử dụng và bảo quản
(With respectfulness of conditions of use and maintenance)

BM 14.03
Ngày ban hành 01/12/2023

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THANH HÓA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

SỐ (N°): **1a - 120/2025**

Tên đối tượng: **Cân bàn (Cân nước - Hệ định lượng trạm trộn bê tông)**
Object

Kiểu: **VIETBACH - PT650D**
Type

Số: **61811107**
Serial N°:

Sản xuất tại: **TAP - Việt Nam**
Manufacturer:

Năm: **2019**
Year

Đặc trưng đo lường:
Specifications:

Mức cân lớn nhất *(Max capacity)*: **Max = 500 kg**

Giá trị độ chia nhỏ nhất *(Value division)*: **d = 1 kg**

Cấp chính xác *(Class)*: **III**

Nơi sử dụng: **Lô CN 1.2-KCN Vức, xã Đông Quang, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa**
Plac

Người/Đơn vị sử dụng: **Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36**
User:

Phương pháp thực hiện: kiểm định chế độ tĩnh theo **ĐLVN 14 : 2009**
Method of verification:

Kết luận: **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**
Conclusion: ***(satisfactory technical measurement)***

Số tem kiểm định: **25A.04906**
Verification stamp N°:

Thời hạn đến (*): **31 - 3 - 2026**
Valid until:

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 3 năm 2025
Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN
Verified by

VN N2

Trịnh Thị Hiền

GIÁM ĐỐC
Director

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THANH HÓA

ThS. Lê Hùng Nam

(*) Với điều kiện tôn trọng nguyên tắc sử dụng và bảo quản
(With respectfulness of conditions of use and maintenance)

BM 14.03
Ngày ban hành 01/12/2023

CEST AMEQ

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THANH HÓA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
CERTIFICATE OF VERIFICATION
SỐ (N°): **1a - 119/2025**

Tên đối tượng: **Cân bàn (Cân xi măng - Hệ định lượng trạm trộn bê tông)**
Object

Kiểu: **VIETBACH - PT650D**
Type

Số: **61811087**
Serial N°:

Sản xuất tại: **TAP - Việt Nam**
Manufacturer:

Năm: **2019**
Year

Đặc trưng đo lường: Mức cân lớn nhất *(Max capacity):* **Max = 1 000 kg**
Specifications:
Giá trị độ chia nhỏ nhất *(Value division):* **d = 1 kg**
Cấp chính xác *(Class):* **III**

Nơi sử dụng: **Lô CN 1.2-KCN Vức, xã Đông Quang, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa**
Plac

Người/Đơn vị sử dụng: **Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36**
User:

Phương pháp thực hiện: kiểm định chế độ tĩnh theo **ĐLVN 14 : 2009**
Method of verification:

Kết luận: **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**
Conclusion: ***(satisfactory technical measurement)***

Số tem kiểm định: **25A.04905**
Verification stamp N°:

Thời hạn đến (*): **31 - 3 - 2026**
Valid until:

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 3 năm 2025
Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN
Verified by

Trịnh Thị Hiền

GIÁM ĐỐC
Director

ThS. Lê Hùng Nam

(*) Với điều kiện tôn trọng nguyên tắc sử dụng và bảo quản
(With respectfulness of conditions of use and maintenance)

BM 14.03
Ngày ban hành 01/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP CIE 1
CONSTRUCTION AND INDUSTRY EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY - CIE 1
DOANH NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THEO CHỨNG NHẬN SỐ: 09/DNKHCN
DO SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HÀ NỘI CẤP NGÀY 28 THÁNG 08 NĂM 2012
CIE1., JSC
Địa chỉ: Lô 22+23, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Tp Hà Nội Website: http://cie1.com.vn
Tel: (84-4) 3818 2859 * Fax: (84-4) 3818 2977 Email: contacts@cie1.com.vn
ISO 9001 Registered Quality Management
UKAS MANAGEMENT SYSTEMS 015

Số: 39/2017/BM160/CIE1 *Ngày 04 tháng 10 năm 2017*

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

NHÀ SẢN XUẤT: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP CIE1
THIẾT BỊ/ SẢN PHẨM: TRẠM TRỘN BÊ TÔNG TỰ ĐỘNG 160M³/H
MÃ HIỆU/ SỐ HIỆU: BM160.TMB
ĐƠN VỊ SỬ DỤNG: CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH THANH JMC
HỢP ĐỒNG/ ĐỀ TÀI SỐ: B56/2017/HĐKT
QUY CÁCH (THIẾT BỊ/ SẢN PHẨM) THEO TIÊU CHUẨN CỦA NHÀ SẢN XUẤT:

CONSTRUCTION & INDUSTRY EQUIPMENT JSC. CIE1 — QC VISA — QUALITY CONTROL DEPARTMENT

HẠNG MỤC THUỘC SẢN PHẨM	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
HỆ THỐNG CHỨA LIỆU:			
▪ SI LÔ CHỨA XI MĂNG :	D3056-120 Tấn/Si lô	Bộ	03
▪ PHỄU CHỨA CỐT LIỆU:	04 THÀNH PHẦN, V= 70M3	Bộ	01
HỆ THỐNG KHUNG TRẠM:			
▪ CABIN ĐIỀU KHIỂN :	RxDxC: 3050X6900x2800 mm	Bộ	01
▪ CHÂN ĐỠ :	RxC: 2900x4900 mm	Bộ	02
HỆ THỐNG VẬN CHUYỂN:			
▪ HỆ VÍT TẢI:	D273 mm, L=8570mm, Đ/Cơ P=15 kW	Bộ	03
▪ BĂNG TẢI XIÊN CHUYỂN CỐT LIỆU	B1000 mm, L=28500mm, Đ/Cơ P=37 kW	Bộ	01
▪ BĂNG TẢI RÚT CỐT LIỆU	B1000 mm, L=15000mm, Đ/Cơ P=15 kW	Bộ	01
HỆ THỐNG CỐI TRỘN:	CỐI TRỘN 02 TRỤC NGANG MB5000/3500L HGT - Transkyco, Đ/Cơ P=2x75 kW	Bộ	01
HỆ THỐNG ĐỊNH LƯỢNG:			
▪ CÂN NƯỚC:	TRỌNG LƯỢNG CÂN Pmax = 800 Kg	Bộ	01
▪ CÂN XI MĂNG:	TRỌNG LƯỢNG CÂN Pmax = 2000 Kg	Bộ	01
▪ CÂN CỐT LIỆU:	TRỌNG LƯỢNG CÂN Pmax = 3000 Kg	Bộ	04
HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN:	PLC SIEMENS S7-1200	Bộ	01

✓ SẢN PHẨM ĐẠT CHẤT LƯỢNG ĐƯỢC DÁN TEM VÀ MÃ HIỆU ĐƯỢC IN ĐÁNH SỐ TRÊN THIẾT BỊ SẢN PHẨM.
✓ GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA ĐƯỢC ĐẢM BẢO ĐÚNG TIÊU CHUẨN CỦA NHÀ SẢN XUẤT THEO TIÊU CHUẨN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG **ISO 9001**

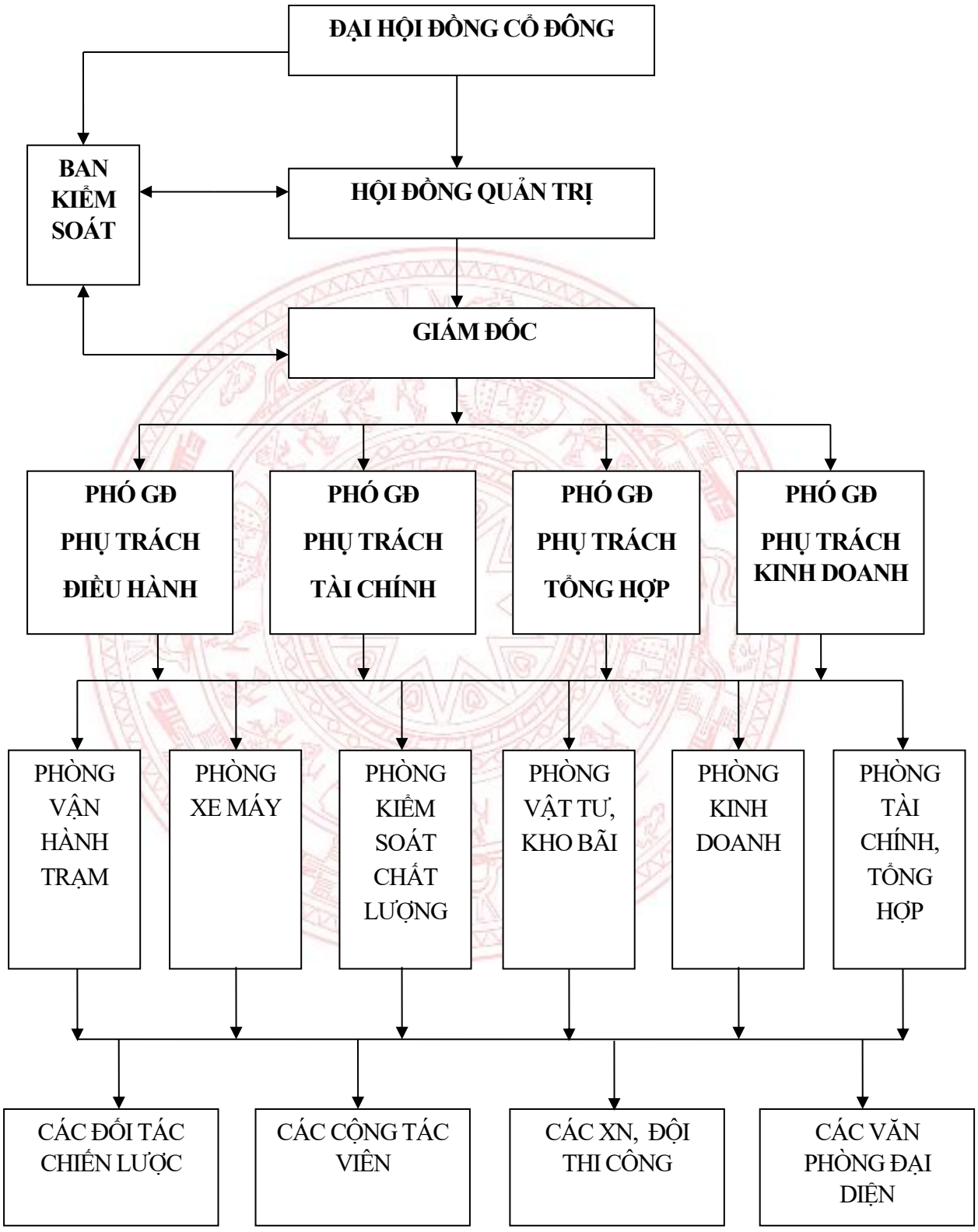
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP CIE1

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Trọng Phượng

PHÒNG KS CHẤT LƯỢNG

Nguyễn Văn Hùng

BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG CÔNG TY



Mô hình trên đây tận dụng được tối đa nguồn nhân lực, giúp giảm nhẹ bộ máy điều hành tại các đơn vị cơ sở. Đồng thời, mô hình này cũng giúp cho giám đốc có một cái nhìn tổng thể trong suốt quá trình thực hiện dự án và luôn luôn bám sát được tình hình tại công trường, đưa ra quyết định, kế hoạch đúng thời điểm nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công và đảm bảo chất lượng công trình.

Các phòng nghiệp vụ của Công ty dưới sự điều hành trực tiếp của Giám đốc Công ty.

Luôn chỉ đạo chặt chẽ, kiểm soát kịp thời về tiến độ, chất lượng, sản lượng của các dự án đang thi công.

Phối hợp với BCH công trình chỉ đạo sâu sát đảm bảo chất lượng công trình, đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo chất lượng, tiến độ, kỹ mỹ thuật đúng đồ án thiết kế và yêu cầu của Chủ đầu tư đề ra.

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Với những thành quả đã đạt được trong thời gian vừa qua, **Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36** hiện nay đã có một nguồn lực tài chính mạnh, đảm bảo hoàn thành tốt các dự án xây lắp cũng như các dự án đầu tư theo chiến lược của công ty. Bên cạnh nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty cũng đã có các mối quan hệ chặt chẽ và là đối tác thân thiết của nhiều Ngân hàng như: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín; Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam … và nhiều tổ chức tài chính, tín dụng khác để sẵn sàng ủng hộ nguồn tín dụng cho Công ty trong quá trình triển khai các dự án và phục vụ công tác hoạt động kinh doanh của công ty.

SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỪ NĂM 2020 ĐẾN NĂM 2023

SỐ LIỆU TÀI CHÍNH CHO 4 NĂM GẦN NHẤT (VNĐ)

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng tài sản	160.456.212.836	161.711.026.369	171.879.768.341	163.016.857.093
Tổng nợ	7.990.920.665	57.311.828.799	65.119.006.167	84.351.169.089
Giá trị tài sản ròng	152.465.292.171	104.399.197.570	106.760.762.174	78.665.688.004
Tài sản ngắn hạn	107.568.602.221	94.511.935.490	98.123.961.017	80.090.631.855
Nợ ngắn hạn	7.990.920.665	30.216.530.313	41.705.077.568	65.592.544.190
Vốn lưu động	99.577.681.556	64.295.405.177	56.418.883.449	14.498.087.665

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng tài sản	160.456.212.836	161.711.026.369	171.879.768.341	163.016.857.093
Tổng nợ	7.990.920.665	57.311.828.799	65.119.006.167	84.351.169.089
Giá trị tài sản ròng	152.465.292.171	104.399.197.570	106.760.762.174	78.665.688.004

DOANH THU BÌNH QUÂN HÀNG NĂM TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Số liệu doanh thu hàng năm	
Năm	**Số tiền (VNĐ)**
2020	186.486.560.046
2021	219.380.572.021
2022	273.750.977.791
2023	262.673.254.329
Doanh thu bình quân hàng năm	**235.572.841.047**

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Mẫu số: **B02 - DNN**
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36
[03] Mã số thuế: 2802476069

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**186.486.560.046**	**145.371.819.046**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**0**	**0**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**		**186.486.560.046**	**145.371.819.046**
4. Giá vốn hàng bán	**11**		**135.254.125.584**	**105.451.254.254**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**51.232.434.462**	**39.920.564.792**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**		**1.253.648**	**1.458.624**
7. Chi phí tài chính	**22**		**1.458.456.285**	**1.254.632.584**
- *Trong đó:* Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	**24**		**25.100.893.721**	**15.022.820.839**
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	**30**		**24.674.338.104**	**23.644.569.993**
10. Thu nhập khác	**31**		**0**	**0**
11. Chi phí khác	**32**		**0**	**0**
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**0**	**0**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**24.674.338.104**	**23.644.569.993**
14. Chi phí thuế TNDN	**51**		**4.934.867.621**	**4.728.913.999**
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	**60**		**19.739.470.483**	**18.915.655.994**

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*
		Phạm Văn Đường

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36.*

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mẫu số: **B02 - DNN**
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36
[03] Mã số thuế: 2802476069

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**219.380.572.021**	**186.486.560.046**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**0**	**0**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**		**219.380.572.021**	**186.486.560.046**
4. Giá vốn hàng bán	**11**		**198.631.126.518**	**169.874.825.854**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**20.749.445.503**	**16.611.734.192**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**		**156.520**	**244.035**
7. Chi phí tài chính	**22**		**4.760.629.922**	**2.754.456.275**
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.760.629.922	2.754.456.275
8. Chi phí quản lý kinh doanh	**24**		**14.445.067.991**	**11.151.607.568**
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	**30**		**1.543.904.110**	**2.705.914.384**
10. Thu nhập khác	**31**		**8.023.941**	**0**
11. Chi phí khác	**32**		**24.871.597**	**44.300.347**
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(16.847.656)**	**(44.300.347)**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**1.527.056.454**	**2.661.614.037**
14. Chi phí thuế TNDN	**51**		**305.411.291**	**532.322.807**
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	**60**		**1.221.645.163**	**2.129.291.230**

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*
		Phạm Văn Đường

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mẫu số: **B02 - DNN**
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36
[03] Mã số thuế: 2802476069

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**273.750.977.791**	**219.380.572.021**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**0**	**0**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**		**273.750.977.791**	**219.380.572.021**
4. Giá vốn hàng bán	**11**		**240.236.048.084**	**198.631.126.518**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**33.514.929.707**	**20.749.445.503**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**		**579.257**	**156.520**
7. Chi phí tài chính	**22**		**4.388.235.825**	**4.760.629.922**
- *Trong đó:* Chi phí lãi vay	23		4.388.235.825	4.760.629.922
8. Chi phí quản lý kinh doanh	**24**		**26.768.417.268**	**14.445.067.991**
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	**30**		**2.358.855.871**	**1.543.904.110**
10. Thu nhập khác	**31**		**70.336.675**	**8.023.941**
11. Chi phí khác	**32**		**2.271.132**	**24.871.597**
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**68.065.543**	**(16.847.656)**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**2.426.921.414**	**1.527.056.454**
14. Chi phí thuế TNDN	**51**		**485.384.283**	**305.411.291**
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	**60**		**1.941.537.131**	**1.221.645.163**

Lập ngày 12 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*
		Phạm Văn Đường

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mẫu số: **B02 - DNN**
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36
[03] Mã số thuế: 2802476069

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**262.673.254.329**	**273.750.977.791**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**0**	**0**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**		**262.673.254.329**	**273.750.977.791**
4. Giá vốn hàng bán	**11**		**222.466.724.181**	**240.236.048.084**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**40.206.530.148**	**33.514.929.707**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**		**968.531**	**579.257**
7. Chi phí tài chính	**22**		**10.046.312.958**	**0**
- *Trong đó:* Chi phí lãi vay	23		10.046.312.958	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	**24**		**27.031.990.951**	**26.768.417.268**
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	**30**		**3.129.194.770**	**6.747.091.696**
10. Thu nhập khác	**31**		**1.413.636.365**	**70.336.675**
11. Chi phí khác	**32**		**1.799.376.872**	**70.336.675**
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(385.740.507)**	**0**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**2.743.454.263**	**6.747.091.696**
14. Chi phí thuế TNDN	**51**		**548.690.852**	**590.958.934**
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	**60**		**2.194.763.411**	**6.156.132.762**

Lập ngày 14 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*
		Đào Trọng Thường

HỒ SƠ KINH NGHIỆM

MỘT SỐ DỰ ÁN ĐÃ VÀ ĐANG THI CÔNG

(Một số công trình chủ yếu)

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

Tên dự án	Giá trị hợp đồng	Thời hạn hợp đồng		Đơn vị thi công
		Ngày khởi công	Ngày dự kiến hoàn thành	
Cung cấp bê tông dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Mai Sơn – Quốc lộ 45 thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 gói thầu số 14-XL thi công đoạn Km318+000 đến km337+478.11	10 tỷ	2021	2023	Công ty CP đầu tư và XD Duy Hải
Cung cấp bê tông cho dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh Hạ Tầng khu biệt thự Hùng Sơn; TP Sầm Sơn thuộc thầu HS.06 – Cung cấp vật tư và thi công tuyến kè biển.	05 tỷ	2021	2023	Công ty TNHH Giang Long
Cung cấp bê tông cho dự án ACM – Thanh Hóa,	15 tỷ	2021	2023	Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng DELTA
Dự án cung cấp bê tông thương phẩm cho công trình Trung tâm dịch vụ thương mại văn hóa	07 tỷ	2020	2022	Công ty Cổ phần xây dựng

Dự án Cung cấp bê tông thương phẩm cho Công trình Nhà ở xã hội tại phố Bào Ngoại, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa.	08 tỷ	2020	2022	công trình Việt Nam
Cung cấp bê tông thương thẩm cho công trình Cầu Lạch Trường thuộc gói 06 – Thi công XD công trình đoạn Km 7+645 đến Km 23+723 thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn – Hoằng Hóa.	30 tỷ	2022	2025	1 - Cty CP thương mại và xây lắp Hợp Thành 2- Cty CP xây dựng Trung Nam E&C
Cung cấp bê tông thương thẩm cho dự án khu đô thị nghỉ dưỡng công viên khu vui chơi giải trí Nam Sông Mã – P.Quảng Tiến – TP.Sầm Sơn	25 tỷ	2022	2024	Công ty CP Xây Dựng COTECCONS
Cung cấp bê tông thương thẩm cho dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu biệt thự Hùng Sơn, TP.Sầm Sơn; thuộc gói thầu xây thô và hoàn thiện mặt ngoài nhà biệt thự; nhà vườn, nhà liền kề, - Phạm vi Zone A1.	30 tỷ	2022	2025	Công ty cổ phần xây dựng CDC
Cung cấp bê tông thương thẩm thi công dự án Flamingo Hải Tiến – Thôn Giang Sơn, xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	20 tỷ	2022	2023	Công ty cổ phần xây dựng Lâm Hoàng Anh
Dự án xây dựng trạm trộn bê tông thương phẩm tại Thanh Hóa	39 tỷ	10/2019	12/2020	Cty CP BĐS 36

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu du lịch sinh thái Quảng Cư, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá hạng mục: Đường Thanh Niên Cải Dịch đoạn từ đường Bùi Thị Xuân đến Trần Nhân Tông.	28 tỷ	01/2018	12/2020	Cty CP Vĩnh Thanh JMC
Xây dựng trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường số 1 và số 16 thuộc Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa.	15 tỷ	01/2019	12/2019	Công ty CP đầu tư và XD Thương mại Minh Hương
Thi công gói thầu: B.2.4 – KN – 09 – SMC: Thi công kênh và công trình trên kênh nhánh thuộc kênh chính Nam đoạn từ K0+812-:- K7+722 và kênh N17 tại K13+657. Thuộc dự án phát triển hệ thống tưới Bắc Sông Chu, Nam Sông Mã.	13 tỷ	05/2019	12/2019	Công ty CP đầu tư và XD Thương mại Minh Hương
Cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Xuân Mai: Thi công tòa nhà chung cư Xuân Mai Towr tại Thanh Hóa	60 tỷ	07/2018	12/2020	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Xuân Mai
Cung cấp bê tông thương phẩm cho công trình: Nhà máy giết mổ - Chế biến gia cầm Viet – Avis tại Hoàng Quỳ - Hoàng Hóa – Thanh Hóa,	5 tỷ	06/2018	12/2019	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 36

Cung cấp bê tông thương phẩm cho Công trình: Tổng thầu trại heo giống 7500 con Địa điểm: thôn tượng liên, xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa.	23 tỷ	01/2019	12/2019	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 36

Và nhiều dự án khác địa bàn tỉnh Thanh Hóa được công ty thi công.

CHẤP THUẬN
THI CÔNG DỰ ÁN CAO TỐC GÓI THẦU 14 – XL
ĐOẠN MAI SƠN – QL 45

CÔNG TY CP TVGS CLCT THĂNG LONG
VĂN PHÒNG TVGS GÓI THẦU 14-XL
ĐOẠN MAI SƠN – QL45

Số 405/2021/TVGS/VP1

vv: Chấp thuận thiết kế thành phần cấp phối bê tông C40, C45, C50 sử dụng cho gói thầu 14-XL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 07 năm 2021

Kính gửi: Liên danh nhà thầu Vinaconex-Trung Nam E&C

Văn phòng TVGS nhận được tờ trình số 080721.01/TTr-BĐH-TNEC ngày 08/07/2021 của BĐH Liên danh nhà thầu Vinaconex-Trung Nam E&C về việc Đệ trình cấp phối bê tông sử dụng cho gói thầu14-XL, dự án Thành phần đầu tư xây dựng đoạn Mai Sơn-QL45, có kèm theo báo cáo thiết kế thành phần cấp phối bê tông và kết quả nén mẫu trộn thử tại trạm trộn bê tông Nghi Sơn 36 thuộc Công ty CP Nghi Sơn 36 do trạm thí nghiệm LAS-XD1733 thực hiện.

Sau khi xem xét các tài liệu nêu trên và các văn bản chấp thuận của TVGS về các nguồn vật liệu (số 226/2021/TVGS/VP1 ngày 13/05/2021 và số 067/2021/TVGS/VP2 ngày 25/03/2021), đối chiếu với hồ sơ TKKT, Chỉ dẫn kỹ thuật và các tài liệu liên quan. Văn phòng TVGS có ý kiến như sau:

Chấp thuận thiết kế thành phần cấp phối bê tông C40, C45, C50 tại trạm trộn bê tông Nghi Sơn 36 thuộc Công ty CP Nghi Sơn 36 (*tên thương hiệu: Bê tông Nghi Sơn 36*)

- Tỷ lệ cấp phối:

Loại mác	Độ sụt (cm)	Xi măng (kg)	Cát (kg)	Đá (kg)	Nước (lít)	Phụ gia (lít)
		PC40 Nghi Sơn	Mỏ cát số 08 xã Cẩm Thủy, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Mỏ đá xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	Nước sinh hoạt	Basf Master Glenium Sky 8713
C40	18±2	460	790	1069	155	5.060
C45	18±2	479	784	1064	153	5.269
C50	18±2	495	779	1060	151	5.445

Yêu cầu Nhà thầu phải tuân thủ đúng thiết kế thành phần cấp phối bê tông và các loại vật liệu đã được chấp thuận. Nếu có thay đổi về nguồn vật liệu phải tiến hành thiết kế lại thành phần cấp phối bê tông và đệ trình chấp thuận trước khi thi công.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo thiết kế thành phần cấp phối bê tông.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban QLDA Thăng Long (b/c);
- Công ty TVTL (b/c);
- VP2 TVGS (p/h);
- Lưu VP1 TVGS.

TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG

Trần Văn Trình

CÔNG TY CP TVGS CLCT THĂNG LONG
VĂN PHÒNG TVGS GÓI THẦU 14-XL
ĐOẠN MAI SƠN – QL45
Số 385/2021/TVGS/VP1

vv: Chấp thuận thiết kế thành phần cấp phối bê tông C10, C16, C20, C25, C30, C35 sử dụng cho gói thầu 14-XL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Kính gửi: Liên danh nhà thầu Vinaconex-Trung Nam E&C

Văn phòng TVGS nhận được tờ trình số 010721.01/TTr-BĐH-TNEC ngày 01/07/2021 của BĐH Liên danh nhà thầu Vinaconex-Trung Nam E&C về việc Trình phê duyệt thiết kế cấp phối bê tông sử dụng cho gói thầu14-XL, dự án Thành phần đầu tư xây dựng đoạn Mai Sơn-QL45, có kèm theo báo cáo thiết kế thành phần cấp phối bê tông và kết quả nén mẫu trộn thử tại trạm trộn bê tông Nghi Sơn 36 thuộc Công ty CP Nghi Sơn 36 do trạm thí nghiệm LAS-XD1733 thực hiện.

Sau khi xem xét các tài liệu nêu trên và các văn bản chấp thuận của TVGS về các nguồn vật liệu (số 226/2021/TVGS/VP1 ngày 13/05/2021 và số 067/2021/TVGS/VP2 ngày 25/03/2021), đối chiếu với hồ sơ TKKT, Chỉ dẫn kỹ thuật và các tài liệu liên quan. Văn phòng TVGS có ý kiến như sau:

Chấp thuận thiết kế thành phần cấp phối bê tông C10, C16, C20, C25, C30, C35 tại trạm trộn bê tông Nghi Sơn 36 thuộc Công ty CP Nghi Sơn 36 (*tên thương hiệu: Bê tông Nghi Sơn 36*)

- Tỷ lệ cấp phối:

Loại mác	Độ sụt (cm)	Xi măng (kg)	Cát (kg)	Đá (kg)	Nước (lít)	Phụ gia (lít)
		PCB40 Nghi Sơn	Mỏ cát số 08 xã Cẩm Thủy, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Mỏ đá xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	Nước sinh hoạt	Basf Master Glenium Sky 8712
C10	14±2	260	861	1117	175	2.340
C16	14±2	314	835	1106	170	3.140
C20	14±2	330	821	1096	174	3.300
C25	14±2	372	785	1085	178	3.720
C30	14±2	410	767	1080	173	4.510
C30(1)	18±2	424	756	1103	174	4.664
C35	14±2	455	751	1075	166	5.005

Yêu cầu Nhà thầu phải tuân thủ đúng thiết kế thành phần cấp phối bê tông và các loại vật liệu đã được chấp thuận. Nếu có thay đổi về nguồn vật liệu phải tiến hành thiết kế lại thành phần cấp phối bê tông và đệ trình chấp thuận trước khi thi công.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo thiết kế thành phần cấp phối bê tông.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban QLDA Thăng Long (b/c);
- Công ty TVTL (b/c);
- VP2 TVGS (p/h);
- Lưu VP1 TVGS.

TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG

Trần Văn Trinh

CÔNG TY CP TVGSCLCT THĂNG LONG
VĂN PHÒNG TVGS GÓI THẦU 14-XL
ĐOẠN MAI SƠN-QL45

Số: 230/2021/TVGS/VP1

Vv Chấp thuận trạm trộn BTXM (trạm trộn Nghi Sơn 36) phục vụ thi công gói thầu 14-XL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 05 năm 2021.

Kính gửi: Liên danh nhà thầu Vinaconex – Trung Nam E&C.

Văn phòng TVGS đã nhận được tờ trình số 130521.01/TTR-BĐHTNEC ngày 13/05/2021 của Liên danh nhà thầu Vinaconex-Trung Nam E&C V/v Trình chấp thuận trạm trộn bê tông thương phẩm cho gói thầu 14-XL, dự án Thành phần ĐTXD đoạn Mai Sơn – Quốc lộ 45, kèm theo Hồ sơ năng lực của trạm trộn BTXM Nghi Sơn 36.

Sau khi xem xét hồ sơ năng lực, kết hợp kiểm tra trạm trộn sản xuất bê tông xi măng ngày 12/05/2021; Đối chiếu với các yêu cầu trong Chỉ dẫn kỹ thuật của gói thầu, Văn phòng TVGS chấp thuận năng lực, dây chuyền sản xuất bê tông xi măng do Nhà thầu đệ trình như sau:

- Tên trạm trộn bê tông xi măng: Công ty CP Nghi Sơn 36 *(tên thương hiệu: Bê tông Nghi Sơn 36).*
- Địa chỉ trạm trộn bê tông: Lô CN 1,2 KCN Núi Vức, xã Đông Hưng, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Trong quá trình sản xuất hỗn hợp bê tông, TVGS đề nghị Nhà thầu thực hiện đúng quy trình vận hành và kiểm soát nguồn, chất lượng của các loại vật liệu đưa vào sử dụng theo đúng các yêu cầu của Chỉ dẫn kỹ thuật.

Tài liệu đính kèm văn bản:
- Tờ trình của Liên danh nhà thầu Vinaconex – Trung Nam E&C;
- Hồ sơ năng lực của trạm trộn BTXM;
- Biên bản kiểm tra trạm trộn ngày 12/05/2021.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban QLDA Thăng Long (b/c)
- Công ty TVTL (b/c);
- VP2 TVGS (ph/h);
- Lưu VP1 TVGS.

TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG

Trần Văn Trình

CÁC HỢP ĐỒNG THI CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gửi lại
CÔNG TY CP NGHI SƠN 36

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

(V/v: Mua, bán bê tông thương phẩm xây dựng công trình)
Số: 28.11/2023/HĐMB/BH-NS36

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước CHXHXN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 11 năm 2023 tại Văn phòng Công ty cổ phần Nghi Sơn 36. Chúng tôi gồm có:

I. BÊN MUA (Bên A): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI BẢN HÂN

- Đại diện : Ông **Vũ Văn Bản** Chức vụ: Giám Đốc
- Địa chỉ : Thôn Thông Quan Thượng, TT Khoái Châu, Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại : 0983.940.271 Địa chỉ email: congtybanhan.kc@gmail.com
- Mã số thuế : 0900669604
- Số tài khoản : 2408.2010.0187.5 tại : Ngân hàng Agribank - CN Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên
: 1140.0293.6879 tại : Ngân hàng Viettinbank - CN Sầm Sơn

II. BÊN BÁN (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36

- Đại diện : Ông **Đào Trọng Thưởng** Chức vụ: Giám Đốc
- Địa chỉ : Lô CN1.2, KCN Vức, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá
- Điện thoại : 0913838589 Địa chỉ email: btns362022@gmail.com
- Mã số thuế : 2802476069
- Số tài khoản : 0300.9016.0636 tại Ngân hàng Sacombank - CN Thanh Hoá
: 0300.2583.8589 tại Ngân hàng Sacombank - CN Thanh Hoá
: 5011.0008.8385.89 tại Ngân hàng BIDV - CN Thanh Hoá

Hai bên cùng nhau bàn bạc và thống nhất ký kết hợp đồng mua bán theo các điều khoản sau:

1

Scanned with ACE Scanner

- Cước vận chuyển < 5m³ chỉ tính đối với xe riêng lẻ và xe chốt lần 2, xe chốt lần 1 không tính.
- Sử dụng xi măng bền sunfat cộng thêm 120.000đ/ m³.

2.2. Vật liệu đầu vào:

- Bê Tông Nghi Sơn 36 sử dụng **duy nhất một loại xi măng Nghi Sơn**, cát bê tông loại 1, cát nhân tạo, đá núi Vức, đá Yên Định, đá Nghi Sơn, phụ gia BASF, phụ gia Bifi, phụ gia Myty, phụ gia Sika.

Khi một trong hai bên đề nghị thay đổi giá hợp đồng, hai bên sẽ thống nhất thương thảo và xác nhận lại bằng phụ lục hợp đồng để thực hiện, đơn giá mới tính từ khi được hai bên ký xác nhận.

Việc xác nhận khối lượng được căn cứ vào phiếu giao nhận bê tông được đại diện của hai bên kí xác nhận tại công trường chứ không căn cứ vào thiết kế hình học của bên A.

Điều 3: PHƯƠNG THỨC VÀ ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN

3.1. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

3.2.Thời hạn thanh toán:

Vào ngày cuối cùng của tháng dương lịch, hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng hoàn thành tại công trình, làm cơ sở xác nhận giá trị hoàn thành để tiến hành xuất hoá đơn GTGT và đối chiếu công nợ. Khi bên B xuất hoá đơn GTGT xong thì bên A thanh toán 80% giá trị công nợ cho bên B, thời hạn thanh toán trong vòng 15 ngày của tháng kế tiếp, 20% giá trị còn lại sẽ thanh toán cùng kỳ thanh toán tiếp theo.

Nếu bên A không thực hiện đúng cam kết điều khoản thanh toán thì bên B có quyền dừng cấp bê tông để đàm phán công nợ.

Hồ sơ công nợ và thanh toán bên A làm việc trực tiếp qua Ông Đào Trọng Thưởng – Giám đốc – Số điện thoại 0982 808 589 hoặc Ông Lê Anh Sơn – Kế toán – Số điện thoại 0916 746 836.

3.3. Hồ sơ thanh toán:

Hồ sơ thanh toán bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán, Biên bản đối chiếu công nợ, Biên bản xác nhận khối lượng, Hóa đơn GTGT.

Điều 4: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

4.1. Trách nhiệm của bên A:

- Đặt hàng trước 24 giờ, thời gian đổ bê tông sẽ được xác định chính xác tối thiểu trước 4 giờ.
- Lắp đặt các thiết bị phục vụ đảm bảo trật tự an toàn và vệ sinh môi trường vệ sinh đường trước cổng công trường trong và sau khi đổ bê tông.
- Chuẩn bị mặt bằng, đường đi lại trong công trường đảm bảo cho xe chuyên chở bê tông hoạt động tốt.
- Có quyền cử đại diện lên trạm trộn để kiểm tra giám sát quá trình trộn bê tông, có quyền cân kiểm tra bất kì xe bê tông nào tại công trường nếu nghi ngờ về khối lượng.

3

Scanned with ACE Scanner

- Phối hợp cùng Bên B giải quyết các vướng mắc phát sinh trong phạm vi công trường thi công.
- Thanh toán cho Bên B đúng thời hạn như quy định tại khoản 3.2
- Trong khi đổ bê tông nếu có vấn đề gì xảy ra bên A phải thông báo ngay.

4.2. Trách nhiệm của bên B.

- Đảm bảo đúng giờ như bên A đã đặt lịch, yêu cầu kỹ thuật trong việc cấp bê tông và dịch vụ bơm bê tông cho các hạng mục công trình của Bên A. Sau khi hai bên thống nhất thời gian thi công nếu bên B chậm giờ quá 1h phạt 500.000 VNĐ, quá 2h giờ đổ lên mỗi giờ chậm phạt 1.500.000 vnđ
- Chấp hành nghiêm túc nội quy công trường Bên A
- Bên B phải có biển cảnh báo và đèn báo hiệu xe bơm và cần bơm bê tông trong suốt quá trình đổ bê tông trên công trường cua Bên A
- Tự chịu trách nhiệm về an toàn lao động đối với nhân viên của đơn vị mình trong suốt quá trình thi công.
- Loại bê tông thương phẩm do bên B cung cấp cho bên A phải đạt cường độ theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) đối với mác bê tông nêu tại điều 1 của hợp đồng này.
- Bên B có trách nhiệm đúc mẫu bê tông theo yêu cầu của cán bộ KT bên A và theo quy định hiện hành, tháo khuôn mẫu và bảo dưỡng mẫu bê tông tại công trình. Bên B có trách nhiệm cung cấp chứng chỉ bê tông, phối hợp thí nghiệm chất lượng Bê tông cùng bên A.

Điều 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có gì phát sinh mới hoặc vướng mắc hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc trao đổi thống nhất. Nếu không giải quyết được bằng thương lượng hai bên phải chấp hành sự phán quyết của tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng sẽ tự thanh lý khi bên B hoàn thành việc cung cấp bê tông cho bên A và bên A thanh toán hết tiền cho bên B theo các điều khoản của Hợp đồng.

Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản được các bên thông qua và thống nhất ký tên.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
VŨ VĂN BẢN	Đào Trọng Thưởng

4

Scanned with ACE Scanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 125 /2023/HĐKT/BTN-NS
(V/v mua bán bê tông thương phẩm)

- *Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2017.*
- *Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.*
- *Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của chính phủ về quản lý chất lượng công trình và các thông tư hướng dẫn.*
- *Căn cứ vào khả năng sản xuất, nhu cầu của các bên*

Hôm nay, ngày 04 tháng 08 năm 2023, chúng tôi gồm:

I. BÊN MUA (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG BẮC TRUNG NAM

Địa chỉ : 3/19 Nguyễn Thái Sơn, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313822745
Điện thoại : 028.386.35938 Fax: 028.38635938
Tài khoản : 112.605.78.1818 tại NH TMCP Công thương Việt Nam - Chi Nhánh Thủ Thiêm.
Đại diện : Ông **Trần Văn Hoàng** Chức vụ: **Giám đốc**

II. BÊN BÁN (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36

Địa chỉ : Lô CN1.2, khu công nghiệp Vức, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Mã số thuế : 2802476069
Điện thoại : 0913 838589
Tài khoản : 030090160636 tại Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Thanh Hóa
Đại diện : Ông **Đào Trọng Thưởng** Chức vụ: **Giám đốc**

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán Bê tông thương phẩm với các điều khoản như sau:

Điều 1: Nội dung công việc

1.1. Bên A đặt hàng và bên B nhận cung ứng bê tông thương phẩm, với đơn giá và nội dung chi tiết như sau:

1.2. Đơn giá bê tông:

1

1.3.4. Mọi phát sinh khác các bên thỏa thuận và bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 2: Quy cách và chất lượng

2.1 Loại bê tông thương phẩm do bên A cung cấp cho bên B sẽ đạt cường độ theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) đối với các mác bê tông nêu tại điều 1 của hợp đồng này.

Việc thí nghiệm và cung cấp kết quả của cường độ bê tông theo tiêu chuẩn Việt Nam trên cơ sở ép mẫu các tổ bê tông 150x300 đúc đạt tuổi ≥ 28 ngày tại phòng thí nghiệm chỉ định của bên mua.

2.2 Bên A có trách nhiệm cử nhân viên đúc mẫu bê tông theo yêu cầu của tư vấn giám sát và theo quy định hiện hành, tháo ván khuôn và dưỡng hộ các mẫu bê tông tại phòng thí nghiệm của bên B. Mẫu bê tông và độ sụt phải được lấy trong vòng 30 phút tính từ khi bê tông đến công trình. Bên A chịu chi phí thí nghiệm vật liệu đầu vào (không chịu chi phí về thí nghiệm nén mẫu bê tông lấy tại hiện trường, chi phí nén mẫu chống thấm và các chi phí thí nghiệm khác).

2.3 Số lượng mẫu đúc là theo yêu cầu của tư vấn giám sát tại hiện trường, nhưng không quá số lượng các tổ mẫu theo quy định của TCVN (50m3 cho 1 tổ mẫu).

2.4 Khối lượng bê tông bên B mua của bên A là khối lượng bê tông ghi trong các phiếu giao nhận hàng, các bảng cân cốt liệu của trạm trộn bê tông do bên A phát hành.

2.5 Bên B cử cán bộ kiểm tra khối lượng bê tông trên xe vận chuyển và các phiếu giao hàng kèm theo thấy phù hợp, ký vào phiếu giao nhận hàng của bên A lúc đó bê tông mới được xả ra khỏi xe vận chuyển.

2.6 Cán bộ của bên B được cử ra nhận hàng phải là Đội trưởng, Đội phó, Chủ nhiệm công trình , Cán bộ kỹ thuật hoặc người được uỷ quyền.

2.7 Bên B có quyền khiếu nại bằng văn bản về khối lượng trong vòng 24 giờ và về chất lượng trong vòng 30 ngày kể từ ngày lượng bê tông cần khiếu nại được cấp cho công trình. Sau thời hạn trên mà Bên A không nhận bất kỳ sự khiếu nại nào thì coi như khối lượng bê tông đã cấp cho công trình đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu đặt hàng.

2.8 Trong trường hợp khiếu nại về khối lượng, Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B mọi chứng từ cần thiết và hai bên cùng tiến hành kiểm tra tìm phương hướng giải quyết. Sai sót của phía bên nào thì bên đó chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2.9 Nếu có khiệu nại về chất lượng, Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B đầy đủ các kết quả thí nghiệm của các mẫu đúc tại công trường, kết quả ép mẫu đối chứng tại phòng thí nghiệm trung gian được chấp nhận của Bên A và Bên B là cơ sở để giải quyết đi đến thống nhất .

Điều 3: Phương thức giao nhận

3.1. Đặt hàng: Bên A đặt hàng bên B trước 24 giờ bằng đơn đặt hàng. Thời gian đổ bê tông sẽ được xác định chính xác tối thiểu trước 4 giờ. Trong đơn đặt hàng phải thể hiện rõ địa điểm, thời gian cung cấp, khối lượng, mác. Bên B xác nhận đơn đặt hàng và cung cấp bê tông đúng theo yêu cầu trong đơn đặt hàng. Trong trường hợp hai bên gặp trở ngại đến kế hoạch cung cấp và tiếp nhận bê tông dẫn đến việc không thể thực hiện được đơn hàng thì phải thông báo cho nhau ít nhất trước 3 giờ bằng tin nhắn hoặc email.

3.2. Địa điểm cung cấp: tại chân công trình theo từng đợt đặt hàng của bên A

3.3. Xác nhận khối lượng bê tông: Sau khi mỗi xe hoàn tất đổ bê tông, bên A xác nhận vào phiếu xuất bê tông cho từng xe. Trường hợp chưa thống nhất được khối lượng thì tối đa trong vòng 24h tiếp theo, hai bên phải tiến hành kiểm tra, thống nhất khối lượng và ký vào biên bản xác nhận khối lượng.

3.4. Phiếu xuất bê tông và biên bản xác nhận khối lượng bê tông là cơ sở để bên B làm hồ sơ

thanh toán và phát hành hóa đơn.

Điều 4: Giá trị hợp đồng và Phương thức thanh toán

4.1. Giá trị hợp đồng

- Giá trị cung cấp bê tông bằng đơn giá bê tông thương phẩm nhân với khối lượng thực tế cung cấp cho từng loại bê tông tương ứng.
- Giá trị hợp đồng bằng tổng giá trị các loại bê tông cung cấp và tổng giá trị phụ gia, bơm cần, bơm tĩnh (nếu có)

4.2. Phương thức thanh toán:

- Thanh toán được thực hiện bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B

4.3. Thời hạn thanh toán:

- Hai bên tổng hợp đối chiếu khối lượng và giá trị giao nhận vào ngày 25 đến 30 mỗi tháng (nếu ngày đó rơi vào chủ nhật, ngày lễ, tết theo quy định của Nhà nước thì sẽ được tính từ ngày tiếp theo sau chủ nhật, ngày lễ, tết). hai bên xác nhận giá trị thực hiện và công nợ, Bên B xuất hóa đơn GTGT trước ngày mùng 5 của tháng dương lịch kế tiếp. Bên A thanh toán 100% giá trị hàng hóa theo Biên bản đối chiếu công nợ cho Bên B trong vòng 20 ngày kể từ ngày bên A nhận được hồ sơ thanh toán của bên B của tháng đó đồng thời công nợ của Bên B đối với Bên A không vượt quá **1.500.000.000 đồng** (Một tỷ năm trăm triệu đồng.) tại mọi thời điểm (áp dụng điều kiện nào đến trước). Quá thời gian này mà Bên B chưa thanh toán thì Bên A có quyền tạm ngừng cấp bê tông để hai bên thương thảo tiếp.
- Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán. Hồ sơ thanh toán sẽ được gửi trực tiếp cho người được ủy quyền nhận hồ sơ hoặc theo đường bưu điện hoặc thông qua dịch vụ xe công nghệ như Grap, Be, Gojek....Thời gian giao nhận thành công được tính từ thời điểm bưu điện phát thành công hoặc từ lúc thông báo giao nhận thành công từ các phần mềm của các hãng xe công nghệ. Trường hợp quá thời hạn thanh toán mà Bên A chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, thì Bên A phải chịu lãi suất quá hạn 11%/năm/phần công nợ quá hạn nhưng nhưng không quá 3 tháng, sau thời gian này hai Bên quyết toán và thanh lý hợp đồng.

4.4. Hồ sơ thanh toán:

- Giấy đề nghị thanh toán (bản gốc)
- Biên bản xác nhận giá trị thực hiện giữa hai bên (bản chính);
- Biên bản xác nhận khối lượng, biên bản giao nhận đã được chỉ huy trưởng của bên mua và đại diện bên bạn xác nhận (bản chính);
- Hóa đơn GTGT;
- Biên bản đối chiếu công nợ (bản chính);

Điều 5: Trách nhiệm và quyền hạn của các bên:

5.1. Trách nhiệm Bên A:

5.1.1. Bên A đặt hàng trước 24 giờ, Thời gian đổ bê tông sẽ được xác định chính xác tối thiểu trước 8 giờ bằng văn bản gửi cho Bên B hoặc liên lạc trực tiếp bằng điện thoại với người lãnh đạo Bên B trong trường hợp cần thiết.

5.1.2. Lắp đặt các thiết bị phục vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông và vệ sinh môi trường như cầu rửa xe, máy bơm nước áp lực cao, đèn tín hiệu.

5.1.3. Chuẩn bị mặt bằng, đường đi lại trong công trường để đảm bảo cho xe chuyên chở bê tông của bên B hoạt động an toàn và thuận lợi.

5.1.4. Thông báo cho Bên B danh sách các nhân viên có trách nhiệm gọi bê tông, nhận bê tông và ký phiếu giao bê tông. Mọi thay đổi phải được thông báo cho Bên B kịp thời bằng tin nhắn, email hoặc văn bản. Đại diện Bên A ký nhận khối lượng bê tông được Bên B giao theo từng đợt đặt hàng của Bên A ngay trong ngày.

5.1.5. Bên A có trách nhiệm thông báo kịp thời cho bên B những thay đổi về tư cách pháp nhân của bên A

5.1.6. Thường xuyên cử cán bộ theo dõi, giám sát chất lượng công trình, nghiệm thu khối lượng công việc để làm căn cứ quyết toán sau này.

5.1.7. Kiểm tra chất lượng, khối lượng bê tông cung cấp của bên B. Nếu chất lương không đạt được yêu cầu thì bên A có thể từ chối khối lượng bê tông đó và đề nghị Bên B cung cấp lại khối lượng bê tông khác để đảm bảo tiến độ công việc tại công trình bên A.

5.1.8. Việc kiểm tra độ sụt của hỗn hợp bê tông và đúc mẫu kiểm tra cường độ của bê tông phải được thực hiện trong khoảng thời gian kể từ khi xe bê tông đến công trường và trước khi đổ và Bên A không phải trả tiền cho thời gian chờ đợi tại công trường. Nhưng nếu các xe bê tông đến công trường đúng giờ và bê tông đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đã được mô tả ở Điều 2 và phải chờ đợi đổ bê tông quá 120 phút thì Bên A phải ký tiếp nhận xe bê tông đó và Bên B không chịu trách nhiệm về chất lượng bê tông của những chiếc xe nói trên và các chi phí phát sinh khác liên quan đến những chiếc xe nói trên.

5.1.9. Phối hợp cùng bên B giải quyết các vướng mắc phát sinh trong phạm vi công trường thi công.

5.1.10. Bên A có quyền yêu cầu thí nghiệm nén mẫu để kiểm chứng tại một đơn vị khác thì Bên A phải chịu chi phí nén thí nghiệm (nếu mẫu đã thí nghiệm đạt cường độ theo đúng yêu cầu của thiết kế). Nếu mẫu không đạt được cường độ theo đúng yêu cầu của thiết kế thì bên B phải chịu mọi chi phí thiệt hại liên quan đến khối lượng có số mẫu thí nghiệm đó.

5.1.11. Thanh toán cho Bên B theo đúng quy định đã được thỏa thuận tại điều 4 của bản hợp đồng này.

5.1.12. Bên A có quyền kiểm tra khối lượng bất kỳ xe bê tông nào của Bên B cấp đến cho công trình bằng một trong các phương pháp kiểm tra phiếu giao hàng, đo kích thước hình học ...

5.1.13. Trong trường hợp bê tông đã đổ vào kết cấu công trình nhưng TVGS, CĐT nghi ngờ về chất lượng và yêu cầu kiểm tra thì hai bên sẽ căn cứ vào kết quả kiểm tra mẫu khoan tại kết cấu để đánh giá chất lượng bê tông. Nếu kết quả không đạt không phải do lỗi thi công của bên A thì bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm xử lý theo yêu cầu của CĐT, TVGS. Bên B chịu mọi chi phí phá dỡ toàn bộ khối lượng bê tông không đạt chất lượng, chi phí về cốt thép, cốp pha, công lao động, máy móc thiết bị và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật với chất lượng bê tông không đạt yêu cầu.

5.1.14. Không chuyển giao bất kỳ quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng cho bất cứ bên nào mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của bên A.

5.1.15. Tạm dừng hoặc từ chối thanh toán đối với phần Hợp đồng bị vi phạm bên B.

5.2. Trách nhiệm Bên B:

5.2.1. Thiết kế cấp phối theo đúng yêu cầu kỹ thuật của công trình. Phối hợp với bên A trong công tác trình nguồn vật liệu đầu vào (Cung cấp hồ sơ pháp lý và chịu các chi phí thí nghiệm về các nguồn vật liệu sử dụng trong thành phần cấp phối bê tông).

5.2.2. Cung cấp bê tông đến công trình theo thời gian ấn định đã được hai bên thống nhất với chất lượng và khối lượng quy định tại điều 2 và điều 3 của hợp đồng này.

5.2.3. Bên B có trách nhiệm cử nhân viên thí nghiệm đến công trình trong các lần cung cấp bê tông để kiểm tra độ sụt và đúc mẫu. Bên B có trách nhiệm bảo quản mẫu do mình đúc trước khi đem đi bảo quản theo quy định. Cử cán bộ kỹ thuật có trách nhiệm trực trong quá trình đổ bê tông để xử lý tình huống khác. Trường hợp bên B làm thất lạc, mất mẫu thì bên B phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại phát sinh cho bên A.

5.2.4. Sau khi hợp đồng có hiệu lực, bên B thông báo bằng văn bản danh sách cán bộ trực tiếp quan hệ giao dịch trong quá trình thực hiện hợp đồng bao gồm: Họ tên, chức vụ, số điện thoại, email để Bên A giao dịch mỗi lần đặt hàng

5.2.5. Chấp hành nghiêm túc nội quy công trường của bên A trong quá trình cấp hàng. Bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường trường, phòng chống cháy nổ theo yêu cầu của Bên A.

5.2.6. Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm về vấn đề vi phạm an toàn lao động đối với nhân sự và thiết bị của bên B xảy ra tại công trường.

5.2.7. Đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật trong việc cấp bê tông cho các hạng mục của công trình và theo đơn đặt hàng của bên A.

5.2.8. Cung cấp chứng chỉ chất lượng bê tông tại phòng thí nghiệm (07 bộ) được Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư chấp nhận.

5.2.9. Bên B chịu trách nhiệm liên quan (chi phí và pháp luật) trong trường hợp xe vận chuyển Bên B gây thiệt hại tới con người, vật tư, thiết bị... và các công trình lân cận khác trong quá trình thực hiện hợp đồng.

5.2.10. Trong quá trình cung cấp bê tông nếu bên B xảy ra sự cố làm gián đoạn dẫn tới ảnh hưởng đến chất lượng công trình thì bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên A về mọi chi phí phá dỡ toàn bộ khối lượng bê tông không đạt chất lượng, chi phí về cốt thép, cốp pha, công lao động, máy móc thiết bị và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật với chất lượng bê tông không đạt yêu cầu.

5.2.11. Bên B có quyền không điều xe bê tông đến các vị trí không đảm bảo điều kiện đường sá hoặc thấy rủi ro cho thiết bị và con người của mình nhưng phải thông báo cho bên A trước 24 giờ.

5.2.12. Bên B cung cấp đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ và chứng chỉ bê tông theo nhãn hiệu mà Bên A đã đặt hàng.

5.2.13. Bên B bố trí thời gian, phương tiện thuận tiện để Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát kiểm tra năng lực Trạm trộn của Bên B theo quy định.

5.2.14. Bên B đảm bảo vệ sinh môi trường trong các lần cung cấp theo đúng quy định của bên A, không xả cặn, bê tông thừa, xả nước rửa bồn...gây ảnh hưởng tới môi trường, hạ tầng và các công trình lân cận xung quanh công trường.

5.2.15. Trường hợp chất lượng bê tông của bên B không đảm bảo yêu cầu (không đạt mác thí nghiệm do chủ đầu tư hay tư vấn phát hiện vì lý do nào đó được cho là lỗi của bên B) Thì bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý về chất lượng hạng mục công trình đã sử dụng phần bê tông đó, các chi phí tài chính liên quan đến việc giải quyết hậu quả do sản phẩm của mình gây nên.

5.2.16. Trường hợp chất lượng bê tông không đảm bảo (do chủ đầu tư hoặc tư vấn giám sát kiểm tra trước khi đưa vào kết cấu công trình) thì bên B phải chuyển toàn bộ số lượng bê tông đó ra khỏi công trường, khối lượng đó không được xác nhận thanh toán.

5.2.17. Nếu bên B giao hàng trễ hơn thời gian Bên A yêu cầu mà không thông báo trước, không nêu rõ lý do chính đáng thì phải chịu phạt 0,5%* giá trị giao hàng trễ /ngày và bồi thường thiệt hại cho bên A và các bên bên liên quan (nếu có).

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36
Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

5.2.18. Trong mọi trường hợp đang trong quá trình đổ bê tông, bên B có trách nhiệm cung ứng đầy đủ, kịp thời, đảm bảo chất lượng bê tông theo yêu cầu. Bằng kinh phí của mình, bên B đền bù mọi chi phí và thiệt hại gây ra khi cung ứng không đầy đủ, không hợp thời, không đáp ứng chất lượng.

Điều 6: Khiếu nại và xử lý các tranh chấp:

6.1. Bên A có quy định khiếu nại bằng văn bản: Về khối lượng trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận bê tông và trước khi cấu kiện bị che lấp, về chất lượng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận bê tông. Sau thời hạn trên mà bên B không nhận được bất kỳ khiếu nại nào, thì coi như khối lượng bê tông đã cấp cho công trình đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu đặt hàng.

6.2. Trong trường hợp có khiếu nại về khối lượng, bên B có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật cùng với kỹ thuật bên A kiểm tra, đo khối lượng thực tế đã cung cấp và hai bên cùng tìm hướng giải quyết. Sai sót của phía bên nào thì bên đó phải chịu trách nhiệm.

6.3. Nếu có khiếu nại về chất lượng: Hai bên sẽ thống nhất chọn một phòng thí nghiệm trung gian để nén mẫu bêtông đối chứng còn lưu giữ. Kết quả nén mẫu đối chứng tại phòng thí nghiệm trung gian được sự chấp thuận của bên B và bên A là cơ sở để giải quyết đi đến thống nhất.

6.4. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không sử dụng theo quy định của hợp đồng hoặc không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt 8 % phần hợp đồng bị vi phạm.

6.5. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau về tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì phát sinh thì các bên phải thông báo cho nhau biết và cùng nhau tìm hướng giải quyết.

6.6. Khi có tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên sẽ thương lượng hòa giải trên nguyên tắc bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Trường hợp tranh chấp không hòa giải được thì hai bên cùng thống nhất đưa ra tòa án TPHCM giải quyết. Phán quyết của tòa án sẽ là quyết định cuối cùng và bắt buộc đối với hai bên. Toàn bộ phí chỉ sẽ do bên thua kiện chịu.

6.7. Giải quyết Khiếu nại: Các khiếu nại của mỗi bên phải được gửi đến đúng địa chỉ giao dịch hoặc địa chỉ trao đổi thông tin mà các bên đã trao đổi trong hợp đồng. Các khiếu nại không được giải quyết bởi các bên tham gia hợp đồng sẽ được giải quyết theo quy định tại khoản 2 điều này.

6.8. Giải quyết tranh chấp:

6.8.1. Nếu có tranh chấp phát sinh giữa các bên liên quan đến hợp đồng này hoặc bất kỳ vấn đề gì phát sinh, các bên phải lập tức tiến hành thương lượng để giải quyết vấn đề.

6.8.2. Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án có thẩm quyền tại TP.HCM để xử lý tranh chấp theo quy định của pháp luật. Quyết định hoặc bản án của Toà án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc các bên.

6.8.3. Các bên cam kết tuyệt đối không được manh động, xúi giục nhân viên đến văn phòng, đến công trường... để thực hiện hành động tập trung đông người giăng băng rôn, biểu ngữ... gây rối loạn trật tự nơi công cộng. Nếu Bên nào vi phạm sẽ chịu phạt bồi thường 20% giá trị hợp đồng cho mỗi lần vi phạm.

6.8.4. Các bên cam kết không cho bên thứ Ba (công ty đòi nợ thuê) thực hiện các hành vi phạm pháp luật như: manh động, xúi giục phẫn từ xấu đến văn phòng, đến công trường, gọi điện thoại hăm dọa, hoặc đưa thông tin không chính xác, xuyên tạc lên mạng internet hoặc

giăng băng rôn, biểu ngữ ... gây rối trật tự nơi công cộng. Nếu bên nào vi phạm thì bên kia được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không phải bồi thường cho bất kỳ khoản chi phí nào.

Điều 7: Bất khả kháng và bảo mật thông tin:

7.1. Bất khả kháng

7.1.1. Định nghĩa về bất khả kháng

- "Bất khả kháng" có nghĩa là một sự kiện hoặc trường hợp bất thường:
- Bất khả kháng là sự kiện phá vỡ mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh ... và những thảm họa khác chưa lường hết trước được, sự thay đổi chính sách hoặc sự ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ...

7.1.2. Thông báo tình trạng bất khả kháng

- Nếu một trong hai bên vì điều kiện bất buộc không thể thực hiện một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm, công việc của mình do trường hợp bất khả kháng hoặc do ảnh hưởng bởi một bên khác theo hợp đồng thì trong vòng 5 ngày sau khi sự cố xảy ra bên ảnh hưởng sẽ thông báo cho bên kia bằng văn bản toàn bộ sự việc chi tiết của trường hợp bất khả kháng.
- Bên bị ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng ngoài việc thông báo cho bên còn lại biết thì phải có những hành động tích cực nhằm hạn chế thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây nên. Sau khi có sự xác nhận của bên còn lại thì bên thông báo sẽ được miễn thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ trong thời gian mà mà sự kiện bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.
- Bên bị ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng phải gửi thông báo cho Bên kia khi không còn bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng và tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này.

7.1.3. Trách nhiệm của các bên trong trường hợp bất khả kháng

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng.
- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng thời gian thực hiện hợp đồng sẽ bị kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất kháng kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của mình và sự cố này phải được giải quyết càng sớm càng tốt với tất cả nỗ lực và sự khẩn trương cần thiết với sự nỗ lực của cả hai bên.

7.1.4. Chấm dứt hợp đồng có sự lựa chọn và thanh toán

Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một bên hoặc các bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ. Một trong các bên thông báo việc chấm dứt hợp đồng bằng văn bản cho bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực trong vòng 7 ngày sau khi Bên kia nhận được thông báo. Các khoản tiền mà Bên B sẽ được thanh toán là các khoản thanh toán cho các sản phẩm đã hoàn thành và đã được Bên A chấp thuận.

7.2. Bảo mật thông tin

7.2.1. Ngoại trừ những nhiệm vụ được bên A yêu cầu, bên B không được phép tiết lộ cho bên thứ ba nào về công việc của mình hoặc bất cứ thông tin nào liên quan đến công việc mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

7.2.2. Trường hợp Bên A phát hiện Việc Bên B để lộ bất kỳ thông tin nào liên quan đến công việc, dự án hoặc thông tin khác liên quan đến hợp đồng này cho Bên thứ ba thì Bên B phải bồi thường cho Bên A thiệt hại theo thực tế phát sinh".

Điều 8: Điều khoản chung:

8.1. Trong trường hợp có khoản nào, mục nào, điều nào của Hợp đồng bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tuyên bố vô hiệu thì những điều, khoản khác còn lại của Hợp đồng vẫn có giá trị thi hành đối với các Bên.

8.2. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, và chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Một trong hai bên đơn phương chấm dứt hợp đồng.
- Do ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng.
- Hai bên thỏa thuận thống nhất chấm dứt hợp đồng.

Điều 9: Thời gian và hiệu lực của hợp đồng

9.1. Các Bên cam kết thực hiện các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

9.2. Trong trường hợp hợp cần thay đổi, bổ sung điều khoản hợp đồng. Các Bên sẽ cùng thỏa thuận, thống nhất để thiết lập Phụ lục Hợp đồng.

9.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và tự động thanh lý khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ liên quan được nêu trong hợp đồng.

9.4. Hợp đồng này được thiết lập thành 05 bản, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 02 bản, có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Trần Văn Hoàng	Đào Trọng Thưởng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gửi lại
CÔNG TY CP NGHI SƠN 36

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: 16/02/2023/HĐMB/NS- SAMCONS

(Về việc mua bán bê tông thương phẩm)

DỰ ÁN : **Khu đô thị mới thuộc dự án số 4 – Khu đô thị mới trung tâm thành phố Thanh Hóa**

ĐỊA ĐIỂM XD : **Phường Đông Hải, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa**

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SAMCONS VIỆT NAM

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2023

PHẦN I: CÁC CĂN CỨ KÝ HỢP ĐỒNG

- *Căn cứ Bộ Luật Dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH13 của Quốc Hội ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và các nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Thương mại của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 36/2005/QH11 được thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Bộ Luật Xây dựng nước CHXHCN Việt Nam số 50/2014/QH của Quốc hội ban hành ngày 18 tháng 06 năm 2014 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2015;*
- *Căn cứ Nghị định 37/2015/NĐ-CP quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;*
- *Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn kèm theo;*
- *Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.*

PHẦN II: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 16 tháng 02 năm 2023, chúng tôi gồm có:

BÊN MUA(BÊNA): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SAMCONS VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở : LK6D Khu đô thị Mỗ Lao – P.Mộ Lao – Q. Hà Đông – TP Hà Nội
Điện thoại : 024.6652.3535 Fax:
Giấy ĐKKD số : 0102285900 do Sở KH&ĐT Hà nội cấp ngày 12/06/2007
Mã số thuế : 0102285900
Người đại diện : **PHẠM THỊ HẰNG** Chức vụ: **CHỦ TỊCH HĐQT**

BÊN BÁN (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36

Địa chỉ trụ sở : Lô CN1.2 Khu công nghiệp Vức, xã Đông Quang huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại : 0913 83 85 89 Fax :
Tài khoản : 0300 25 838589, NH Sacombank chi nhánh Thanh hóa
Mã số thuế : 2802476069
Người đại diện : **ĐÀO TRỌNG THƯỜNG** Chức vụ : **PHÓ GIÁM ĐỐC**

Sau khi đã xem xét tư cách pháp lý, nhu cầu và khả năng của mỗi Bên, hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng này với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán bê tông thương phẩm đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật (theo các tiêu chuẩn và quy định hiện hành) và các dịch vụ khác phục vụ thi công dự án:

Khu đô thị mới thuộc dự án số 4 – Khu đô thị mới trung tâm thành phố Thanh Hóa tại địa điểm: **Phường Đông Hải, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.**

ĐIỀU 2: QUY CÁCH VÀ CHẤT LƯỢNG

- Mác bê tông được đáp ứng theo đúng yêu cầu kỹ thuật của công trình.
- Cỡ hạt đá lớn nhất là 20mm, trừ khi có yêu cầu khác của Bên A
- Thời gian cho phép từ khi trộn đến khi đổ đảm bảo theo Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.
- Số lượng tổ mẫu lấy theo quy định hiện hành. Nếu phát sinh thêm thì Bên A phải chịu thêm chi phí nén mẫu bê tông.

ĐIỀU 3: KHỐI LƯỢNG

3.1. Khối lượng bê tông yêu cầu:

Căn cứ vào đơn đặt hàng của Bên A và có xác nhận của Bên B. Khối lượng bê tông chốt theo yêu cầu của Bên A nhưng không nhỏ hơn $02m^3$ cho một lần chốt.

3.2. Đối chiếu khối lượng:

- Điều kiện đối chiếu khối lượng: Vào ngày cuối cùng mỗi tháng (hoặc vào bất kì ngày nào trong tháng được sự thống nhất của hai bên) hai Bên tiến hành đối chiếu khối lượng và xác nhận công nợ.
- Biên bản đối chiếu khối lượng bê tông chi tiết: được các Bên ký xác nhận trên cơ sở các phiếu giao bê tông của từng xe đã được Bên A ký nhận.
- Biên bản đối chiếu tổng khối lượng của tháng: phải được người do Bên A chỉ định ký xác nhận (chỉ huy trưởng/trưởng ban điều hành).
- Thời gian ký đối chiếu khối lượng, công nợ hàng tháng: Bên A ký xác nhận cho Bên B không quá 05 ngày kể từ ngày Bên A nhận được biên bản khối lượng, công nợ từ Bên B. Quá thời gian trên mà Bên B không nhận được biên bản được ký xác nhận của Bên A thì mặc nhiên được hiểu là Bên A chấp nhận số liệu Bên B đưa ra.

3.3. Phương pháp xác định khối lượng:

- Khối lượng cuối cùng của hợp đồng được xác định chính thức dựa trên khối lượng bê tông, bơm bê tông được ký xác nhận giữa hai bên tại các "Biên bản xác nhận khối lượng". Các biên bản xác nhận khối lượng đã được người có trách nhiệm của hai bên ký là một phần không thể tách rời của hợp đồng này. Trước và trong khi đổ bê tông bên B phải cử cán bộ để cùng bên A nghiệm thu xác nhận khối lượng của khối đổ trên công trường. Sau khi đổ xong, nếu khối lượng cung cấp nhỏ hơn KL thực tế 1,5% (Vtt=VTK x 1,015%) thì coi như khối lượng bên B cung cấp là đủ. Trong trường hợp khối lượng cung cấp lớn hơn khối lượng thực tế 1,5% thì ngay ngày hôm sau các bên sẽ cùng nhau kiểm tra, đo đạc, tính toán lại khối lượng, trong vòng 3 ngày kể từ khi kết thúc đổ bê tông nếu bên A không có khiếu nại gì thì mặc nhiên khối lượng cung cấp là chính xác. Khối lượng cuối cùng được tính bằng khối lượng thiết kế hình học thực tế tại công trường của khối đổ và hao hụt thực tế (KL

+ Trường hợp xe bơm bê tông đã đến địa điểm công trình của Bên A nhưng vì lý do nào đó không bố trí được công việc thì Bên A phải chịu chi phí xăng dầu đi chuyển cho phương tiện là 1.500.000đ/xe/lượt đối với bơm cần và 2.000.000đ/xe/lượt đối với bơm tĩnh.
+ Trường hợp xe bơm đến công trường phải chờ đợi bê tông quá 03 giờ thì Bên A phải chịu chi phí bằng 01 ca chờ là 2.000.000đ/ca đối với bơm tĩnh, và 3.000.000đ/ca đối với bơm cần.
+ Trường hợp khi cần vừa thông ống bơm thì Bên A chịu chi phí này, nếu dùng xi thông bơm thì Bên B chịu.

ĐIỀU 5: THAY ĐỔI ĐƠN GIÁ

- Đơn giá bê tông không được thay đổi trong vòng 3 – 6 tháng và đơn giá bê tông được thay đổi khi vật tư đầu vào, xăng dầu, xi măng, cát, đá... thay đổi theo nhà nước. Hai Bên sẽ thống nhất điều chỉnh giá trước khi thực hiện.
- Trong trường hợp có thay đổi về giá bê tông thương phẩm và cần bổ sung mác bê tông thì Bên B sẽ làm Báo giá gửi cho Bên A. Hai Bên sẽ tiến hành thương thảo điều chỉnh giá trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên B gửi thông báo cho Bên A. Nếu thống nhất được đơn giá mới, hai Bên sẽ lập phụ lục hợp đồng hoặc Báo giá điều chỉnh đơn giá hợp đồng được hai Bên xác nhận đầy đủ *(được xem như là Phụ lục hợp đồng)* làm cơ sở thực hiện và thanh toán. Trường hợp sau 07 ngày kể từ khi Bên B gửi thông báo điều chỉnh giá mà hai Bên không thống nhất được đơn giá thực hiện thì các Bên thoả thuận chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 6: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

6.1. Thời gian giao nhận:

Sau 05h giờ kể từ khi Bên B nhận được đơn đặt hàng có xác nhận của Bên A.

6.2. Địa điểm giao nhận:

Công trình của Bên A: **Khu đô thị mới thuộc dự án số 4 – Khu đô thị mới trung tâm thành phố Thanh Hóa** tại địa điểm: **Phường Đông Hải, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa**

6.3. Phương thức giao nhận hàng:

Hai Bên đối chiếu khối lượng bê tông giao nhận trong ngày để làm cơ sở đối chiếu thanh toán theo Điều 7 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 7: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

7.1 Thời hạn thanh toán:

Vào ngày cuối cùng hàng tháng, hai Bên tiến hành đối chiếu khối lượng. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B 80% giá trị bê tông và các dịch vụ đi kèm (bao gồm cả VAT hiện hành) trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được hóa đơn GTGT do Bên B phát hành. 20% còn lại sẽ được thanh toán cùng với 80% của kì thanh toán tiếp theo. Thời gian xuất hóa đơn không được quá 5 ngày kể từ ngày bên B gửi đối chiếu công nợ bản cứng hoặc File mềm.

Nếu quá thời hạn thanh toán mà Bên A không thanh toán thì Bên A sẽ chịu lãi suất trả chậm của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm hiện hành kể từ ngày quá hạn.

7.2 Mức dư nợ: không quá ***3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng)*** hoặc giá trị khối lượng bê tông tương ứng cấp trong 1 tháng. Điều nào đến trước thì áp dụng trước để là cơ sở Bên A thanh toán cho Bên B.

7.3 Chứng từ thanh toán:

+ Bản đối chiếu khối lượng (Bản đối chiếu khối lượng được lập trên cơ sở các phiếu giao hàng của từng xe đã được người của Bên A xác nhận);
+ Biên bản đối chiếu giá trị;
+ Biên bản đối chiếu công nợ;
+ Hóa đơn giá trị gia tăng;
+ Công văn đề nghị thanh toán;
+ Các Phiếu bê tông, bơm bê tông (Photo).

7.4 Hình thức thanh toán: chuyển khoản

ĐIỀU 8: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN A

- Bên A đặt hàng trước 24 giờ. Thời gian đổ bê tông sẽ được xác định chính xác tối thiểu trước 02 giờ và được Bên B xác nhận. Bên A có thể đặt hàng bằng văn bản gửi cho Bên B hoặc liên lạc trực tiếp với người lãnh đạo Bên B trong trường hợp cần thiết.
- Hủy bỏ việc đặt bê tông trước ít nhất 180 phút so với thời gian chỉ định. Trong trường hợp muộn hơn mà Bên B đã trộn thì Bên A phải thanh toán khối lượng bê tông đã trộn đó.
- Khi Bên A thông báo kế hoạch đổ bê tông và Bên B đã vận chuyển bê tông đến công trường nhưng Bên A không sử dụng mà không phải do lỗi của Bên B thì Bên A phải thanh toán khối lượng bê tông đó.
- Lắp đặt các thiết bị phục vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông và vệ sinh môi trường như cầu rửa xe, máy bơm nước áp lực cao, đèn tín hiệu. Đồng thời thường xuyên bố trí công nhân vệ sinh xe và đường trước cổng công trường trong và sau khi đổ bê tông.
- Chuẩn bị mặt bằng, đường đi lại trong công trường để đảm bảo cho xe chuyên chở bê tông được hoạt động tốt và chịu mọi chi phí gây ra cho thiết bị của Bên B nếu do lỗi của Bên A gây ra.
- Thông báo cho Bên B tên của các nhân viên có trách nhiệm gọi bê tông, nhận bê tông, ký phiếu giao bê tông và xác nhận khối lượng hàng tháng. Mọi thay đổi phải được thông báo cho Bên B kịp thời bằng văn bản. Đại diện Bên A ký nhận khối lượng bê tông được Bên B giao theo từng đợt đặt hàng của Bên A ngay trong ngày.
- Nếu xảy ra trường hợp sự cố kỹ thuật do thi công công trường, hỏng bơm bê tông và thiết bị đổ bê tông hoặc do thời tiết, Bên A phải báo kịp thời cho Bên B để dừng trộn, đối với các xe bê tông đã trộn Bên A phải xác nhận và thanh toán cho Bên B.
- Trong trường hợp có tranh chấp về khối lượng Bên A có quyền khiếu nại và yêu cầu Bên B cung cấp mọi tài liệu có liên quan cho Bên A và tiến hành kiểm tra tìm hiểu nguyên nhân để xác minh. Sai sót của Bên nào thì Bên đó chịu trách nhiệm. Mọi khiếu nại phải được đưa ra trong vòng 03 (ba) ngày kể từ thời gian kết thúc đổ bê tông.
- Thường xuyên cử cán bộ theo dõi, giám sát chất lượng công trình, nghiệm thu khối lượng công việc để làm căn cứ quyết toán sau này.
- Việc kiểm tra độ sụt của hỗn hợp bê tông và đúc mẫu kiểm tra cường độ của bê tông phải được thực hiện trong khoảng thời gian 30 phút kể từ khi xe bê tông tới công trường và Bên A không phải trả tiền cho thời gian chờ đợi tại công trường. Nhưng nếu các xe bê tông đến công trường đúng giờ và bê tông đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và phải chờ đợi đổ bê tông quá 90 phút thì Bên A phải ký tiếp nhận xe bê tông đó và Bên B không chịu trách nhiệm về chất lượng bê tông của những xe nói trên.

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36
Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

yêu cầu R7) hoặc R14 (đối với mác bê tông yêu cầu R14) và một lần R28 đối với đơn hàng Bên A đặt (không bao gồm chi phí thí nghiệm chống thấm và thí nghiệm bền Sunfat). Nếu phát sinh thêm thì Bên A phải chịu thêm chi phí.

– Bên B đảm bảo mẫu bê tông đạt kết quả thí nghiệm trước chủ đầu tư và tư vấn giám sát cho Bên A. Nếu mẫu nén bê tông không đạt yêu cầu về cường độ vào ngày thứ 28, hai bên tiến hành kiểm tra cường độ tại mẫu lưu để xác định cường độ. Nếu trường hợp mẫu lưu không có thì tiến hành lấy mẫu trên cấu kiện tại hiện trường công trình kiểm tra theo TCVN 9335:2012, việc thực hiện này do một Đơn vị có chức năng được Bên A và Đơn vị CDT, TVGS chấp thuận thực hiện. Nếu bê tông cung cấp vẫn không đạt yêu cầu, trách nhiệm của Bên B sẽ bồi hoàn tất cả những chi phí đối với những công việc có liên quan đến việc khắc phục phần kết cấu bị ảnh hưởng bởi phần bê tông không đạt đó

– Trong tất cả các trường hợp nếu cường độ mẫu nén không đạt yêu cầu nhưng cường độ bê tông tại hiện trường đạt yêu cầu thì toàn bộ khối đổ bê tông xem như đạt yêu cầu.

– Nếu sau khi kiểm tra cấu kiện bê tông tại hiện trường mà bê tông vẫn không đạt mác quy định và bên B vẫn không chứng chứng minh được chất lượng bê tông là đạt yêu cầu thì bên B phải chịu thanh toán các chi phí sau:

- Trường hợp cấu kiện bê tông kém chất lượng nhưng có thể sửa chữa được: Bên B chịu mọi chi phí thanh toán cho việc sửa lỗi.
- Trường hợp cấu kiện bê tông kém chất lượng không thể sửa chữa được, buộc phải tháo dỡ: Bên B phải bồi hoàn bê tông cốt thép và công lao động đối với phần kết cấu bị ảnh hưởng. Số lượng cốt thép lấy ra từ việc tháo dỡ bê tông là thuộc tài sản của bên A.

- Bên B có trách nhiệm theo dõi, nhắc nhở Bên A về việc bảo dưỡng bê tông để sản phẩm đạt được chất lượng tốt nhất.
- Những trường hợp sai sót hay thu hồi bê tông do các nguyên nhân sau đây sẽ không thuộc phạm vi đảm bảo chất lượng cũng như trách nhiệm bồi hoàn bê tông của Bên B:
  - Bên A tự ý cho thêm nước và phụ gia vào bê tông ở công trường.
  - Thời gian đổ bê tông vượt quá thời gian duy trì độ sụt kể từ lúc bê tông xuất xưởng do những chậm trễ ở công trường.
  - Đổ bê tông khi trời đang mưa lớn nhưng không che chắn.
- Bên B có quyền không điều xe bê tông tới các vị trí không đảm bảo điều kiện đường xá hoặc thấy rủi ro cho thiết bị và con người của Bên B.
- Bên B phải cung cấp đủ hoá đơn, chứng từ hợp lệ và chứng chỉ bê tông theo mác mà Bên A đã đặt hàng.
- Bên B có trách nhiệm bố trí thời gian, phương tiện để Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát kiểm tra năng lực Trạm trộn của Bên B theo quy định.
- Đảm bảo cường độ bê tông đạt mác sau 28 ngày trên mẫu thử do Bên B cung cấp. Trong trường hợp mẫu nén 28 ngày không đạt cường độ theo TCVN yêu cầu thì mẫu lưu được đưa đi nén thí nghiệm tại phòng thí nghiệm độc lập và bê tông của khối đổ đó coi như đạt nếu mẫu lưu đạt mác thiết kế. Trường hợp nếu mẫu lưu vẫn không đạt mác thiết kế thì Bên B phải tiến hành kiểm tra, thí nghiệm lại theo phương pháp được các Bên thống nhất như: khoang lõi gia công đối chứng, siêu âm kết hợp súng bật nảy... Trường hợp kiểm tra lại vẫn

không đạt, Bên B phải chịu chi phí xử lý đối với cấu kiện bê tông không đạt yêu cầu đó. Chi phí này phải hợp lý và được tính toán dựa trên biên bản làm việc giữa hai Bên.

ĐIỀU 10: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các Bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết. Mọi thoả thuận lại được lập thành văn bản hoặc email, fax, thông báo với sự xác nhận của hai Bên.
- Trường hợp những tranh chấp không hòa giải được thì hai Bên thống nhất đưa ra Tòa án nơi Bên B đặt trụ sở để giải quyết. Phán quyết của toà án sẽ là quyết định cuối cùng và bắt buộc đối với hai Bên. Bên thua kiện sẽ chịu án phí và các chi phí khác liên quan.

ĐIỀU 11: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan mà:

a. Ngoài khả năng kiểm soát của một Bên, và
b. Bên đó không có thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết Hợp đồng, và
c. Đã xảy ra mà Bên đó không thể tránh hay khắc phục một cách hợp lý, và
d. Thực chất không thể quy cho Bên kia.

Bất khả kháng bao gồm, những sự kiện hay trường hợp bất thường thuộc các loại được liệt kê dưới đây, nếu thoả mãn các điều kiện từ (a) đến (d) ở trên:

a. Chiến tranh, tình trạng chiến tranh (bất kể có tuyên bố chiến tranh hay không) sự xâm lược, hoạt động của kẻ thù nước ngoài;
b. Nổi loạn, khủng bố, cách mạng, khởi nghĩa, đảo chính hoặc nội chiến;
c. Nổi loạn, náo loạn, vi phạm kỷ luật, bãi công, hay bị bao vây bởi những người không phải là người của Bên B và các người làm thuê khác của Bên B và Bên B;
d. Vũ khí đạn dược của chiến tranh, vật liệu nổ, phóng xạ ion hoặc ô nhiễm do hoạt động phóng xạ, ngoại trừ do có thể quy kết cho việc Bên B sử dụng vũ khí đạn dược, chất nổ, phóng xạ và hoạt động phóng xạ;
e. Dịch bệnh không thể kiểm soát được như Covid;
f. Các thiên tai như động đất, lốc, bão;
g. Sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia phạt và/hoặc chấm dứt Hợp đồng và/hoặc miễn hoàn toàn việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng. Tuy nhiên Bên Bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

a. Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
b. Thông báo ngay cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 03 (ba) ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng và phải miêu tả thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc và những ảnh hưởng của bất khả kháng.

Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng (thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng không bao gồm khoảng thời gian khắc phục thiệt hại sau sự kiện bất khả kháng) mà Bên Bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 12: TẠM DỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

12.1 Tạm dừng hợp đồng:

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi Bên A hoặc Bên B gây ra ảnh hưởng đến quyền lợi, trách nhiệm của Bên kia.
- Các trường hợp khác do hai Bên thỏa thuận.
- Bên A không thanh toán cho Bên B theo Điều 7 của Hợp đồng.
- Bên B không thực hiện việc cung cấp bê tông theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng này khi có yêu cầu phù hợp của Bên A.

Một Bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của Bên kia gây ra, nhưng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm dừng và cùng bàn bạc giải quyết, thỏa thuận các chi phí liên quan đến việc tạm dừng hợp đồng. Trường hợp Bên tạm dừng không thông báo mà gây thiệt hại cho Bên kia thì phải bồi thường cho Bên bị thiệt hại theo quy định pháp luật.

12.2 Chấm dứt hợp đồng:

Một Bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại cho Bên kia nếu thuộc một trong những trường hợp sau:

- Bên A chậm thanh toán sau 45 ngày cho Bên B theo Điều 7 của hợp đồng.
- Dự án của Chủ đầu tư bị ảnh hưởng của việc Nhà nước thay đổi chính sách và đình chỉ vĩnh viễn.
- Bên B vi phạm từ 03 lần về việc thực hiện hợp đồng cung cấp bê tông cho Bên A theo các điều khoản của Hợp đồng này.

Khi chấm dứt hợp đồng, Bên A vẫn giữ nguyên nghĩa vụ thanh toán đối với những phần hàng hóa Bên B đã cung cấp.

ĐIỀU 13: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

13.1 Hiệu lực Hợp đồng:

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi các Bên hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng.
- Sau ngày hết hiệu lực của Hợp đồng, các Phụ lục và hồ sơ thanh toán chưa thực hiện xong thì hợp đồng/phụ lục vẫn còn hiệu lực. Nếu Hai Bên đã thực hiện xong nghĩa vụ thì Hợp đồng tự động thanh lý.

13.2 Sửa đổi Hợp đồng

- Khi Một hoặc Hai Bên có nhu cầu sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này, thì cả Hai Bên phải bàn bạc và thống nhất với nhau những nội dung sửa đổi, bổ sung.
- Việc sửa đổi, bổ sung này phải được lập thành văn bản có xác nhận bởi chữ ký và con dấu của Đại diện có thẩm quyền của Hai Bên.
- Các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) là một Phụ lục không thể tách rời của Hợp đồng này.

13.3 Thông tin và thông báo

- Mọi thông tin, thông báo của Một Bên trong quá trình thực hiện Hợp đồng phải được gửi đến cho Bên kia thông qua địa chỉ liên lạc nêu tại phần thông tin của Bên A và Bên B.
- Hình thức thông tin: dữ liệu bằng văn bản, dữ liệu điện tử, fax, email. Các hình thức thông tin này có giá trị ngang nhau.
- Thông tin được xem là đã được gởi kể từ ngày Bên nhận nhận được thông tin.

13.4 Hồ sơ pháp lý

- Bên B cung cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp.
- Trường hợp người giao dịch không phải Người đại diện theo pháp luật thì phải có Giấy ủy quyền.

13.5 Quy ước

- Đại diện Bên Mua tại công trường là Chỉ huy trưởng công trình/Giám đốc dự án.
- Bên Mua ủy quyền cho 02 nhân sự trên thay mặt Bên A trực tiếp làm việc với Bên B để ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao, Bảng khối lượng thanh toán và giải quyết các vấn đề phát sinh tại công trình.
  - Chỉ Huy Phó: Nguyễn Văn Thương
  - SĐT: 0369 164 903

13.6 Số lượng và giá trị văn bản

- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CHỦ TỊCH HĐQT	PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Hằng	Đào Trọng Thường

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36
Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
SỐ: 1.2410/HĐKT/TĐ-NS

"V/v cung cấp bê tông thương phẩm phục vụ thi công công trình".

- *Căn cứ vào Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;*
- *Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;*
- *Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;*

Hôm nay, ngày 24 tháng 10 năm 2023, chúng tôi gồm:

A/ Đại diện bên mua (Bên A): **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TIẾN ĐẠT**

Đại diện: Ông **Nguyễn Vũ Tiến** Chức vụ: Giám Đốc

Địa chỉ: Lô số 7, khu công nghiệp Tây Bắc Ga giai đoạn 2 - Phường Đông Cương - Thành phố Thanh Hoá - Thanh Hoá.

MST: 2800761938 Điện thoại: 0915067656

Tài khoản: 77776888101 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Lam Sơn Thanh Hóa

B/ Đại diện bên bán (Bên B): **CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36**

Đại diện: **Đào Trọng Thưởng** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Lô CN1.2, khu công nghiệp Vức, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

MST: 2802476069 Điện thoại: 0913 838589

Email: betongnghison36@gmail.com

Tài khoản: 5011 0008 83 85 89 tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Thanh Hóa

Hai bên cùng nhau bàn bạc thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế với những điều khoản sau:

Điều I: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

Bên B đồng ý bán, Bên A đồng ý mua bê tông thương phẩm phục vụ **thi công các công trình trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa và khu vực lân cận trong phạm vi bán kính 40km tính từ trạm trộn bê tông Công ty cổ phần Nghi Sơn 36** với các thông tin chi tiết như sau :

1.1. Sản phẩm và giá cả:

STT	Chủng loại, quy cách	Độ sụt	ĐVT	Đơn giá

ĐIỀU 2: ĐẶT HÀNG VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

2.1. Đặt hàng bê tông:
- Hai bên thống nhất lập nhóm Zalo làm việc chung để xác nhận lịch và kế hoạch làm việc cụ thể;
- Thời gian đặt hàng tối thiểu trước 24h, thời gian đổ bê tông sẽ được chính xác tối thiểu trước 4 giờ; hai Bên cam kết phối hợp nhau trong quá trình làm việc trên tinh thần hỗ trợ đảm bảo quyền và lợi ích của các Bên;

2.2. Giao nhận bê tông:
- Khi xe của Bên B đến công trường, Bên A cử người đại diện để kiểm tra khối lượng, kẹp chì, độ sụt bê tông (độ sụt phải được lấy trong vong 30 phút tính từ khi bê tông đến chân công trình) trên xe vận chuyển và các phiếu giao hàng kèm theo thấy phù hợp, ký vào phiếu giao nhận hàng của Bên B lúc đó bê tông mới được xả ra khỏi xe vận chuyển. Nếu độ sụt không đạt yêu cầu thì bên A có quyền thải loại và không xác nhận khối lượng phần bê tông của xe đó.

2.3. Phương thức xác nhận khối lượng:
- Vào ngày cuối cùng của tháng dương lịch, hai bên đối chiếu khối lượng mua bán trong tháng đó làm cơ sở xác nhận giá trị thực hiện và công nợ;
- Phiếu giao nhận hàng có chữ ký của người đại diện bên A là căn cứ để hai bên xác nhận khối lượng, sau mỗi đợt đổ bê tông hai Bên đối chiếu khối lượng làm căn cứ chốt khối lượng theo tháng;

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC VÀ TIẾN ĐỘ THANH TOÁN

3.1. Phương thức thanh toán: Thanh toán tiền mặt hoặc chuyển khoản

3.2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

3.3. Tiến độ thanh toán:
- Vào ngày 20 - 25 dương lịch hàng tháng, hai bên chốt khối lượng và công nợ, vào ngày 15 của tháng kế tiếp, bên A thanh toán ngay 70% giá trị đối chiếu sau khi bên B xuất hóa đơn và giao đủ hồ sơ thanh toán, 30% còn lại sẽ thanh toán cùng tháng tiếp theo (khi mà bê tông có kết quả thí nghiệm đạt chất lượng).
- Quá thời gian này mà Bên A chưa thanh toán thì Bên B có quyền tạm ngừng cấp bê tông để hai bên thương thảo tiếp;

Hồ sơ thanh toán bao gồm:
+ Biên bản xác nhận giá trị thực hiện và công nợ;
+ Biên bản đối chiếu khối lượng thực hiện trong kỳ;
+ Hóa đơn đỏ hợp lệ;

- Việc thanh toán chậm so với thoả thuận thì bên A phải chịu trả chi phí tài chính bằng lãi suất vay (11%/năm) cho bên B duy trì khoản nợ quá hạn nhưng không quá 3 tháng. Nếu quá thời gian này thì bên B sẽ áp dụng các biện pháp thu hồi công nợ quá hạn này đối với bên A, và bên A chịu mọi chi phí phát sinh liên quan.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

4.1. Bên A có trách nhiệm cung cấp thiết kế cấp phối bê tông đã được TVGS và CĐT phê duyệt;
4.2. Bên A có trách nhiệm báo đơn đặt hàng cho bên B theo đúng quy định tại khoản 2.1 Điều 2;
4.3. Chuẩn bị mặt bằng, đường đi lại trong công trường đảm bảo cho xe chuyên chở bê tông tiếp cận được vị trí đổ bê tông;
4.4. Cử cán bộ trực tại công trường để nhận hàng, theo dõi, giám sát nghiệm thu khối lượng cho Bên B;
4.5. Phối hợp với Bên B giải quyết các vướng mắc phát sinh trong phạm vi công việc, trường hợp xảy ra sự cố kỹ thuật tại công trường thì Bên A phải thông báo ngay cho Bên B để dừng trộn để tránh thiệt hại cho cả hai bên;
4.6. Bên A có quyền kiểm tra khối lượng bê tông bất cứ lúc nào(bằng cách kiểm tra khối lượng thực tế đổ trên công trường hoặc cân xe bê tông trước khi đổ). Nếu khối lượng bê tông kiểm tra thực tế sai khác giảm so với khối lượng bê tông ghi trên phiếu, thì toàn bộ khối lượng bê tông mà bên B đã cấp từ trước sẽ bị giảm trừ theo tỷ lệ tương ứng .
4.7. Thanh toán cho Bên B đúng thời hạn như quy định tại Điều 3;
4.8. Có quyền cho người của mình hoặc TVGS (nếu có) tiếp cận trạm trộn của Bên B tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình Bên B trộn bê tông theo đơn đặt hàng của bên A
4.9. Chất lượng bê tông cấp cho công trình được nghiệm thu khi hai bên A và B chứng kiến ép mẫu thí nghiệm tại phòng Last do bên A đăng kí với chủ đầu tư. Nếu chất lượng không đảm bảo bên A từ chối nghiệm thu và bên B có trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại do chất lượng bê tông không đảm bảo gây ra.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM BÊN B

5.1. Cung cấp bê tông đúng chủng loại, kịp thời theo yêu cầu đặt hàng của bên A quy định tại khoản 2.1 Điều 2, xe bê tông đến công trường đảm bảo còn nguyên kẹp chì;
5.2. Bên B có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật thí nghiệm chuẩn bị dụng cụ, đúc mẫu, và kiểm tra độ sụt của Bê tông ngoài công trường. Mẫu bê tông và độ sụt phải được lấy trong vòng 30 phút tính từ khi Bê tông đến chân công trình.
5.3. Chịu trách nhiệm bảo quản, dưỡng hộ mẫu, vận chuyển mẫu ép mẫu tại phòng thí nghiệm hiện trường của Bên A. Bên A chịu chi phí thí nghiệm vật liệu đầu vào (không chịu chi phí về thí nghiệm nén mẫu bê tông lấy tại hiện trường, chi phí nén mẫu chống thấm và các chi phí thí nghiệm khác)
5.4. Đảm bảo bê tông đạt chất lượng theo quy định tại khoản 1.3 Điều 1; Nếu chất lượng bê tông không đạt mác yêu cầu, sử dụng vật liệu không đúng chủng loại dẫn đến sản phẩm bê tông không đảm bảo chất lượng thì Bên B bằng chi phí của mình có trách nhiệm:
   + Vận chuyển số bê tông không đảm bảo chất lượng ra khỏi công trường và thay thế bằng bê tông khác đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu của Dự án;
   + Chịu chi phí phá dỡ làm mới lại cấu kiện cho Bên A (nếu có) và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật với chất lượng bê tông không đạt yêu cầu.
5.5. Trường hợp Bên B không cấp được bê tông thì phải báo trước cho bên A tối thiểu 3 giờ để Bên A điều chỉnh kế hoạch thi công. Nếu bên B thông báo chậm trễ quá 3 giờ dẫn đến bên A phải dừng thi công hoặc phải mua của bên thứ 3 thì mọi thiệt hại bên B chịu;

5.6. Chịu trách nhiệm hoàn toàn và không giới hạn những tai nạn giao thông, tai nạn lao động xảy ra trong quá trình vận chuyển từ trạm trộn của Bên B đến công trường của bên A và trong quá trình đổ bê tông cho đến khi hoàn thành xong đợt cấp hàng;
5.7. Chấp hành nghiêm túc nội quy công trường Bên A. Cung cấp hóa đơn GTGT hợp lệ cho bên A cũng như các chứng chỉ cần thiết liên quan đến chất lượng, khối lượng bê tông thương phẩm;
5.8. Bên B cam kết năng lực trạm trộn đáp ứng yêu cầu của Dự án, Trạm trộn còn thời hạn kiểm định, thợ vận hành có trình độ chuyên môn phù hợp.

ĐIỀU 6. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

6.1. Các Bên, đại diện của các Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung, điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng; không Bên nào được đơn phương sửa đổi nội dung Hợp đồng. Mọi bổ sung, sửa đổi các điều khoản của Hợp đồng phải được Hai bên thống nhất bằng văn bản hoặc Phụ lục Hợp đồng;
6.2. Sau khi đổ bê tông xong nếu bên A có khiếu nại về khối lượng thì hai bên cùng nhau đến công trường kiểm tra khối lượng thực tế, các chi phí phát sinh(nếu có) trong quá trình kiểm tra thì bên sai hoàn toàn chịu trách nhiệm .
+ Khối lượng bê tông hao hụt(nếu có) được áp dụng theo tiêu chuẩn TCVN. Sẽ bằng kích thước hình học thực tế tại công trường nhân với tỉ lệ hao hụt cho phép và cộng với phần đáy bơm (nếu có) cụ thể
- Đối với các cấu kiện thông thường là 1,5%
- Đối với cọc khoan nhồi là 15%
6.3. Nếu trong quá trình thực hiện Hợp đồng có khó khăn, trở ngại thì Hai bên bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, nếu Hai bên không đạt được thỏa thuận thì Hai bên thống nhất đưa vụ việc ra Tòa án kinh tế TP Thanh Hóa giải quyết, Đồng thời trong thời gian tranh chấp đang được giải quyết thì Các bên phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này – ngoại trừ vấn đề đang tranh chấp;
6.4. Hợp đồng sẽ tự thanh lý khi bên B hoàn thành việc cung cấp bê tông thương phẩm cho bên A và bên A thanh toán hết tiền cho bên B theo các điều khoản của Hợp đồng
6.5. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TIẾN ĐẠT
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Vũ Tiến

CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36
GIÁM ĐỐC
Đào Trọng Thưởng

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36
Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

MỘT SỐ HÌNH ẢNH TIÊU BIỂU

Dự án: Cung cấp bê tông thương phẩm cho các dự án lớn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và phục vụ một lượng lớn khách hàng là các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh.

Một số hình ảnh tiêu biểu

Bơm công trình khách sạn Maron và công trình nhà biệt thự Mường Thanh







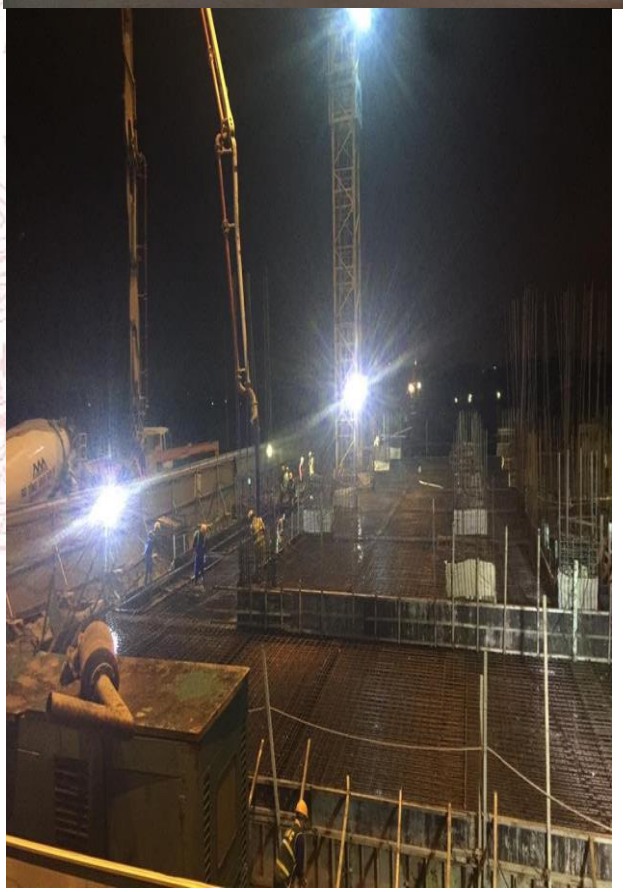


Bơm bê tông công trình nhà dân và công trình Erowindow









Thi công nhà xưởng của nhà máy Châu Lộc

Bơm bê tông nhà dân

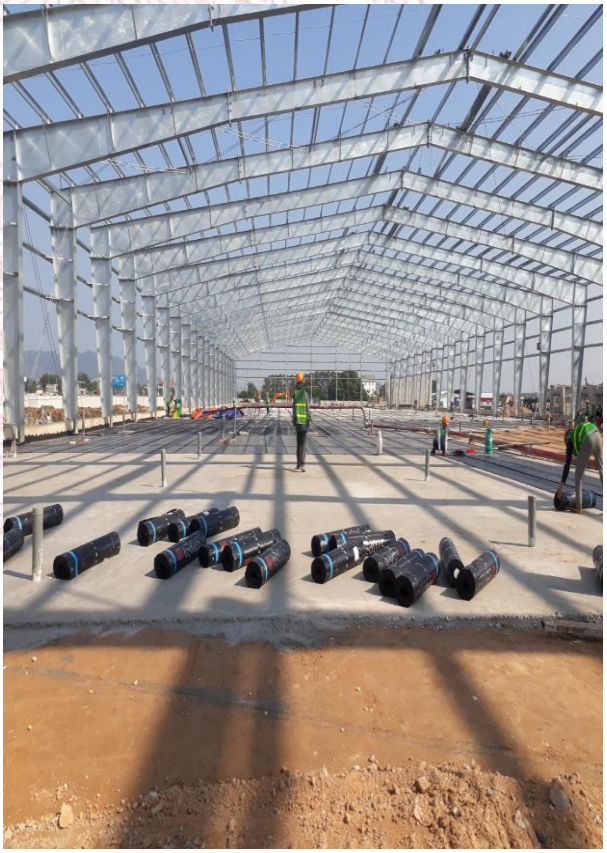


Thi công Biệt thự nhà dân



Bơm xưởng công trình





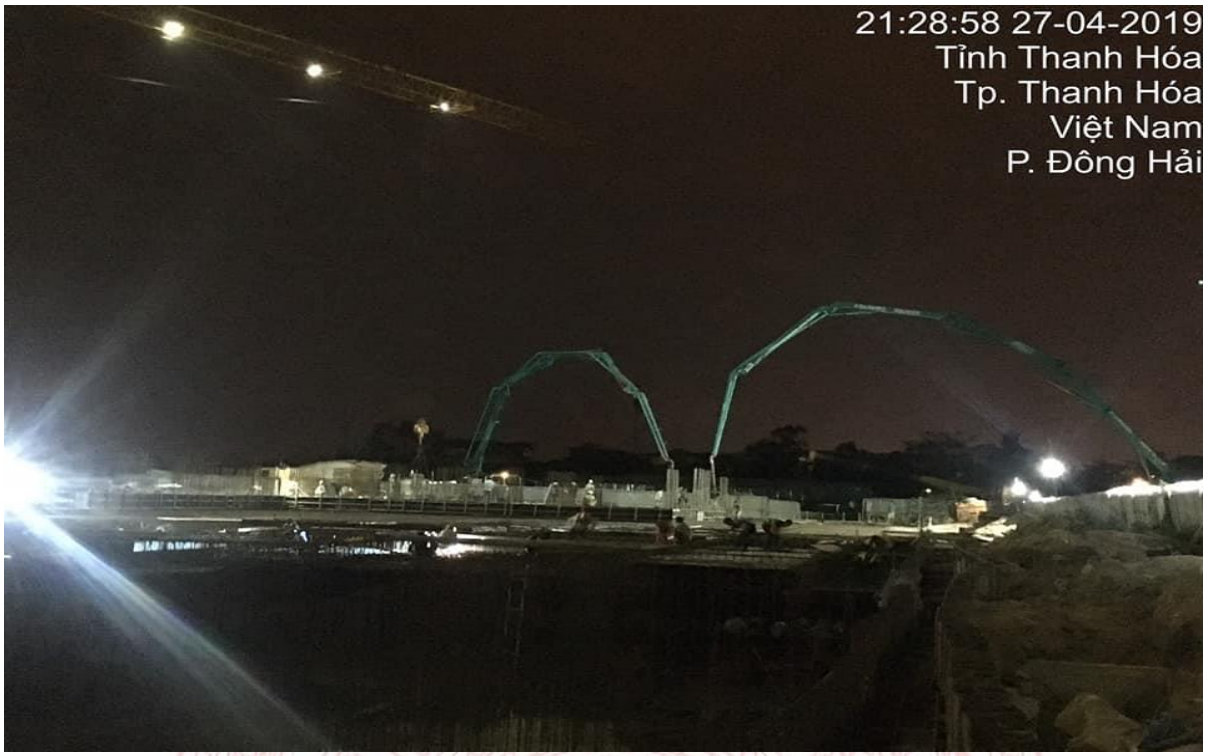
BÊ TÔNG NGHI SƠN 36

Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com





Thi công sân nhà trường ĐH Văn Hóa



Thi công công trình Tòa nhà Xuân Mai Thanh Hóa



Thi công công trình Cầu Mục Sơn – Thọ Xuân

Thi công các công trình toàn nhà cao tầng tại TP.Thanh Hóa






28 Jan 2021 at 10:58:35
Đường Lạc Long Quân
Tỉnh Thanh Hóa
TP. Thanh Hóa
Việt Nam


Jan 28, 2021 at 10:13:12
Đường Lê Thanh Tông
Tỉnh Thanh Hóa
TP. Thanh Hóa
Việt Nam
BÊ TÔNG NGHI SƠN 36
0913 83 85 89
38CX
EVERDIGM


BÊ TÔNG NGHI SƠN 36
0913 83 85 89
38CX
EVERDIGM

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG NGUỒN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Tiến trình	Kiểm soát	Tiêu chuẩn áp dụng
NGUYÊN LIỆU	Nguyên vật liệu được kiểm soát chặt chẽ theo Tiêu chuẩn Việt Nam. Việc kiểm soát được thực hiện liên tục để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật. **Xi măng:** PC và PCB 40 Nghi Sơn **Cát tự nhiên:** Thọ Nguyên, Thọ Xuân **Cát nhân tạo:** Được sản xuất trực tiếp từ Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36. **Đá:** Trường Lâm – Tĩnh Gia; Yên Lâm – Yên Định tỉnh Thanh Hóa **Phụ gia:** Bifi; Basf. **Nước:** Nước đạt chuẩn	TCVN 6260:2020 TCVN 7572:2018 TCVN 7570:2006 TCVN 8826:2011
HỆ THỐNG ĐỊNH LƯỢNG	Hệ thống định lượng được hiệu chuẩn, kiểm định định kỳ theo quy định, đảm bảo độ chính xác tuyệt đối của thiết bị máy móc	ĐLVN 14:2009
HỆ THỐNG PHỐI TRỘN	Thực hiện phối trộn bê tông theo đúng cấp phối thiết kế và quy trình kỹ thuật đã được đề ra	TCVN 9340:2012
KIỂM TRA ĐỘ SỤT	Hỗn hợp bê tông trước khi xuất xưởng được kiểm tra đảm bảo độ sụt, đủ khối lượng	TCVN 3106:2022
VẬN CHUYỂN	Tuân thủ quy trình vận hành xe vận chuyển và các yêu cầu đảm bảo chất lượng bê tông. Khi trời mưa có tấm che phễu → bồn trộn của xe luôn được quay trong khi vận chuyển cho đến khi xả BT vào công trình	

GIAO NHẬN	Thực hiện đúng quy trình giao nhận sản phẩm và tuân thủ các yêu cầu của khách hàng tại công trường	
KIỂM TRA SẢN PHẨM	Lấy và bảo dưỡng mẫu theo Tiêu chuẩn Việt Nam. Kiểm tra tính chất cơ lý của bê tông tại phòng LAS XD.	TCVN 3118:2022 TCVN 4453:1995 TCVN 239:2006 TCVN 3105:2022
KẾT THÚC QUÁ TRÌNH	Giao nhận kết quả kiểm tra mẫu bê tông và lưu hồ sơ theo hệ thống QLCL.	

MỘT SỐ HỢP ĐỒNG VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---oOo---

HỢP ĐỒNG MUA BÁN XI MĂNG

Số: 09/2024/HĐMB/TH-NS36

- *Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;*
- *Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;*
- *Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*
- *Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên;*

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2023 tại văn phòng Công ty TNHH Trường Hải, chúng tôi gồm có:

BÊN MUA-BÊN A	**: CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36**
Đại diện	: Ông **Đào Trọng Thường** Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ	: Lô CN1.2, Cụm công nghiệp Vức, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại	: 0913.838.589
Giấy chứng nhận ĐKKD	: Số 2802476069, cấp ngày 13/10/2017 Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thanh Hóa
Mã số thuế	: 2802476069
Tài khoản số	: 030025838589 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Thanh Hóa
BÊN BÁN-BÊN B	**: CÔNG TY TNHH TRƯỜNG HẢI**
Đại diện	: Ông **Nguyễn Văn Trường** Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ	: Đường Trần Nhân Tông, Phố An Hòa, Phường Ninh Phong, TP.Ninh Bình
Điện thoại	: 02293.893.536 Fax: 02293.893.637
Giấy chứng nhận ĐKKD	: Số 2700271665, ngày cấp 13/11/2001. Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Ninh Bình.
Mã số thuế	: 2700271665 Email: truonghai21@gmail.com
Tài khoản số	: 5055778888 tại NH TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi Nhánh Bỉm Sơn. : 0221005666888 tại NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Ninh Bình : 111600135666 tại NH TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tam Điệp.

Sau khi thỏa thuận hai bên đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán xi măng (có thể gọi tắt là "Hợp đồng") với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán xi măng phục vụ cho các trạm trộn và các công trình theo yêu cầu của Bên A phù hợp với quy định tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 2: CHỦNG LOẠI HÀNG HÓA VÀ TIÊU CHUẨN, CHẤT LƯỢNG.

2.1. Chủng loại hàng hóa:

+ Xi măng rời, bao: Bút Sơn, Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Long Sơn, Xuân Thành, Vissai (PCB30, PCB40, PC40, Type I, Type II…); và các loại xi măng khác.
+ Trường hợp Bên A muốn mua loại xi măng khác thì Hai bên sẽ tiến hành thỏa thuận và ký Phụ lục hợp đồng để thực hiện.

Tiêu chuẩn, chất lượng:

a) Hàng hóa đảm bảo đúng tiêu chuẩn chất lượng của nhà sản xuất công bố, cụ thể:
   + Xi măng rời PCB40 theo tiêu chuẩn TCVN 6260:2020
   + Xi măng rời PC40 theo tiêu chuẩn TCVN 2682:2020
   + Xi măng PCB40 theo tiêu chuẩn ASTM C1157/C1157M-11
   + Xi măng rời TypeI, TypeII theo tiêu chuẩn ASTM C150/C150M - 16

b) Bên A phải kiểm tra, thí nghiệm chất lượng của mỗi loại xi măng mà Bên B cung cấp trước khi đưa vào sản xuất bê tông và các Công trình xây dựng.

c) Sau khi kiểm tra, thí nghiệm mà phát hiện chủng loại, chất lượng xi măng Bên B cung cấp không đúng theo tiêu chuẩn công bố hoặc có một sự bất thường nào khác thì Bên A phải thông báo kịp thời cho Bên B đồng thời không tiếp nhận lô hàng đó và cùng với Bên B giải quyết với nhà sản xuất.

d) Để đảm bảo chất lượng Bê tông và các công trình xây dựng được ổn định, tránh gây khó khăn trong việc giải quyết các khiếu nại về chất lượng xi măng, Bên A nên sử dụng một chủng loại xi măng của một nhà cung cấp cho một Trạm trộn.

ĐIỀU 3: SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO HÀNG

3.1. Số lượng: Theo yêu cầu của Bên A.

3.2. Đơn giá: Giá cả mua bán hàng hóa theo hợp đồng này là giá thỏa thuận theo từng thời điểm và được làm thành phụ lục hoặc báo giá đính kèm hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có sự thay đổi về giá của nhà sản xuất hoặc biến động giá cả của thị trường Bên B sẽ thông báo cho Bên A bằng mail, điện thoại hoặc văn bản trước khi cấp hàng.

3.3. Địa điểm giao hàng: Được thể hiện trong Phụ lục đính kèm Hợp đồng này.

3.4. Phương thức giao nhận hàng:

a) Bên A phải gửi đơn đặt hàng đến Bên B làm căn cứ xuất hàng.

b) Bên A có thể đặt hàng qua Fax, email cho Bên B trước ít nhất 02 ngày để Bên B có kế hoạch cung ứng hàng hóa kịp thời.

c) Bên A cử người đại diện hoặc người được ủy quyền để giao nhận hàng.

d) Đối với xi măng rời :

+ Bên B giao hàng cho Bên A bằng xe chuyên chở xi măng rời có kẹp chì, phiếu cân và phiếu giao hàng của nhà sản xuất.

+ Khi Bên A có yêu cầu kiểm tra khối lượng hàng qua cân thì chi phí cân, và chi phí đi chuyển phương tiện sẽ do Bên A chịu trách nhiệm chi trả (*mức chênh lệch trọng lượng xi măng rời cho phép là ± 0.5%*).

ĐIỀU 4: THANH TOÁN

4.1. Hình thức thanh toán:

Chuyển khoản qua ngân hàng bằng đồng tiền Việt Nam.

4.2. Phương thức và thời hạn thanh toán

a) Cuối tháng Hai bên tiến hành đối chiếu chốt khối lượng, ký xác nhận công nợ và Bên B xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên A.

b) Hạn mức công nợ Bên B cho Bên A nợ không quá **5.000.000.000** đồng *(Năm tỷ đồng)*. Trong bất cứ thời điểm nào tổng giá trị tiền hàng mà Bên A đã lấy luôn nhỏ hơn hoặc bằng giá trị hạn mức công nợ nêu trên, nếu vượt quá số dư này Bên A phải thanh toán ngay phần vượt để lấy hàng.

c) Nếu đến hạn mà Bên A chưa thanh toán thì Bên B có quyền dừng cấp hàng cho Bên A và tính lãi suất cho toàn bộ số nợ quá hạn bằng lãi suất trả chậm của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bỉm Sơn và được cộng vào công nợ của Bên A cho đến khi Bên A thanh toán hết toàn bộ công nợ cho Bên B.

d) Trong vòng 60 ngày liên tục mà Bên A không thực hiện lấy hàng kể từ ngày giao hàng gần nhất thì Bên A phải thanh toán toàn bộ công nợ còn lại cho Bên B.

4.3. Hồ sơ thanh toán bao gồm:

a) Biên bản đối chiếu khối lượng, biên bản đối chiếu công nợ.

b) Hóa đơn GTGT Bên B xuất cho Bên A.

4.4. Kết chuyển nghĩa vụ thanh toán

Các bên cùng nhau thống nhất chuyển toàn bộ công nợ còn lại từ hợp đồng mua bán xi măng số 09/2023/HĐMB/TH-NS36 ký ngày 31 tháng 12 năm 2022 giữa Công ty cổ phần Nghi Sơn 36 với Công ty TNHH Trường Hải sang hợp đồng này để tiếp tục thực hiện. Các nghĩa vụ thanh toán công nợ trong trường hợp này được áp dụng theo những điều kiện, nội dung quy định của hợp đồng này mà không cần phải ký phụ lục hợp đồng.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

5.1. Trách nhiệm của Bên A:

a) Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo Điều 4 của hợp đồng này.

b) Ký các biên bản giao nhận khối lượng, phiếu giao nhận hàng, biên bản đối chiếu công nợ hàng tháng và các chứng từ liên quan khác phục vụ cho việc thanh toán theo Điều 4 của Hợp đồng này. Bên A có trách nhiệm ký xác nhận và gửi lại cho Bên B biên bản đối chiếu công nợ của từng tháng chậm nhất là ngày 20 của tháng kế tiếp, nếu đến hết ngày 20 của tháng kế tiếp mà Bên A chưa ký xác nhận và gửi đối chiếu công nợ cho Bên B thì Bên A phải chấp nhận số liệu mà Bên B đưa ra.

c) Đảm bảo những điều kiện thuận lợi và an toàn nhất cho phương tiện vận chuyển xi măng rời chuyên dùng của bên B có thể ra vào khu vực giao hàng.

d) Cử người có thẩm quyền để đặt hàng và nhận hàng. Mọi trường hợp thay đổi người có thẩm quyền đặt hàng và nhận hàng, Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản.

e) Kiểm tra hàng hoá khi Bên B giao hàng. Khi người có thẩm quyền của Bên A ký vào Biên bản giao nhận hàng mà không có bất kỳ ý kiến nào khác, Bên B không phải chịu trách nhiệm bảo quản hàng và số lượng hàng đã giao cho Bên A.

f) Phải tổ chức nhận hàng 24/24 giờ cả ngày lễ và chủ nhật khi Bên A đã yêu cầu đặt hàng. Bên A có trách nhiệm giải phóng phương tiện cho Bên B trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm xe hàng Bên B về đến địa điểm giao hàng. Nếu quá thời hạn 24 giờ Bên A chưa nhận hàng, Bên A phải chịu phí lưu xe là: 2.000.000 đồng/12 giờ và bồi thường các thiệt hại phát sinh (nếu có).

g) Thông báo trước về nhu cầu chủng loại xi măng cho Bên B trước 48h và trong giờ làm việc các ngày trong tuần.

h) Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu Bên A thay đổi, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý, cổ phần hóa, mua bán, chuyển đổi hình thức công ty, thay đổi pháp nhân (bao gồm nhưng không giới hạn việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, thay đổi trụ sở giao dịch, thay đổi tên gọi, thay đổi cổ đông, người góp vốn chi phối…) thì Bên A phải thông báo bằng văn bản hoặc email cho Bên B đồng thời Bên A vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ đối với số công nợ đến thời điểm thay đổi.

i) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

5.2. Trách nhiệm của bên B

a) Cung cấp đủ số lượng, quy cách, chủng loại xi măng, giao hàng đúng thời gian, địa điểm như phiếu yêu cầu giao hàng của bên A.

b) Lập biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ giữa hai bên làm cơ sở thanh toán theo quy định của Hợp đồng.

c) Khi Bên A có nhu cầu sử dụng các loại xi măng khác thì Bên B, trong khả năng của mình, cam kết đáp ứng đầy đủ, kịp thời chủng loại xi măng đó. Giá cả sẽ được thỏa thuận theo từng thời điểm Bên A lấy hàng và được lập thành Phụ lục Hợp đồng đính kèm Hợp đồng này.

ĐIỀU 6: BẤT KHẢ KHÁNG

6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính chất khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, lũ lụt, sóng thần... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam...

6.2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và có biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày sau khi sảy ra sự kiện bất khả kháng.

6.3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

ĐIỀU 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

7.1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết.

7.2. Trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên chủ động thương lượng trên tinh thần hợp tác để giải quyết, nếu không thỏa thuận được, hai bên thống nhất việc giải quyết tranh chấp sẽ được thực hiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi bên khởi kiện (nguyên đơn) có đăng ký trụ sở chính để giải quyết theo quy định của pháp luật. Quyết định của Toà án là quyết định cuối cùng và bắt buộc hai bên phải thi hành. Án phí hoặc bất cứ chi phí nào khác theo quy định của pháp luật sẽ do bên thua kiện chịu trừ khi có quyết định khác của Toà án.

ĐIỀU 8: HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

8.1 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

a) Trong trường hợp Hợp đồng hết thời hạn nếu Hai bên có nhu cầu tiếp tục thực hiện Hợp đồng này thì cùng nhau ký kết Hợp đồng mới và kết chuyển toàn bộ nghĩa vụ, quyền hạn của Hợp đồng cũ đang thực hiện sang Hợp đồng Mới để cùng thực hiện.

b) Trong trường hợp Hai bên không gia hạn Hợp đồng khi Hợp đồng hết thời hạn hiệu lực, mỗi bên đều phải có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ còn tồn đọng, chưa thực hiện của mình theo các điều khoản của Hợp đồng và các Phụ lục của Hợp đồng này.

8.2 Hợp đồng này chấm dứt hiệu lực trong những trường hợp sau:

a) Hợp đồng hết hạn và các bên không ký Hợp đồng mới. Trong trường hợp này nếu Bên A chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán công nợ cho Bên B, thì hợp đồng này vẫn có giá trị thực hiện cho đến khi Bên A thanh toán hết công nợ cho Bên B ;

b) Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, trong trường hợp đó, các Bên sẽ thoả thuận về các điều kiện cụ thể liên quan tới việc chấm dứt Hợp đồng;

c) Hai bên hoàn thành nghĩa vụ giao nhận hàng hóa và thanh toán toàn bộ công nợ cho bên còn lại và không phát sinh đơn đặt hàng nào khác trong vòng 60 ngày liên tiếp;

d) Theo thỏa thuận bằng văn bản được hai bên đồng ý;

8.3 Thanh lý Hợp đồng: Khi hết hạn Hợp đồng, hai Bên tiến hành đối chiếu, thanh toán toàn bộ các khoản công nợ còn tồn đọng. Sau khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ của mình Hợp đồng tự động được thanh lý.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

9.1. Các bên cam kết đã đọc kỹ, hiểu rõ toàn bộ nội dung của hợp đồng này cũng như cam kết thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

9.2. Bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung nào đối với Hợp đồng sẽ chỉ có hiệu lực khi có thoả thuận bằng văn bản của các bên.

9.3. Mọi trường hợp sửa đổi, bổ sung bất kì một nội dung nào trong Hợp đồng này phải được lập thành Phụ lục hợp đồng và được người đại diện hợp pháp của các bên ký và đóng dấu.

9.4. Hợp đồng này bao gồm 06 (sáu) trang và được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để làm căn cứ thực hiện. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Đào Trọng Thưởng	Nguyễn Văn Trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 04/2023/THM- NS36/HĐNT

V/v: Cung cấp phụ gia SIKA

- Căn cứ vào Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH 11 do Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2005.

- Căn cứ Thông tư 06/2007TT - Bộ XD 25/7/2007/BXD hướng dẫn hợp đồng kinh tế trong xây dựng.

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2023, tại Hà Nội, chúng tôi gồm có:

BÊN A (BÊN MUA): CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36

Đại diện : Ông **Đào Trọng Thưởng** Chức vụ: **Giám Đốc**

Địa chỉ : Lô CN 1.2 KCN Vức, xã Đông Quang, Huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại : 0913.83.85.89 Email: betongnghison36@gmail.com

Mã số thuế : **2802476069**

Số tài khoản (VND): 030025838589 tại Ngân Hàng Sacombank – CN Thanh Hóa.

BÊN B (BÊN BÁN): CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HOÀNG MAI

Đại diện : Bà **Nguyễn Hoàng Kiều Trang** - Chức vụ : **Giám Đốc**

Địa chỉ : Số nhà G5 khu Pandora, số 53 Triều Khúc – P. Thanh Xuân Nam – Q. Thanh Xuân – TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 0243668 7293 Fax: 024 3668 7292

Mã số thuế : **0101463484**

Tài khoản 1 : Số 136992029 tại Ngân hàng TMCP Á Châu, Chi Nhánh Hà Nội, PGD Đền Lừ.

Tài khoản 2 : Số 0466 7019 6868 tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – CN Hà Nội – PGD Hà Đông.

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua - bán với những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: HÀNG HÓA VÀ GIÁ CẢ

1.1 Theo hợp đồng này, Bên B sẽ bán cho Bên A các sản phẩm phụ gia bê tông, hóa chất xây dựng mang nhãn hiệu Sika phục vụ sản xuất.

1.2 Việc mua bán các sản phẩm giữa bên mua và bên bán trong thời hạn của hợp đồng này sẽ được thực hiện theo các quy định của hợp đồng này. Đơn giá của các sản phẩm đó sẽ được xác định theo báo giá của bên bán gửi cho bên mua theo từng thời điểm và đơn đặt hàng của bên mua.

1.3 Đơn giá bán cho từng sản phẩm được Bên B báo giá cho Bên A có thể được Bên B điều chỉnh nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Có sự biến động về giá của các nguyên vật liệu thiết yếu (khí đốt, xăng, dầu, điện, nước…) cũng như các nguyên liệu hình thành nên các sản phẩm của Bên B;

- Có sự thay đổi trong chính sách của nhà nước về tiền lương, chính sách thuế, tỉ giá hối đoái (biến động ±5% so với tỉ giá tại thời điểm ký hợp đồng), chính sách giá đối với các mặt hàng thiết yếu do nhà nước quản lý về giá, các chế độ, chính sách mới.

Việc điều chỉnh giá khi đó sẽ được Bên B gửi thông báo điều chỉnh đơn giá bán cho Bên A trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày áp dụng đơn giá mới. Khi đó, thông báo điều chỉnh đơn giá là một phần không tách rời của hợp đồng này. Bên A mặc nhiên thừa nhận mức giá mới được áp dụng kể từ ngày có hiệu lực của thông báo điều chỉnh đơn giá bán do Bên B phát hành.

Nếu Bên A không đồng ý với đơn giá mới, Hợp đồng này sẽ được xem là chấm dứt theo Điều 6.2 kể từ ngày phát sinh hiệu lực của thông báo điều chỉnh đơn giá bán do Bên B phát hành.

ĐIỀU 2: ĐẶT HÀNG

Thời gian giao hàng sẽ được hai bên thỏa thuận theo phiếu đặt hàng do Bên A chuyển (có thể bằng fax/email) cho Bên B tại từng thời điểm. Các phiếu đặt hàng sẽ là một phần không tách rời của hợp đồng này.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG

3.1. Hàng được giao trong vòng **03-07 (bảy) ngày** kể từ ngày hai Bên xác nhận đơn hàng.

3.2. Hàng hóa nêu tại Điều 1 của hợp đồng này được giao tại **công trình** trên phương tiện Bên B.

Bên A chịu trách nhiệm bốc dỡ hàng xuống tại công trình.

3.3. Bên A sẽ thông báo bằng văn bản những người được giao nhiệm vụ thay mặt Bên A ký biên bản nhận hàng và ký nhận những tài liệu theo yêu cầu của Bên B trong quá trình nhận hàng hóa theo hợp đồng này, bao gồm những thông tin: **Họ và tên, Chức vụ, CMND.**

3.4. Chữ ký xác nhận cho việc nhận hàng của người đại diện Bên A nói tại Điều 3.3 được coi là căn cứ cho việc Bên A đã chấp nhận loại hàng hóa, số lượng theo yêu cầu đã được Bên B giao.

3.5. Bên B không chấp nhận việc trả lại hàng đạt chất lượng như đã nêu trong tài liệu kỹ thuật của sản phẩm.

3.6. Bên B có quyền không giao hàng nếu Bên A vi phạm phương thức thanh toán nêu tại Điều 4.

3.7. Nếu Bên A không thể sắp xếp việc nhận hàng khi Bên B giao hàng đến nơi theo quy định trong hợp đồng và phiếu đặt hàng, Bên A phải thanh toán cho Bên B tất cả các chi phí phát sinh do việc chậm trễ hoặc không thể nhận hàng như đã thỏa thuận.

ĐIỀU 4: THANH TOÁN:

4.1 Thanh toán theo một trong 2 hạn mức (Hạn mức nào đến trước thì áp dụng trước):

+ Hạn mức tín dụng tối đa 200.000.000 VNĐ (hai trăm triệu đồng), Bên Mua phải thanh toán để số dư nợ không vượt quá hạn mức tín dụng trên, hoặc

+ Bên Mua trả chậm trong vòng 30 ngày, có nghĩa là Bên Mua phải thanh toán số dư nợ tới hạn mặc dù số dư nợ chưa đến hạn mức tín dụng nói trên.

4.2 Trường hợp thanh toán chậm: Bên A phải chịu trách nhiệm trả cho Bên B khoản tiền lãi do trả chậm tương đương 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng do bên B mở tài khoản tại thời điểm thanh toán cho mỗi ngày thanh toán chậm vượt quá thời gian quy định nói trên nhưng không quá 30 ngày. Nếu quá 30 ngày kể từ thời hạn thanh toán tối đa mà Bên A vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, các bên sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

4.3 Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

4.4 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HAI BÊN

5.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Đảm bảo cung cấp đúng chủng loại, số lượng, chất lượng hàng và giao hàng đúng tiến độ theo thỏa thuận giữa hai bên.
- Cung cấp đầy đủ hoá đơn GTGT hợp lệ.
- Được thanh toán theo đúng số lượng thực tế, đúng phương thức và thời hạn quy định trong hợp đồng.
- Tạm ngưng cấp hàng đến khi Bên A thực hiện đúng phương thức, thời hạn và giá trị thanh toán đã nêu tại hợp đồng.

5.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Khi nhận hàng, Bên A kiểm tra và nghiệm thu số lượng, chất lượng, chủng loại hàng ký nhận vào Biên bản giao nhận hàng thực tế và các chứng từ liên quan. Trong trường hợp hàng hóa Bên B giao không đúng theo yêu cầu chủng loại theo đơn đặt hàng của Bên A thì Bên A có quyền không nhận lô hàng đó và nêu rõ lý do vào biên bản giao nhận và Bên B phải chuyển đi, mọi chi phí liên quan Bên B hoàn toàn phải chịu.
- Cùng với Bên B lập biên bản giao nhận khối lượng hàng hóa thực tế được 2 bên xác nhận. Trong quá trình thi công nếu có gì sai sót (chất lượng, chủng loại hàng) Bên A phải thông báo cho Bên B để kịp thời giải quyết. Bên B sẽ không chấp nhận bất kỳ sự khiếu kiện nào khi sản phẩm đã thi công vào công trình.
- Bên A chịu trách nhiệm về các thủ tục, chi phí thí nghiệm tần suất để hàng vào công trình (nếu có), chuẩn bị sẵn mặt bằng kho bãi để nhận hàng và bảo quản hàng tốt nhất.

- Thanh toán theo đúng số lượng thực tế, đúng phương thức và thời hạn quy định trong Hợp đồng.

ĐIỀU 6: SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

6.1. Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận của các bên.

6.2. Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- Kết thúc thời hạn hợp đồng và hai bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình.
- Một trong hai bên của hợp đồng bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động.
- Các bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Các giấy tờ, tài liệu thông tin trao đổi giữa Bên B và Bên A được coi là thuộc sở hữu của các bên và các bên có trách nhiệm giữ bí mật và chỉ được tiết lộ cho đối tác nếu được sự đồng ý trước bằng văn bản của phía bên kia.

ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này và/hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết trước hết bằng thương lượng. Trường hợp các bên không thể giải quyết được, trang chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại tòa án có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 9: BẤT KHẢ KHÁNG

9.1 Trong Hợp Đồng, **"Bất khả kháng"** có nghĩa là sự kiện, tình huống hoặc sự kết hợp các sự kiện hoặc tình huống được mô tả ở Khoản 9.2 Điều này làm ngăn cản toàn bộ hay một phần, gây trì hoãn cho một hoặc Các Bên trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này.

9.2 Bất khả kháng bao gồm, nhưng không giới hạn ở các trường hợp sau:

a) Các hiện tượng tự nhiên bao gồm thiên tai, hoả hoạn, lũ lụt, sóng thần, xoáy lốc, hạn hán, động đất cao hơn cấp thiết kế, sấm sét cao hơn mức thiết kế.

b) Chiến tranh, hành động xâm lược, khủng bố, bạo loạn, nội chiến, hoặc các hành động thù địch khác.

9.3 Thông báo:

Bên bị ảnh hưởng của Bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia về sự kiện, tình huống tạo thành Bất khả kháng trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không được muộn hơn 01 *(một)* ngày kể từ sau khi thông tin liên lạc đã sẵn sàng phục hồi. Bất cứ thông báo nào cũng sẽ bao gồm đầy đủ chi tiết về sự kiện, tình huống tạo thành Bất khả kháng, tác động của nó với Bên bị ảnh hưởng đối với việc thực hiện nghĩa vụ Hợp Đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Bên bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý.

9.4 Hậu quả của Bất khả kháng:

Không Bên nào phải chịu trách nhiệm hoặc bị coi là vi phạm Hợp Đồng hoặc có lỗi do không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng khi xảy

ra Bất khả kháng. Ngay sau khi sự cố Bất khả kháng chấm dứt, Các Bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện Hợp Đồng nếu không có yêu cầu nào khác từ một trong Các Bên.

9.5 Nếu một Bên do Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định Hợp Đồng trong thời hạn 30 *(ba mươi)* ngày kể từ ngày xảy ra Bất khả kháng, thì một trong Các Bên sau đó đều có quyền chấm dứt Hợp Đồng. Thông báo về việc chấm dứt Hợp Đồng phải được gửi tới Bên còn lại tối thiểu là 30 *(ba mươi)* ngày trước khi chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng sẽ được coi là chấm dứt sau khi hết hạn thông báo đó.

9.6 Bất cứ nghĩa vụ nào của Mỗi Bên này sinh trước khi xuất hiện Bất khả kháng đều không được miễn trừ do sự xuất hiện Bất khả kháng.

ĐIỀU 10: HIỆU LỰC VÀ SỐ BẢN HỢP ĐỒNG

10.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2023.

10.2 Hợp đồng này gồm 05 (năm) trang 10 (mười) điều được lập thành 04 (bốn) bản, có hiệu lực pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36	CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HOÀNG MAI
PHÓ GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Đào Trọng Thường	Nguyễn Hoàng Kiều Trang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 0201/2023/ĐP-NS36

(V/v: Mua bán phụ gia bê tông)

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN QUỐC TẾ ĐẠI PHONG

Hà Nội 2023

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36

Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.

Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
****

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

- *Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản pháp luật liên quan.*
- *Căn cứ Luật Thương mại được nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 Quốc Hội thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực ngày 01/01/2006.*
- *Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.*

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Quốc tế Đại Phong, chúng tôi gồm có:

BÊN MUA: CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36

Địa chỉ: Lô CN1.2, khu công nghiệp Vức, Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Mã số thuế : 2802476069

Tài khoản : 030025838589 tại ngân hàng Sacombank chi nhánh Thanh Hóa

Đại diện : Ông **Phạm Văn Đường** Chức vụ : **Giám đốc**

(Gọi tắt là Bên A)

BÊN BÁN: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN QUỐC TẾ ĐẠI PHONG

Địa chỉ : Số 16 - Ngách 26/72 - Tổ 5 phố Tư Đình, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Mã số thuế : 0109199344

Tài khoản : 0351123669999 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội MB - CN Gia Lâm - Hà Nội.

Đại diện : Ông **Hoàng Văn Sang** Chức vụ : **Giám đốc**

(Gọi tắt là Bên B)

Hai bên thỏa thuận và đi đến thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế mua bán phụ gia cho bê tông với các điều khoản như sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng

a) Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán phụ gia để phục vụ sản xuất bê tông tại các nhà máy của Bên A cũng như các công trình xây lắp mà Bên A tham gia.

b) Đơn giá, khối lượng và quy cách đóng gói được qui định cụ thể trong điều 2 của hợp đồng này.

Điều 2: Đơn giá, khối lượng và đóng gói

a) **Đơn giá**: Đơn giá cụ thể như bảng sau:

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ/đvt)	Ghi chú
1	MasterGlenium SKY 8712	Lít	1000 lít/Bulk	18.646	*Bơm từ xe vào bồn chứa*

- Đơn giá trên chưa bao gồm 10% thuế VAT và đã bao gồm chi phí vận chuyển đến trạm trộn của bên mua *(tại nơi mà xe tải ra vào được)*.
- Khối lượng tối thiểu cho một lần đặt hàng là 4.000 lít. *(Trường hợp đơn hàng dưới 4.000 lít sẽ phát sinh chi phí vận chuyển và được 2 bên thỏa thuận).*
- Địa điểm giao hàng: Trạm trộn Lô CN1.2, khu công nghiệp Vức, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Phương thức giao hàng: Đối với phụ gia dạng nước được bơm từ bồn chứa trên xe của bên bán vào bồn chứa của bên mua khi giao hàng.

b) Trường hợp thị trường có biến động về giá, địa điểm giao hàng khác, chủng loại phụ gia khác làm thay đổi đơn giá thì hai bên sẽ thỏa thuận đơn giá mới. Đơn giá mới được thể hiện trên báo giá hoặc phụ lục hợp đồng là một phần không thể tách rời của hợp đồng và làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán.

c) **Khối lượng:** Khối lượng theo yêu cầu của Bên A theo từng lần lấy hàng được người có trách nhiệm của Bên A thông báo với người có trách nhiệm của Bên B.

d) **Đóng gói**: Hàng hóa được đóng gói theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Hàng hóa được đóng phuy hoặc bồn còn nguyên niêm phong kẹp chì theo quy định của nhà sản xuất và thời hạn sử dụng của nhà sản xuất.

Điều 3: Phương thức thanh toán:

a) Căn cứ phiếu giao hàng có xác nhận của đại diện bên A, Bên B xuất hoá đơn GTGT hợp pháp hợp lệ cho Bên A và Bên A thanh toán cho Bên B.

b) Thời gian thanh toán: thanh toán 100% giá trị các đơn hàng trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên B bàn giao đầy đủ số lượng theo đơn đặt hàng cho bên A. Quá hạn

thanh toán Bên A phải chịu lãi suất bằng lãi suất 0.05%/ngày trong suốt thời gian quá hạn. Thời gian quá hạn không quá 15 ngày.

c) Việc thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng qua phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B.

d) Cơ sở thanh toán: Hóa đơn GTGT hợp pháp hợp lệ. Hồ sơ thanh toán bao gồm:
+ Bảng đối chiếu công nợ.
+ Hóa đơn giá trị gia tăng.
+ Phiếu nhận hàng có ký xác nhận của đại diện 02 bên (bản chính hoặc sao y).

Điều 4: Đặt hàng và giao hàng:

a) Bên A đặt hàng trước bằng văn bản hoặc điện thoại trực tiếp cho người chịu trách nhiệm cho Bên B trước 48 giờ. Khối lượng theo yêu cầu của Bên A được thông báo qua: điện thoại (0867577189), fax, mail (daiphongtic@gmail.com), đơn đặt hàng (Đơn đặt hàng có chữ ký của Phụ trách Vật tư hoặc Người được uỷ quyền ký xác nhận về số lượng và nội dung hàng đặt).

b) Bên B cấp hàng dạng bồn thì phải bơm vào bồn chứa của Bên A tại nơi giao hàng và thu hồi thùng rỗng, trước khi bơm Bên A kiểm tra chứng từ, chủng loại, chất lượng và số lượng hàng hóa trên các bồn chứa được niêm phong, kẹp chì của nhà sản xuất. Trong quá trình bơm nếu xảy ra thất thoát (do lỗi của Bên B) thì Bên A chỉ nhận đúng số lượng thực tế hàng hóa đã bơm vào bồn chứa của Bên A.

c) Bên B ký vào giấy giao hàng và gửi kèm theo mỗi lần giao hàng chứng chỉ chất lượng của từng lô hàng.

Điều 5: Chất lượng sản phẩm

a) Hàng hoá được Bên B sản xuất và cung cấp phải đảm bảo tuân thủ đúng theo nhà sản xuất đã công bố. Các đặc tính kỹ thuật cơ lý đúng như trong bản công bố chất lượng hàng hoá của Bên B hoặc giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm.

b) Nếu hàng Bên B cấp cho Bên A không đảm bảo chất lượng theo các yêu cầu nêu trên thì Bên A có quyền từ chối nhận hàng hoặc trả lại hàng và tạm ngừng việc thanh toán cho Bên B cho đến khi hai Bên thoả thuận xong.

c) Nếu có bất kỳ khiếu nại về chất lượng, số lượng của sản phẩm, Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn, Bên B có trách nhiệm cho người kiểm tra và trả lời cho Bên A.

Điều 6: Qui định về giao nhận hàng

Trong quá trình giao nhận, hai bên cam kết: không cho phép CBCNV trực tiếp thực hiện nhiệm vụ giao nhận của mỗi Bên có hành vi tư lợi để làm ảnh hưởng đến quyền lợi, lợi ích mỗi Bên. Nếu phát hiện ra những hành vi tiêu cực từ cán bộ, nhân viên của mỗi bên như gian lận về khối lượng cũng như chất lượng hàng hóa hoặc bất kì hành vi tiêu cực nào khác ảnh hưởng đến các qui định ghi trong nội dung hợp đồng này thì lãnh đạo hai bên sẽ ngay lập tức cùng bàn bạc để giải quyết, khắc phục, xử lí theo qui định của pháp luật.

Điều 7: Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của Bên A:

a) Thực hiện tất cả các yêu cầu dành cho Bên A như trong hợp đồng.

b) Kiểm tra và ký giấy giao nhận hàng cho Bên B và cử người chịu trách nhiệm đối chiếu khối lượng, công nợ với Bên B.

c) Tạo điều kiện cho xe của Bên B vào giao hàng.

d) Bên A có quyền ngừng nhận hàng trong trường hợp phát hiện nghi ngờ về dấu niêm phong, kẹp chì nhà máy hoặc Bên B cung cấp hàng không đảm bảo chất lượng như đã thống nhất.

e) Bên A không được phép chuyển nhượng quyền hay nghĩa vụ của mình đã được quy định trong Hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào trừ trường hợp có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên B.

f) Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo khoản c điều 3 của Hợp đồng này.

2. Trách nhiệm của Bên B:

a) Thực hiện tất cả các yêu cầu dành cho Bên B như trong hợp đồng.

b) Cung cấp chứng chỉ chất lượng kèm theo mỗi lô hàng cho Bên A.

c) Bảo đảm rằng sản phẩm cung cấp trong hợp đồng này thỏa mãn các yêu cầu về tài liệu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng cho Bên A.

d) Giao hàng đúng thời hạn và hàng phải trong tình trạng tốt. Hoàn toàn chịu trách nhiệm do chất lượng sản phẩm không đảm bảo.

e) Hỗ trợ kỹ thuật cho những sản phẩm của Bên B cũng như cử người cùng Bên A thiết kế, thí nghiệm các cấp phối mới.

f) Xe của Bên B vào trong nhà máy của Bên A giao hàng mà gây hỏng hóc, tai nạn thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại đó.

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36
Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

g) Xuất hóa đơn GTGT 10% hợp pháp hợp lệ và cung cấp các chứng từ , hồ sơ thanh toán cho Bên A.

Điều 8: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp.

a) Cả hai Bên cam kết thực thi tất cả các điều khoản được đề ra trong hợp đồng này.

b) Nếu có tranh chấp xảy ra, hai Bên sẽ giải quyết vấn đề bằng hòa giải trên tinh thần hợp tác, thiện chí và tôn trọng lẫn nhau. Trong trường hợp không tự giải quyết được thì tranh chấp sẽ được đưa ra tòa án NDTP Hà Nội giải quyết, án phí theo phán quyết của tòa án.

Điều 9: Các điều khoản chung:

a) Cả hai Bên nghiêm chỉnh chấp hành các điều khoản trong hợp đồng này. Mọi sự thay đổi đều không được chấp nhận nếu không có sự đồng ý của hai Bên bằng văn bản.

b) Sau khi Bên A thanh toán toàn bộ giá trị tiền hàng thì hợp đồng kinh tế coi như được thanh lý.

c) Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 31/12/2024. Sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hiệu lực của Hợp đồng nếu hai Bên không có ý kiến gì bằng văn bản thì Hợp đồng tự động kéo dài thêm 12 tháng.

d) Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi Bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Đào Trọng Thắng	Hoàng Văn Sang

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----------o0o----------

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số:27CT/2023 /HĐNT-PGCEMTECH

(V/v: Mua bán phụ gia bê tông)

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc Hội thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Luật thương mại của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc Hội thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2023, chúng tôi gồm:

BÊN A (BÊN MUA): CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36

Đại diện : **Ông Phạm Văn Đường** Chức vụ : **Giám đốc**

Địa chỉ : Lô CN1.2 Khu Công nghiệp Vức, Xã Đông Quang, Huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại : 0913838589

Mã số thuế : 2802476069

Số tài khoản : 030025838589 tại Ngân hàng Sacombank – CN Thanh Hóa

BÊN B (BÊN BÁN): CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CEMTECH

Đại diện : **Ông Vũ Anh Quang** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ : Tầng 3, nhà A8, Khu tập thể HVHC Quốc gia, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại : 0945112666

Mã số thuế : 0107811392

Tài khoản : 0051109766888 Tại: Ngân hàng Quân Đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng.

Sau khi trao đổi, hai bên thống nhất ký kết cùng thực hiện các nội dung sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1. Số lượng

Bên A đồng ý mua, bên B đồng ý bán các loại phụ gia theo đúng chất lượng đã đăng ký của Công ty Cổ phần MC-BiFi Bauchemie. Số lượng cung ứng cụ thể theo từng đợt yêu cầu của bên A bằng văn bản hoặc bản Fax.

1.2. Phẩm chất, quy cách, nhãn hiệu

1.2.1. Chất lượng phụ gia phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo các tiêu chuẩn do công ty cổ phần MC-BiFi Bauchemie công bố.

1.2.2. Thông số chính của phụ gia:

➢Loại phân tán tổng hợp

➢Dạng lỏng

➢Phụ gia được đóng trong thùng khối dung tích 1000lít/thùng mỗi thùng đều có niêm phong và dán nhãn hàng hóa chính hãng của công ty Cổ phần MC-BiFi Bauchemie.

* Thời gian sử dụng hàng mới sản xuất hạn sử dụng trong vòng 08 tháng kể từ ngày sản xuất.

1.3. Sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Đóng gói	Ghi chú
01	**MC-TechniFlow 1005** *Phụ gia siêu dẻo giảm nước, kéo dài thời gian ninh kết cho bê tông*	Lít	1000lít/ Thùng	
02	**MC-PowerFlow 2177** *Phụ gia siêu dẻo cho bê tông trong điều kiện khí hậu nóng*	Lít	1000lít/ Thùng	
03	**MC-PowerFlow 2295** *Phụ gia siêu dẻo cao cấp, duy trì độ sụt dài lâu*	Lít	1000lít/ Thùng	
04	**MC-PowerFlow 2256** *Phụ gia siêu dẻo cao cấp, duy trì độ sụt dài lâu*	Lít	1000lít/ Thùng	
05	**MC-Centrament WP 100** *Phụ gia chống thấm cho bê tông*	Lít	1000lít/ Thùng	
06	**MC-TechniFlow 1003** *Phụ gia siêu dẻo giảm nước, kéo dài thời gian ninh kết cho bê tông*	Lít	1000lít/ Thùng	

*** Ghi chú:**

Giá cả hàng hóa sẽ được hai bên thỏa thuận và thống nhất bằng việc ký kết báo giá xác nhận hoặc phụ lục hợp đồng đính kèm.

ĐIỀU 2: THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

2.1. Thời gian giao hàng

Trong vòng 02 đến 03 ngày kể từ khi bên B nhận được đơn đặt hàng chính thức của bên A có đầy đủ thông tin: Tên sản phẩm, số lượng, thời gian giao hàng, địa điểm nhận hàng và

thông tin của người nhận hàng (trừ ngày lễ và chủ nhật – trong trường hợp có yêu cầu giao hàng vào những ngày này bên B sẽ cố gắng giao hàng trong khả năng của mình).

2.2. Địa điểm giao hàng

Tại kho của bên A tại Thanh Hóa.

2.3. Hình thức giao hàng

2.3.1. Giao hàng bằng thùng khối dung tích 1000 lít/thùng bơm vào thùng chứa phụ gia tại trạm và thu hồi vỏ thùng 1m³ về. Với khối lượng tối thiểu 4.000 lít/chuyến. Trường hợp bên Mua có nhu cầu sử dụng thùng chứa của bên Bán thì bên Mua phải bảo quản cho bên Bán trong quá trình sử dụng. .. Trường hợp thùng bị vỡ, nứt, mất nắp....không đạt, bên Mua phải trả cho bên Bán chi phí vỏ thùng theo giá thị trường.

2.3.2. Mỗi đợt giao hàng đại diện hai bên cùng nhau tiến hành giao nhận bằng hình thức cân, đo, đong, đếm hàng thực tế tại trạm bê tông và lập biên bản giao nhận hàng hóa (theo mẫu của bên B phát hành) để làm cơ sở thanh toán sau này.

2.3.3. Khi giao hàng: Bên bán tổ chức kết hợp cùng bên mua lấy 02 chai (0,5lít) mẫu phụ gia bất kỳ cho mỗi loại sản phẩm và niêm phong lưu tại bên mua và bên bán làm căn cứ thí nghiệm sau này. Trường hợp bê tông không đảm bảo chất lượng hai bên cùng nhau mang mẫu phụ gia có dán niêm phong đến viện khoa học chuyên ngành bê tông để thí nghiệm (IBST). Nếu nguyên nhân là do phụ gia kém chất lượng bên bán có trách nhiệm bồi thường mọi phí tổn khối lượng bê tông bị hỏng cho bên mua. Nếu nguyên nhân không phải do phụ gia gây nên thì bên mua có trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí thí nghiệm trên.

ĐIỀU 3: GIÁ BÁN, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Thanh toán

3.1.1.

a) Bên Bán cho bên Mua được dư nợ là 1.500.000.000Vnđ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) hoặc 60 ngày tiền hàng tính từ ngày xuất hóa đơn tùy điều kiện nào đến trước.

b) Vào ngày cuối cùng hàng tháng hai bên cùng nhau tiến hành đối chiếu khối lượng và công nợ để làm căn cứ cho bên B phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.

3.1.2. Trường hợp thanh toán chậm quá 10 ngày bên A sẽ phải chịu thêm lãi suất trả chậm quá hạn theo lãi suất tiền gửi 12 tháng của ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam trên tổng số tiền nợ quá hạn.

3.1.3. Việc thanh toán giữa bên A và bên B không phụ thuộc vào việc thanh toán giữa bên A và các đơn vị khác.

3.1.4. Bên B có quyền từ chối giao hàng nếu bên A không thực hiện đúng các điều khoản

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36

Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.

Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

thanh toán như trên.

3.2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản qua Ngân hàng.

3.3. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Quyền và trách nhiệm của bên A.

- Nhận bàn giao hàng hóa theo đúng quy định tại **Điều 1**, thời gian theo quy định tại **Điều 2**.
- Tạo điều kiện cho bên B giao hàng khi hàng đến nơi. Không gây tổn đọng phương tiện của bên B khi hàng đến.
- Thực hiện theo đúng yêu cầu kỹ thuật thi công và mọi hướng dẫn về sử dụng, bảo quản phụ gia theo sự hướng dẫn của bên B.
- Kiểm tra quy cách, chất lượng hàng hóa theo quy định tại **Điều 1**.
- Thanh toán cho bên B theo giá cả được ghi tại **Điều 1** và phương thức thanh toán được ghi tại **Điều 3** của hợp đồng.
- Bảo quản các trang thiết bị của Bên B đã lắp đặt trong quá trình sử dụng sản phẩm.
- Tổ chức kết hợp cùng bên B lấy 02 chai mẫu (0,5 lít) bất kỳ để niêm phong làm căn cứ thí nghiệm khi bê tông xảy ra sự cố về mặt chất lượng.

4.2 Quyền và trách nhiệm của bên B.

- Cung cấp hàng đúng, đủ nêu như tại **Điều 1.** Và thời gian theo quy định tại **Điều 2.** của hợp đồng.
- Cung cấp đầy đủ phiếu kiểm tra chất lượng của sản phẩm do nhà sản xuất cung cấp.
- Cung cấp, lắp đặt hệ thống định lượng và bồn chứa tại trạm trộn bê tông của Bên Mua khi sản lượng đạt từ 15.000lít (Mười lăm nghìn lít) trở lên trong một tháng và liên tục trong 3 tháng để hỗ trợ bên Mua sử dụng sản phẩm trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng, bằng hình thức cho mượn sử dụng có biên bản bàn giao. Bên mua chịu trách nhiệm sử dụng đúng mục đích hệ thống định lượng, bồn chứa và bảo quản nguyên vẹn.
- Cung cấp Hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ tài chính.

ĐIỀU 5: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu nảy sinh các vướng mắc các bên sẽ nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và giải quyết trên tinh thần hợp tác, phương thức tự hòa giải sẽ được ưu tiên hàng đầu.
- Trong trường hợp có tranh chấp xảy ra, hai bên cùng nhau bàn bạc tìm ra biện pháp giải quyết trên tinh thần thương lượng. Nếu thương lượng không thành sẽ đưa tranh chấp ra

tòa án kinh tế thành phố Hà Nội để giải quyết. Phán quyết cuối cùng của tòa án kinh tế là bắt buộc với cả hai bên, lỗi do Bên nào gây nên Bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi hoàn mọi phí tổn.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hợp đồng sẽ tự thanh lý sau khi hai bên thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nêu trong Hợp đồng cũng như các nghĩa vụ thanh toán giữa hai bên.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Đào Trọng Thưởng	Anh Quang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.
--------o0o--------

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Mua bán vật liệu)

- Căn cứ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội khóa 13.
- Căn cứ vào luật thương mại nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 14/6/2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ vào nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 09 năm 2023 tại Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Khánh Thành, chúng tôi gồm:

BÊN MUA : (Bên A) CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36
Đại diện: Ông **Đào Trọng Thưởng** Chức vụ: **Giám Đốc**
Địa chỉ: Lô CN1.2, khu công nghiệp Vức, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn
Điện thoại: 0913 83 85 89 Email: btns362022@gmail.com
Tài khoản: 030025838589 tại Ngân hàng Sacombank – CN Thanh Hoá.
Mã số thuế: 2802476069

BÊN BÁN (BÊN B): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI KHÁNH THÀNH
Đại diện : Ông: **Lê Đình Khánh** Chức vụ: **Giám đốc**
Địa chỉ: Phố Quang, Phường An Hưng, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
Mã số thuế: 2800656330
Điện thoại: 02373.982.098
Tài khoản: 84111 00328 002 tại Ngân hàng MB – PGD Phan Chu Trinh Thanh Hóa.

Sau khi bàn bạc, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng mua bán vật liệu với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung tên hàng hóa, đơn giá: ĐVT: đồng

STT	Vật liệu	ĐVT	Đơn giá	Ghi chú
1	Đá 1x2	M^3	145.000	Tại mỏ Yên Lâm
2	Mạt	M^3	100.000	Tại mỏ Yên Lâm
3	Đá 1x2	M^3	202.000	Tại mỏ Núi vức

- Đơn giá trên Đã bao gồm VAT 10%, Thuế tài nguyên, phí môi trường. Đơn giá trên là giá tại thời điểm ký hợp đồng, nếu có thay đổi về giá thì Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A trước 05 ngày bằng văn bản.
- Số lượng: Tùy thuộc vào nhu cầu tại từng thời điểm của bên A và khả năng sản xuất của bên B.

Điều 2: Giao nhận, vận chuyển và phương thức thanh toán:

- Bên B có trách nhiệm giao hàng cho bên A tại mỏ của bên B. Bên A cử người đo khối lượng cụ thể trên xe, kiểm tra quy cách vật liệu tại bãi của bên B.
- Hình thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Phương thức thanh toán: Vào ngày 15 và 30 hàng tháng hai bên tiến hành đối chiếu xác nhận số lượng và giá trị. Bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn GTGT đầy đủ cho bên A. Sau 5 ngày từ ngày đối chiếu thì Bên A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ tiền hàng cho bên B. Nếu sau 5 ngày đối chiếu bên A không thanh toán cho bên B, thì bên B có quyền dừng cấp hàng cho bên A .

Điều 3: Trách nhiệm của mỗi bên

- Trách nhiệm của bên A:
+ Có kế hoạch cụ thể về nhu cầu vật liệu để bên B bố trí sản xuất, đáp ứng số lượng đầy đủ và kịp thời.
+ Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho bên B như quy định tại điều 2.

- Trách nhiệm của bên B:
+ Cung cấp các loại vật liệu đủ số lượng yêu cầu, đúng quy cách và chất lượng như đã đăng ký với cơ quan Nhà nước.
+ Xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho bên A và chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hóa đơn.

Điều 4: Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng kể từ ngày ký hợp đồng đến khi một trong hai bên không còn nhu cầu và mọi điều khoản thanh toán được hoàn thành hết thì hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.

Điều5: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu bên nào làm sai bên đó phải chịu trách nhiệm bồi thường các tổn thất do bên đó gây ra theo quy định tại pháp lệnh của Hợp đồng kinh tế hiện hành.
- Khi bên B giao hết hàng cho bên A đồng thời bên A thanh toán hết tiền mua hàng cho bên B thì hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.
- Bất kỳ một điều khoản bổ sung hoặc sửa đổi liên quan đến hợp đồng này chỉ có giá trị khi có sự đồng ý của hai bên.

Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA	ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Đào Trọng Thưởng	Lê Đình Khánh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

01.04.2024LIG13TH-NS36

(V/v: Mua bán đá xây dựng)

- Căn cứ luật dân sự số 33/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005.

- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH11 QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005.

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2024 tại Văn phòng CN Công ty CP Licogi13-Vật liệu xây dựng tại Thanh Hóa, chúng tôi gồm:

I. BÊN BÁN HÀNG: CN CÔNG TY CP LICOGI 13 – VLXD TẠI THANH HÓA

(Gọi tắt là bên A).

- Địa chỉ: Thôn 8, xã Tân Trường, Thị Xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa
- Điện thoại: 0944257679
- Mã số thuế: 0104899536-001
- Tài khoản số: 15110000984575
- Tại ngân hàng: BIDV Chi Nhánh Thành Đô.
- Người đại diện: Ông **Nguyễn Xuân Trọng** Chức vụ: **Giám đốc**

II. BÊN MUA HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36

(Gọi tắt là bên B)

- Địa chỉ: Lô CN 1.2, KCN Vức xã Đông Quang ,huyện Đông Sơn,Tỉnh Thanh Hóa
- Điện thoại: 0913.293.342 Fax:
- Mã số thuế: 2802476069
- Tài khoản số : 50110008838589
- Tại ngân hàng : BIDV Chi Nhánh Thanh Hóa
- Người đại diện : Ông **Đào Trọng Thường** Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên thống nhất ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

Điều 1: Tên, giá cả, chủng loại sản phẩm đá xây dựng.

Bên A đồng ý bán, bên B đồng ý mua các loại đá xây dựng do bên A sản xuất với số lượng và đơn giá như sau:

Stt	Hàng hoá	Đvt	Đơn giá	Ghi chú
1	Đá 0.5 x 1	Đồng/m3	120.000	
2	Đá 1x2	Đồng/m3	150.000	
3	Đá mạt	Đồng/m3	110,000	

- Đơn giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10% và các loại thuế, phí và lệ phí khác.
- Đơn giá trên tại kho của bên A, đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên B.
- Đơn giá trên tính tại thời điểm ký hợp đồng, có hiệu lực đến khi có thông báo giá mới.
- Thông báo giá mới sẽ được gửi đến địa chỉ email của bên B và mặc nhiên được bên B chấp thuận nếu bên B vẫn nhận hàng.
- Khoảng cách giữa 2 lần điều chỉnh giá tối thiểu là 15 ngày

Điều 2: Phương thức, địa điểm, tiến độ giao nhận hàng hóa:

- Khi bên B có nhu cầu sử dụng sản phẩm đá xây dựng, bên B thông báo rõ số lượng loại hàng hóa cần cung cấp cho bên A bằng điện thoại, email hoặc bằng văn bản trước khi lấy hàng 1 ngày để bên A bố trí máy móc thiết bị.
- Hàng hóa của bên A giao trên phương tiện vận tải của bên B, khối lượng được xác định bằng đo đạc thực tế trên phương tiện vận tải của bên B.
- Địa điểm giao nhận hàng tại bãi tập kết đá của Chi nhánh Công ty Cổ phần Licogi13 – Vật liệu xây dựng tại Thanh hóa thuộc Thôn 8 - Xã Tân Trường – Thị Xã Nghi Sơn – Tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3: Chất lượng và đặc tính kỹ thuật của hàng hóa.

- Hàng hóa bên A sản xuất và cung cấp phải đảm bảo tuân thủ đúng các đặc tính kỹ thuật của từng loại sản phẩm.
- Trường hợp bên B đặt hàng có kích cỡ đá thay đổi như ghi trong điều 1 thì phải ghi rõ số lượng, chủng loại, thời gian nhận hàng để bên A chuẩn bị. Khi đó số lượng cung cấp sẽ tùy theo khả năng sản xuất của bên A.

Điều 4: Phương thức và thời hạn thanh toán.

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt
- Đồng tiền thanh toán: VNĐ.
- Thời hạn thanh toán:

-Trước mỗi đợt lấy hàng, bên B thanh toán trước cho bên A số tiền tương ứng 50% với giá trị của mỗi đơn hàng.

Cuối tháng, hai bên căn cứ vào khối lượng giao nhận để làm cơ sở lập biên bản nghiệm thu thanh toán, Hồ sơ thanh toán bao gồm:

+ Biên bản nghiệm thu thanh toán
+ Hóa đơn GTGT
+ Biên bản đối trừ công nợ phải thu và công nợ phải trả

Căn cứ vào biên bản đối trừ công nợ giữa hai bên.Bên B có trách nhiệm thanh toán 50% giá trị còn lại cho bên A vào ngày 5 đến ngày 10 của tháng kế tiếp

Điều 5: Quyền và trách nhiệm mỗi bên.

*** Quyền và trách nhiệm bên A:**

-Bên A cam kết khối lượng cung cấp đá xây dựng cho bên B hàng tháng tối thiểu là 10,000m3. Trong đó đá 1 x 2 là 7,000m3, đá 0.5 x 1 là 3,000m3

- Có trách nhiệm sản xuất và cung cấp đá xây dựng đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng, tiến độ kèm theo các chứng từ có liên quan cho bên B trước khi bên B thực hiện thanh toán.
- Tạm dừng bán hàng khi bên B chậm thanh toán theo điều 4 của hợp đồng.
- Đơn phương hủy bỏ hợp đồng khi bên B không thực hiện theo điều 4 của Hợp đồng này.
- Xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của Bộ tài chính cho bên B.

*** Quyền và trách nhiệm bên B:**

- Thực hiện thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn theo điều 4 của Hợp đồng này.
- Bố trí nhân sự để phối hợp cùng bên A thống kê mỗi lần giao nhận hàng hóa và xác nhận khối lượng hàng tháng.
- Có trách nhiệm vận chuyển tập kết các sản phẩm về bãi tập kết của bên B và có trách nhiệm bảo quản hàng hóa kể từ khi nhận hàng. Trong trường hợp đang khi tập kết vật liệu không đảm bảo, bên B phải báo ngay cho bên A để bên A có phương án giải quyết.

Điều 6: Cam kết chung

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ký trong hợp đồng này.
- Mọi sửa đổi bổ sung của hợp đồng phải được hai bên ký xác nhận bằng văn bản.
- Mọi tranh chấp phát sinh nếu có sẽ được giải quyết trên cơ sở thương lượng, thoả thuận bình đẳng và cùng có lợi. Nếu không đi đến hoà giải sẽ đưa ra toà án kinh tế Tỉnh Thanh Hóa giải quyết theo luật định, bên nào vi phạm hợp đồng sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Chi phí cho những hoạt động kiểm tra xác minh và lệ phí tòa án do bên có lỗi chịu hoàn toàn.

Điều 7: Hiệu lực hợp đồng

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày bên B làm thủ tục bảo lãnh hoặc đặt tiền đặt cọc. Hợp đồng hết hiệu lực khi hai bên thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ trong hợp đồng này. Việc thanh lý hợp đồng nếu một trong hai bên có yêu cầu.
- Hợp đồng được lập thành 2 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 1 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Trọng	Đào Trọng Thường

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36
Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

Công Ty Xi Măng Nghi Sơn

NGHI SON CEMENT CORPORATION

Hai Thuong ward, Nghi Son town, Thanh Hoa Province, S. R. Vietnam & Telephone: 84-2373-863018, Fax: 84-2373-863015

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG XI MĂNG

CEMENT QUALITY CERTIFICATE

Loại xi măng : PCB40 (xi rời) | Số lô (Lot No) : B25-PCB40-1-L2
Cement type : *PCB40 (bulk)* | Ngày xuất xưởng : 6~10 tháng 1 năm 2024
Tiêu chuẩn áp dụng : TCVN 6260:2020 | *Shipping date* : *January 6 ~ 10, 2024*
The standard to be applied | Lượng hàng đã giao : 3500 Tấn (tonnes)
Delivered quantity

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *(TEST RESULT)*

STT	Hạng mục (Items)		Kết quả (Test result)	Đơn vị (Units)	Tiêu chuẩn TCVN 6260:2020 cho PCB40 (TCVN 6260:2020 Specified for PCB40)
1	Độ mịn (Fineness)	Bề mặt riêng (Specific surface)	3944	cm^2/g	
		Phần còn lại trên sàng 45 µm (45 µm residue)	4.8	%	
2	Độ ổn định thể tích (Soundness, Le Chatelier test)		0.5	mm	Lớn nhất (Max) 10
3	Thời gian đông kết (Time of setting)	Bắt đầu (Initial)	2:35	Giờ:phút (Hr: min)	Nhỏ nhất (Min) 0:45
		Kết thúc (Final)	3:10	Giờ:phút (Hr: min)	Lớn nhất (Max) 7:00
4	Cường độ chịu nén (Compressive strength)	3 Ngày (3 Days)	33.2	MPa	Thấp nhất (Min) 18
		7 Ngày (7 Days)	41.7	MPa	
		28 Ngày (28 Days)	52.3	MPa	Thấp nhất (Min) 40
5	SO_3		1.97	%	Lớn nhất (Max) 3.5
6	Mất khi nung (L.O.I.)		4.42	%	Lớn nhất (Max) 10
7	Vôi Tự do (Free - CaO)		0.40	%	

Hỗn hợp phụ gia khoáng (bao gồm: phụ gia khoáng hoạt tính và đá vôi) và phụ gia trợ nghiền dạng hữu cơ được sử dụng để sản xuất xi măng poóc lăng hỗn hợp PCB40 *(The mineral additives (include: active mineral additive and limestone) and organic cement grinding aid have been used for PCB40 cement production)*

Ghi chú *(Remark)*:

- Tất cả các phương pháp kiểm tra đều tuân theo TCVN 6260:2020
  All tests made in accordance with TCVN 6260:2020
- Những kết quả thí nghiệm trên phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của TCVN 6260:2020 đối với PCB 40
  The above test results comply with TCVN 6260:2020 specification requirements for PCB 40

Ngày (Date): February 15, 2024

Chữ ký (Signature)

Yutaka Nakachi
Trưởng phòng sản xuất
Manager of Production Department

Công Ty Xi Măng Nghi Sơn

NGHI SON CEMENT CORPORATION

Hai Thuong ward, Nghi Son town, Thanh Hoa Province, S. R. Vietnam & Telephone: 84-2373-863018, Fax: 84-2373-863015

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG XI MĂNG

CEMENT QUALITY CERTIFICATE

Loại xi măng : PCB40 (xi rời) | Số lô (Lot No) : B25-PCB40-1-L3
Cement type : *PCB40 (bulk)* | Ngày xuất xưởng : 11~15 tháng 1 năm 2024
Tiêu chuẩn áp dụng : TCVN 6260:2020 | *Shipping date* : *January 11 ~ 15, 2024*
The standard to be applied | Lượng hàng đã giao : 3000 Tấn (tonnes)
Delivered quantity

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *(TEST RESULT)*

STT	Hạng mục (Items)		Kết quả (Test result)	Đơn vị (Units)	Tiêu chuẩn TCVN 6260:2020 cho PCB40 (TCVN 6260:2020 Specified for PCB40)
1	Độ mịn (Fineness)	Bề mặt riêng (Specific surface)	3985	cm^2/g	
		Phần còn lại trên sàng 45 µm (45 µm residue)	4.7	%	
2	Độ ổn định thể tích (Soundness, Le Chatelier test)		0.4	mm	Lớn nhất (Max) 10
3	Thời gian đông kết (Time of setting)	Bắt đầu (Initial)	2:40	Giờ:phút (Hr: min)	Nhỏ nhất (Min) 0:45
		Kết thúc (Final)	3:15	Giờ:phút (Hr: min)	Lớn nhất (Max) 7:00
4	Cường độ chịu nén (Compressive strength)	3 Ngày (3 Days)	33.7	MPa	Thấp nhất (Min) 18
		7 Ngày (7 Days)	42.9	MPa	
		28 Ngày (28 Days)	52.8	MPa	Thấp nhất (Min) 40
5	SO_3		1.96	%	Lớn nhất (Max) 3.5
6	Mất khi nung (L.O.I.)		4.57	%	Lớn nhất (Max) 10
7	Vôi Tự do (Free - CaO)		0.35	%	

Hỗn hợp phụ gia khoáng (bao gồm: phụ gia khoáng hoạt tính và đá vôi) và phụ gia trợ nghiền dạng hữu cơ được sử dụng để sản xuất xi măng poóc lăng hỗn hợp PCB40 *(The mineral additives (include: active mineral additive and limestone) and organic cement grinding aid have been used for PCB40 cement production)*

Ghi chú *(Remark)*:

- Tất cả các phương pháp kiểm tra đều tuân theo TCVN 6260:2020
  All tests made in accordance with TCVN 6260:2020
- Những kết quả thí nghiệm trên phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của TCVN 6260:2020 đối với PCB 40
  The above test results comply with TCVN 6260:2020 specification requirements for PCB 40

Ngày (Date): February 15, 2024

Chữ ký (Signature)

Yutaka Nakachi
Trưởng phòng sản xuất
Manager of Production Department

Công Ty Xi Măng Nghi Sơn

NGHI SON CEMENT CORPORATION

Hai Thuong ward, Nghi Son town, Thanh Hoa Province, S. R. Vietnam & Telephone: 84-2373-863018, Fax: 84-2373-863015

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG XI MĂNG

CEMENT QUALITY CERTIFICATE

Loại xi măng : PCB40 (xi rời) | Số lô (Lot No) : B25-PCB40-1-L4
Cement type : *PCB40 (bulk)* | Ngày xuất xưởng : 16~20 tháng 1 năm 2024
Tiêu chuẩn áp dụng : TCVN 6260:2020 | *Shipping date* : *January 16 ~ 20, 2024*
The standard to be applied | Lượng hàng đã giao : 3500 Tấn (tonnes)
Delivered quantity

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *(TEST RESULT)*

STT	Hạng mục (Items)		Kết quả (Test result)	Đơn vị (Units)	Tiêu chuẩn TCVN 6260:2020 cho PCB40 (TCVN 6260:2020 Specified for PCB40)
1	Độ mịn (Fineness)	Bề mặt riêng (Specific surface)	4005	cm^2/g	
		Phần còn lại trên sàng 45 µm (45 µm residue)	4.8	%	
2	Độ ổn định thể tích (Soundness, Le Chatelier test)		0.4	mm	Lớn nhất (Max) 10
3	Thời gian đông kết (Time of setting)	Bắt đầu (Initial)	2:35	Giờ:phút (Hr: min)	Nhỏ nhất (Min) 0:45
		Kết thúc (Final)	3:10	Giờ:phút (Hr: min)	Lớn nhất (Max) 7:00
4	Cường độ chịu nén (Compressive strength)	3 Ngày (3 Days)	34.3	MPa	Thấp nhất (Min) 18
		7 Ngày (7 Days)	42.7	MPa	
		28 Ngày (28 Days)	51.4	MPa	Thấp nhất (Min) 40
5	SO_3		1.98	%	Lớn nhất (Max) 3.5
6	Mất khi nung (L.O.I.)		4.50	%	Lớn nhất (Max) 10
7	Vôi Tự do (Free - CaO)		0.50	%	

Hỗn hợp phụ gia khoáng (bao gồm: phụ gia khoáng hoạt tính và đá vôi) và phụ gia trợ nghiền dạng hữu cơ được sử dụng để sản xuất xi măng poóc lăng hỗn hợp PCB40 *(The mineral additives (include: active mineral additive and limestone) and organic cement grinding aid have been used for PCB40 cement production)*

Ghi chú *(Remark)*:

- Tất cả các phương pháp kiểm tra đều tuân theo TCVN 6260:2020
  All tests made in accordance with TCVN 6260:2020
- Những kết quả thí nghiệm trên phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của TCVN 6260:2020 đối với PCB 40
  The above test results comply with TCVN 6260:2020 specification requirements for PCB 40

Ngày (Date): February 19, 2024

Chữ ký (Signature)

Yutaka Nakachi
Trưởng phòng sản xuất
Manager of Production Department

Công Ty Xi Măng Nghi Sơn

NGHI SON CEMENT CORPORATION

Hai Thuong ward, Nghi Son town, Thanh Hoa Province, S. R. Vietnam & Telephone: 84-2373-863018, Fax: 84-2373-863015

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG XI MĂNG

CEMENT QUALITY CERTIFICATE

Loại xi măng : PCB40 (xi rời) | Số lô (Lot No) : B25-PCB40-2-L3
Cement type : *PCB40 (bulk)* | Ngày xuất xưởng : 11~15 tháng 2 năm 2024
Tiêu chuẩn áp dụng : TCVN 6260:2020 | *Shipping date* : *February 11 ~ 15, 2024*
The standard to be applied | Lượng hàng đã giao : 300 Tấn (tonnes)
Delivered quantity

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *(TEST RESULT)*

STT	Hạng mục (Items)		Kết quả (Test result)	Đơn vị (Units)	Tiêu chuẩn TCVN 6260:2020 cho PCB40 (TCVN 6260:2020 Specified for PCB40)
1	Độ mịn (Fineness)	Bề mặt riêng (Specific surface)	4009	cm^2/g	
		Phần còn lại trên sàng 45 µm (45 µm residue)	5.0	%	
2	Độ ổn định thể tích (Soundness, Le Chatelier test)		0.4	mm	Lớn nhất (Max) 10
3	Thời gian đông kết (Time of setting)	Bắt đầu (Initial)	2:25	Giờ:phút (Hr: min)	Nhỏ nhất (Min) 0:45
		Kết thúc (Final)	3:00	Giờ:phút (Hr: min)	Lớn nhất (Max) 7:00
4	Cường độ chịu nén (Compressive strength)	3 Ngày (3 Days)	36.8	MPa	Thấp nhất (Min) 18
		7 Ngày (7 Days)		MPa	
		28 Ngày (28 Days)		MPa	Thấp nhất (Min) 40
5	SO_3		1.90	%	Lớn nhất (Max) 3.5
6	Mất khi nung (L.O.I.)		4.86	%	Lớn nhất (Max) 10
7	Vôi Tự do (Free - CaO)		0.40	%	

Hỗn hợp phụ gia khoáng (bao gồm: phụ gia khoáng hoạt tính và đá vôi) và phụ gia trợ nghiền dạng hữu cơ được sử dụng để sản xuất xi măng poóc lăng hỗn hợp PCB40 *(The mineral additives (include: active mineral additive and limestone) and organic cement grinding aid have been used for PCB40 cement production)*

Ghi chú *(Remark)*:

- Tất cả các phương pháp kiểm tra đều tuân theo TCVN 6260:2020
  All tests made in accordance with TCVN 6260:2020
- Những kết quả thí nghiệm trên phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của TCVN 6260:2020 đối với PCB40
  The above test results comply with TCVN 6260:2020 specification requirements for PCB40

Ngày (Date): February 19, 2024

Chữ ký (Signature)

Yutaka Nakachi
Trưởng phòng sản xuất
Manager of Production Department

Công Ty Xi Măng Nghi Sơn

NGHI SON CEMENT CORPORATION

Hai Thuong ward, Nghi Son town, Thanh Hoa Province, S. R. Vietnam & Telephone: 84-2373-852018, Fax: 84-2373-852015

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG XI MĂNG

CEMENT QUALITY CERTIFICATE

Loại xi măng : PCB40 (xi rời)
Cement type : *PCB40 (bulk)*
Tiêu chuẩn áp dụng : TCVN 6260:2020
The standard to be applied

Số lô (Lot No) : B25-PCB40-1-L6
Ngày xuất xưởng : 26~31 tháng 1 năm 2024
Shipping date : *January 26 ~ 31, 2024*
Lượng hàng đã giao : 3500 Tấn (tonnes)
Delivered quantity

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *(TEST RESULT)*

STT	Hạng mục (Items)		Kết quả (Test result)	Đơn vị (Units)	Tiêu chuẩn TCVN 6260:2020 cho PCB40 (TCVN 6260:2020 Specified for PCB40)
1	Độ mịn (Fineness)	Bề mặt riêng (Specific surface)	3993	cm^2/g	
		Phần còn lại trên sàng 45 µm (45 µm residue)	5.3	%	
2	Độ ổn định thể tích (Soundness, Le Chatelier test)		0.5	mm	Lớn nhất (Max) 10
3	Thời gian đông kết (Time of setting)	Bắt đầu (Initial)	2:30	Giờ:phút (Hr: min)	Nhỏ nhất (Min) 0:45
		Kết thúc (Final)	3:05	Giờ:phút (Hr: min)	Lớn nhất (Max) 7:00
4	Cường độ chịu nén (Compressive strength)	3 Ngày (3 Days)	35.2	MPa	Thấp nhất (Min) 18
		7 Ngày (7 Days)		MPa	
		28 Ngày (28 Days)		MPa	Thấp nhất (Min) 40
5	SO_3		1.93	%	Lớn nhất (Max) 3.5
6	Mất khi nung (L.O.I.)		4.73	%	Lớn nhất (Max) 10
7	Vôi Tự do (Free - CaO)		0.45	%	

Hỗn hợp phụ gia khoáng (bao gồm: phụ gia khoáng hoạt tính và đá vôi) và phụ gia trợ nghiền dạng hữu cơ được sử dụng để sản xuất xi măng poóc lăng hỗn hợp PCB40 *{The mineral additives (include: active mineral additive and limestone) and organic cement grinding aid have been used for PCB40 cement production}*

Ghi chú *(Remark)*:
- Tất cả các phương pháp kiểm tra đều tuân theo TCVN 6260:2020
  All tests made in accordance with TCVN 6260:2020
- Những kết quả thí nghiệm trên phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của TCVN 6260:2020 đối với PCB40
  The above test results comply with TCVN 6260:2020 specification requirements for PCB40

Ngày (Date): February 5, 2024
Chữ ký (Signature)

Yutaka Nakachi
Trưởng phòng sản xuất
Manager of Production Department

Công Ty Xi Măng Nghi Sơn

NGHI SON CEMENT CORPORATION

Hai Thuong ward, Nghi Son town, Thanh Hoa Province, S. R. Vietnam & Telephone: 84-2373-852018, Fax: 84-2373-852015

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG XI MĂNG

CEMENT QUALITY CERTIFICATE

Loại xi măng : PCB40 (xi rời)
Cement type : *PCB40 (bulk)*
Tiêu chuẩn áp dụng : TCVN 6260:2020
The standard to be applied

Số lô (Lot No) : B25-PCB40-1-L1
Ngày xuất xưởng : 1~5 tháng 1 năm 2024
Shipping date : *January 1 ~ 5, 2024*
Lượng hàng đã giao : 3000 Tấn (tonnes)
Delivered quantity

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *(TEST RESULT)*

STT	Hạng mục (Items)		Kết quả (Test result)	Đơn vị (Units)	Tiêu chuẩn TCVN 6260:2020 cho PCB40 (TCVN 6260:2020 Specified for PCB40)
1	Độ mịn (Fineness)	Bề mặt riêng (Specific surface)	3993	cm^2/g	
		Phần còn lại trên sàng 45 µm (45 µm residue)	5.0	%	
2	Độ ổn định thể tích (Soundness, Le Chatelier test)		0.5	mm	Lớn nhất (Max) 10
3	Thời gian đông kết (Time of setting)	Bắt đầu (Initial)	2:30	Giờ:phút (Hr: min)	Nhỏ nhất (Min) 0:45
		Kết thúc (Final)	3:10	Giờ:phút (Hr: min)	Lớn nhất (Max) 7:00
4	Cường độ chịu nén (Compressive strength)	3 Ngày (3 Days)	35.0	MPa	Thấp nhất (Min) 18
		7 Ngày (7 Days)	44.1	MPa	
		28 Ngày (28 Days)	53.3	MPa	Thấp nhất (Min) 40
5	SO_3		1.93	%	Lớn nhất (Max) 3.5
6	Mất khi nung (L.O.I.)		4.32	%	Lớn nhất (Max) 10
7	Vôi Tự do (Free - CaO)		0.50	%	

Hỗn hợp phụ gia khoáng (bao gồm: phụ gia khoáng hoạt tính và đá vôi) và phụ gia trợ nghiền dạng hữu cơ được sử dụng để sản xuất xi măng poóc lăng hỗn hợp PCB40 *{The mineral additives (include: active mineral additive and limestone) and organic cement grinding aid have been used for PCB40 cement production}*

Ghi chú *(Remark)*:
- Tất cả các phương pháp kiểm tra đều tuân theo TCVN 6260:2020
  All tests made in accordance with TCVN 6260:2020
- Những kết quả thí nghiệm trên phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của TCVN 6260:2020 đối với PCB 40
  The above test results comply with TCVN 6260:2020 specification requirements for PCB 40

Ngày (Date): February 5, 2024
Chữ ký (Signature)

Yutaka Nakachi
Trưởng phòng sản xuất
Manager of Production Department

Công Ty Xi Măng Nghi Sơn

NGHI SON CEMENT CORPORATION

Hai Thuong ward, Nghi Son town, Thanh Hoa Province, S. R. Vietnam & Telephone: 84-2373-852018, Fax: 84-2373-852015

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG XI MĂNG

CEMENT QUALITY CERTIFICATE

Loại xi măng : PCB40 (xi rời)
Cement type : *PCB40 (bulk)*
Tiêu chuẩn áp dụng : TCVN 6260:2020
The standard to be applied

Số lô (Lot No) : B25-PCB40-2-L1
Ngày xuất xưởng : 1~5 tháng 2 năm 2024
Shipping date : *February 1 ~ 5, 2024*
Lượng hàng đã giao : 2800 Tấn (tonnes)
Delivered quantity

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *(TEST RESULT)*

STT	Hạng mục (Items)		Kết quả (Test result)	Đơn vị (Units)	Tiêu chuẩn TCVN 6260:2020 cho PCB40 (TCVN 6260:2020 Specified for PCB40)
1	Độ mịn (Fineness)	Bề mặt riêng (Specific surface)	3870	cm^2/g	
		Phần còn lại trên sàng 45 µm (45 µm residue)	5.8	%	
2	Độ ổn định thể tích (Soundness, Le Chatelier test)		0.5	mm	Lớn nhất (Max) 10
3	Thời gian đông kết (Time of setting)	Bắt đầu (Initial)	2:35	Giờ:phút (Hr: min)	Nhỏ nhất (Min) 0:45
		Kết thúc (Final)	3:10	Giờ:phút (Hr: min)	Lớn nhất (Max) 7:00
4	Cường độ chịu nén (Compressive strength)	3 Ngày (3 Days)	36.2	MPa	Thấp nhất (Min) 18
		7 Ngày (7 Days)		MPa	
		28 Ngày (28 Days)		MPa	Thấp nhất (Min) 40
5	SO_3		1.92	%	Lớn nhất (Max) 3.5
6	Mất khi nung (L.O.I.)		4.70	%	Lớn nhất (Max) 10
7	Vôi Tự do (Free - CaO)		0.50	%	

Hỗn hợp phụ gia khoáng (bao gồm: phụ gia khoáng hoạt tính và đá vôi) và phụ gia trợ nghiền dạng hữu cơ được sử dụng để sản xuất xi măng poóc lăng hỗn hợp PCB40 *{The mineral additives (include: active mineral additive and limestone) and organic cement grinding aid have been used for PCB40 cement production}*

Ghi chú *(Remark)*:
- Tất cả các phương pháp kiểm tra đều tuân theo TCVN 6260:2020
  All tests made in accordance with TCVN 6260:2020
- Những kết quả thí nghiệm trên phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của TCVN 6260:2020 đối với PCB40
  The above test results comply with TCVN 6260:2020 specification requirements for PCB40

Ngày (Date): February 15, 2024
Chữ ký (Signature)

Yutaka Nakachi
Trưởng phòng sản xuất
Manager of Production Department

Công Ty Xi Măng Nghi Sơn

NGHI SON CEMENT CORPORATION

Hai Thuong ward, Nghi Son town, Thanh Hoa Province, S. R. Vietnam & Telephone: 84-2373-852018, Fax: 84-2373-852015

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG XI MĂNG

CEMENT QUALITY CERTIFICATE

Loại xi măng : PCB40 (xi rời)
Cement type : *PCB40 (bulk)*
Tiêu chuẩn áp dụng : TCVN 6260:2020
The standard to be applied

Số lô (Lot No) : B25-PCB40-1-L6
Ngày xuất xưởng : 26~31 tháng 1 năm 2024
Shipping date : *January 26 ~ 31, 2024*
Lượng hàng đã giao : 3500 Tấn (tonnes)
Delivered quantity

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *(TEST RESULT)*

STT	Hạng mục (Items)		Kết quả (Test result)	Đơn vị (Units)	Tiêu chuẩn TCVN 6260:2020 cho PCB40 (TCVN 6260:2020 Specified for PCB40)
1	Độ mịn (Fineness)	Bề mặt riêng (Specific surface)	3993	cm^2/g	
		Phần còn lại trên sàng 45 µm (45 µm residue)	5.3	%	
2	Độ ổn định thể tích (Soundness, Le Chatelier test)		0.5	mm	Lớn nhất (Max) 10
3	Thời gian đông kết (Time of setting)	Bắt đầu (Initial)	2:30	Giờ:phút (Hr: min)	Nhỏ nhất (Min) 0:45
		Kết thúc (Final)	3:05	Giờ:phút (Hr: min)	Lớn nhất (Max) 7:00
4	Cường độ chịu nén (Compressive strength)	3 Ngày (3 Days)	35.2	MPa	Thấp nhất (Min) 18
		7 Ngày (7 Days)		MPa	
		28 Ngày (28 Days)		MPa	Thấp nhất (Min) 40
5	SO_3		1.93	%	Lớn nhất (Max) 3.5
6	Mất khi nung (L.O.I.)		4.73	%	Lớn nhất (Max) 10
7	Vôi Tự do (Free - CaO)		0.45	%	

Hỗn hợp phụ gia khoáng (bao gồm: phụ gia khoáng hoạt tính và đá vôi) và phụ gia trợ nghiền dạng hữu cơ được sử dụng để sản xuất xi măng poóc lăng hỗn hợp PCB40 *{The mineral additives (include: active mineral additive and limestone) and organic cement grinding aid have been used for PCB40 cement production}*

Ghi chú *(Remark)*:
- Tất cả các phương pháp kiểm tra đều tuân theo TCVN 6260:2020
  All tests made in accordance with TCVN 6260:2020
- Những kết quả thí nghiệm trên phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của TCVN 6260:2020 đối với PCB40
  The above test results comply with TCVN 6260:2020 specification requirements for PCB40

Ngày (Date): February 5, 2024
Chữ ký (Signature)

Yutaka Nakachi
Trưởng phòng sản xuất
Manager of Production Department

XI MĂNG NGHI SƠN
Hãy tự tin lựa chọn

PHIẾU GIAO HÀNG - *DELIVERY SLIP* Liên 2: Dùng để giao khách hàng

Số: DL-2024: 0001223 Ngày (*Date*) 28-03-2024

Nơi nhận hàng (*Loading place*) : Nhà máy Xi măng Nghi sơn
Tên khách hàng (*Customer*):
Tên lái xe (*Driver name*) Trường Hải
Đơn vị vận tải (*Trans. Co.*) dao van bang
Số lô (*Lot No.*) :
Từ (from)..... Đến (To) B2.5 - PCB40 - 8 - 26

Số hóa đơn (*Invoice No.*) C24TNS0006696
Nơi giao hàng (*Unloading place*) Plant Site
Lệnh VT (*TO No.*) :
Số xe (*Truck No.*) DO04WS28240328-01
Số téc (*Tank No.*) 35C02601 35R00072
Mã giao hàng (DOL) 1829961-K4

Sản phẩm Product		Số lượng thực giao (tấn) *Actual shipping volume (tons)*	Số lượng thực nhận (tấn)/ địa điểm giao hàng Actual receiving volume (tons)/destination	Ghi chú Remark
Xi măng bao ☐	PCB40 ☑	80.76	Cty BTNS 36, Nhận 80,76 Tấn Xi măng NS PCB40	Bulk Cement PCB40
Xi măng rời ☑	PCB40 DD ☐			
	PC40 ☐			
	PC50 ☐			
	Type I ☐			
	Type II ☐			
	KPKS DD ☐			

Bằng chữ (*In words*): Tám mươi phẩy bảy mươi sáu tấn

Người lập phiếu *Prepared by*	Lái xe *Driver*	Người nhận hàng *Receiver*	Xác nhận của NSCC *NSCC's cornfirmation*
Trần Văn Trọng	dao van bang		

XI MĂNG NGHI SƠN
Hãy tự tin lựa chọn

PHIẾU GIAO HÀNG - *DELIVERY SLIP* Liên 2: Dùng để giao khách hàng

Số: DL-2024: 0001155 Ngày (*Date*) 26-03-2024

Nơi nhận hàng (*Loading place*) : Nhà máy Xi măng Nghi sơn
Tên khách hàng (*Customer*):
Tên lái xe (*Driver name*) Trường Hải
Đơn vị vận tải (*Trans. Co.*) Le the thao
Số lô (*Lot No.*) : B2.5 - PCB40 - 3 - 25
Từ (from)..... Đến (To).....

Số hóa đơn (*Invoice No.*) C24TNS0006264
Nơi giao hàng (*Unloading place*) Plant Site
Lệnh VT (*TO No.*) :
Số xe (*Truck No.*) DO04WS28240322-01
Số téc (*Tank No.*) 35c07586 35R00927
Mã giao hàng (DOL) 1828874-K4

Sản phẩm Product		Số lượng thực giao (tấn) *Actual shipping volume (tons)*	Số lượng thực nhận (tấn)/ địa điểm giao hàng Actual receiving volume (tons)/destination	Ghi chú Remark
Xi măng bao ☐	PCB40 ☑	77.38	Cty NS 36 nhận 77,38 tấn xi PCB40.	Bulk Cement PCB40
Xi măng rời ☑	PCB40 DD ☐			
	PC40 ☐			
	PC50 ☐			
	Type I ☐			
	Type II ☐			
	KPKS DD ☐			

Bằng chữ (*In words*): Bảy mươi bảy phẩy ba mươi tám tấn

Người lập phiếu *Prepared by*	Lái xe *Driver*	Người nhận hàng *Receiver*	Xác nhận của NSCC *NSCC's cornfirmation*
Lê Xuân Thuỷ	Le the thao	lê Xuân Tiến	

XI MĂNG NGHI SƠN
Hãy tự tin lựa chọn

PHIẾU GIAO HÀNG - *DELIVERY SLIP* Liên 2: Dùng để giao khách hàng

Số: DL-2024: 0001031 Ngày (*Date*) 20-03-2024

Nơi nhận hàng (*Loading place*) : Nhà máy Xi măng Nghi sơn
Tên khách hàng (*Customer*): Trường Hải
Tên lái xe (*Driver name*) : tran van thanh
Đơn vị vận tải (*Trans. Co.*) :
Số lô (*Lot No.*) : B25-PC40-3-14
Từ (from)..... Đến (To).....

Số hóa đơn (*Invoice No.*): C24TNS0005500
Nơi giao hàng (*Unloading place*) : Plant Site
Lệnh VT (*TO No.*) : DO04WS28240319-02
Số xe (*Truck No.*) : 35C08212
Số téc (*Tank No.*) : 35R00007
Mã giao hàng (DOL) 1825807-K4

Sản phẩm Product		Số lượng thực giao (tấn) *Actual shipping volume (tons)*	Số lượng thực nhận (tấn)/ địa điểm giao hàng Actual receiving volume (tons)/destination	Ghi chú Remark
Xi măng bao ☐	PCB40 ☑	74.62	Cty NS 36 nhận 74,62 tấn Xi PCB 40.	Bulk Cement PCB40
Xi măng rời ☑	PCB40 DD ☐			
	PC40 ☐			
	PC50 ☐			
	Type I ☐			
	Type II ☐			
	KPKS DD ☐			

Bằng chữ (*In words*): Bảy mươi bốn phẩy sáu mươi hai tấn

Người lập phiếu *Prepared by*	Lái xe *Driver*	Người nhận hàng *Receiver*	Xác nhận của NSCC *NSCC's cornfirmation*
Lê Xuân Thuỷ	tran van thanh	Lê Xuân Tiến	

XI MĂNG NGHI SƠN
Hãy tự tin lựa chọn

PHIẾU GIAO HÀNG - *DELIVERY SLIP* Liên 2: Dùng để giao khách hàng

Số: DL-2023: 0019971 Ngày (*Date*) 17-03-2024

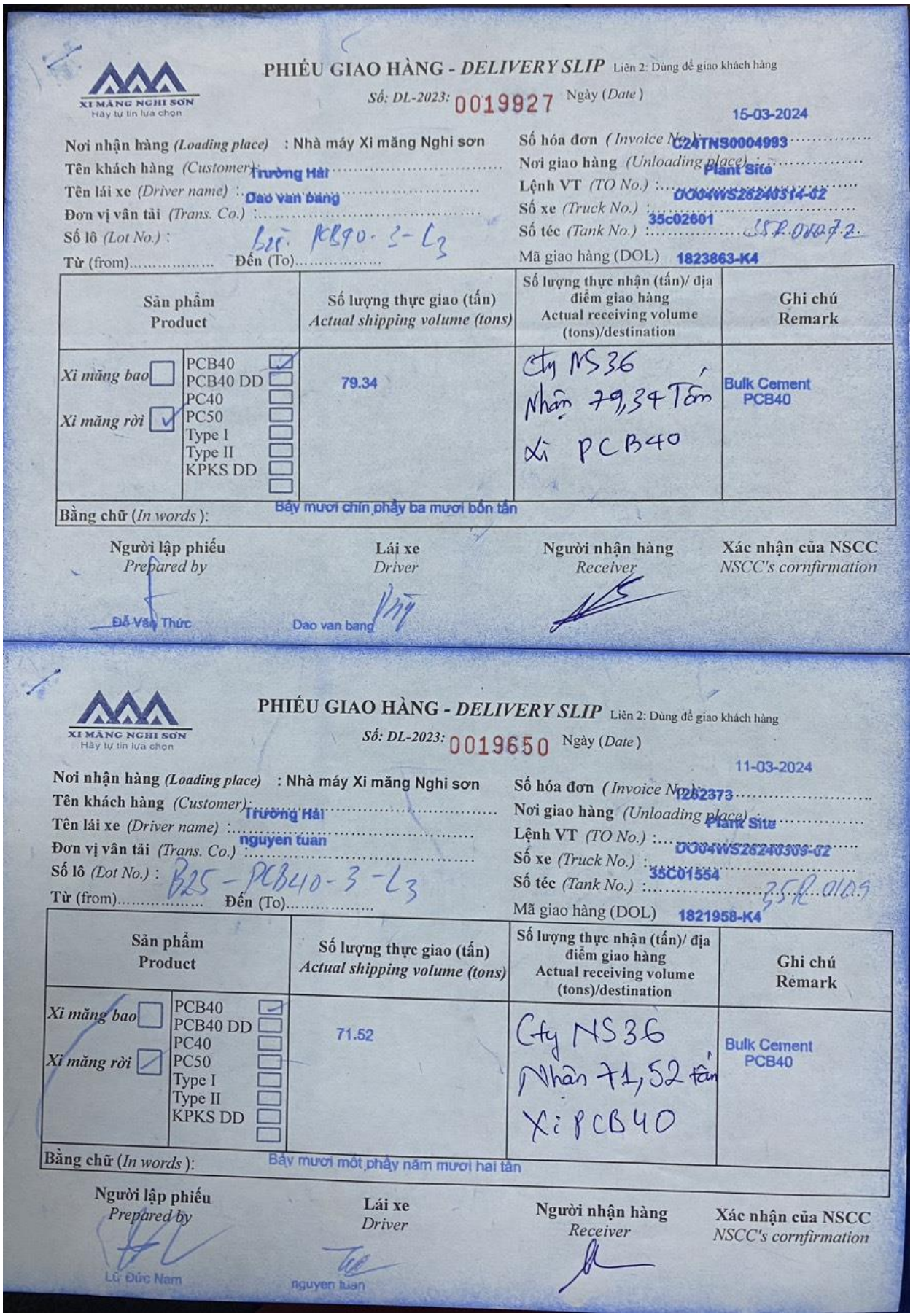
Nơi nhận hàng (*Loading place*) : Nhà máy Xi măng Nghi sơn
Tên khách hàng (*Customer*) Trường Hải
Tên lái xe (*Driver name*) : Bui sy cuong
Đơn vị vận tải (*Trans. Co.*) :
Số lô (*Lot No.*) : B25-PC40-3-14
Từ (from)..... Đến (To).....

Số hóa đơn (*Invoice No.*): C24TNS0005289
Nơi giao hàng (*Unloading place*) : Plant Site
Lệnh VT (*TO No.*) : DO04WS28240314-02
Số xe (*Truck No.*) : 35H00808
Số téc (*Tank No.*) : 35R00193
Mã giao hàng (DOL) 1824728-K4

Sản phẩm Product		Số lượng thực giao (tấn) *Actual shipping volume (tons)*	Số lượng thực nhận (tấn)/ địa điểm giao hàng Actual receiving volume (tons)/destination	Ghi chú Remark
Xi măng bao ☐	PCB40 ☑	74.60	Cty BTNS 36 Nhận 74,60 Tấn Xi măng NS PCB40	Bulk Cement PCB40
Xi măng rời ☑	PCB40 DD ☐			
	PC40 ☐			
	PC50 ☐			
	Type I ☐			
	Type II ☐			
	KPKS DD ☐			

Bằng chữ (*In words*): Bảy mươi bốn phẩy sáu tấn

Người lập phiếu *Prepared by*	Lái xe *Driver*	Người nhận hàng *Receiver*	Xác nhận của NSCC *NSCC's cornfirmation*
Lê Xuân Thuỷ	Bui sy cuong		



XI MĂNG NGHI SƠN
Hãy tự tin lựa chọn

PHIẾU GIAO HÀNG - *DELIVERY SLIP* Liên 2: Dùng để giao khách hàng

Số: DL-2023: 0019927 Ngày (*Date*) 15-03-2024

Nơi nhận hàng (*Loading place*) : Nhà máy Xi măng Nghi sơn
Tên khách hàng (*Customer*) : Trường Hải
Tên lái xe (*Driver name*) : Dao van bang
Đơn vị vận tải (*Trans. Co.*) :
Số lô (*Lot No.*) : B25 - PCB40 - 3 - L3
Từ (from)..... Đến (To).....

Số hóa đơn (*Invoice No.*) : C24TNS0004993
Nơi giao hàng (*Unloading place*) : Plant Site
Lệnh VT (*TO No.*) : DO04WS2624031 4-02
Số xe (*Truck No.*) : 35c02601
Số téc (*Tank No.*) : 15R.00072
Mã giao hàng (DOL) 1823863-K4

Sản phẩm Product		Số lượng thực giao (tấn) *Actual shipping volume (tons)*	Số lượng thực nhận (tấn)/ địa điểm giao hàng Actual receiving volume (tons)/destination	Ghi chú Remark
Xi măng bao ☐	PCB40 ☑	79.34	Cty NS36 Nhận 79,34 Tấn Xi PCB40	Bulk Cement PCB40
Xi măng rời ☑	PCB40 DD ☐			
	PC40 ☐			
	PC50 ☐			
	Type I ☐			
	Type II ☐			
	KPKS DD ☐			

Bằng chữ (*In words*): Bảy mươi chín phẩy ba mươi bốn tấn

Người lập phiếu *Prepared by*	Lái xe *Driver*	Người nhận hàng *Receiver*	Xác nhận của NSCC *NSCC's cornfirmation*
Đỗ Văn Thức	Dao van bang		

XI MĂNG NGHI SƠN
Hãy tự tin lựa chọn

PHIẾU GIAO HÀNG - *DELIVERY SLIP* Liên 2: Dùng để giao khách hàng

Số: DL-2023: 0019650 Ngày (*Date*) 11-03-2024

Nơi nhận hàng (*Loading place*) : Nhà máy Xi măng Nghi sơn
Tên khách hàng (*Customer*) : Trường Hải
Tên lái xe (*Driver name*) : nguyen tuan
Đơn vị vận tải (*Trans. Co.*) :
Số lô (*Lot No.*) : B25 - PCB40 - 3 - L3
Từ (from)..... Đến (To).....

Số hóa đơn (*Invoice No.*) : 1282373
Nơi giao hàng (*Unloading place*) : Plant Site
Lệnh VT (*TO No.*) : DO04WS2624030 3-02
Số xe (*Truck No.*) : 35C01554
Số téc (*Tank No.*) : 15R.0105
Mã giao hàng (DOL) 1821958-K4

Sản phẩm Product		Số lượng thực giao (tấn) *Actual shipping volume (tons)*	Số lượng thực nhận (tấn)/ địa điểm giao hàng Actual receiving volume (tons)/destination	Ghi chú Remark
Xi măng bao ☐	PCB40 ☑	71.52	Cty NS36 Nhận 71,52 tấn Xi PCB40	Bulk Cement PCB40
Xi măng rời ☑	PCB40 DD ☐			
	PC40 ☐			
	PC50 ☐			
	Type I ☐			
	Type II ☐			
	KPKS DD ☐			

Bằng chữ (*In words*): Bảy mươi một phẩy năm mươi hai tấn

Người lập phiếu *Prepared by*	Lái xe *Driver*	Người nhận hàng *Receiver*	Xác nhận của NSCC *NSCC's cornfirmation*
Lê Đức Nam	nguyen tuan		

XI MĂNG NGHI SƠN
Hãy tự tin lựa chọn

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu: 610931	Ngày: 24.03.25
Số xe:	35C07586
Loại hàng:	Bulk Cement PCB40
Đơn vị vận tải:	Trường Hải
Đơn vị bán hàng:	
Số lô:	B25-PCB40-3-L5
Khối lượng tổng:	00:09:10 100180 (kg)
Khối lượng bì:	22:55:49 22800 (kg)
Khối lượng hàng:	77380 (kg)
Địa điểm giao hàng:	Plant Site
Số téc:	35R00927
Số lệnh:	DO04WS28240322-01
Đơn vị mua hàng:	Công ty TNHH Trường Hải
Tổng số chi:	
Từ số: AB52022	Đến số: 4 AB52025
Cán bộ cân	Lái xe
Nguyễn Quang Trung	Le the thao

XI MĂNG NGHI SƠN
Hãy tự tin lựa chọn

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu: 610101	Ngày: 24.03.20
Số xe:	35C08212
Loại hàng:	Bulk Cement PCB40
Đơn vị vận tải:	Trường Hải
Đơn vị bán hàng:	
Số lô:	B25-PCB40-3-L4
Khối lượng tổng:	10:15:29 98840 (kg)
Khối lượng bì:	09:25:35 24220 (kg)
Khối lượng hàng:	74620 (kg)
Địa điểm giao hàng:	Plant Site
Số téc:	
Số lệnh:	35R00007 DO04WS28240319-02
Đơn vị mua hàng:	Công ty TNHH Trường Hải
Tổng số chi:	
Từ số: AB51486	Đến số: 5 AB51490
Cán bộ cân	Lái xe
Lê Văn Quyết	tran van thanh

XI MĂNG NGHI SƠN
Hãy tự tin lựa chọn

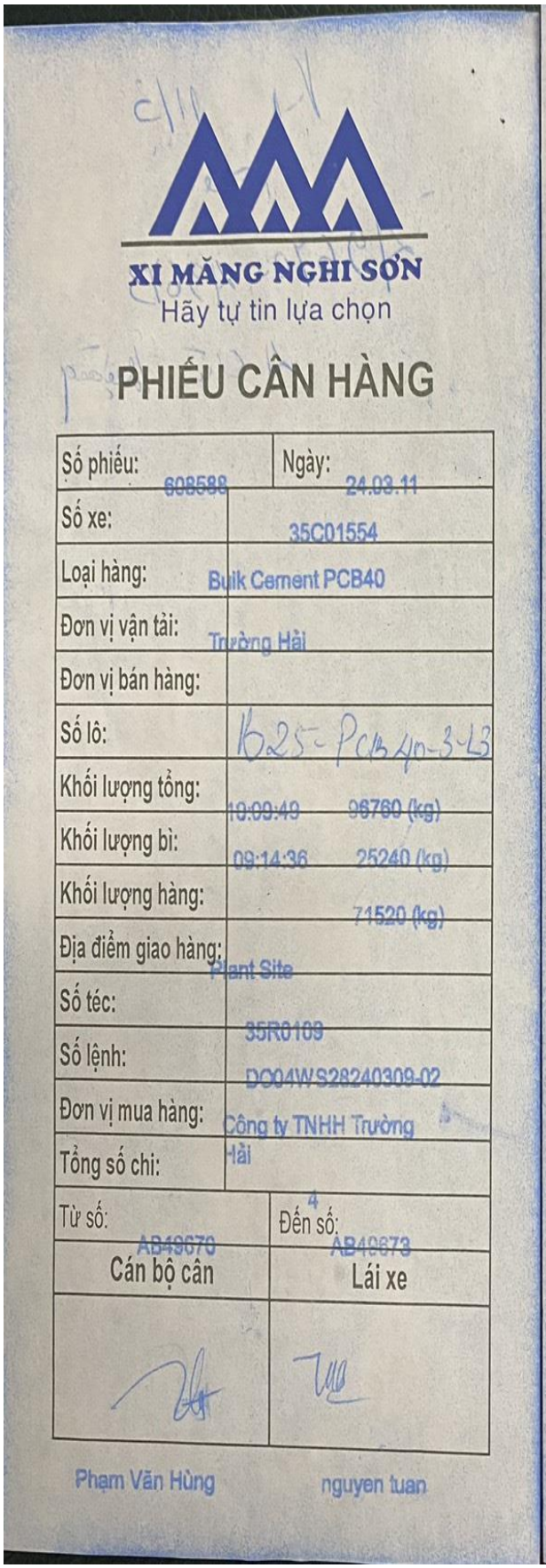
PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu: 611314	Ngày: 24.03.28
Số xe:	35C02601
Loại hàng:	Bulk Cement PCB40
Đơn vị vận tải:	Trường Hải
Đơn vị bán hàng:	
Số lô:	B25-PCB40-3-L6
Khối lượng tổng:	12:33:37 106580 (kg)
Khối lượng bì:	10:55:13 25800 (kg)
Khối lượng hàng:	80760 (kg)
Địa điểm giao hàng:	Plant Site
Số téc:	35R00072
Số lệnh:	DO04WS28240328-01
Đơn vị mua hàng:	Công ty TNHH Trường Hải
Tổng số chi:	5
Từ số: AB52325	Đến số: AB52329
Cán bộ cân	Lái xe
Nguyễn Quang Trung	dao van bang

XI MĂNG NGHI SƠN
Hãy tự tin lựa chọn

PHIẾU CÂN HÀNG

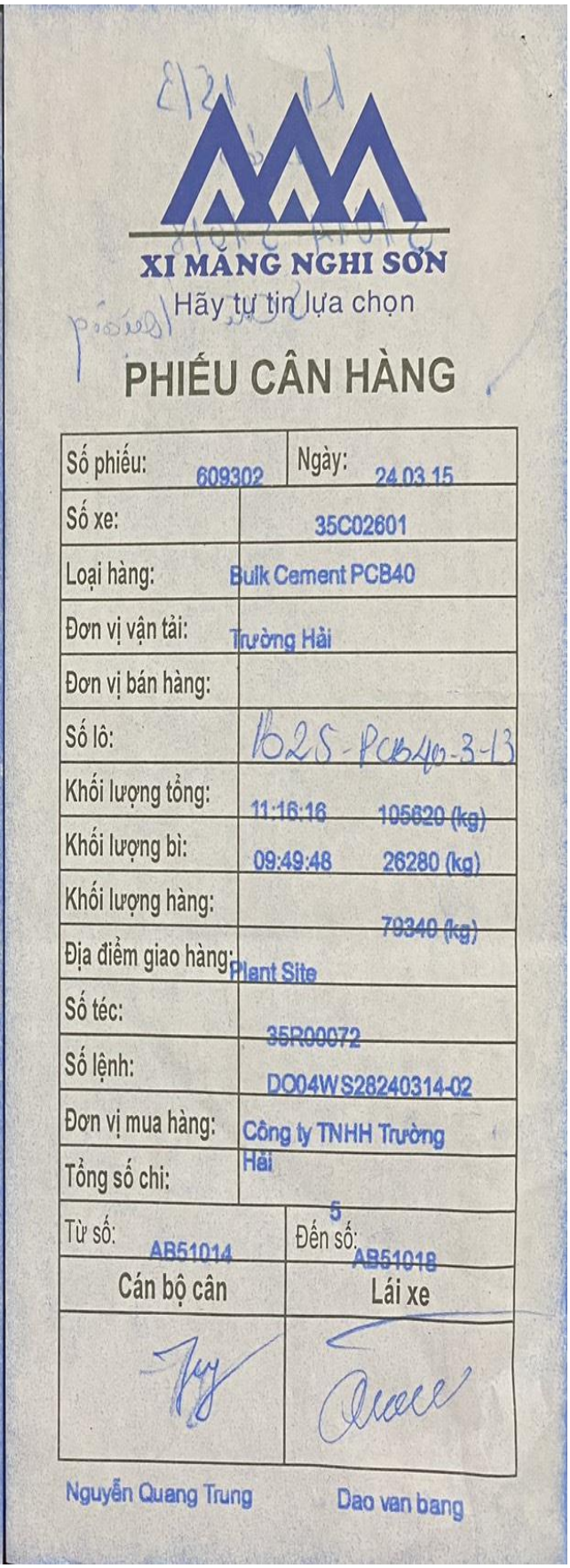
Số phiếu: 609729	Ngày: 24.03.17
Số xe:	35H00808
Loại hàng:	Bulk Cement PCB40
Đơn vị vận tải:	Trường Hải
Đơn vị bán hàng:	
Số lô:	B25-PCB40-3-L4
Khối lượng tổng:	15:27:53 101080 (kg)
Khối lượng bì:	13:46:51 26480 (kg)
Khối lượng hàng:	74600 (kg)
Địa điểm giao hàng:	Plant Site
Số téc:	35R00183
Số lệnh:	DO04WS28240314-02
Đơn vị mua hàng:	Công ty TNHH Trường Hải
Tổng số chi:	5
Từ số: AB51213	Đến số: AB51217
Cán bộ cân	Lái xe
Lê Văn Quyết	Bui sy cuong



XI MĂNG NGHI SƠN
Hãy tự tin lựa chọn

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu: 608588	Ngày: 24.03.11
Số xe:	35C01554
Loại hàng:	Bulk Cement PCB40
Đơn vị vận tải:	Trường Hải
Đơn vị bán hàng:	
Số lô:	B25-PCB40-3-13
Khối lượng tổng:	10:09:49 96760 (kg)
Khối lượng bì:	09:14:36 25240 (kg)
Khối lượng hàng:	71520 (kg)
Địa điểm giao hàng:	Plant Site
Số téc:	35R0109
Số lệnh:	DO04WS28240309-02
Đơn vị mua hàng:	Công ty TNHH Trường Hải
Tổng số chi:	4
Từ số: AB49670	Đến số: AB49673
Cán bộ cân	Lái xe
Phạm Văn Hùng	nguyen tuan

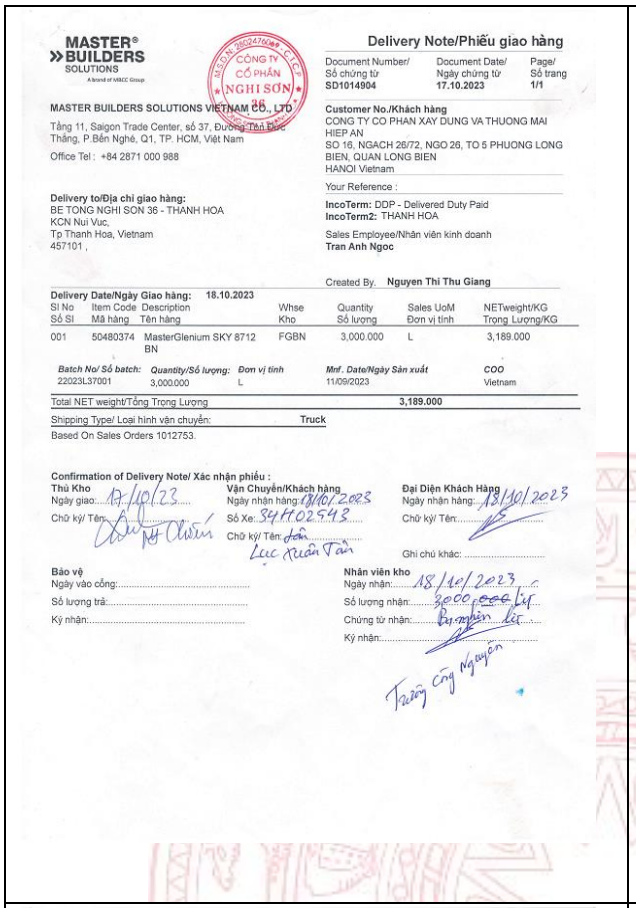


XI MĂNG NGHI SƠN
Hãy tự tin lựa chọn

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu: 609302	Ngày: 24.03.15
Số xe:	35C02601
Loại hàng:	Bulk Cement PCB40
Đơn vị vận tải:	Trường Hải
Đơn vị bán hàng:	
Số lô:	B25-PCB40-3-13
Khối lượng tổng:	11:16:16 105620 (kg)
Khối lượng bì:	09:49:48 26280 (kg)
Khối lượng hàng:	79340 (kg)
Địa điểm giao hàng:	Plant Site
Số téc:	35R00072
Số lệnh:	DO04WS28240314-02
Đơn vị mua hàng:	Công ty TNHH Trường Hải
Tổng số chi:	5
Từ số: AB51014	Đến số: AB51018
Cán bộ cân	Lái xe
Nguyễn Quang Trung	Dao van bang

HỒ SƠ NĂNG LỰC



MASTER BUILDERS SOLUTIONS

Delivery Note/Phiếu giao hàng

Document Number/ Số chứng từ	Document Date/ Ngày chứng từ	Page/ Số trang
SD1014904	17.10.2023	1/1

MASTER BUILDERS SOLUTIONS VIETNAM CO., LTD
Tầng 11, Saigon Trade Center, số 37, Đường Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q1, TP. HCM, Việt Nam
Office Tel : +84 2871 000 988

Customer No./Khách hàng
CONG TY CO PHAN XAY DUNG VA THUONG MAI HIEP AN
SO 16, NGACH 26/72, NGO 26, TO 5 PHUONG LONG BIEN, QUAN LONG BIEN
HANOI Vietnam

Your Reference :

IncoTerm: DDP - Delivered Duty Paid
IncoTerm2: THANH HOA

Sales Employee/Nhân viên kinh doanh
Tran Anh Ngoc

Delivery to/Địa chỉ giao hàng:
BE TONG NGHI SON 36 - THANH HOA
KCN Nui Vuc,
Tp Thanh Hoa, Vietnam
457101 ,

Created By. **Nguyen Thi Thu Giang**

Delivery Date/Ngày Giao hàng: 18.10.2023

Sl No / Số Sl	Item Code / Mã hàng	Description / Tên hàng	Whse / Kho	Quantity / Số lượng	Sales UoM / Đơn vị tính	NETweight/KG Trọng Lượng/KG
001	50480374	MasterGlenium SKY 8712 BN	FGBN	3,000.000	L	3,189.000

Batch No/ Số batch:	Quantity/Số lượng:	Đơn vị tính	Mnf. Date/Ngày Sản xuất	COO
22023L37001	3,000.000	L	11/09/2023	Vietnam

Total NET weight/Tổng Trọng Lượng 3,189.000

Shipping Type/ Loại hình vận chuyển: Truck

Based On Sales Orders 1012753.

Confirmation of Delivery Note/ Xác nhận phiếu :

Thủ Kho
Ngày giao: 17/10/23
Chữ ký/ Tên:

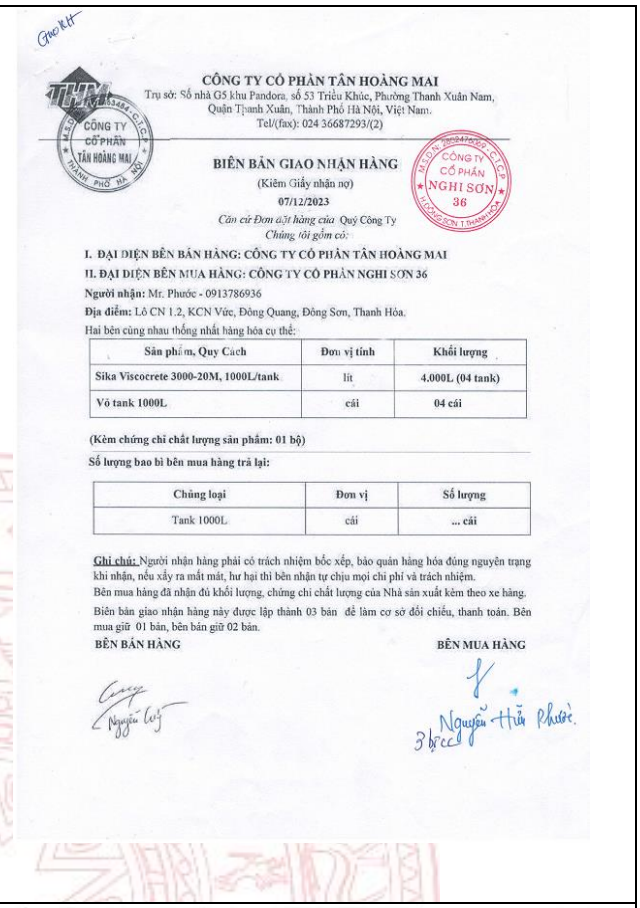
Vận Chuyển/Khách hàng
Ngày nhận hàng: 17/10/2023
Số Xe: 34H02543
Chữ ký/ Tên: Lục Xuân Tân

Đại Diện Khách Hàng
Ngày nhận hàng: 18/10/2023
Chữ ký/ Tên:
Ghi chú khác:

Bảo vệ
Ngày vào cổng:
Số lượng trả:
Ký nhận:

Nhân viên kho
Ngày nhận: 18/10/2023
Số lượng nhận: 3000 Lít
Chứng từ nhận:
Ký nhận:

Trương Công Nguyên



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HOÀNG MAI
Trụ sở: Số nhà G5 khu Pandora, số 53 Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.
Tel/(fax): 024 36687293/(2)

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG
(Kiêm Giấy nhận nợ)
07/12/2023
Căn cứ Đơn đặt hàng của Quý Công Ty
Chúng tôi gồm có:

I. ĐẠI DIỆN BÊN BÁN HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HOÀNG MAI
II. ĐẠI DIỆN BÊN MUA HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36
Người nhận: Mr. Phước - 0913786936
Địa điểm: Lô CN 1.2, KCN Vức, Đông Quang, Đông Sơn, Thanh Hóa.
Hai bên cùng nhau thống nhất hàng hóa cụ thể:

Sản phẩm, Quy Cách	Đơn vị tính	Khối lượng
Sika Viscocrete 3000-20M, 1000L/tank	lít	4.000L (04 tank)
Vỏ tank 1000L	cái	04 cái

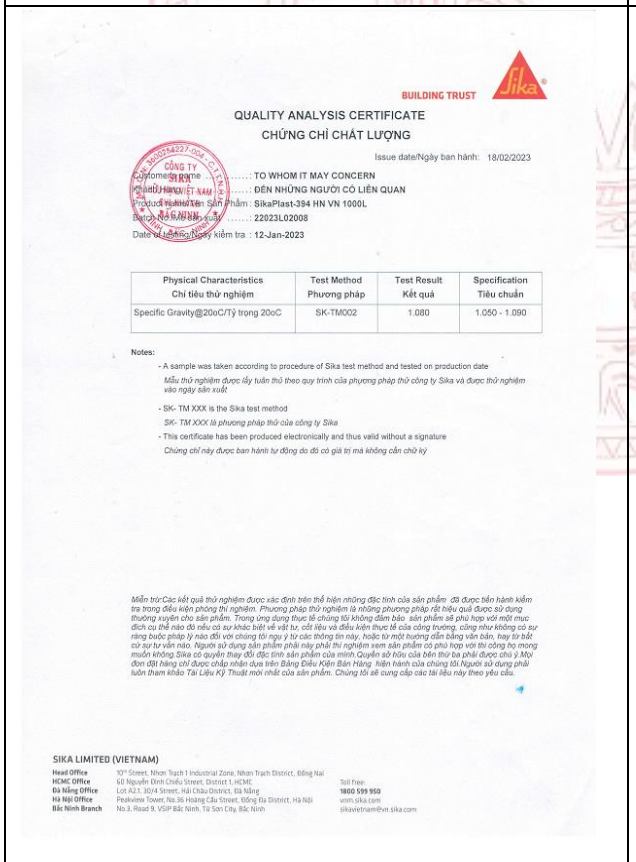
(Kèm chứng chỉ chất lượng sản phẩm: 01 bộ)
Số lượng bao bì bên mua hàng trả lại:

Chủng loại	Đơn vị	Số lượng
Tank 1000L	cái	... cái

Ghi chú: Người nhận hàng phải có trách nhiệm bốc xếp, bảo quản hàng hóa đúng nguyên trạng khi nhận, nếu xảy ra mất mát, hư hại thì bên nhận tự chịu mọi chi phí và trách nhiệm.
Bên mua hàng đã nhận đủ khối lượng, chứng chỉ chất lượng của Nhà sản xuất kèm theo xe hàng.
Biên bản giao nhận hàng này được lập thành 03 bản để làm cơ sở đối chiếu, thanh toán. Bên mua giữ 01 bản, bên bán giữ 02 bản.

BÊN BÁN HÀNG **BÊN MUA HÀNG**

Nguyễn Hữu Phước



BUILDING TRUST

QUALITY ANALYSIS CERTIFICATE
CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG

Issue date/Ngày ban hành: 18/02/2023

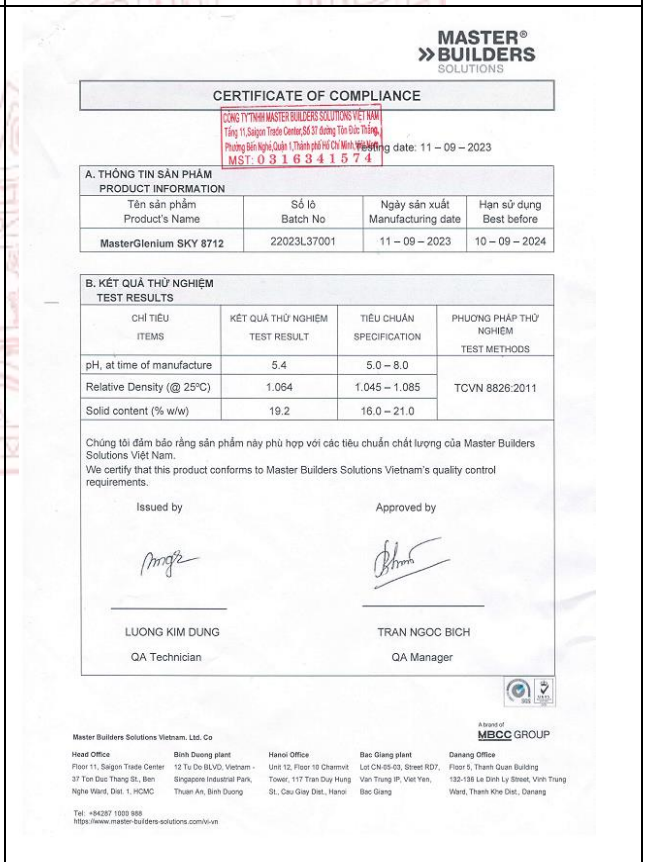
Customer name/ Tên khách hàng : TO WHOM IT MAY CONCERN / ĐẾN NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
Product name/ Tên sản phẩm : SikaPlast-394 HN VN 1000L
Batch No/ Số lô sản xuất : 22023L02008
Date of issue/Ngày kiểm tra : 12-Jan-2023

Physical Characteristics / Chỉ tiêu thử nghiệm	Test Method / Phương pháp	Test Result / Kết quả	Specification / Tiêu chuẩn
Specific Gravity@20oC/Tỷ trọng 20oC	SK-TM002	1.080	1.050 - 1.090

Notes:
- A sample was taken according to procedure of Sika test method and tested on production date
Mẫu thử nghiệm được lấy tuân thủ theo quy trình của phương pháp thử công ty Sika và được thử nghiệm vào ngày sản xuất
- SK- TM XXX is the Sika test method
SK- TM XXX là phương pháp thử của công ty Sika
- This certificate has been produced electronically and thus valid without a signature
Chứng chỉ này được ban hành tự động do đó có giá trị mà không cần chữ ký

Miễn trừ:Các kết quả thử nghiệm được xác định trên thể hiện những đặc tính của sản phẩm đã được tiến hành kiểm tra trong điều kiện phòng thí nghiệm. Phương pháp thử nghiệm là những phương pháp rất hiệu quả được sử dụng thường xuyên cho sản phẩm. Trong ứng dụng thực tế chúng tôi không đảm bảo sản phẩm sẽ phù hợp với một mục đích cụ thể nào đó nếu có sự khác biệt về vật tư, cốt liệu và điều kiện thực tế của công trường, cũng như không có sự ràng buộc pháp lý nào đối với chúng tôi ngoại trừ các thông tin này, hoặc từ một tường dẫn bằng văn bản, hay từ bất cứ sự tư vấn nào. Người sử dụng sản phẩm phải này phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với thí công họ mong muốn không Sika có quyền thay đổi đặc tính sản phẩm của mình Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được chú ý. Mọi đơn đặt hàng chỉ được chấp nhận dựa trên Bảng Điều Kiện Bán Hàng hiện hành của chúng tôi.Người sử dụng phải luôn tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật mới nhất của sản phẩm. Chúng tôi sẽ cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu.

SIKA LIMITED (VIETNAM)
Head Office: 10th Street, Nhon Trach 1 Industrial Zone, Nhon Trach District, Đồng Nai
HCMC Office: 60 Nguyễn Đình Chiểu Street, District 1, HCMC
Đà Nẵng Office: Lot A2.1, 30/4 Street, Hải Châu District, Đà Nẵng
Hà Nội Office: Peakview Tower, No.36 Hoàng Cầu Street, Đống Đa District, Hà Nội
Bắc Ninh Branch: No.3, Road 9, VSIP Bắc Ninh, Từ Sơn City, Bắc Ninh
Toll Free: 1800 599 950
vnm.sika.com
sikavietnam@vn.sika.com



MASTER BUILDERS SOLUTIONS

CERTIFICATE OF COMPLIANCE

CÔNG TY TNHH MASTER BUILDERS SOLUTIONS VIỆT NAM
Tầng 11,Saigon Trade Center,Số 37 đường Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé,Quận 1,Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
MST: 0316341574

Printing date: 11 – 09 – 2023

A. THÔNG TIN SẢN PHẨM
PRODUCT INFORMATION

Tên sản phẩm / Product's Name	Số lô / Batch No	Ngày sản xuất / Manufacturing date	Hạn sử dụng / Best before
MasterGlenium SKY 8712	22023L37001	11 – 09 – 2023	10 – 09 – 2024

B. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULTS

CHỈ TIÊU / ITEMS	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST RESULT	TIÊU CHUẨN / SPECIFICATION	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM / TEST METHODS
pH, at time of manufacture	5.4	5.0 – 8.0	TCVN 8826:2011
Relative Density (@ 25ºC)	1.064	1.045 – 1.085	
Solid content (% w/w)	19.2	16.0 – 21.0	

Chúng tôi đảm bảo rằng sản phẩm này phù hợp với các tiêu chuẩn chất lượng của Master Builders Solutions Việt Nam.
We certify that this product conforms to Master Builders Solutions Vietnam's quality control requirements.

Issued by: LUONG KIM DUNG, QA Technician
Approved by: TRAN NGOC BICH, QA Manager

Master Builders Solutions Vietnam. Ltd. Co
A brand of MBCC GROUP

Head Office	Binh Duong plant	Hanoi Office	Bac Giang plant	Danang Office
Floor 11, Saigon Trade Center 37 Ton Duc Thang St., Ben Nghe Ward, Dist. 1, HCMC	12 Tu Do BLVD, Vietnam - Singapore Industrial Park, Thuan An, Binh Duong	Unit 12, Floor 10 Charmvit Tower, 117 Tran Duy Hung St., Cau Giay Dist., Hanoi	Lot CN-05-03, Street RD7, Van Trung IP, Viet Yen, Bac Giang	Floor 5, Thanh Quan Building 132-136 Le Dinh Ly Street, Vinh Trung Ward, Thanh Khe Dist., Danang

Tel: +84287 1009 988
https://www.master-builders-solutions.com/vi-vn

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36
Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

HỒ SƠ NĂNG LỰC



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HOÀNG MAI
Trụ sở: Số nhà G5 khu Pandora, số 53 Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.
Tel/(fax): 024 36687293/(2)

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG
(Kiêm Giấy nhận nợ)
Ngày 17 Tháng 02 năm 2023
Căn cứ Đơn đặt hàng của Quý Công Ty
Chúng tôi gồm có:

I. ĐẠI DIỆN BÊN BÁN HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN HOÀNG MAI
II. ĐẠI DIỆN BÊN MUA HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36
Người nhận: Mr. Phước - 0913786936
Địa điểm: Lô CN 1.2, KCN Vức, Đông Quang, Đông Sơn, Thanh Hóa.
Hai bên cùng nhau thống nhất hàng hóa cụ thể:

Sản phẩm, Quy Cách	Đơn vị tính	Khối lượng
Sikaplast 394 1000L/tank	lít	**4.000L (04 tank)**
Sika Viscocrete 3000-20M 25L/can	lít	**25 (01 can)**
Vỏ tank 1000L	**cái**	**04 cái**

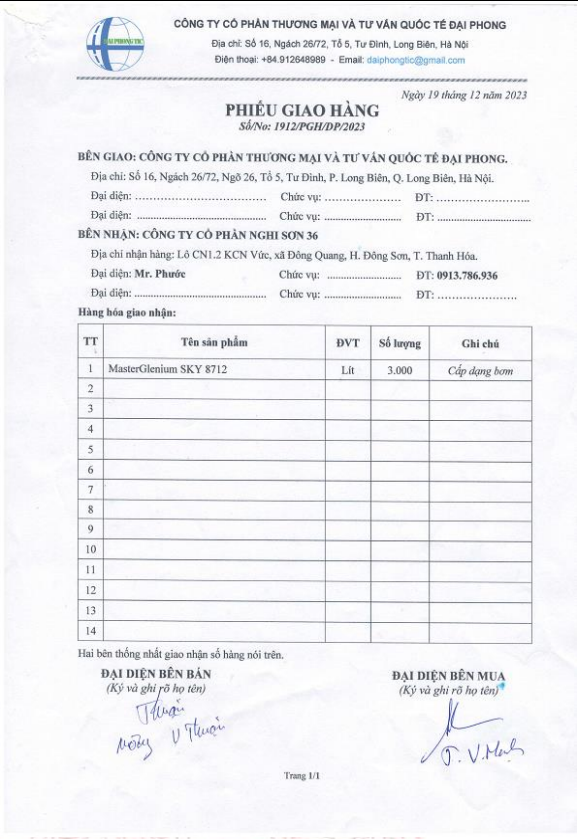
(Kèm chứng chỉ chất lượng sản phẩm: 01 bộ)
Số lượng bao bì bên mua hàng trả lại:

Chủng loại	Đơn vị	Số lượng
Tank 1000L	cái	... cái

Ghi chú: Người nhận hàng phải có trách nhiệm bốc xếp, bảo quản hàng hóa đúng nguyên trạng khi nhận, nếu xảy ra mất mát, hư hại thì bên nhận tự chịu mọi chi phí và trách nhiệm.
Bên mua hàng đã nhận đủ khối lượng, chứng chỉ chất lượng của Nhà sản xuất kèm theo xe hàng.
Biên bản giao nhận hàng này được lập thành 03 bản để làm cơ sở đối chiếu, thanh toán. Bên mua giữ 01 bản, bên bán giữ 02 bản.

BÊN BÁN HÀNG | **BÊN MUA HÀNG**

Nguyễn Hữu Phước



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN QUỐC TẾ ĐẠI PHONG
Địa chỉ: Số 16, Ngách 26/72, Tổ 5, Tư Đình, Long Biên, Hà Nội
Điện thoại: +84.912648989 - Email: daiphongtic@gmail.com

Ngày 19 tháng 12 năm 2023

PHIẾU GIAO HÀNG
Số/No: 1912/PGH/DP/2023

BÊN GIAO: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN QUỐC TẾ ĐẠI PHONG.
Địa chỉ: Số 16, Ngách 26/72, Ngõ 26, Tổ 5, Tư Đình, P. Long Biên, Q. Long Biên, Hà Nội.
Đại diện: ..... Chức vụ: ..... ĐT: .....
Đại diện: ..... Chức vụ: ..... ĐT: .....
BÊN NHẬN: CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36
Địa chỉ nhận hàng: Lô CN1.2 KCN Vức, xã Đông Quang, H. Đông Sơn, T. Thanh Hóa.
Đại diện: **Mr. Phước** Chức vụ: ..... ĐT: **0913.786.936**
Đại diện: ..... Chức vụ: ..... ĐT: .....
Hàng hóa giao nhận:

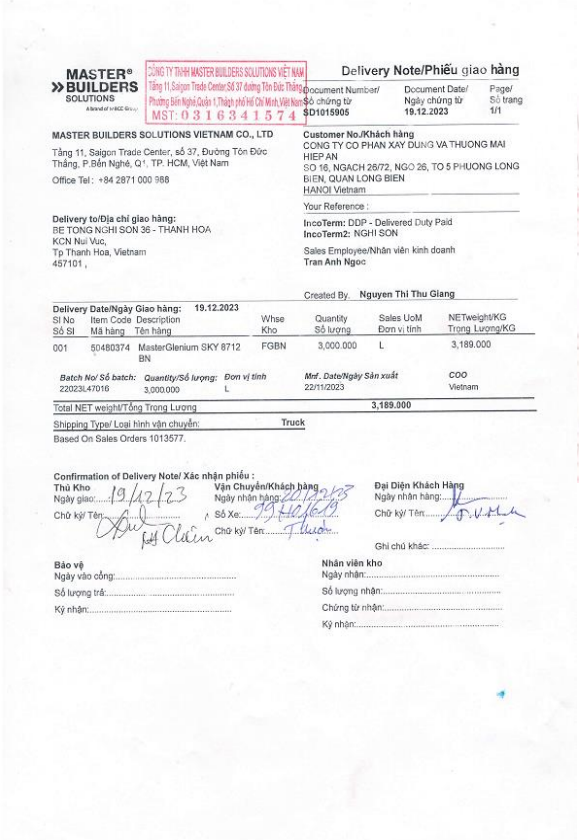
TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	MasterGlenium SKY 8712	Lít	3.000	*Cấp dạng bơm*
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				
14				

Hai bên thống nhất giao nhận số hàng nói trên.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)
Phương
Hồng V Thuần

ĐẠI DIỆN BÊN MUA
(Ký và ghi rõ họ tên)
T. V. Minh

Trang 1/1



MASTER® BUILDERS SOLUTIONS
CÔNG TY TNHH MASTER BUILDERS SOLUTIONS VIỆT NAM Tầng 11,Saigon Trade Center,Số 37 đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,Quận 1,Thành phố Hồ Chí Minh,Việt Nam MST: 0316341574

Delivery Note/Phiếu giao hàng

Document Number/ Số chứng từ	Document Date/ Ngày chứng từ	Page/ Số trang
SD1015905	19.12.2023	1/1

MASTER BUILDERS SOLUTIONS VIETNAM CO., LTD
Tầng 11, Saigon Trade Center, số 37, Đường Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q1, TP. HCM, Việt Nam
Office Tel: +84 2871 000 988

Customer No./Khách hàng
CONG TY CO PHAN XAY DUNG VA THUONG MAI HIEP AN
SO 16, NGACH 26/72, NGO 26, TO 5 PHUONG LONG BIEN, QUAN LONG BIEN
HANOI Vietnam
Your Reference :
IncoTerm: DDP - Delivered Duty Paid
IncoTerm2: NGHI SON
Sales Employee/Nhân viên kinh doanh
Tran Anh Ngoc

Delivery to/Địa chỉ giao hàng:
BE TONG NGHI SON 36 - THANH HOA
KCN Nui Vuc,
Tp Thanh Hoa, Vietnam
457101 ,

Created By: **Nguyen Thi Thu Giang**

Delivery Date/Ngày Giao hàng: 19.12.2023

Sl No / Số Sl	Item Code / Mã hàng	Description / Tên hàng	Whse / Kho	Quantity / Số lượng	Sales UoM / Đơn vị tính	NETweight/KG / Trọng Lượng/KG
001	50480374	MasterGlenium SKY 8712 BN	FGBN	3,000.000	L	3,189.000

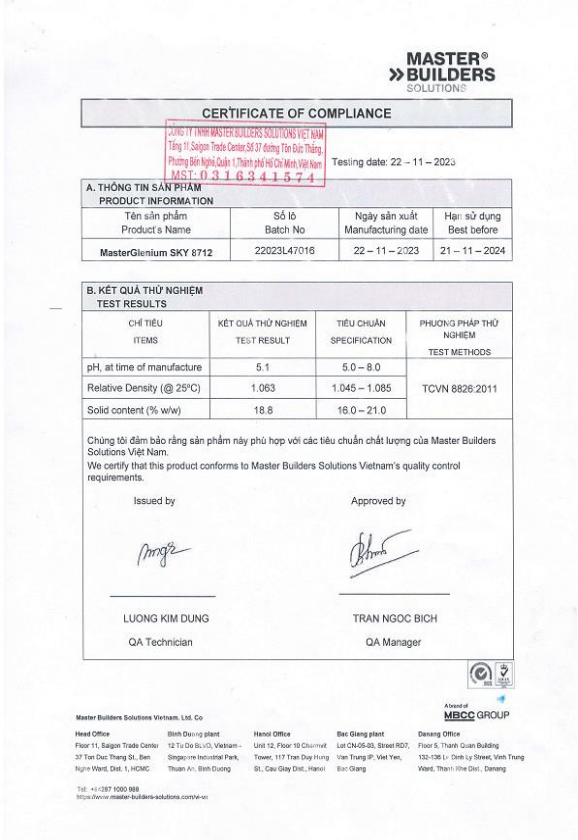
Batch No/ Số batch:	Quantity/Số lượng:	Đơn vị tính	Mnf. Date/Ngày Sản xuất	COO
22023L47016	3,000.000	L	22/11/2023	Vietnam

Total NET weight/Tổng Trọng Lượng: **3,189.000**
Shipping Type/ Loại hình vận chuyển: **Truck**
Based On Sales Orders 1013577.

Confirmation of Delivery Note/ Xác nhận phiếu :
Thủ Kho — Ngày giao: 19/12/23 — Chữ ký/ Tên:
Vận Chuyển/Khách hàng — Ngày nhận hàng: 20/12/23 — Số Xe: 99H-046.89 — Chữ ký/ Tên: T.Thuần
Đại Diện Khách Hàng — Ngày nhận hàng: — Chữ ký/ Tên: T. V. Minh
Ghi chú khác:

Bảo vệ
Ngày vào cổng:
Số lượng trả:
Ký nhận:

Nhân viên kho
Ngày nhận:
Số lượng nhận:
Chứng từ nhận:
Ký nhận:



MASTER® BUILDERS SOLUTIONS

CERTIFICATE OF COMPLIANCE

CÔNG TY TNHH MASTER BUILDERS SOLUTIONS VIỆT NAM Tầng 11,Saigon Trade Center,Số 37 đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,Quận 1,Thành phố Hồ Chí Minh,Việt Nam MST: 0316341574

Testing date: 22 – 11 – 2023

A. THÔNG TIN SẢN PHẨM
PRODUCT INFORMATION

Tên sản phẩm / Product's Name	Số lô / Batch No	Ngày sản xuất / Manufacturing date	Hạn sử dụng / Best before
MasterGlenium SKY 8712	22023L47016	22 – 11 – 2023	21 – 11 – 2024

B. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULTS

CHỈ TIÊU / ITEMS	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST RESULT	TIÊU CHUẨN / SPECIFICATION	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM / TEST METHODS
pH, at time of manufacture	5.1	5.0 – 8.0	TCVN 8826:2011
Relative Density (@ 25°C)	1.063	1.045 – 1.085	
Solid content (% w/w)	18.8	16.0 – 21.0	

Chúng tôi đảm bảo rằng sản phẩm này phù hợp với các tiêu chuẩn chất lượng của Master Builders Solutions Việt Nam.
We certify that this product conforms to Master Builders Solutions Vietnam's quality control requirements.

Issued by: LUONG KIM DUNG — QA Technician
Approved by: TRAN NGOC BICH — QA Manager

A brand of MBCC GROUP

Master Builders Solutions Vietnam. Ltd. Co

Head Office: Floor 11, Saigon Trade Center, 37 Ton Duc Thang St., Ben Nghe Ward, Dist. 1, HCMC
Binh Duong plant: 12 Tu Do Bl.VD, Vietnam - Singapore Industrial Park, Thuan An, Binh Duong
Hanoi Office: Unit 12, Floor 19 Charmvit Tower, 117 Tran Duy Hung St., Cau Giay Dist., Hanoi
Bac Giang plant: Lot CN-05-03, Street RD7, Van Trung IP, Viet Yen, Bac Giang
Danang Office: Floor 5, Thanh Quan Building, 132-136 Le Dinh Ly Street, Vinh Trung Ward, Thanh Khe Dist., Danang

Tel: +84287 1060 988
https://www.master-builders-solutions.com/vi-vn

BUILDING TRUST

QUALITY ANALYSIS CERTIFICATE
CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG

Issue date/Ngày ban hành: 08/12/2023

Customer's name/ Khách Hàng : TO WHOM IT MAY CONCERN / ĐẾN NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Product name/Tên Sản Phẩm : Sika ViscoCrete-3000-20 M HN VN 1000L

Batch No./Mẻ sản xuất ……: 22023L48033

Date of testing/Ngày kiểm tra : 01-Dec-2023

Physical Characteristics Chỉ tiêu thử nghiệm	Test Method Phương pháp	Test Result Kết quả	Specification Tiêu chuẩn
Specific Gravity@20oC/Tỷ trọng 20oC	SK-TM002	1.091	1.090 - 1.110

Notes:

- A sample was taken according to procedure of Sika test method and tested on production date

  Mẫu thử nghiệm được lấy tuân thủ theo quy trình của phương pháp thử công ty Sika và được thử nghiệm vào ngày sản xuất

- SK- TM XXX is the Sika test method

  SK- TM XXX là phương pháp thử của công ty Sika

- This certificate has been produced electronically and thus valid without a signature

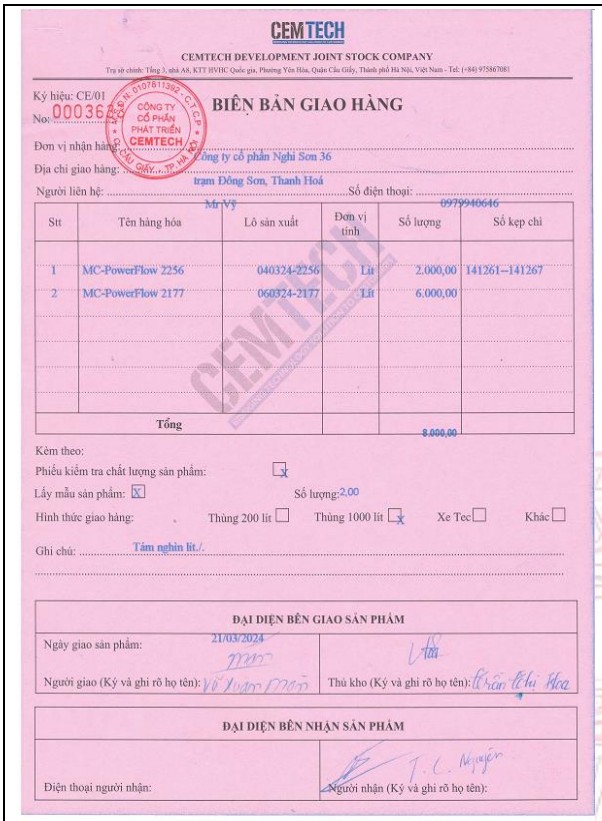
  Chứng chỉ này được ban hành tự động do đó có giá trị mà không cần chữ ký

Miễn trừ:Các kết quả thử nghiệm được xác định trên thể hiện những đặc tính của sản phẩm đã được tiến hành kiểm tra trong điều kiện phòng thí nghiệm. Phương pháp thử nghiệm là những phương pháp rất hiệu quả được sử dụng thường xuyên cho sản phẩm. Trong ứng dụng thực tế chúng tôi không đảm bảo sản phẩm sẽ phù hợp với một mục đích cụ thể nào đó nếu có sự khác biệt về vật tư, cốt liệu và điều kiện thực tế của công trường, cũng như không có sự ràng buộc pháp lý nào đối với chúng tôi ngụ ý từ các thông tin này, hoặc từ một hướng dẫn bằng văn bản, hay từ bất cứ sự tư vấn nào. Người sử dụng sản phẩm phải này phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với thi công họ mong muốn không.Sika có quyền thay đổi đặc tính sản phẩm của mình.Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được chú ý.Mọi đơn đặt hàng chỉ được chấp nhận dựa trên Bảng Điều Kiện Bán Hàng hiện hành của chúng tôi.Người sử dụng phải luôn tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật mới nhất của sản phẩm. Chúng tôi sẽ cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu.

SIKA LIMITED (VIETNAM)

Head Office	10th Street, Nhon Trach 1 Industrial Zone, Nhon Trach District, Đồng Nai	
HCMC Office	60 Nguyễn Đình Chiểu Street, District 1, HCMC	Toll free:
Đà Nẵng Office	Lot A2.1, 30/4 Street, Hải Châu District, Đà Nẵng	**1800 599 950**
Hà Nội Office	Peakview Tower, No.36 Hoàng Cầu Street, Đống Đa District, Hà Nội	vnm.sika.com
Bắc Ninh Branch	No.3, Road 9, VSIP Bắc Ninh, Từ Sơn City, Bắc Ninh	sikavietnam@vn.sika.com

HỒ SƠ NĂNG LỰC



CEMTECH

CEMTECH DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở chính: Tầng 3, nhà A8, KTT HVHC Quốc gia, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Tel: (+84) 975867081

Ký hiệu: CE/01

No: 0003624

BIÊN BẢN GIAO HÀNG

Đơn vị nhận hàng: Công ty cổ phần Nghi Sơn 36

Địa chỉ giao hàng: trạm Đông Sơn, Thanh Hoá

Người liên hệ: Mr Vỹ Số điện thoại: 0979940646

Stt	Tên hàng hóa	Lô sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Số kẹp chì
1	MC-PowerFlow 2256	040324-2256	Lít	2.000,00	141261--141267
2	MC-PowerFlow 2177	060324-2177	Lít	6.000,00	
	Tổng			8.000,00	

Kèm theo:

Phiếu kiểm tra chất lượng sản phẩm: X

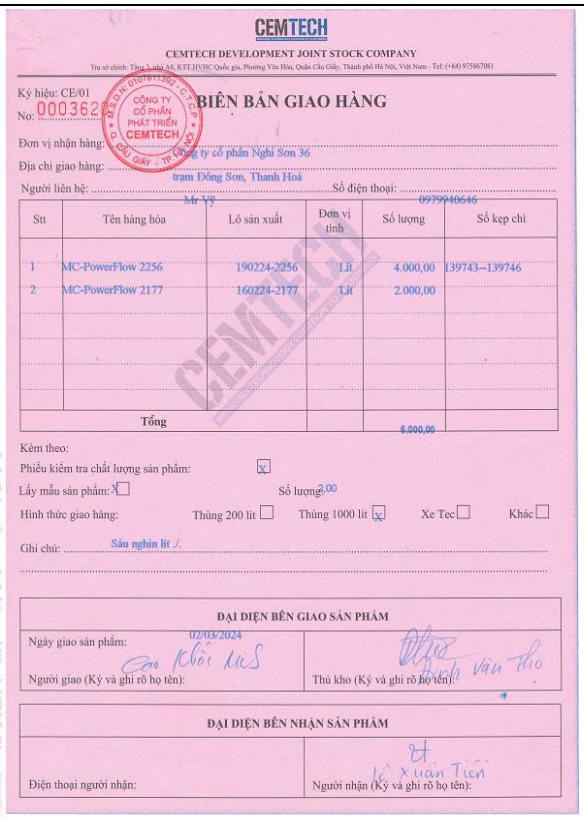
Lấy mẫu sản phẩm: X Số lượng: 2.00

Hình thức giao hàng: Thùng 200 lít ☐ Thùng 1000 lít X Xe Tec ☐ Khác ☐

Ghi chú: Tám nghìn lít./.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO SẢN PHẨM	
Ngày giao sản phẩm: 21/03/2024	
Người giao (Ký và ghi rõ họ tên): Võ Xuân Mãn	Thủ kho (Ký và ghi rõ họ tên): Phan Thị Hoa

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN SẢN PHẨM	
Điện thoại người nhận:	Người nhận (Ký và ghi rõ họ tên): T. C. Nguyệt



CEMTECH

CEMTECH DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở chính: Tầng 3, nhà A8, KTT HVHC Quốc gia, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Tel: (+84) 975867081

Ký hiệu: CE/01

No: 0003622

BIÊN BẢN GIAO HÀNG

Đơn vị nhận hàng: Công ty cổ phần Nghi Sơn 36

Địa chỉ giao hàng: trạm Đông Sơn, Thanh Hoá

Người liên hệ: Mr Vỹ Số điện thoại: 0979940646

Stt	Tên hàng hóa	Lô sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Số kẹp chì
1	MC-PowerFlow 2256	190224-2256	Lít	4.000,00	139743--139746
2	MC-PowerFlow 2177	160224-2177	Lít	2.000,00	
	Tổng			6.000,00	

Kèm theo:

Phiếu kiểm tra chất lượng sản phẩm: X

Lấy mẫu sản phẩm: X Số lượng: 2.00

Hình thức giao hàng: Thùng 200 lít ☐ Thùng 1000 lít X Xe Tec ☐ Khác ☐

Ghi chú: Sáu nghìn lít./.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO SẢN PHẨM	
Ngày giao sản phẩm: 02/03/2024	
Người giao (Ký và ghi rõ họ tên): Cao Khắc Lưu	Thủ kho (Ký và ghi rõ họ tên): Đinh Văn Thọ

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN SẢN PHẨM	
Điện thoại người nhận:	Người nhận (Ký và ghi rõ họ tên): Lê Xuân Tiến



MC BIFI

BE SURE. BUILD SURE.

PHIẾU KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

CERTIFICATE OF QUALITY

Số: 2403211 /PKTCL-QC

Loại phụ gia: MC-PowerFlow 2177 *(Admixture name)*	**Tiêu chuẩn kỹ thuật:** ASTM C494 & TCVN 8826 loại G *(Complied with standard)*
Lô sx: 060324-2177 *(Batch No.)*	**Ngày thí nghiệm :** 08/03/2024 *(Date of testing)*
Ngày sản xuất: 06-08/03/2024 *(Manufacturing date)*	**Hạn sử dụng:** 08 tháng kể từ ngày sản xuất *(Date of expiry)*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM - *TEST RESULTS*

Chỉ tiêu thí nghiệm *(Test items)*	Phương pháp thử *(Test method)*	Tiêu chuẩn công bố *(Registered standard)*	Kết quả thử *(Test results)*
1. Tỷ trọng, g/cm³ *(Specific gravity at 25°C)*	*ASTM D 1475-98*	1.05 ± 0.05	1.056
2. Độ pH *(pH value)*	*ASTM E 70-07*	5 ± 1	4.76
3. Hàm lượng chất khô *(Solid content, %)*	*ASTM C 494:2004*	20 ± 5	21.46

KẾT LUẬN - *CONCLUSION*

Chúng tôi chứng nhận sản phẩm MC-PowerFlow 2177 đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng của MC-BiFi Bauchemie JSC.

We certify that the product MC-PowerFlow 2177 meets all MC-BiFi Bauchemie JSC's quality control requirements.

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2024.

PHÒNG KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Quality Control Department

QC PASS

Bùi Hà Tuyến

MC-BIFI BAUCHEMIE JSC.

Ha Noi: 814/3 Lang Str., Lang Thuong Wd., Dong Da Dist., Hanoi City - Tel: (+84) 24 3775 5312 - Fax: (+84) 24 3775 9607

Da Nang: 91 Le Van Duyet Str., Nai Hien Dong Wd., Son Tra Dist., Da Nang City - Tel: (+84) 23 6355 6869 - Fax: (+84) 23 6355 6969

HCMC: No. Y13, Str. 29, Phuoc Kien A RLA, Phuoc Kien Commune, Nha Be Dist., HCMC - Tel: (+84) 28 3620 8685 - Fax: (+84) 28 3620 8685

Email: info@mcbifi-bauchemie.vn | Website: www.mcbifi-bauchemie.com



MC BIFI

BE SURE. BUILD SURE.

PHIẾU KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

CERTIFICATE OF QUALITY

Số: 2403211 /PKTCL-QC

Loại phụ gia: MC-PowerFlow 2256 *(Admixture name)*	**Tiêu chuẩn kỹ thuật:** ASTM C494 & TCVN 8826 loại G *(Complied with standard)*
Lô sx: 040324-2256 *(Batch No.)*	**Ngày thí nghiệm :** 06/03/2024 *(Date of testing)*
Ngày sản xuất: 04-06/03/2024 *(Manufacturing date)*	**Hạn sử dụng:** 08 tháng kể từ ngày sản xuất *(Date of expiry)*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM - *TEST RESULTS*

Chỉ tiêu thí nghiệm *(Test items)*	Phương pháp thử *(Test method)*	Tiêu chuẩn công bố *(Registered standard)*	Kết quả thử *(Test results)*
1. Tỷ trọng, g/cm³ *(Specific gravity at 25°C)*	*ASTM D 1475-98*	1.05 ± 0.05	1.057
2. Độ pH *(pH value)*	*ASTM E 70-07*	5 ± 1	4.66
3. Hàm lượng chất khô *(Solid content, %)*	*ASTM C 494:2004*	23 ± 5	21.59

KẾT LUẬN - *CONCLUSION*

Chúng tôi chứng nhận sản phẩm MC-PowerFlow 2256 đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng của MC-BiFi Bauchemie JSC.

We certify that the product MC-PowerFlow 2256 meets all MC-BiFi Bauchemie JSC's quality control requirements.

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2024.

PHÒNG KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Quality Control Department

QC PASS

Bùi Hà Tuyến

MC-BIFI BAUCHEMIE JSC.

Ha Noi: 814/3 Lang Str., Lang Thuong Wd., Dong Da Dist., Hanoi City - Tel: (+84) 24 3775 5312 - Fax: (+84) 24 3775 9607

Da Nang: 91 Le Van Duyet Str., Nai Hien Dong Wd., Son Tra Dist., Da Nang City - Tel: (+84) 23 6355 6869 - Fax: (+84) 23 6355 6969

HCMC: No. Y13, Str. 29, Phuoc Kien A RLA, Phuoc Kien Commune, Nha Be Dist., HCMC - Tel: (+84) 28 3620 8685 - Fax: (+84) 28 3620 8685

Email: info@mcbifi-bauchemie.vn | Website: www.mcbifi-bauchemie.com

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CÁT
THEO TCVN 7570 - 2006

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Cát bê tông - Mỏ cát Thọ Xuân
Vị trí lấy mẫu: Tại trạm trộn bê tông Nghi Sơn 36
Phương pháp thử: TCVN 7572: 2006
Yêu cầu thí nghiệm: Các chỉ tiêu cơ lý của Cát
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thí nghiệm: 02/01/2024

THÀNH PHẦN HẠT & MÔ ĐUN ĐỘ LỚN

KT mắt sàng (mm)	KL trên sàng (g)	% Trên sàng	% Tích luỹ	% Tích luỹ theo YC	Mô đun độ lớn	Ghi chú
2,5	235	11,6	11,6	0 -:- 20		
1,25	275	13,5	25,1	15 -:- 45		
0,63	392	19,3	44,4	35 -:- 70		
0,315	608	29,9	74,3	65 -:- 90		
0,14	490	24,1	98,4	90 -:- 100		
<0,14	33	1,6	100,0	100		
Cộng	2033	100			2,54	

CÁC TÍNH CHẤT CƠ LÝ

1	Khối lượng riêng	(g/cm^3)	2,592	Ghi chú
2	Khối lượng thể tích xốp	(kg/m^3)	1.466	
3	Độ rỗng	(%)	43,44	
4	Độ ẩm của cát khi thí nghiệm	(%)	1,6	
5	Lượng bụi bùn sét	(%)	0,67	
6	Lượng hữu cơ so với màu tiêu chuẩn		Nhạt hơn	
7	Lượng hạt > sàng 5mm	(%)	0,0	

Thanh Hóa ngày 02 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 2.1.2024/D1 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐÁ
THEO TCVN 7570 - 2006

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Đá D_{max} 20 - Mỏ đá Licogi 13 - Nghi Sơn
Vị trí lấy mẫu: Tại trạm trộn bê tông Nghi Sơn 36
Phương pháp thử: TCVN 7572: 2006
Yêu cầu thí nghiệm: Các chỉ tiêu cơ lý của Đá
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thí nghiệm: 02/01/2024

THÀNH PHẦN HẠT

KT mắt sàng (mm)	KL trên sàng tích lũy (g)	% Tích luỹ	% Tích luỹ theo YC	Ghi chú
70	0	0,0	0,0	
40	0	0,0	0,0	
20	813	7,6	0 -:- 10	
10	6635	62,4	40 -:- 70	
5	10060	94,6	90 -:- 100	
<5	10638	100,0	-	
Cộng	10638			

CÁC TÍNH CHẤT CƠ LÝ

1	Hàm lượng thoi dẹt:	%	5,57	Ghi chú
2	Hàm lượng hạt mềm xốp	%	0,46	
3	Hàm lượng bụi, bùn, sét:	%	0,42	
4	Khối lượng riêng	(g/cm^3)	2,691	
5	Khối lượng thể tích xốp	(kg/m^3)	1.406	
6	Độ rỗng	(%)	47,75	
7	Độ ẩm khi thí nghiệm	(%)	0,0	

Thanh Hóa ngày 02 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 4.1.2024/DNK - Las XD387

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐÁ
THEO TCVN 7570 - 2006

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Đá nguyên khai - Mỏ đá Licogi 13 - Nghi Sơn
Vị trí lấy mẫu: Tại trạm trộn bê tông Nghi Sơn 36
Phương pháp thử: TCVN 7572: 2006
Yêu cầu thí nghiệm: Cường độ kháng nén của Đá nguyên khai
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thí nghiệm: 04/01/2024

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

TT	Kích thước mẫu ép (mm)	Tiết diện F (mm^2)	Số đọc trên đồng hồ P (KN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (N)	Cường độ chịu nén R(N/mm^2)	Bình quân kết quả R(N/mm^2)
TRẠNG THÁI NÉN KHÔ						
1	50x50x50	2.500	220,82	220.820	88,3	
2	50x50x50	2.500	231,43	231.430	92,6	
3	50x50x50	2.500	237,31	237.310	94,9	91,6
4	50x50x50	2.500	222,62	222.620	89,0	
5	50x50x50	2.500	232,52	232.520	93,0	
TRẠNG THÁI NÉN BÃO HÒA						
1	50x50x50	2.500	207,92	207.920	83,2	
2	50x50x50	2.500	196,69	196.690	78,7	
3	50x50x50	2.500	200,64	200.640	80,3	81,5
4	50x50x50	2.500	208,80	208.800	83,5	
5	50x50x50	2.500	204,75	204.750	81,9	
HỆ SỐ HÓA MỀM						0,89

Thanh Hóa ngày 04 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM XI MĂNG
THEO TCVN 6260: 2009

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Xi măng PCB40 Nghi Sơn
Vị trí lấy mẫu: Tại trạm trộn bê tông Nghi Sơn 36
Phương pháp thử: TCVN 4030: 2003; 6016: 2011; 6017: 2015
Yêu cầu thí nghiệm: Các chỉ tiêu cơ lý của Xi măng
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thí nghiệm: 04/01/2024

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thí nghiệm	Đơn vị	Kết quả thí nghiệm	Yêu cầu kỹ thuật
1	Lượng nước tiêu chuẩn	%	30,5	
2	Độ mịn trên sàng: #0.09 mm	%	1,48	≤10
3	Khối lượng riêng	g/cm³	3,11	
4	Khối lượng thể tích xốp	g/cm³	1,10	
5	Thời gian đông kết			
	+ Bắt đầu sau	phút	115	≥ 45 phút
	+ Kết thúc sau	phút	205	≤ 420 phút
6	Độ ổn định thể tích	mm	2,06	≤10
7	Cường độ nén mẫu 3 ngày	MPa	22,15	≥18
8	Cường độ nén mẫu 28 ngày	MPa		≥40

Thanh Hóa ngày 04 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 4.1.2024/TKBTBê tông M100R28, độ sụt 12±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông M100R28, độ sụt 12±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 04/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*		
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường	Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10	Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2,592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.466	Mô đun độ lớn Mk	2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.406		
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36	Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC2217	Tỷ trọng: (kg/lit) 1,05	Tỷ lệ phụ gia lit/100kg XM	0,0

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 220 — 1 : 3,68 : 5,28 — Tỷ lệ N/X = 0,84
Thành phần theo TT xốp: 200 — 1 : 2,76 : 4,13

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lit)	Tính theo TT xốp (lit)
Xi măng	220	71	200
Cát	809	312	552
Đá (1x2)	1163	432	827
Nước	185	185	185
Phụ gia	0,00	0,00	0,00

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 12

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (kN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	01/02/2024	28	15x15x15	225	255	25500	113,33	116
2		28			265	26500	117,78	
3		28			260	26000	115,56	

Thanh Hóa ngày 01 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM — Nguyễn Văn Hiệp
TP. THÍ NGHIỆM — Nguyễn Viết Nam
GIÁM ĐỐC — Trịnh Đình Sáng

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 4.1.2024/TKBTBê tông M150R28, độ sụt 12±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông M150R28, độ sụt 12±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 04/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*		
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường	Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10	Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2,592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.466	Mô đun độ lớn Mk	2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.406		
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36	Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC2217	Tỷ trọng: (kg/lit) 1,05	Tỷ lệ phụ gia lit/100kg XM	0,5

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 250 — 1 : 3,46 : 4,52 — Tỷ lệ N/X = 0,66
Thành phần theo TT xốp: 227 — 1 : 2,6 : 3,53

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lit)	Tính theo TT xốp (lit)
Xi măng	250	80	227
Cát	865	334	590
Đá (1x2)	1129	420	803
Nước	165	165	165
Phụ gia	1,31	1,25	1,25

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 12,8

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (kN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	01/02/2024	28	15x15x15	225	385	38500	171,11	171
2		28			390	39000	173,33	
3		28			380	38000	168,89	

Thanh Hóa ngày 01 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM — Nguyễn Văn Hiệp
TP. THÍ NGHIỆM — Nguyễn Viết Nam
GIÁM ĐỐC — Trịnh Đình Sáng

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 4.1.2024/TKBTBê tông M200R28, độ sụt 12±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông M200R28, độ sụt 12±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 04/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*		
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường	Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10	Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2,592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.466	Mô đun độ lớn Mk	2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.406		
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36	Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC2217	Tỷ trọng: (kg/lit) 1,05	Tỷ lệ phụ gia lit/100kg XM	0,7

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 280 — 1 : 3,04 : 3,99 — Tỷ lệ N/X = 0,59
Thành phần theo TT xốp: 255 — 1 : 2,28 : 3,12

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lit)	Tính theo TT xốp (lit)
Xi măng	280	90	255
Cát	850	328	580
Đá (1x2)	1117	415	794
Nước	165	165	165
Phụ gia	2,06	1,96	1,96

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 12,2

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (kN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	01/02/2024	28	15x15x15	225	515	51500	228,89	225
2		28			500	50000	222,22	
3		28			505	50500	224,44	

Thanh Hóa ngày 01 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM — Nguyễn Văn Hiệp
TP. THÍ NGHIỆM — Nguyễn Viết Nam
GIÁM ĐỐC — Trịnh Đình Sáng

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 6.1.2024/TKBTBê tông M200R7, độ sụt 12±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông M200R7, độ sụt 12±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 06/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*		
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường	Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10	Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2,592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.466	Mô đun độ lớn Mk	2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.406		
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36	Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC256	Tỷ trọng: (kg/lit) 1,06	Tỷ lệ phụ gia lit/100kg XM	1,0

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 310 — 1 : 2,72 : 3,51 — Tỷ lệ N/X = 0,54
Thành phần theo TT xốp: 282 — 1 : 2,04 : 2,74

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lit)	Tính theo TT xốp (lit)
Xi măng	310	100	282
Cát	843	325	575
Đá (1x2)	1087	404	773
Nước	168	168	168
Phụ gia	3,29	3,10	3,10

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 12,5

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (kN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	13/01/2024	7	15x15x15	225	520	52000	231,11	229
2		7			510	51000	226,67	
3		7			515	51500	228,89	

Thanh Hóa ngày 13 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM — Nguyễn Văn Hiệp
TP. THÍ NGHIỆM — Nguyễn Viết Nam
GIÁM ĐỐC — Trịnh Đình Sáng

HỒ SƠ NĂNG LỰC

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 4.1.2024/TKBTBê tông M250R28, độ sụt 12±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông M250R28, độ sụt 12±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 04/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*		
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường	Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10	Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2,592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,466	Mô đun độ lớn Mk	2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,406		
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36	Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC2217	Tỷ trọng: (kg/lít) 1,05	Tỷ lệ phụ gia lít/100kg XM	0,8

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 310 / 1 : 2,77 : 3,48 — Tỷ lệ N/X = 0,53 — Thành phần theo TT xốp: 282 / 1 : 2,08 : 2,72

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	310	100	282
Cát	860	332	587
Đá (1x2)	1079	401	768
Nước	165	165	165
Phụ gia	2,60	2,48	2,48

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 13,5

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (kN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	01/02/2024	28	15x15x15	225	640	64000	284,44	285
2		28			635	63500	282,22	
3		28			650	65000	288,89	

Thanh Hóa ngày 01 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

---

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 5.1.2024/TKBTBê tông M250R14, độ sụt 12±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông M250R14, độ sụt 12±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 05/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*		
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường	Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10	Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2,592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,466	Mô đun độ lớn Mk	2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,406		
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36	Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC2256	Tỷ trọng: (kg/lít) 1,06	Tỷ lệ phụ gia lít/100kg XM	0,9

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 320 / 1 : 2,66 : 3,37 — Tỷ lệ N/X = 0,52 — Thành phần theo TT xốp: 291 / 1 : 1,99 : 2,64

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	320	103	291
Cát	850	328	580
Đá (1x2)	1080	401	768
Nước	165	165	165
Phụ gia	3,05	2,88	2,88

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 12

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (kN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	19/01/2024	14	15x15x15	225	640	64000	284,44	287
2		14			645	64500	286,67	
3		14			655	65500	291,11	

Thanh Hóa ngày 19 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

---

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 6.1.2024/TKBTBê tông M250R7, độ sụt 12±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông M250R7, độ sụt 12±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 06/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*		
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường	Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10	Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2,592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,466	Mô đun độ lớn Mk	2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,406		
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36	Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC256	Tỷ trọng: (kg/lít) 1,06	Tỷ lệ phụ gia lít/100kg XM	1,0

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 340 / 1 : 2,46 : 3,17 — Tỷ lệ N/X = 0,49 — Thành phần theo TT xốp: 309 / 1 : 1,84 : 2,48

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	340	109	309
Cát	836	322	570
Đá (1x2)	1076	400	765
Nước	165	165	165
Phụ gia	3,60	3,40	3,40

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 12,8

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (kN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	13/01/2024	7	15x15x15	225	635	63500	282,22	284
2		7			645	64500	286,67	
3		7			640	64000	284,44	

Thanh Hóa ngày 13 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

---

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 4.1.2024/TKBTBê tông M300R28, độ sụt 12±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông M300R28, độ sụt 12±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 04/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*		
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường	Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10	Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2,592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,466	Mô đun độ lớn Mk	2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,406		
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36	Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC2256	Tỷ trọng: (kg/lít) 1,06	Tỷ lệ phụ gia lít/100kg XM	0,9

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 345 / 1 : 2,46 : 3,06 — Tỷ lệ N/X = 0,48 — Thành phần theo TT xốp: 314 / 1 : 1,85 : 2,4

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	345	111	314
Cát	850	328	580
Đá (1x2)	1057	393	752
Nước	165	165	165
Phụ gia	3,29	3,11	3,11

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 12

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (kN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	01/02/2024	28	15x15X15	225	770	77000	342,22	339
2		28			765	76500	340,00	
3		28			750	75000	333,33	

Thanh Hóa ngày 01 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

---

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36
Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

HỒ SƠ NĂNG LỰC

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 5.1.2024/TKBTBê tông M300R14, độ sụt 12±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông M300R14, độ sụt 12±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 05/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*		
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường	Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10	Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2.592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.466	Mô đun độ lớn Mk	2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/D1 - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2.691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.406		
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36	Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC 2256	Tỷ trọng: (kg/lít) 1,06	Tỷ lệ phụ gia lít/100kg XM	1,0

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 355 (1 : 2,34 : 3,01) — Tỷ lệ N/X = 0,46 — Thành phần theo TT xốp: 323 (1 : 1,75 : 2,36)

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	355	114	323
Cát	830	320	566
Đá (1x2)	1069	397	760
Nước	165	165	165
Phụ gia	3,76	3,55	3,55

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 12,6

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (kN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	19/01/2024	14	15x15X15	225	745	74500	331,11	336
2		14			755	75500	335,56	
3		14			770	77000	342,22	

Thanh Hóa ngày 19 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM — Nguyễn Văn Hiệp
TP. THÍ NGHIỆM — Nguyễn Viết Nam
GIÁM ĐỐC — Trịnh Đình Sáng

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 6.1.2024/TKBTBê tông M300R7, độ sụt 12±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông M300R7, độ sụt 12±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 06/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*		
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường	Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10	Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2.592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.466	Mô đun độ lớn Mk	2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/D1 - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2.691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.406		
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36	Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC 2256	Tỷ trọng: (kg/lít) 1,06	Tỷ lệ phụ gia lít/100kg XM	1,0

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 375 (1 : 2,18 : 2,83) — Tỷ lệ N/X = 0,44 — Thành phần theo TT xốp: 341 (1 : 1,64 : 2,21)

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	375	121	341
Cát	818	316	558
Đá (1x2)	1060	394	754
Nước	166	166	166
Phụ gia	3,98	3,75	3,75

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 12,8

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (kN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	13/01/2024	7	15x15X15	225	760	76000	337,78	337
2		7			750	75000	333,33	
3		7			765	76500	340,00	

Thanh Hóa ngày 13 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM — Nguyễn Văn Hiệp
TP. THÍ NGHIỆM — Nguyễn Viết Nam
GIÁM ĐỐC — Trịnh Đình Sáng

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 4.1.2024/TKBTBê tông M350R28, độ sụt 12±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông M350R28, độ sụt 12±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 04/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*		
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường	Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10	Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2.592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.466	Mô đun độ lớn Mk	2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/D1 - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2.691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.406		
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36	Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC2256	Tỷ trọng: (kg/lít) 1,05	Tỷ lệ phụ gia lít/100kg XM	1,0

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 380 (1 : 2,16 : 2,78) — Tỷ lệ N/X = 0,43 — Thành phần theo TT xốp: 345 (1 : 1,62 : 2,17)

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	380	122	345
Cát	821	317	560
Đá (1x2)	1056	392	751
Nước	165	165	165
Phụ gia	3,99	3,80	3,80

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 12

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (kN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	01/02/2024	28	15x15x15	225	880	88000	391,11	386
2		28			855	85500	380,00	
3		28			870	87000	386,67	

Thanh Hóa ngày 01 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM — Nguyễn Văn Hiệp
TP. THÍ NGHIỆM — Nguyễn Viết Nam
GIÁM ĐỐC — Trịnh Đình Sáng

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 4.1.2024/TKBTBê tông M350R14, độ sụt 12±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông M350R14, độ sụt 12±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 04/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*		
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường	Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10	Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2.592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.466	Mô đun độ lớn Mk	2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/D1 - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)	2.691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.406		
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36	Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC 2256	Tỷ trọng: (kg/lít) 1,06	Tỷ lệ phụ gia lít/100kg XM	1,0

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 390 (1 : 2,07 : 2,72) — Tỷ lệ N/X = 0,42 — Thành phần theo TT xốp: 355 (1 : 1,55 : 2,13)

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	390	125	355
Cát	806	311	550
Đá (1x2)	1062	395	755
Nước	165	165	165
Phụ gia	4,13	3,90	3,90

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 10,2

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (kN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	18/01/2024	14	15x15x15	225	885	88500	393,33	393
2		14			900	90000	400,00	
3		14			870	87000	386,67	

Thanh Hóa ngày 18 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM — Nguyễn Văn Hiệp
TP. THÍ NGHIỆM — Nguyễn Viết Nam
GIÁM ĐỐC — Trịnh Đình Sáng

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36
Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

HỒ SƠ NĂNG LỰC

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 6.1.2024/TKBTBê tông M350R7, độ sụt 12±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông M350R7, độ sụt 12±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 06/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*			
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường	Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)		22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10	Khối lượng riêng (g/cm³)		3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)		2,592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)		43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,466	Mô đun độ lớn Mk		2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)		2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)		47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,406			
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36	Khối lượng riêng (g/cm3)		1,0
Phụ	Bifi MC 2256	Tỷ trọng: (kg/lit)	1,06	Tỷ lệ phụ gia lít/100kg XM	1,0

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 410 — 1 : 1,95 : 2,56 — Tỷ lệ N/X = 0,40
Thành phần theo TT xốp: 373 — 1 : 1,46 : 2

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	410	132	373
Cát	800	309	546
Đá (1x2)	1048	390	746
Nước	166	166	166
Phụ gia	4,35	4,10	4,10

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 10,5

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (KN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1		7			880	88000	391,11	
2	13/01/2024	7	15x15x15	225	890	89000	395,56	393
3		7			880	88000	391,11	

Thanh Hóa ngày 13 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

---

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 4.1.2024/TKBTBê tông C10R28, độ sụt 12±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông C10R28, độ sụt 12±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 04/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*			
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường	Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)		22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10	Khối lượng riêng (g/cm³)		3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)		2,592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)		43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,466	Mô đun độ lớn Mk		2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)		2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)		47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,406			
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36	Khối lượng riêng (g/cm3)		1,0
gia	Bifi MC2217	Tỷ trọng: (kg/lit)	1,05	Tỷ lệ phụ gia lít/100kg XM	0,5

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 240 — 1 : 3,6 : 4,74 — Tỷ lệ N/X = 0,69
Thành phần theo TT xốp: 218 — 1 : 2,7 : 3,71

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	240	77	218
Cát	865	334	590
Đá (1x2)	1138	423	809
Nước	165	165	165
Phụ gia	1,26	1,20	1,20

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 12,5

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (KN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1		28			240	24000	13,58	
2	01/02/2024	28	15x30	1767	255	25500	14,43	14
3		28			250	25000	14,15	

Thanh Hóa ngày 01 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

---

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 4.1.2024/TKBTBê tông C16R28, độ sụt 12±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông C16R28, độ sụt 12±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 04/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*			
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường	Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)		22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10	Khối lượng riêng (g/cm³)		3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)		2,592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)		43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,466	Mô đun độ lớn Mk		2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)		2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)		47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,406			
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36	Khối lượng riêng (g/cm3)		1,0
Phụ	Bifi MC2217	Tỷ trọng: (kg/lit)	1,05	Tỷ lệ phụ gia lít/100kg XM	0,7

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 280 — 1 : 3,04 : 3,99 — Tỷ lệ N/X = 0,59
Thành phần theo TT xốp: 255 — 1 : 2,28 : 3,12

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	280	90	255
Cát	850	328	580
Đá (1x2)	1117	415	794
Nước	165	165	165
Phụ gia	2,06	1,96	1,96

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 12,1

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (KN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1		28			350	35000	19,81	
2	01/02/2024	28	15x30	1767	340	34000	19,24	19
3		28			330	33000	18,68	

Thanh Hóa ngày 01 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

---

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 4.1.2024/TKBTBê tông C20R28, độ sụt 12±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông C20R28, độ sụt 12±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 04/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*			
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường	Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)		22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10	Khối lượng riêng (g/cm³)		3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)		2,592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)		43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,466	Mô đun độ lớn Mk		2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*	Khối lượng riêng (g/cm³)		2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường	Độ rỗng (%)		47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,406			
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36	Khối lượng riêng (g/cm3)		1,0
Phụ	Bifi MC2217	Tỷ trọng: (kg/lit)	1,05	Tỷ lệ phụ gia lít/100kg XM	0,8

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 310 — 1 : 2,78 : 3,48 — Tỷ lệ N/X = 0,53
Thành phần theo TT xốp: 282 — 1 : 2,08 : 2,72

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	310	100	282
Cát	861	332	587
Đá (1x2)	1079	401	767
Nước	165	165	165
Phụ gia	2,60	2,48	2,48

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 12

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (KN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1		28			430	43000	24,34	
2	01/02/2024	28	15x30	1767	410	41000	23,20	24
3		28			420	42000	23,77	

Thanh Hóa ngày 01 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

HỒ SƠ NĂNG LỰC

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 4.1.2024/TKBTBê tông C25R28, độ sụt 12±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông C25R28, độ sụt 12±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 04/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*			
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường		Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10		Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*		Khối lượng riêng (g/cm³)	2,592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường		Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,466		Mô đun độ lớn Mk	2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*		Khối lượng riêng (g/cm³)	2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường		Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,406			
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36		Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC2256	Tỷ trọng: (kg/lit)	1,06	Tỷ lệ phụ gia lit/100kg XM	0,9

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 345 (1 : 2,46 : 3,06) — Tỷ lệ N/X = 0,48 — Thành phần theo TT xốp: 314 (1 : 1,85 : 2,39)

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	345	111	314
Cát	850	328	580
Đá (1x2)	1055	392	750
Nước	166	166	166
Phụ gia	3,29	3,11	3,11

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 12,9

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (KN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	01/02/2024	28	15x30	1767	540	54000	30,56	31
2		28			550	55000	31,13	
3		28			560	56000	31,69	

Thanh Hóa ngày 01 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

---

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 4.1.2024/TKBTBê tông C25R28, độ sụt 14±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông C25R28, độ sụt 14±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 04/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*			
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường		Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10		Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*		Khối lượng riêng (g/cm³)	2,592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường		Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,466		Mô đun độ lớn Mk	2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*		Khối lượng riêng (g/cm³)	2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường		Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,406			
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36		Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC2256	Tỷ trọng: (kg/lit)	1,06	Tỷ lệ phụ gia lit/100kg XM	0,9

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 360 (1 : 2,32 : 2,93) — Tỷ lệ N/X = 0,46 — Thành phần theo TT xốp: 327 (1 : 1,74 : 2,29)

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	360	116	327
Cát	836	322	570
Đá (1x2)	1054	392	750
Nước	167	167	167
Phụ gia	3,43	3,24	3,24

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 14

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (KN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	01/02/2024	28	15x30	1767	530	53000	29,99	30
2		28			545	54500	30,84	
3		28			530	53000	29,99	

Thanh Hóa ngày 01 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

---

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 5.1.2024/TKBTBê tông C30R28, độ sụt 12±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông C30R28, độ sụt 12±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 05/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*			
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường		Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10		Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*		Khối lượng riêng (g/cm³)	2,592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường		Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,466		Mô đun độ lớn Mk	2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*		Khối lượng riêng (g/cm³)	2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường		Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,406			
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36		Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC2256	Tỷ trọng: (kg/lit)	1,06	Tỷ lệ phụ gia lit/100kg XM	1,0

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 390 (1 : 2,11 : 2,68) — Tỷ lệ N/X = 0,43 — Thành phần theo TT xốp: 355 (1 : 1,58 : 2,09)

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	390	125	355
Cát	821	317	560
Đá (1x2)	1044	388	743
Nước	166	166	166
Phụ gia	4,13	3,90	3,90

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 11,7

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (KN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	02/02/2024	28	15x30	1767	620	62000	35,09	35
2		28			630	63000	35,65	
3		28			615	61500	34,80	

Thanh Hóa ngày 02 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

---

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 5.1.2024/TKBTBê tông C30R28, độ sụt 14±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông C30R28, độ sụt 14±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 05/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*			
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường		Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10		Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*		Khối lượng riêng (g/cm³)	2,592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường		Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,466		Mô đun độ lớn Mk	2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*		Khối lượng riêng (g/cm³)	2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường		Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1,406			
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36		Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC2256	Tỷ trọng: (kg/lit)	1,06	Tỷ lệ phụ gia lit/100kg XM	1,0

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 400 (1 : 2,03 : 2,6) — Tỷ lệ N/X = 0,42 — Thành phần theo TT xốp: 364 (1 : 1,53 : 2,03)

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	400	129	364
Cát	814	314	555
Đá (1x2)	1040	386	740
Nước	167	167	167
Phụ gia	4,24	4,00	4,00

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 14,5

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (KN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	02/02/2024	28	15x30	1767	610	61000	34,52	35
2		28			640	64000	36,22	
3		28			620	62000	35,09	

Thanh Hóa ngày 02 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36
Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

HỒ SƠ NĂNG LỰC

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 5.1.2024/TKBTBê tông C30R28, độ sụt 18±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông C30R28, độ sụt 18±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 05/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*			
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường		Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10		Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*		Khối lượng riêng (g/cm³)	2,592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường		Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.466		Mô đun độ lớn Mk	2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*		Khối lượng riêng (g/cm³)	2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường		Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.406			
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36		Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC2256	Tỷ trọng: (kg/lit)	1,06	Tỷ lệ phụ gia lít/100kg XM	1,0

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 420 — 1 : 1,92 : 2,43 — Tỷ lệ N/X = 0,40 — Thành phần theo TT xốp: 382 — 1 : 1,44 : 1,9

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	420	135	382
Cát	806	311	550
Đá (1x2)	1022	380	727
Nước	170	170	170
Phụ gia	4,45	4,20	4,20

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 18,3

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (KN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	02/02/2024	28	15x30	1767	625	62500	35,37	36
2		28			630	63000	35,65	
3		28			640	64000	36,22	

Thanh Hóa ngày 02 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

---

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 5.1.2024/TKBTBê tông C35R28, độ sụt 12±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông C35R28, độ sụt 12±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 05/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*			
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường		Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10		Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*		Khối lượng riêng (g/cm³)	2,592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường		Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.466		Mô đun độ lớn Mk	2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*		Khối lượng riêng (g/cm³)	2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường		Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.406			
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36		Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC2256	Tỷ trọng: (kg/lit)	1,06	Tỷ lệ phụ gia lít/100kg XM	1,0

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 430 — 1 : 1,88 : 2,37 — Tỷ lệ N/X = 0,39 — Thành phần theo TT xốp: 391 — 1 : 1,41 : 1,85

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	430	138	391
Cát	806	311	550
Đá (1x2)	1018	378	724
Nước	168	168	168
Phụ gia	4,56	4,30	4,30

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 12

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (KN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	02/02/2024	28	15x30	1767	730	73000	41,31	42
2		28			750	75000	42,44	
3		28			720	72000	40,75	

Thanh Hóa ngày 02 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

---

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 5.1.2024/TKBTBê tông C35R28, độ sụt 14±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông C35R28, độ sụt 14±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 05/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*			
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường		Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10		Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*		Khối lượng riêng (g/cm³)	2.592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường		Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.466		Mô đun độ lớn Mk	2,54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*		Khối lượng riêng (g/cm³)	2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường		Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.406			
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36		Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC2256	Tỷ trọng: (kg/lit)	1,06	Tỷ lệ phụ gia lít/100kg XM	1,0

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 440 — 1 : 1,82 : 2,3 — Tỷ lệ N/X = 0,39 — Thành phần theo TT xốp: 400 — 1 : 1,36 : 1,8

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	440	141	400
Cát	799	308	545
Đá (1x2)	1011	376	719
Nước	170	170	170
Phụ gia	4,66	4,40	4,40

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 14,6

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (KN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	02/02/2024	28	15x30	1767	745	74500	42,16	42
2		28			740	74000	41,88	
3		28			750	75000	42,44	

Thanh Hóa ngày 02 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

---

CÔNG TY CỔ PHẦN UHPM
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1563
Địa chỉ: Số 9, đường Trần Cao Vân - P. Ngọc Trạo - TP. Thanh Hoá. Hotline: 0981 60 68 69

Số: 6.1.2024/TKBTBê tông C40R3, độ sụt 18±2 - Las XD1563

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THIẾT KẾ CẤP PHỐI BÊ TÔNG XI MĂNG

THEO QĐ SỐ 778/1998/QĐ-BXD

Đơn vị yêu cầu: Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36
Địa điểm: Lô CN1.2 Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu: Bê tông C40R3, độ sụt 18±2
Vị trí thiết kế: Tại phòng thí nghiệm
Yêu cầu thí nghiệm: Thiết kế thành phần cấp phối bê tông
Ngày lấy mẫu: 01/01/2024
Ngày thiết kế: 06/01/2024

I. CÁC LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Xi măng	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 4.1.2024/XM40 - Las XD1563*			
	Xi măng PCB40 Nghi Sơn	Lấy tại hiện trường		Cường độ xi măng 3 ngày (Mpa)	22,15
	K/l thể tích xốp (g/cm³)	1,10		Khối lượng riêng (g/cm³)	3,11
Cát	Phiếu thí nghiệm:	*Số: 2.1.2024/CBT - Las XD1563*		Khối lượng riêng (g/cm³)	2.592
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường		Độ rỗng (%)	43,44
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.466		Mô đun độ lớn Mk	2.54
Đá (1x2)	Phiếu thí nghiệm:	*Số:2.1.2024/D1 - Las XD1563*		Khối lượng riêng (g/cm³)	2,691
	Vị trí lấy mẫu:	Lấy tại hiện trường		Độ rỗng (%)	47,75
	K/l thể tích xốp (kg/cm³)	1.406			
Nước	Vị trí lấy mẫu	Tại TTBT Nghi Sơn 36		Khối lượng riêng (g/cm3)	1,0
Phụ	Bifi MC5297	Tỷ trọng: (kg/lit)	1,06	Tỷ lệ phụ gia lít/100kg XM	1,0

II. KẾT QUẢ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG

Thành phần theo khối lượng: 490 — 1 : 1,59 : 2,02 — Tỷ lệ N/X = 0,35 — Thành phần theo TT xốp: 445 — 1 : 1,19 : 1,58

III. LƯỢNG VẬT LIỆU TÍNH CHO 1 M³ BÊ TÔNG

Vật liệu	Tính theo khối lượng (kg)	Tính theo khối lượng riêng (lít)	Tính theo TT xốp (lít)
Xi măng	490	158	445
Cát	777	300	530
Đá (1x2)	990	368	704
Nước	170	170	170
Phụ gia	5,19	4,90	4,90

IV. KẾT QUẢ ÉP MẪU (TCVN 3118 - 2022)

Độ sụt thực tế: 18,4

TT	Ngày nén mẫu	Tuổi mẫu (ngày)	Kích thước mẫu (cm)	Tiết diện mẫu F (cm2)	Số đọc trên đồng hồ (KN)	Tải trọng phá hoại mẫu P (daN)	Cường độ chịu nén R (daN/cm2)	Bình quân kết quả R (daN/cm2)
1	09/01/2024	28	15x30	1767	830	83000	46,97	48
2		28			860	86000	48,67	
3		28			850	85000	48,10	

Thanh Hóa ngày 09 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI THÍ NGHIỆM: Nguyễn Văn Hiệp — TP. THÍ NGHIỆM: Nguyễn Viết Nam — GIÁM ĐỐC: Trịnh Đình Sáng

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36

Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

THÔNG TIN NHÂN SỰ

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT CỦA CÔNG TY:

Trong chiến lược phát triển dài hạn, Công ty cổ phần Nghi Sơn 36 luôn xác định nhân sự chính là nguồn lực quan trọng nhất quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Chính vì vậy chúng tôi đặc biệt chú trọng đến nhân tố con người trong mọi lĩnh vực hoạt động. Điều này thể hiện qua chính sách thu nhập và thăng tiến nghề nghiệp công bằng, khuyến khích người lao động cống hiến lâu dài.

Công ty cổ phần Nghi Sơn 36 có đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có trình độ cao, có năng lực và kinh nghiệm trong quản lý điều hành dự án, chuyển giao công nghệ, tổ chức, quản lý thi công. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Công ty được đào tạo chính quy, trình độ chuyên môn cao, thường xuyên được đào tạo bổ sung và nâng cao trình độ thông qua các chương trình đào tạo.

Hiện nay, lực lượng cán bộ công nhân viên của Công ty bao gồm các chuyên gia quản lý, chuyên viên kỹ thuật cao cấp và kỹ sư các ngành nghề. Đội ngũ công nhân, kỹ thuật viên lành nghề đang làm việc tại các công trường, xưởng sản xuất.

Dưới đây là một số thông tin cơ bản về nguồn nhân lực của công ty.

DANH SÁCH CÁN BỘ CHỦ CHỐT

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NĂM SINH	GHI CHÚ
BAN LÃNH ĐẠO				
1	Phạm Văn Đường	HĐQT - Tổng Giám đốc	01/08/1981	
2	Đào Trọng Thưởng	Phó Tổng Giám đốc	29/10/1982	
3	Nguyễn Thanh Khánh	Phó Tổng Giám đốc	18/11/1985	
4	Lại Duy Thảo	Phó Tổng Giám đốc	01/03/1971	
BỘ PHẬN KINH DOANH				

1	Nguyễn Tiến Dũng	PT. Kinh doanh	01/10/1987	
2	Nguyễn Văn Toàn	Nhân viên KD	25/06/1993	
3	Lê Thị Phượng	Nhân viên KD	10/04/1997	
4	Phạm Thị Linh	Nhân viên KD	13/05/1991	
5	Phạm Trọng Duệ	Nhân viên KD	10/09/1983	
6	Nguyễn Khắc Thắng	Nhân viên KD	02/04/1988	
7	Vũ Duy Hiệu	Nhân viên KD	28/06/1995	
8	Lê Văn Linh	Nhân viên KD	27/09/1985	
9	Nguyễn Văn Thông	Nhân viên KD	18/05/1985	
10	Lê Văn Tiến	Nhân viên KD	24/11/1980	
11	Trần Xuân Bắc	Nhân viên KD	26/06/1985	
12	Vũ Xuân Huy	Nhân viên KD	10/08/1982	
13	Lê Duy Thu	Nhân viên KD	07/11/1975	
14	Lường Quang Thiện	Nhân viên KD	06/05/1989	
15	Lê Văn Đức	Nhân viên KD	27/02/1994	
16	Mai Anh Tuân	Nhân viên KD	15/05/1982	
17	Lê Thị Lý	Nhân viên KD	30/09/1985	
18	Lê Văn Đại	Nhân viên KD	02/10/1987	
19	Lê Thị Hiền	Nhân viên KD	05/08/1981	
20	Nguyễn Văn Nam	Nhân viên KD	20/06/1990	
21	Phạm Thế Phương	Nhân viên KD	26/06/1981	
22	Trần Thị An	Nhân viên KD	10/06/1986	
23	Nguyễn Khắc Dũng	Nhân viên KD	15/09/1989	
24	Trịnh Văn Điền	Nhân viên KD	05/03/1983	
25	Nguyễn Thị Huệ	Nhân viên KD	26/06/1985	
26	Hoàng Văn Trường	Nhân viên KD	30/05/1971	
27	Trần Viết Hưởng	Nhân viên KD	24/07/1985	
28	Lê Khắc Tuấn	Nhân viên KD	05/02/1983	
29	Lê Khắc Sinh	Nhân viên KD	02/09/1986	
30	Vũ Huy Khải	Nhân viên KD	22/05/1991	
31	Lê Trọng Quân	Nhân viên KD	20/12/1984	
32	Lưu Việt Hùng	Nhân viên KD	30/10/1985	
BỘ PHẬN KẾ TOÁN				
1	Lê Anh Sơn	Kế toán trưởng	21/02/1989	
2	Phạm Văn Hiếu	Kế toán	24/12/1999	
3	Lê Thị Vân	Kế toán	18/02/1992	
4	Phạm Thị Thơm	Kế toán	21/08/1983	

5	Lê Văn Trường	Kế toán	08/05/1989	
BỘ PHẬN KHO, CÂN				
1	Nguyễn Hữu Phước	TBP. Kho, cân	06/10/1992	
2	Bùi Văn Linh	Kho, cân	12/10/1987	
3	Trương Công Nguyên	Kho, cân	13/09/1985	
4	Trần Văn Mạnh	Kho, cân	28/05/1990	
5	Lê Xuân Tiến	Kho, cân	30/01/1995	
BỘ PHẬN KCS				
1	Nguyễn Văn Tuấn	TBP. KCS	10/09/1993	
2	Nguyễn Trọng Khoa	PBP. KCS	09/09/1987	
3	Nguyễn Văn Hiệp	KCS	15/09/1982	
4	Lê Thế Dũng	KCS	20/08/1994	
5	Cao Đình Giang	KCS	02/07/1997	
6	Hoàng Văn Chung	KCS	25/11/1983	
7	Bùi Văn Thế	KCS	12/09/1991	
8	Đặng Ngọc Thịnh	KCS	10/05/2002	
9	Bùi Đức Trung	KCS	25/10/1994	
10	Lê Văn Hoàng	KCS	30/06/1995	
11	Lê Văn Mạnh	KCS	25/11/1990	
12	Nguyễn Trọng Thảo	KCS	04/09/1982	
BỘ PHẬN SẢN XUẤT				
1	Nguyễn Văn Vỹ	TBP. Sản xuất	20/05/1986	
2	Mai Văn Minh	PBP. Sản xuất	13/03/1992	
3	Lê Đăng Tiến	VH Trạm	28/05/1984	
4	Phạm Văn Ngọc	VH Trạm	16/07/1991	
5	Đỗ Thế Anh	VH Trạm	16/10/1994	
6	Bùi Ngọc Sơn	Lái xúc lật	10/06/1991	
7	Quách Văn Hiểu	Lái xúc lật	02/02/1989	
8	Lê Việt Dũng	Lái máy đào	05/09/1993	
9	Nguyễn Hoàng Vinh	Vệ sinh trạm	10/02/1970	
BỘ PHẬN XE MÁY				
1	Nguyễn Ngọc Hải	TBP. Xe máy	15/04/1981	
2	Lưu Thành Huế	Quản lý xe bồn	03/12/1973	
3	Hoàng Văn Việt	Quản lý xe bơm	12/07/1981	
4	Nguyễn Văn Hùng	Quản lý xe đầu kéo	24/04/1981	

5	Lê Đức Thắng	Lái xe bồn	26/05/1996	
6	Lê Dũng Vinh	Lái xe bồn	23/02/1984	
7	Lê Đình Nguyễn	Lái xe bồn	27/05/1986	
8	Trần Quang Huy	Lái xe bồn	01/01/1985	
9	Nguyễn Văn Duẩn	Lái xe bồn	20/06/1983	
10	Lương Văn Báu	Lái xe bồn	20/10/1982	
11	Phạm Văn Tâm	Lái xe bồn	22/02/1994	
12	Mai Đình Hợp	Lái xe bồn	11/11/1978	
13	Nguyễn Văn Thanh	Lái xe bồn	10/08/1972	
14	Lê Đình Đại	Lái xe bồn	15/01/1985	
15	Trần Văn Bằng	Lái xe bồn	02/09/1990	
16	Bùi Văn Huy	Lái xe bồn	15/07/1991	
17	Lang Văn Nhất	Lái xe bồn	21/03/1995	
18	Vi Văn Sum	Lái xe bồn	14/03/1993	
19	Vương Quốc Thụ	Lái xe bồn	07/03/1973	
20	Phạm Văn Trung	Lái xe bồn	05/12/1987	
21	Lê Bá Lượng	Lái xe bồn	20/01/1987	
22	Bùi Văn Tiến	Lái xe bồn	29/05/1983	
23	Lê Phi Hổ	Lái xe bồn	02/04/1986	
24	Nguyễn Hồng Quang	Lái xe bồn	09/05/1991	
25	Nguyễn Viết Đông	Lái xe bồn	07/02/1983	
26	Nguyễn Văn Dương	Lái xe bồn	25/12/1989	
27	Vũ Công Huỳnh	VH. Bơm	08/10/1991	
28	Lê Văn Vinh	VH. Bơm	10/10/1997	
29	Nguyễn Văn Diễn	VH. Bơm	10/12/1980	
30	Cao Văn Trung	VH. Bơm	10/08/1990	
31	Lê Văn Hưng	VH. Bơm	23/10/1986	
32	Lê Quang Minh	VH. Bơm	05/04/1991	
33	Hoàng Duy Duẩn	VH. Bơm	02/08/1990	
34	Phạm Văn Minh B	VH. Bơm	10/04/1982	
35	Lê Minh Thanh	VH. Bơm	18/02/1987	
36	Phạm Văn Minh A	VH. Bơm	09/10/1993	
37	Lê Trung Anh	VH. Bơm	29/07/1995	
38	Lê Tiến Thanh	VH. Bơm	10/07/1988	
39	Lê Đình Giáp	VH. Bơm	15/09/1984	
40	Nguyễn Hữu Thuận	LX đầu kéo	19/09/1984	

41	Lê Xuân Khánh	LX đầu kéo	05/07/1986	
42	Nguyễn Trọng Minh	LX đầu kéo	04/05/1978	
43	Quách Văn Thương	LX đầu kéo	17/06/1992	
44	Nguyễn Văn Dương	LX đầu kéo	02/01/1986	
45	Đỗ Xuân Năm	LX đầu kéo	02/03/1988	
46	Bùi Kim Toàn	LX đầu kéo	07/09/1994	
47	Phạm Hữu Văn	LX đầu kéo	09/12/1989	
48	Quách Lương Phi	LX đầu kéo	04/09/1991	
49	Nguyễn Bá Tài	LX đầu kéo	20/08/1992	
50	Đỗ Đình Tuân	LX đầu kéo	08/06/1986	
51	Đỗ Viết Đạt	LX đầu kéo	12/12/1993	
52	Văn Đình Hưng	Lái xe thu mẫu	10/07/1987	
53	Nguyễn Văn Sĩ	Lái xe hút đinh	05/07/1995	
BỘ PHẬN GARA				
1	Lê Văn Thanh	Thợ cơ khí	10/04/1978	
2	Chu Đình Mạnh	Thợ cơ khí	06/11/1984	
3	Lê Đình Hưng	Thợ cơ khí	22/06/1991	
BỘ PHẬN HCNS				
1	Lê Thị Thanh Miền	HCNS	02/09/1980	
2	Bùi Thị Vân	HCNS	05/03/1988	
3	Nguyễn Thị Hằng	HCNS	02/10/1982	
4	Nguyễn Thị Hà	HCNS	30/06/1980	

HỒ SƠ NĂNG LỰC



Số hiệu bằng B 425157

Số vào sổ 44CD.05.049

Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo,
Hiệu trưởng trường ĐẠI HỌC THỦY LỢI
cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG

loại hình đào tạo CHÍNH QUY
ngành Công trình Thuỷ lợi - Thuỷ điện
hạng Trung bình Khá năm tốt nghiệp 2005
và công nhận danh hiệu

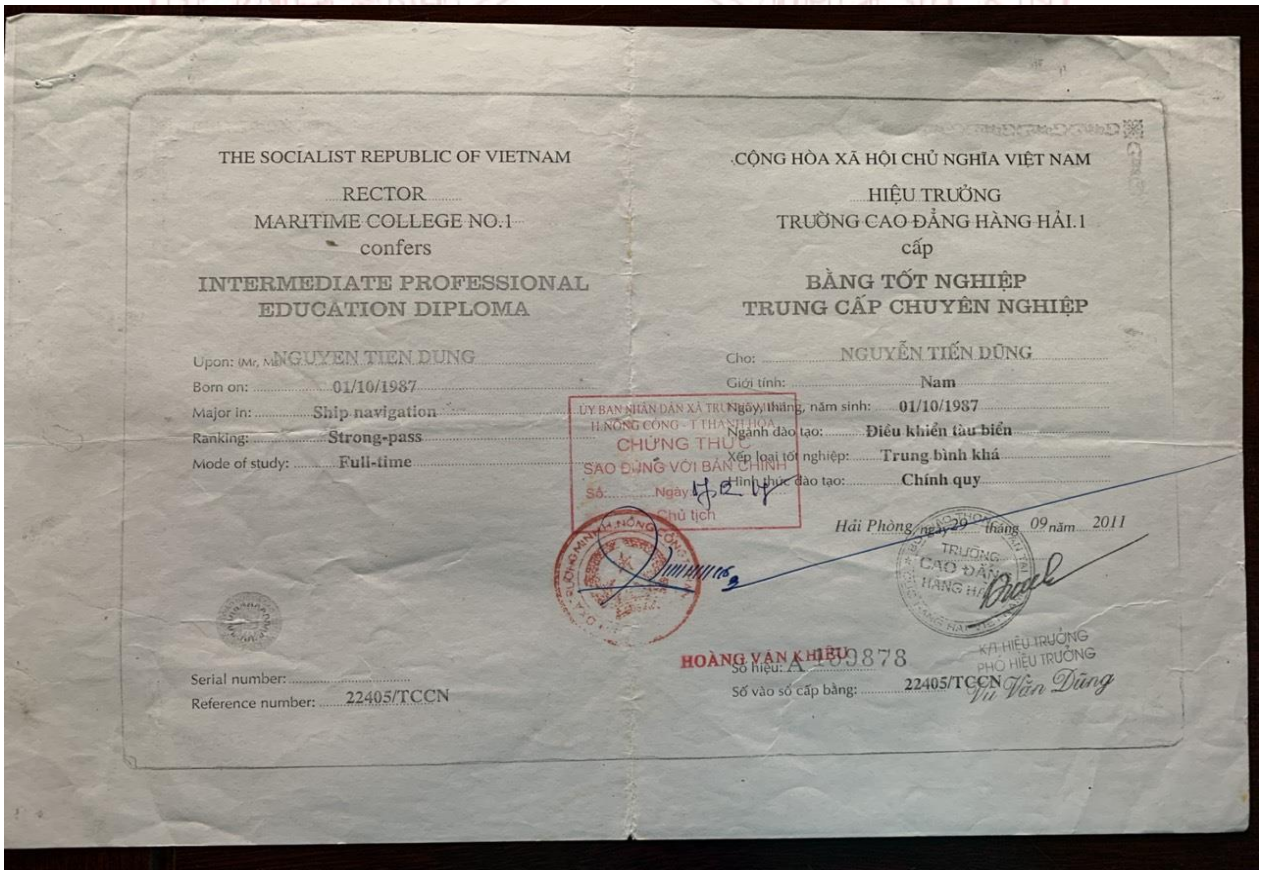
CỬ NHÂN CAO ĐẲNG

cho ĐÀO TRỌNG THƯỞNG
sinh ngày 29/10/1980 tại Thanh Hoá
Hà Nội ngày 22 tháng 06 năm 2005

Hiệu trưởng

Khoa trưởng

GS.TS ĐÀO XUÂN HỌC



THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
RECTOR
MARITIME COLLEGE NO.1
confers
INTERMEDIATE PROFESSIONAL EDUCATION DIPLOMA

Upon: (Mr, Ms) NGUYEN TIEN DUNG
Born on: 01/10/1987
Major in: Ship navigation
Ranking: Strong-pass
Mode of study: Full-time

Serial number:
Reference number: 22405/TCCN

HOÀNG VĂN KHIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÀNG HẢI I
cấp
BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

Cho: NGUYỄN TIẾN DŨNG
Giới tính: Nam
Ngày, tháng, năm sinh: 01/10/1987
Ngành đào tạo: Điều khiển tàu biển
Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình khá
Hình thức đào tạo: Chính quy

Hải Phòng, ngày 20 tháng 09 năm 2011

Số hiệu: A 109878
Số vào sổ cấp bằng: 22405/TCCN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Vũ Văn Dũng

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36

Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

UNIVERSITY OF TRANSPORT TECHNOLOGY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

has conferred

cấp

THE DEGREE OF ENGINEER

BẰNG KỸ SƯ

TRANSPORT ENGINEERING TECHNOLOGY

CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT GIAO THÔNG

Upon:	Mr. NGUYEN VAN NAM	Cho:	*Ông Nguyễn Văn Nam*
Date of birth:	20 June 1990	Ngày sinh:	20 / 06 / 1990
Year of graduation:	2014	Năm tốt nghiệp:	2014
Degree classification:	Good	Xếp loại tốt nghiệp:	Khá
Mode of study:	Full-time	Hình thức đào tạo:	Chính quy

UBND. XÃ HOẰNG TÂN
H. HOẰNG HÓA T. THANH HÓA
CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
NGÀY: 16 - 8 - 2016
SỐ: 161 QUYỂN: 02 CT/PS

Hanoi, 24 October 2014

CHỦ TỊCH

Lê Văn Vỹ

Hà Nội ngày 24 tháng 10 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

TS. Đỗ Ngọc Viện

Số hiệu: 310468

Reg. No: 001049

Số vào sổ cấp bằng: 001049

HỒ SƠ NĂNG LỰC



BẢN SAO

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

HA TINH UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

ACCOUNTING

Upon: NGUYEN HUU PHUOC

Date of birth: 06/10/1992

Year of graduation: 2015

Degree classification: Ordinary

Mode of study: FULL-TIME

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực...Quyển số...
16 -11- 2015
UBND PHƯỜNG BẮC HỒNG-TX.HỒNG LĨNH
CHỦ TỊCH
Nguyễn Minh Toàn

Reg. No:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

KẾ TOÁN

Cho: NGUYỄN HỮU PHƯỚC

Ngày sinh: 06/10/1992

Năm tốt nghiệp: 2015

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUY

Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 6 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu: 1197097

Số vào sổ cấp bằng: 42 - KTH

GS.TS. Nguyễn Văn Đính



VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY

It is hereby certified that:

Mr. Pham Quoc Dat

Has successfully passed the Training Course on

Testing Methods for Determining the Physico-Mechanical Properties of Concrete and Building Materials

In November 2007

Ref. N°. 2633/2007/VKH -TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Phạm Quốc Đạt**

Ngày sinh: ***13/6/1988*** *- Quê quán:* ***Thanh Hóa***

Cơ quan: Công ty CP TV XD CT Đồng Tâm

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Phương pháp xác định các tính chất cơ lý Bê tông và Vật liệu Xây dựng

Thời gian tổ chức: Tháng 11 năm 2007

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Viện trưởng

VIỆN KHCN XÂY DỰNG

PGS., TS. Cao Duy Tiến

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36

Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

BẢN SAO

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THE RECTOR
OF VINH UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Civil Engineering and Industry

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Upon:	*Mr* **LE ANH SON**	Cho:	*Ông* **LÊ ANH SƠN**
Date of birth:	21 February 1989	Ngày sinh:	21/02/1989
Year of graduation:	2013	Năm tốt nghiệp:	2013
Degree classification:	*Ordinary*	Xếp loại tốt nghiệp:	*Trung bình*
Mode of study:	Full-time	Hình thức đào tạo:	Chính quy

Nghean, 24 July 2013

Nghệ An, ngày 24 tháng 7 năm 2013

HIỆU TRƯỞNG

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG THIỆU HÓA
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 40 Quyển số 02
10 tháng 2 năm 2014

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG THIỆU HÓA
S.Đ.K.H.Đ: 10 - TP
TP. THANH HÓA T. THANH HÓA

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Nga

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

PGS.TS. *Đinh Xuân Khoa*

Số hiệu: 159353

Reg. No: *TNBS/06/2013/085*

Số vào sổ cấp bằng: *TNBS/06/2013/085*

HỒ SƠ NĂNG LỰC

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36

Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

BẢN SAO

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS

confers

THE DEGREE OF BACHELOR

Highway and Airport Engineering

Upon: (Mr, Ms) *Mr Mai Van Minh*

Born on: *16-Jan-1983* In: *Thanh Hoa*

Major in: *Civil Engineering*

Ranking: *Average*

Mode of study: *Part Time*

UBND TT. SAO VÀNG - HUYỆN THỌ XUÂN
CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 1114 Quyển số: 01
Ngày 17 Tháng 8 Năm 2011

CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Bình

Serial number:

Reference number: 450/K41/2010

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Kỹ sư Xây dựng Đường ô tô và Sân bay

Cho: *Mai Văn Minh*

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *16/01/1983* Tại: *Thanh Hoá*

Ngành đào tạo: *Xây dựng Cầu - Đường*

Xếp loại tốt nghiệp: *Trung bình*

Hình thức đào tạo: *Vừa làm vừa học*

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2010

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Trần Đức Sử

Số hiệu: 00178624

Số vào sổ cấp bằng: 450/K41/2010

HỒ SƠ NĂNG LỰC

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is hereby certified that
Mr/Mrs: NGUYEN VAN HIEP
Has successfully passed Training Course on
Testing the mechanical and physical properties of cement, concrete and aggregate for concrete
In October 2019

Ref N° 6539-465428/VND-TNI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **NGUYỄN VĂN HIỆP**
Ngày sinh: 15 - 09 - 1982
Thường trú: Thanh Hóa

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Thử nghiệm các tính chất cơ - lý của xi măng, bê tông và cốt liệu cho bê tông
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại học Xây Dựng tổ chức.
Thời gian đào tạo: Tháng 10 năm 2019
Kết quả học tập: **Đạt loại khá**

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2019
VIỆN TRƯỞNG
PGS.TSKH. Bạch Đình Thiên

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is hereby certified that
Mr/Mrs: NGUYEN VAN TUAN
Has successfully passed Training Course on
Testing the mechanical and physical properties of cement, concrete and aggregate for concrete
In October 2019

Ref N° 6546-465518/VND-TNI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **NGUYỄN VĂN TUẤN**
Ngày sinh: 10 - 09 - 1993
Thường trú: Thanh Hóa

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Thử nghiệm các tính chất cơ - lý của xi măng, bê tông và cốt liệu cho bê tông
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại học Xây Dựng tổ chức.
Thời gian đào tạo: Tháng 10 năm 2019
Kết quả học tập: **Đạt loại khá**

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2019
VIỆN TRƯỞNG
PGS.TSKH. Bạch Đình Thiên

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is hereby certified that
Mr/Mrs: TRINH TRONG TUONG
Has successfully passed Training Course on
Testing the mechanical and physical properties of cement, concrete and aggregate for concrete
In October 2019

Ref N°: 6542-/6545B/VND-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **TRỊNH TRỌNG TƯỜNG**
Ngày sinh: 02 - 01 - 1992
Thường trú: Thanh Hóa

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Thử nghiệm các tính chất cơ - lý của xi măng, bê tông và cốt liệu cho bê tông
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới Trường Đại học Xây Dựng tổ chức.
Thời gian đào tạo: Tháng 10 năm 2019
Kết quả học tập: Đạt Yêu cầu

Ngày 25 tháng 10 năm 2019
VIỆN TRƯỞNG
PGS.TSKH. Bạch Đình Thiên

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is hereby certified that
Mr/Mrs: NGUYEN TRONG KHOA
Has successfully passed Training Course on
Testing the mechanical and physical properties of cement, concrete and aggregate for concrete
In October 2019

Ref N°: 7821-/7827B/VND-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **NGUYỄN TRỌNG KHOA**
Ngày sinh: 09 - 09 - 1987
Thường trú: Thanh Hóa

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Thử nghiệm các tính chất cơ - lý của xi măng, bê tông và cốt liệu cho bê tông
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới Trường Đại học Xây Dựng tổ chức.
Thời gian đào tạo: Tháng 10 năm 2019
Kết quả học tập: Đạt Yêu cầu

Ngày 25 tháng 10 năm 2019
VIỆN TRƯỞNG
PGS.TSKH. Bạch Đình Thiên

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is hereby certified that
Mr/Mrs: TRAN THE NGOC
Has successfully passed Training Course on
Testing the mechanical and physical properties of cement, concrete and aggregate for concrete
In October 2019

Ref. N° 6527-465.IRB/VND-TNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **TRẦN THẾ NGỌC**
Ngày sinh: 15 - 08 - 1990
Thường trú: Thanh Hóa

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Thử nghiệm các tính chất cơ - lý của xi măng, bê tông và cốt liệu cho bê tông
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại học Xây Dựng tổ chức
Thời gian đào tạo: Tháng 10 năm 2019
Kết quả học tập: **Đạt loại Khá**

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2019
VIỆN TRƯỞNG
PGS.TSKH. Bạch Đình Thiên

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is hereby certified that
Mr/Mrs: LE DUC THANG
Has successfully passed Training Course on
Testing the mechanical and physical properties of cement, concrete and aggregate for concrete
In October 2019

Ref. N° 6535-465.IRB/VND-TNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **LÊ ĐỨC THẮNG**
Ngày sinh: 26 - 05 - 1996
Thường trú: Thanh Hóa

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Thử nghiệm các tính chất cơ - lý của xi măng, bê tông và cốt liệu cho bê tông
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại học Xây Dựng tổ chức
Thời gian đào tạo: Tháng 10 năm 2019
Kết quả học tập: **Đạt loại Khá**

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2019
VIỆN TRƯỞNG
PGS.TSKH. Bạch Đình Thiên

MỘT SỐ HÌNH ẢNH TIÊU BIỂU



Ban lãnh đạo công ty	

Đội ngũ cán bộ phòng kinh doanh.	
Đội ngũ cán bộ phòng kế toán.	

NĂNG LỰC VỀ THIẾT BỊ CỦA DOANH NGHIỆP

Trong thời gian qua, Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36 đã không ngừng đầu tư trang thiết bị, máy móc thi công hiện đại của các hãng sản xuất nổi tiếng trên thế giới như Caterpillar, Komatsu, Bomag... nhằm đáp ứng tốt tính chất và quy mô của các dự án do Công ty đang phục vụ, đặc biệt hơn nữa ngoài các thiết bị thông dụng mà công ty đầu tư thì có một vài thiết bị khác mà các đơn vị khác không có, đó là một lợi thế về máy móc của công ty chúng tôi.

Công ty cũng kết hợp với rất nhiều đơn vị khác có năng lực thiết bị mạnh để khi cần có thể sẵn sàng phối hợp với nhau thực hiện các công việc đáp ứng kịp thời tiến độ của các công trình.

Bên cạnh đấy công ty cũng đã đầu tư thêm trạm nghiền rửa cát nhân tạo, Sản phẩm Cát nhân tạo sản xuất ra đã được Liên hiệp các hội KH&KT Việt Nam – Viện nghiên cứu phát triển tiêu chuẩn chất lượng đánh giá và cấp giấy chứng nhận sản phẩm: Cát nghiền (Cát mịn; cát dùng cho: Bê tông dùng trong các kết cấu kê tông, bê tông cốt thép và vữa thông thường) Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2023/BXD số QC6924 ngày 13/6/2024 mã số 6924-24-01/00.

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

TT	Thiết bị quản lý	Số lượng	Năm sản xuất	Nơi tập kết	Tính năng, công suất	Tình trạng hoạt động
I – Thiết bị vận chuyển;						
1	Ô tô tải đầu kéo Trung Quốc	06 cái	2023	Thanh Hóa	25 tấn	Tốt
2	Thanh Hóa	02 cái	2023	Thanh Hóa	1.5 tấn	Tốt
II – Thiết bị chính trạm trộn bê tông.						
1	Trạm trộn bê tông công suất 160m3/h	02 cái	2017	Thanh Hóa	160m3/h	Tốt
2	Xe bơm bê tông	07 cái	2018-2019	Thanh Hóa	05 bơm cần 38m và 01 bơm cần 60m; 01 bơm tĩnh.	Tốt
3	Xe bồn chở bê tông loại 12m3	25 cái	2017-2020	Thanh Hóa	12 m3	Tốt
4	Máy xúc lật Liugong ZL50C, dung tích gầu 3m3.	02 cái	2017	Thanh Hóa	V gầu = 3m3	Tốt
5	Máy phát điện	01 cái	2017	Thanh Hóa	750KVA	Tốt
6	Trạm biến áp	02 cái	2017; 2023	Thanh Hóa	560KVA; 800KVA	Tốt
III – Thiết bị thí nghiệm, kiểm tra						
1	Máy toàn đạc điện tử TOPCON – Nhật	02 cái	2007	Thanh Hóa	Độ chính xác 5’’	Tốt
2	Máy thủy bình	04	2012	Thanh Hóa		Tốt
3	Thiết bị thí nghiệm	04		Thanh Hóa		Tốt

4	Máy thí nghiệm kiểm tra nén bê tông Model: TYE-2000 Hãng sản xuất: LUDA - Trung Quốc	01	2021	Thanh Hóa	Tải trọng lớn nhất: 2000KN	Mới 100%
5	Tủ sấy Xuất xứ: Trung Quốc Model: 101-1A	01	2021	Thanh Hóa	Dung tích 70 lít	Mới 100%
IV – Trạm nghiền cát nhân tạo						
1	Trạm nghiền cát nhân tạo	01 cái	2023	Thanh Hóa	120 tấn/h	Tốt

Với năng lực thiết bị kỹ thuật hiện có và lực lượng lao động hùng hậu, Công ty có thể đáp ứng được mọi yêu cầu của các công trình và có thể tổ chức thi công nhiều công trình khác nhau trong cùng một thời điểm. Đồng thời còn cung cấp sản phẩm dịch vụ kỹ thuật cho các đơn vị khác theo yêu cầu.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH THIẾT BỊ VÀ NHÀ MÁY SẢN XUẤT





BÊ TÔNG NGHI SƠN 36

Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com


JUNJIN


JUNJIN
JUNJIN CONCRETE PUMP
JUNJIN


JUNJIN
JUNJIN CONCRETE PUMP







BÊ TÔNG NGHI SƠN 36

Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com









BÊ TÔNG NGHI SƠN 36

Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com





BÊ TÔNG NGHI SƠN 36

Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com













BÊ TÔNG NGHI SƠN 36

Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com


NHÀ MÁY SẢN XUẤT
BÊ TÔNG CHẤT LƯỢNG CAO NGHI SƠN 36
ĐIỆN THOẠI: 0913 83 85 89










BÊ TÔNG NGHI SƠN 36


JUNJIN
BÊ TÔNG NGHI SƠN 36


JUNJIN



HỒ SƠ NĂNG LỰC



VINACOMA
Sức mạnh niềm tin

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)
Ngày 13 tháng 8 năm 2020
Số bảo mật: 823616fc

Mẫu số: 01GTKT0/001
Ký hiệu: VN/19E
Số: 0000170

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÁY XÂY DỰNG VIỆT NAM
Mã số thuế: 0102935771
Địa chỉ: Số 20, ngõ 189, đường Hoàng Hoa Thám, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại:
Số TK: Tại Ngân hàng:

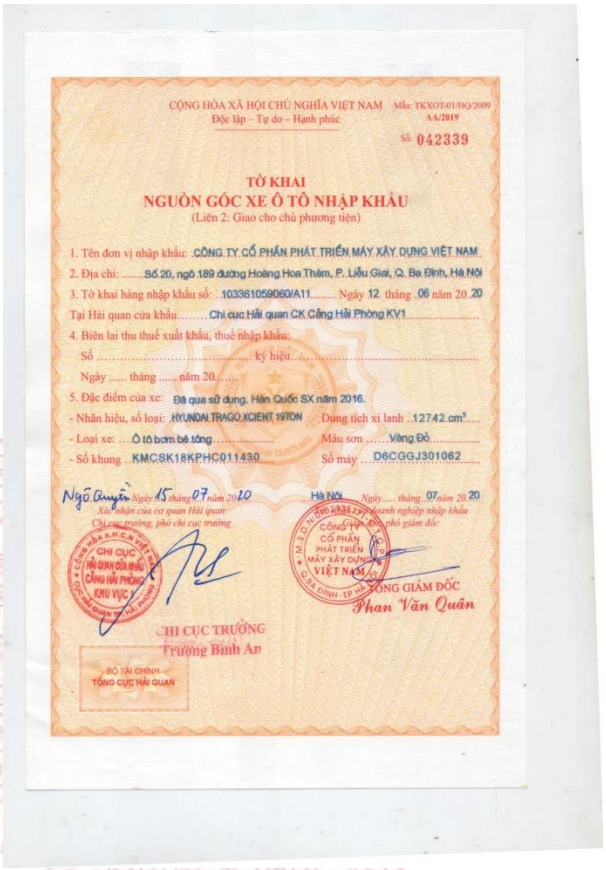
Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36
Địa chỉ: Lô CN1.2 Khu Công nghiệp Vức, Xã Đông Quang, Huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hoá.
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Mã số thuế: 2 8 0 2 4 7 6 0 6 9

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Ô tô bơm bê tông, hiệu HYUNDAI, model: JJ-M60, Số khung: KMCSK18KPHC011430, Số động cơ: D6CGGJ301062	Chiếc	1	5.647.272.727	5.647.272.727
Thuế suất: 10 %			Cộng tiền hàng:		5.647.272.727
			Tiền thuế GTGT:		564.727.273
			Tổng cộng tiền thanh toán:		6.212.000.000

Số tiền bằng chữ: Sáu tỷ hai trăm mười hai triệu đồng

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)
Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)
Người chuyển đổi (Ký và ghi rõ họ tên)
TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Văn Quân
Ngày chuyển đổi: 13/8/2020
Signature Valid
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÁY XÂY DỰNG VIỆT NAM
Ngày ký: 13/08/2020

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)
(Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần Giải pháp Hóa đơn điện tử Việt Nam - 0101352495)
(Dịch vụ cung cấp bởi https://vnsoft.vn/ - Tổng đài hỗ trợ: 0246 294 4810)- Tra cứu hóa đơn: https://inv1.vninvoice.vn/portal



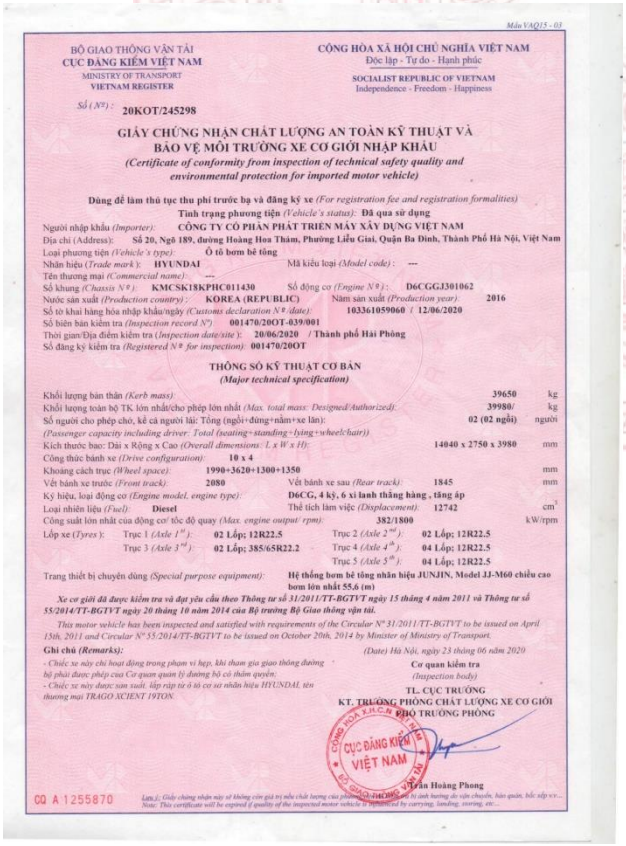
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Mẫu: TKXOT-01/HQ/2009 AA/2019
Số: 042339

TỜ KHAI
NGUỒN GỐC XE Ô TÔ NHẬP KHẨU
(Liên 2: Giao cho chủ phương tiện)

1. Tên đơn vị nhập khẩu: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÁY XÂY DỰNG VIỆT NAM
2. Địa chỉ: Số 20, ngõ 189 đường Hoàng Hoa Thám, P. Liễu Giai, Q. Ba Đình, Hà Nội
3. Tờ khai hàng nhập khẩu số: 103361059060/A11 Ngày 12 tháng 06 năm 20 20
Tại Hải quan cửa khẩu: Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV1
4. Biên lai thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:
Số ..... ký hiệu .....
Ngày ..... tháng ..... năm 20 .....
5. Đặc điểm của xe: Đã qua sử dụng. Hàn Quốc SX năm 2016.
- Nhãn hiệu, số loại: HYUNDAI TRAGO XCIENT 19TON Dung tích xi lanh ..12742 cm³.....
- Loại xe: Ô tô bơm bê tông Màu sơn Vàng Đỏ
- Số khung KMCSK18KPHC011430 Số máy D6CGGJ301062

Ngô Quyền Ngày 15 tháng 07 năm 2020
Xác nhận của cơ quan Hải quan
Chi cục trưởng, phó chi cục trưởng
CHI CỤC TRƯỞNG
Trương Bình An
BỘ TÀI CHÍNH TỔNG CỤC HẢI QUAN

Hà Nội Ngày ..... tháng 07 năm 20 20
Đại diện doanh nghiệp nhập khẩu
Giám đốc, phó giám đốc
TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Văn Quân



Mẫu VAQ15 - 03

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (*No*): 20KOT/245298

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported motor vehicle)

Dùng để làm thủ tục thu phí trước bạ và đăng ký xe *(For registration fee and registration formalities)*
Tình trạng phương tiện *(Vehicle's status)*: Đã qua sử dụng
Người nhập khẩu *(Importer)*: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÁY XÂY DỰNG VIỆT NAM
Địa chỉ *(Address)*: Số 20, Ngõ 189, đường Hoàng Hoa Thám, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Loại phương tiện *(Vehicle's type)*: Ô tô bơm bê tông
Nhãn hiệu *(Trade mark)*: HYUNDAI Mã kiểu loại *(Model code)*: ---
Tên thương mại *(Commercial name)*: ---
Số khung *(Chassis N°)*: KMCSK18KPHC011430 Số động cơ *(Engine N°)*: D6CGGJ301062
Nước sản xuất *(Production country)*: KOREA (REPUBLIC) Năm sản xuất *(Production year)*: 2016
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration N° /date)*: 103361059060 / 12/06/2020
Số biên bản kiểm tra *(Inspection record N°)*: 001470/20OT-039/001
Thời gian/Địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: 20/06/2020 / Thành phố Hải Phòng
Số đăng ký kiểm tra *(Registered N° for inspection)*: 001470/20OT

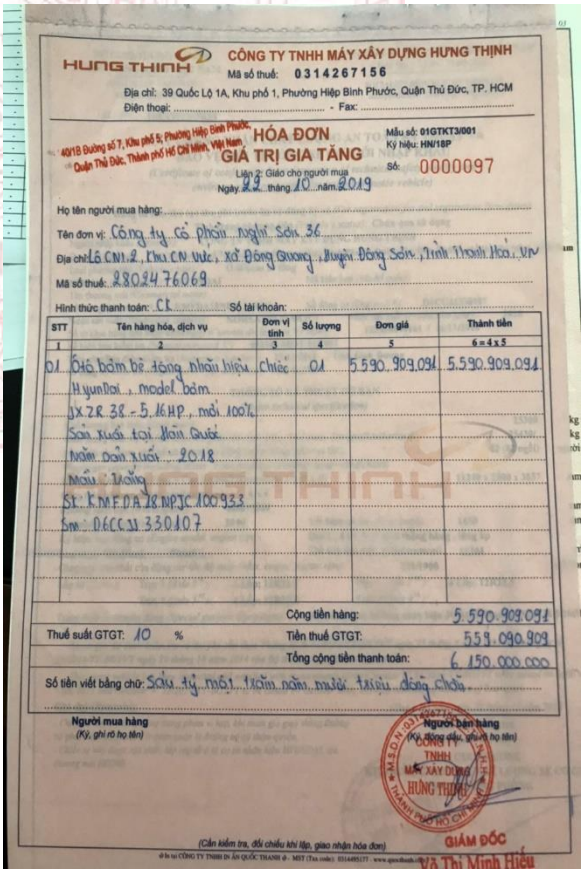
THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	39650	kg
Khối lượng toàn bộ TK lớn nhất/cho phép lớn nhất *(Max. total mass: Designed/Authorized)*:	39980/	kg
Số người cho phép chở, kể cả người lái: Tổng (ngồi+đứng+nằm+xe lăn): *(Passenger capacity including driver: Total (seating+standing+lying+wheelchair))*	02 (02 ngồi)	người
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	14040 x 2750 x 3980	mm
Công thức bánh xe *(Drive configuration)*:	10 x 4	
Khoảng cách trục *(Wheel space)*:	1990+3620+1300+1350	mm
Vết bánh xe trước *(Front track)*: 2080 Vết bánh xe sau *(Rear track)*:	1845	mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type)*:	D6CG, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng , tăng áp	
Loại nhiên liệu *(Fuel)*: Diesel Thể tích làm việc *(Displacement)*:	12742	cm³
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm)*:	382/1800	kW/rpm
Lốp xe *(Tyres)*: Trục 1 *(Axle 1st)*:	02 Lốp; 12R22.5	
Trục 2 *(Axle 2nd)*:	02 Lốp; 12R22.5	
Trục 3 *(Axle 3rd)*:	02 Lốp; 385/65R22.2	
Trục 4 *(Axle 4th)*:	04 Lốp; 12R22.5	
Trục 5 *(Axle 5th)*:	04 Lốp; 12R22.5	
Trang thiết bị chuyên dùng *(Special purpose equipment)*:	Hệ thống bơm bê tông nhãn hiệu JUNJIN, Model JJ-M60 chiều cao bơm lớn nhất 55,6 (m)	

Xe cơ giới đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 và Thông tư số 55/2014/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
This motor vehicle has been inspected and satisfied with requirements of the Circular N° 31/2011/TT-BGTVT to be issued on April 15th, 2011 and Circular N° 55/2014/TT-BGTVT to be issued on October 20th, 2014 by Minister of Ministry of Transport.
Ghi chú *(Remarks)*:
- Chiếc xe này chỉ hoạt động trong phạm vi hẹp, khi tham gia giao thông đường bộ phải được phép của Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.
- Chiếc xe này được sản xuất, lắp ráp từ ô tô cơ sở nhãn hiệu HYUNDAI, tên thương mại TRAGO XCIENT 19TON.

(Date) Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2020
Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)
TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trần Hoàng Phong

CQ A 1255870



HUNG THINH
CÔNG TY TNHH MÁY XÂY DỰNG HƯNG THỊNH
Mã số thuế: 0314267156
Địa chỉ: 39 Quốc Lộ 1A, Khu phố 1, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, TP. HCM
Điện thoại: ..... - Fax: .....
40/18 Đường số 7, Khu phố 5, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao cho người mua
Ngày 22 tháng 10 năm 2019

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: HN/18P
Số: 0000097

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Công ty cổ phần nghi sơn 36
Địa chỉ: Lô CN1.2, Cụm CN Vức, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, VN
Mã số thuế: 2802476069
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Ôtô bơm bê tông nhãn hiệu Hyundai, model bơm JX28 38 - 5 16HP, mới 100% Sản xuất tại Hàn Quốc Năm sản xuất: 2018 Màu: Trắng Số: KMFDA28NPJC100933 Số: D6CC113301017	Chiếc	01	5.590.909.091	5.590.909.091
			Cộng tiền hàng:		5.590.909.091
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		559.090.909
			Tổng cộng tiền thanh toán:		6.150.000.000

Số tiền viết bằng chữ: Sáu tỷ một trăm năm mươi triệu đồng chẵn

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)
Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
CÔNG TY TNHH MÁY XÂY DỰNG HƯNG THỊNH
GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Minh Hiếu

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

HỒ SƠ NĂNG LỰC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu: TKXOT-01/HQ/2009 AA/2017

Số: 079570

TỜ KHAI
NGUỒN GỐC XE Ô TÔ NHẬP KHẨU
(Liên 2: Giao cho chủ phương tiện)

1. Tên đơn vị nhập khẩu: CÔNG TY TNHH MÁY XÂY DỰNG HƯNG THỊNH
2. Địa chỉ: 40/1B ĐƯỜNG SỐ 7-KHU PHỐ 5-P.HIỆP BÌNH PHƯỚC-Q.THỦ ĐỨC-TP.HCM
3. Tờ khai hàng nhập khẩu số: 102334840161/A11 Ngày 16 tháng 11 năm 2018
Tại Hải quan cửa khẩu: CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG SÀI GÒN KHU VỰC 3
4. Biên lai thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:
Số ..... ký hiệu.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
5. Đặc điểm của xe: CHƯA QUA SỬ DỤNG-HÀN QUỐC SX NĂM 2018
- Nhãn hiệu, số loại: HYUNDAI HD260 Dung tích xi lanh 12344 cm³
- Loại xe: Ô TÔ BƠM BÊ TÔNG Màu sơn TRẮNG
- Số khung KMFDA18NPJC100933 Số máy D6CCJJ330107

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG
Chi cục trưởng, phó chi cục trưởng

Quận 7, Ngày 17 tháng 12 năm 2018
Xác nhận của cơ quan Hải quan

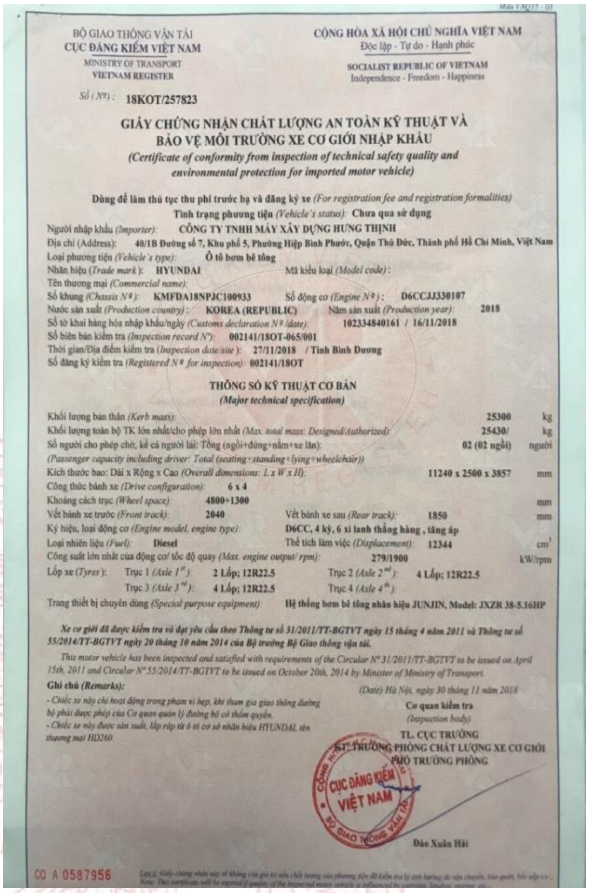
Phạm Văn Tiến

TP.HCM 17 12 18
Ngày ... tháng ... năm 20...
Xác nhận của doanh nghiệp nhập khẩu
Giám đốc, phó giám đốc

CÔNG TY TNHH MÁY XÂY DỰNG HƯNG THỊNH

GIÁM ĐỐC
Võ Thị Minh Hiếu

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (Nº): 18KOT/257823

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported motor vehicle)

Dùng để làm thủ tục thu phí trước bạ và đăng ký xe *(For registration fee and registration formalities)*
Tình trạng phương tiện *(Vehicle's status)*: Chưa qua sử dụng
Người nhập khẩu *(Importer)*: CÔNG TY TNHH MÁY XÂY DỰNG HƯNG THỊNH
Địa chỉ *(Address)*: 40/1B Đường số 7, Khu phố 5, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Loại phương tiện *(Vehicle's type)*: Ô tô bơm bê tông
Nhãn hiệu *(Trade mark)*: HYUNDAI Mã kiểu loại *(Model code)*:
Tên thương mại *(Commercial name)*:
Số khung *(Chassis Nº)*: KMFDA18NPJC100933 Số động cơ *(Engine Nº)*: D6CCJJ330107
Nước sản xuất *(Production country)*: KOREA (REPUBLIC) Năm sản xuất *(Production year)*: 2018
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration Nº /date)*: 102334840161 / 16/11/2018
Số biên bản kiểm tra *(Inspection record Nº)*: 002141/18OT-065/001
Thời gian/Địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: 27/11/2018 / Tỉnh Bình Dương
Số đăng ký kiểm tra *(Registered Nº for inspection)*: 002141/18OT

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

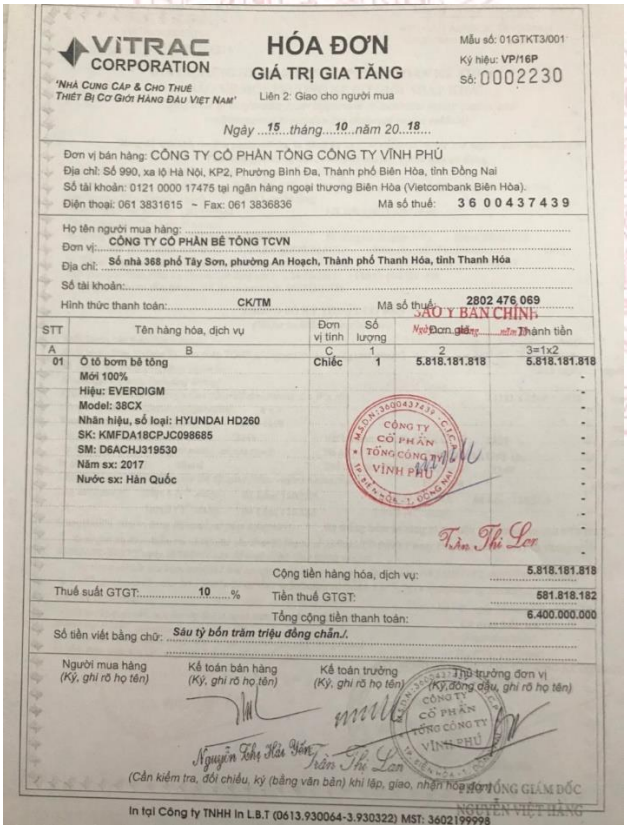
Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	25300	kg
Khối lượng toàn bộ TK lớn nhất/cho phép lớn nhất *(Max. total mass: Designed/Authorized)*:	25430/	kg
Số người cho phép chở, kể cả người lái: Tổng (ngồi+đứng+nằm+xe lăn): *(Passenger capacity including driver: Total (seating+standing+lying+wheelchair))*	02 (02 ngồi)	người
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	11240 x 2500 x 3857	mm
Công thức bánh xe *(Drive configuration)*: 6 x 4		
Khoảng cách trục *(Wheel space)*: 4800+1300		mm
Vết bánh xe trước *(Front track)*: 2040 Vết bánh xe sau *(Rear track)*: 1850		mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type)*: D6CC, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng , tăng áp		
Loại nhiên liệu *(Fuel)*: Diesel Thể tích làm việc *(Displacement)*: 12344		cm^3
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm)*: 279/1900		kW/rpm
Lốp xe *(Tyres)*: Trục 1 *(Axle 1st)*: 2 Lốp; 12R22.5 Trục 2 *(Axle 2nd)*: 4 Lốp; 12R22.5		
Trục 3 *(Axle 3rd)*: 4 Lốp; 12R22.5 Trục 4 *(Axle 4th)*:		
Trang thiết bị chuyên dùng *(Special purpose equipment)*: Hệ thống bơm bê tông nhãn hiệu JUNJIN, Model: JXZR 38-5.16HP		

Xe cơ giới đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 và Thông tư số 55/2014/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
This motor vehicle has been inspected and satisfied with requirements of the Circular Nº 31/2011/TT-BGTVT to be issued on April 15th, 2011 and Circular Nº 55/2014/TT-BGTVT to be issued on October 20th, 2014 by Minister of Ministry of Transport.
Ghi chú *(Remarks)*: (Date) Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2018
- Chiếc xe này chỉ hoạt động trong phạm vi hẹp, khi tham gia giao thông đường bộ phải được phép của Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.
- Chiếc xe này được sản xuất, lắp ráp từ ô tô cơ sở nhãn hiệu HYUNDAI, tên thương mại HD260.

Cơ quan kiểm tra *(Inspection body)*
TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Đào Xuân Hải

CQ A 0587956



VITRAC CORPORATION
'NHÀ CUNG CẤP & CHO THUÊ THIẾT BỊ CƠ GIỚI HÀNG ĐẦU VIỆT NAM'

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao cho người mua

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: VP/16P
Số: 0002230

Ngày 15 tháng 10 năm 20 18

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY VĨNH PHÚ
Địa chỉ: Số 990, xa lộ Hà Nội, KP2, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Số tài khoản: 0121 0000 17475 tại ngân hàng ngoại thương Biên Hòa (Vietcombank Biên Hòa).
Điện thoại: 061 3831615 ~ Fax: 061 3836836 Mã số thuế: 3600437439

Họ tên người mua hàng:
Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG TCVN
Địa chỉ: Số nhà 368 phố Tây Sơn, phường An Hoạch, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: CK/TM Mã số thuế: 2802 476 069

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày ... tháng ... năm ...

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
01	Ô tô bơm bê tông Mới 100% Hiệu: EVERDIGM Model: 38CX Nhãn hiệu, số loại: HYUNDAI HD260 SK: KMFDA18CPJC098685 SM: D6ACHJ319530 Năm sx: 2017 Nước sx: Hàn Quốc	Chiếc	1	5.818.181.818	5.818.181.818

Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ: 5.818.181.818
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT: 581.818.182
Tổng cộng tiền thanh toán: 6.400.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn./.

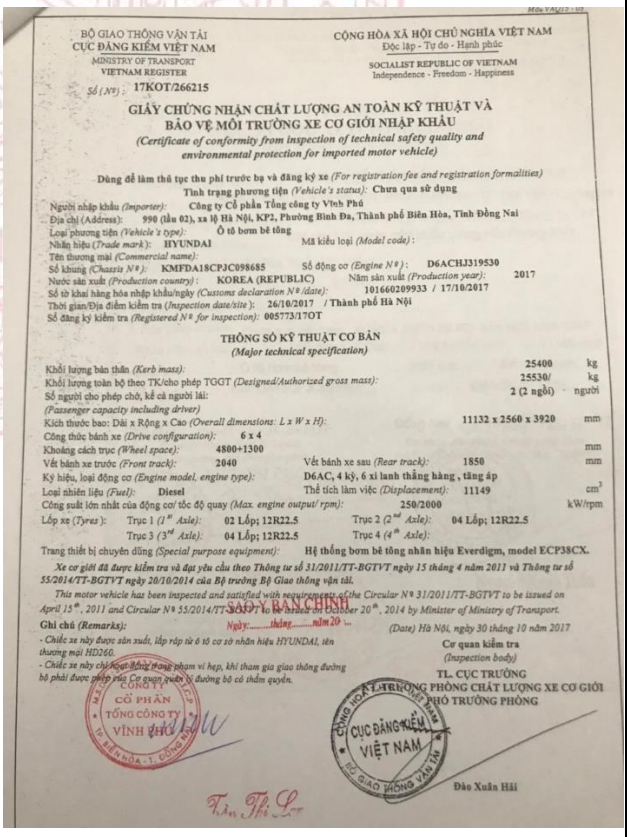
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | Kế toán bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên) | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hải Yến | Trần Thị Lan

(Cần kiểm tra, đối chiếu, ký (bằng văn bản) khi lập, giao, nhận hóa đơn)

TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VIỆT HẰNG

In tại Công ty TNHH In L.B.T (0613.930064-3.930322) MST: 3602199998



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (Nº): 17KOT/266215

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported motor vehicle)

Dùng để làm thủ tục thu phí trước bạ và đăng ký xe *(For registration fee and registration formalities)*
Tình trạng phương tiện *(Vehicle's status)*: Chưa qua sử dụng
Người nhập khẩu *(Importer)*: Công ty Cổ phần Tổng công ty Vĩnh Phú
Địa chỉ *(Address)*: 990 (lầu 02), xa lộ Hà Nội, KP2, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Loại phương tiện *(Vehicle's type)*: Ô tô bơm bê tông
Nhãn hiệu *(Trade mark)*: HYUNDAI Mã kiểu loại *(Model code)*:
Tên thương mại *(Commercial name)*:
Số khung *(Chassis Nº)*: KMFDA18CPJC098685 Số động cơ *(Engine Nº)*: D6ACHJ319530
Nước sản xuất *(Production country)*: KOREA (REPUBLIC) Năm sản xuất *(Production year)*: 2017
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration Nº /date)*: 101660209933 / 17/10/2017
Thời gian/Địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: 26/10/2017 / Thành phố Hà Nội
Số đăng ký kiểm tra *(Registered Nº for inspection)*: 005773/17OT

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	25400	kg
Khối lượng toàn bộ theo TK/cho phép TGGT *(Designed/Authorized gross mass)*:	25530/	kg
Số người cho phép chở, kể cả người lái: *(Passenger capacity including driver)*	2 (2 ngồi)	người
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	11132 x 2560 x 3920	mm
Công thức bánh xe *(Drive configuration)*: 6 x 4		
Khoảng cách trục *(Wheel space)*: 4800+1300		mm
Vết bánh xe trước *(Front track)*: 2040 Vết bánh xe sau *(Rear track)*: 1850		mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type)*: D6AC, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng , tăng áp		
Loại nhiên liệu *(Fuel)*: Diesel Thể tích làm việc *(Displacement)*: 11149		cm^3
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm)*: 250/2600		kW/rpm
Lốp xe *(Tyres)*: Trục 1 *(1st Axle)*: 02 Lốp; 12R22.5 Trục 2 *(2nd Axle)*: 04 Lốp; 12R22.5		
Trục 3 *(3rd Axle)*: 04 Lốp; 12R22.5 Trục 4 *(4th Axle)*:		
Trang thiết bị chuyên dùng *(Special purpose equipment)*: Hệ thống bơm bê tông nhãn hiệu Everdigm, model ECP38CX.		

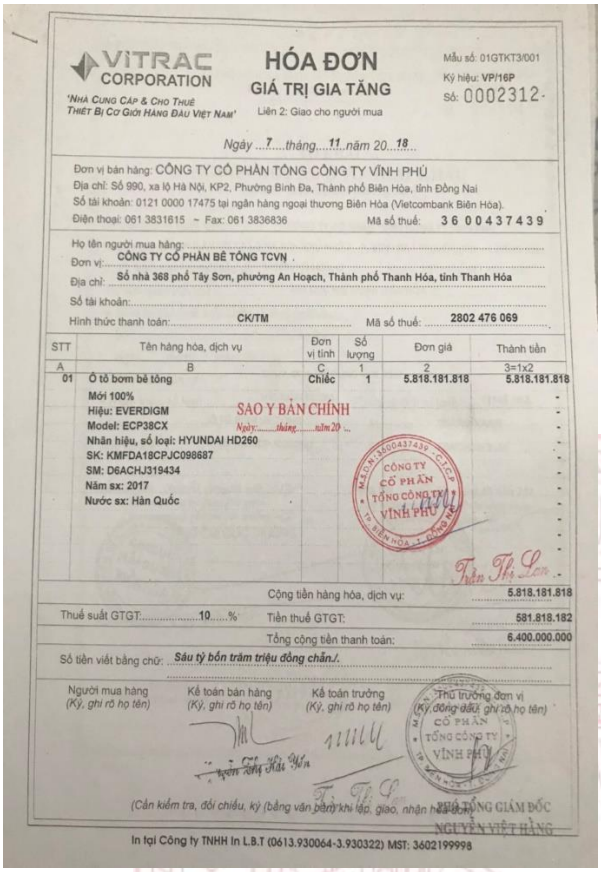
Xe cơ giới đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 và Thông tư số 55/2014/TT-BGTVT ngày 20/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
This motor vehicle has been inspected and satisfied with requirements of the Circular Nº 31/2011/TT-BGTVT to be issued on April 15th, 2011 and Circular Nº 55/2014/TT-BGTVT to be issued on October 20th, 2014 by Minister of Ministry of Transport.
Ghi chú *(Remarks)*: Ngày ... tháng ... năm 20... (Date) Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2017
- Chiếc xe này được sản xuất, lắp ráp từ ô tô cơ sở nhãn hiệu HYUNDAI, tên thương mại HD260.
- Chiếc xe này chỉ hoạt động trong phạm vi hẹp, khi tham gia giao thông đường bộ phải được phép của Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

SAO Y BẢN CHÍNH

Cơ quan kiểm tra *(Inspection body)*
TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Đào Xuân Hải

HỒ SƠ NĂNG LỰC



VITRAC CORPORATION
'Nhà Cung Cấp & Cho Thuê Thiết Bị Cơ Giới Hàng Đầu Việt Nam'

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao cho người mua

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: VP/16P
Số: 0002312

Ngày 7 tháng 11 năm 20 18

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY VĨNH PHÚ
Địa chỉ: Số 990, xa lộ Hà Nội, KP2, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Số tài khoản: 0121 0000 17475 tại ngân hàng ngoại thương Biên Hòa (Vietcombank Biên Hòa).
Điện thoại: 061 3831815 ~ Fax: 061 3836836 Mã số thuế: 3 6 0 0 4 3 7 4 3 9

Họ tên người mua hàng:
Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG TCVN
Địa chỉ: Số nhà 368 phố Tây Sơn, phường An Hoạch, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: CK/TM Mã số thuế: 2802 476 069

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
01	Ô tô bơm bê tông Mới 100% Hiệu: EVERDIGM Model: ECP38CX Nhãn hiệu, số loại: HYUNDAI HD260 SK: KMFDA18CPJC098687 SM: D6ACHJ319434 Năm sx: 2017 Nước sx: Hàn Quốc	Chiếc	1	5.818.181.818	5.818.181.818

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày: tháng năm 20 ...

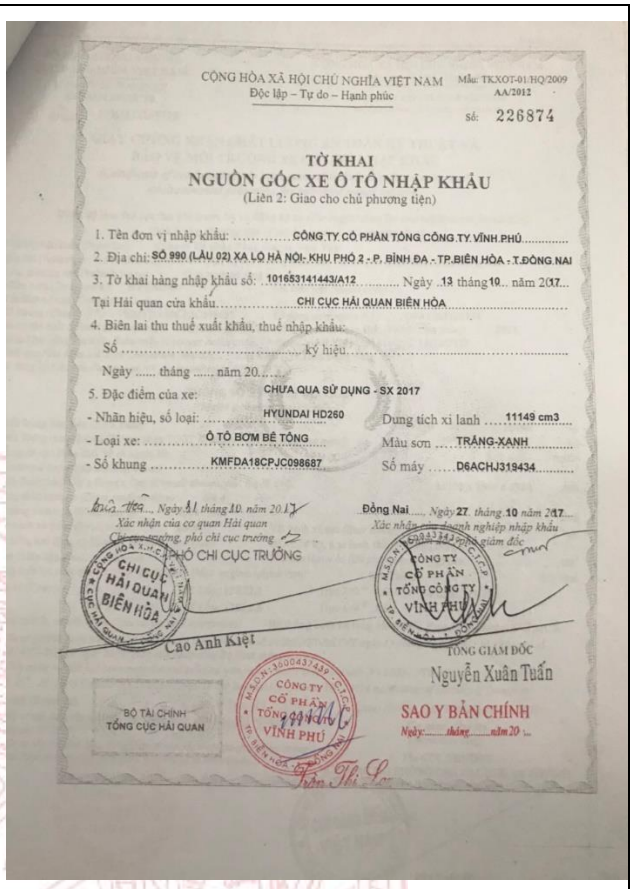
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ: 5.818.181.818
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT: 581.818.182
Tổng cộng tiền thanh toán: 6.400.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn./.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | Kế toán bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên) | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu, ký, đóng dấu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VIỆT HẰNG

In tại Công ty TNHH In L.B.T (0613.930064-3.930322) MST: 3602199998



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu: TKXOT-01/HQ/2009
AA/2012
Số: 226874

TỜ KHAI
NGUỒN GỐC XE Ô TÔ NHẬP KHẨU
(Liên 2: Giao cho chủ phương tiện)

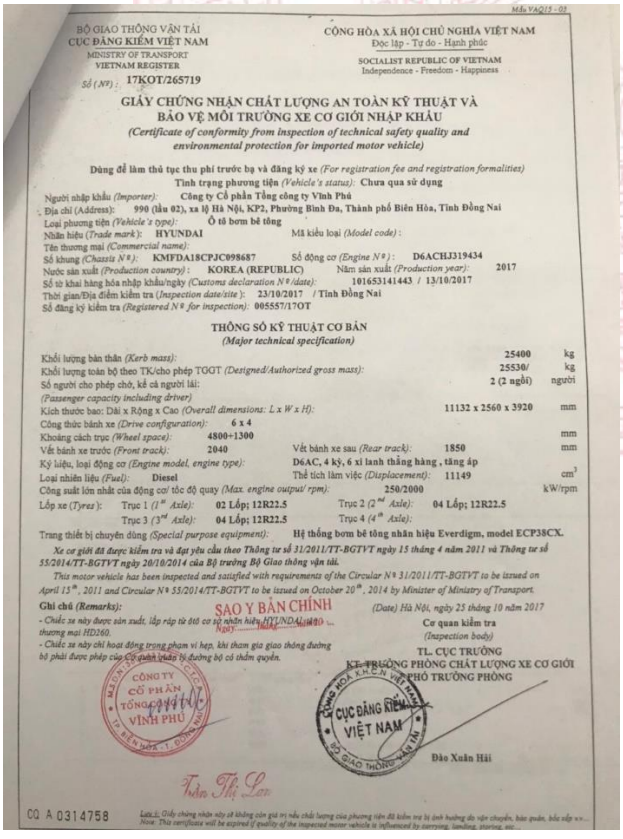
1. Tên đơn vị nhập khẩu: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY VĨNH PHÚ
2. Địa chỉ: SỐ 990 (LÀU 02) XA LỘ HÀ NỘI, KHU PHỐ 2 - P. BÌNH ĐA - TP.BIÊN HÒA - T.ĐỒNG NAI
3. Tờ khai hàng nhập khẩu số: 101653141443/A12 Ngày 13 tháng 10 năm 2017
Tại Hải quan cửa khẩu: CHI CỤC HẢI QUAN BIÊN HÒA
4. Biên lai thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:
Số ..... ký hiệu.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
5. Đặc điểm của xe: CHƯA QUA SỬ DỤNG - SX 2017
- Nhãn hiệu, số loại: HYUNDAI HD260 Dung tích xi lanh 11149 cm3
- Loại xe: Ô TÔ BƠM BÊ TÔNG Màu sơn TRẮNG-XANH
- Số khung KMFDA18CPJC098687 Số máy D6ACHJ319434

Biên Hòa Ngày 31 tháng 10 năm 2017
Xác nhận của cơ quan Hải quan
Chi cục trưởng, phó chi cục trưởng
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG
Cao Anh Kiệt

Đồng Nai Ngày 27 tháng 10 năm 2017
Xác nhận của doanh nghiệp nhập khẩu
Giám đốc
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Tuấn

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày: tháng năm 20 ...



Mẫu VAQ15 - 03

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (No.): 17KOT/265719

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported motor vehicle)

Dùng để làm thủ tục thu phí trước bạ và đăng ký xe *(For registration fee and registration formalities)*
Tình trạng phương tiện *(Vehicle's status)*: Chưa qua sử dụng

Người nhập khẩu *(Importer)*: Công ty Cổ phần Tổng công ty Vĩnh Phú
Địa chỉ *(Address)*: 990 (lầu 02), xa lộ Hà Nội, KP2, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Loại phương tiện *(Vehicle's type)*: Ô tô bơm bê tông
Nhãn hiệu *(Trade mark)*: HYUNDAI Mã kiểu loại *(Model code)*:
Tên thương mại *(Commercial name)*:
Số khung *(Chassis N°)*: KMFDA18CPJC098687 Số động cơ *(Engine N°)*: D6ACHJ319434
Nước sản xuất *(Production country)*: KOREA (REPUBLIC) Năm sản xuất *(Production year)*: 2017
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration N°/date)*: 101653141443 / 13/10/2017
Thời gian/Địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: 23/10/2017 / Tỉnh Đồng Nai
Số đăng ký kiểm tra *(Registered N° for inspection)*: 005557/17OT

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	25400	kg
Khối lượng toàn bộ theo TK/cho phép TGGT *(Designed/Authorized gross mass)*:	25530/	kg
Số người cho phép chở, kể cả người lái: *(Passenger capacity including driver)*	2 (2 ngồi)	người
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	11132 x 2560 x 3920	mm
Công thức bánh xe *(Drive configuration)*:	6 x 4	
Khoảng cách trục *(Wheel space)*:	4800+1300	mm
Vết bánh xe trước *(Front track)*: 2040 Vết bánh xe sau *(Rear track)*:	1850	mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type)*:	D6AC, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng , tăng áp	
Loại nhiên liệu *(Fuel)*: Diesel Thể tích làm việc *(Displacement)*:	11149	cm^3
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm)*:	250/2000	kW/rpm
Lốp xe *(Tyres)*: Trục 1 (1st Axle): 02 Lốp; 12R22.5 Trục 2 (2nd Axle): 04 Lốp; 12R22.5		
Trục 3 (3rd Axle): 04 Lốp; 12R22.5 Trục 4 (4th Axle):		
Trang thiết bị chuyên dùng *(Special purpose equipment)*:	Hệ thống bơm bê tông nhãn hiệu Everdigm, model ECP38CX.	

Xe cơ giới đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 và Thông tư số 55/2014/TT-BGTVT ngày 20/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
This motor vehicle has been inspected and satisfied with requirements of the Circular N° 31/2011/TT-BGTVT to be issued on April 15th, 2011 and Circular N° 55/2014/TT-BGTVT to be issued on October 20th, 2014 by Minister of Ministry of Transport.

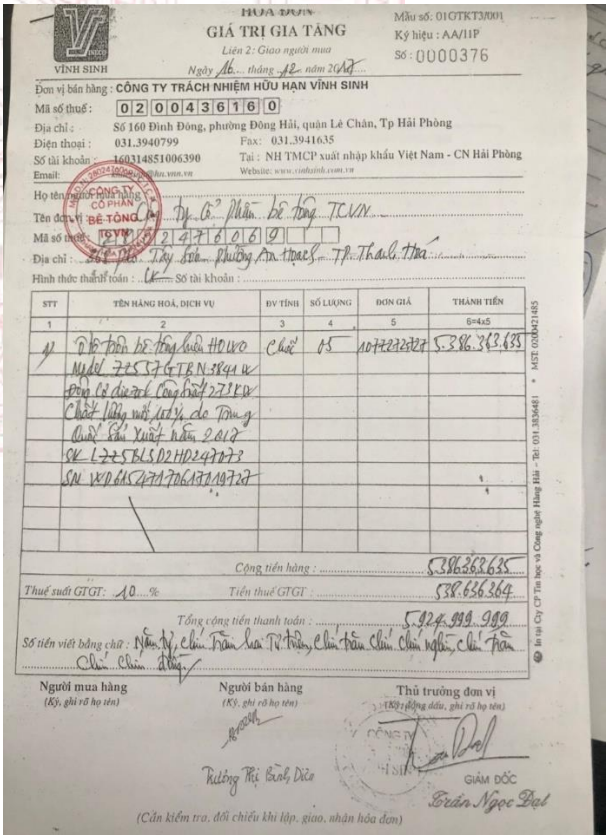
Ghi chú *(Remarks)*:
- Chiếc xe này được sản xuất, lắp ráp từ đtô cơ sở nhãn hiệu HYUNDAI HD260 ... thương mại HD260.
- Chiếc xe này chỉ hoạt động trong phạm vi hạn, khi tham gia giao thông đường bộ phải được phép của Cơ quan chức bộ đường bộ có thẩm quyền.

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày: tháng năm 20 ...

(Date) Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2017
Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)
TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Đào Xuân Hải

CQ A 0314758

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm trợ bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bảo dưỡng...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, handling, storing, etc ...



Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu : AA/11P
Số : 0000376

VĨNH SINH

GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao người mua
Ngày 16 tháng 12 năm 2017

Đơn vị bán hàng : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VĨNH SINH
Mã số thuế : 0 2 0 0 4 3 6 1 6 0
Địa chỉ : Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải, quận Lê Chân, Tp Hải Phòng
Điện thoại : 031.3940799 Fax : 031.3941635
Số tài khoản : 102314851006390 Tại : NH TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Hải Phòng
Email: Website: www.vinhsinh.com.vn

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG TCVN
Mã số thuế: 2 8 0 2 4 7 6 0 6 9
Địa chỉ : Số nhà 368 Phố Tây Sơn, Phường An Hoạch, TP. Thanh Hóa
Hình thức thanh toán : CK Số tài khoản :

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Ô tô bơm bê tông hiệu HOWO Model 7257GTBN-3841W Động cơ diesel Công suất 271kW Chất lượng mới 100%, sản xuất năm 2018 SK: LZ5ALSD2HD249773 SM: WD615.47271706A1149727	Chiếc	05	1.077.272.727	5.386.363.635

Cộng tiền hàng : 5.386.363.635
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT: 538.636.364
Tổng cộng tiền thanh toán : 5.924.999.999
Số tiền viết bằng chữ : Năm tỷ, chín trăm hai tư triệu, chín trăm chín chín nghìn, chín trăm chín chín đồng

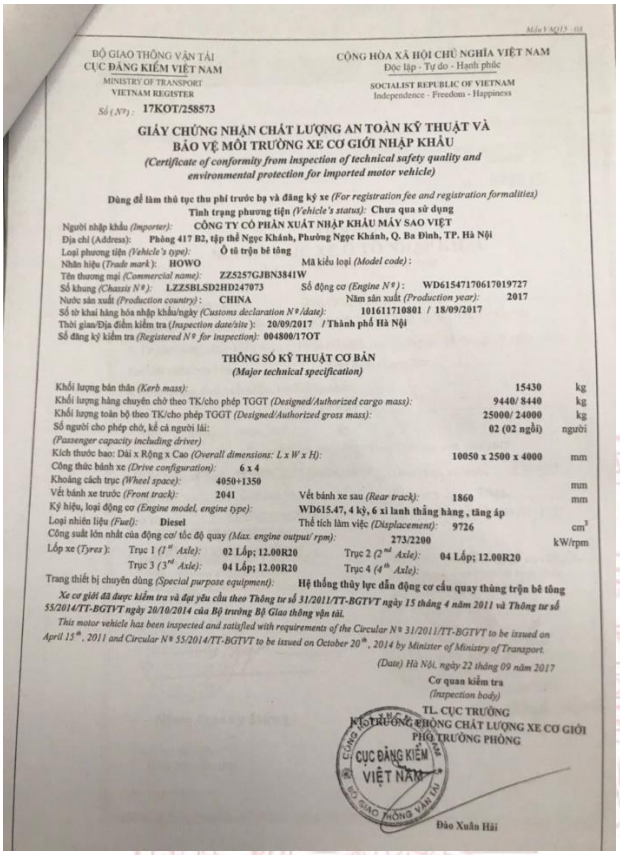
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
Trần Ngọc Đạo

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Cty CP Tin học và Công nghệ Hàng Hải - Tel: 031.3836481 * MST 0200021485

HỒ SƠ NĂNG LỰC



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (*No*): 17KOT/258573

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported motor vehicle)

Dùng để làm thủ tục thu phí trước bạ và đăng ký xe *(For registration fee and registration formalities)*

Tình trạng phương tiện *(Vehicle's status)*: Chưa qua sử dụng

Người nhập khẩu *(Importer)*: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU MÁY SAO VIỆT
Địa chỉ *(Address)*: Phòng 417 B2, tập thể Ngọc Khánh, Phường Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Loại phương tiện *(Vehicle's type)*: Ô tô trộn bê tông
Nhãn hiệu *(Trade mark)*: HOWO — Mã kiểu loại *(Model code)*:
Tên thương mại *(Commercial name)*: ZZ5257GJBN384IW
Số khung *(Chassis N°)*: LZZSBLSD2HD247073 — Số động cơ *(Engine N°)*: WD615471706170197 27
Nước sản xuất *(Production country)*: CHINA — Năm sản xuất *(Production year)*: 2017
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration N°/date)*: 101611710801 / 18/09/2017
Thời gian/Địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: 20/09/2017 / Thành phố Hà Nội
Số đăng ký kiểm tra *(Registered N° for inspection)*: 004800/17OT

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	15430	kg
Khối lượng hàng chuyên chở theo TK/cho phép TGGT *(Designed/Authorized cargo mass)*:	9440/ 8440	kg
Khối lượng toàn bộ theo TK/cho phép TGGT *(Designed/Authorized gross mass)*:	25000/ 24000	kg
Số người cho phép chở, kể cả người lái: *(Passenger capacity including driver)*	02 (02 ngồi)	người
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	10050 x 2500 x 4000	mm
Công thức bánh xe *(Drive configuration)*:	6 x 4	
Khoảng cách trục *(Wheel space)*:	4050+1350	mm
Vết bánh xe trước *(Front track)*: 2041 — Vết bánh xe sau *(Rear track)*: 1860		mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type)*:	WD615.47, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng , tăng áp	
Loại nhiên liệu *(Fuel)*: Diesel — Thể tích làm việc *(Displacement)*: 9726		cm^3
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm)*:	273/2200	kW/rpm
Lốp xe *(Tyres)*: Trục 1 *(1st Axle)*: 02 Lốp; 12.00R20 — Trục 2 *(2nd Axle)*: 04 Lốp; 12.00R20		
Trục 3 *(3rd Axle)*: 04 Lốp; 12.00R20 — Trục 4 *(4th Axle)*:		
Trang thiết bị chuyên dùng *(Special purpose equipment)*:	Hệ thống thủy lực dẫn động cơ cấu quay thùng trộn bê tông	

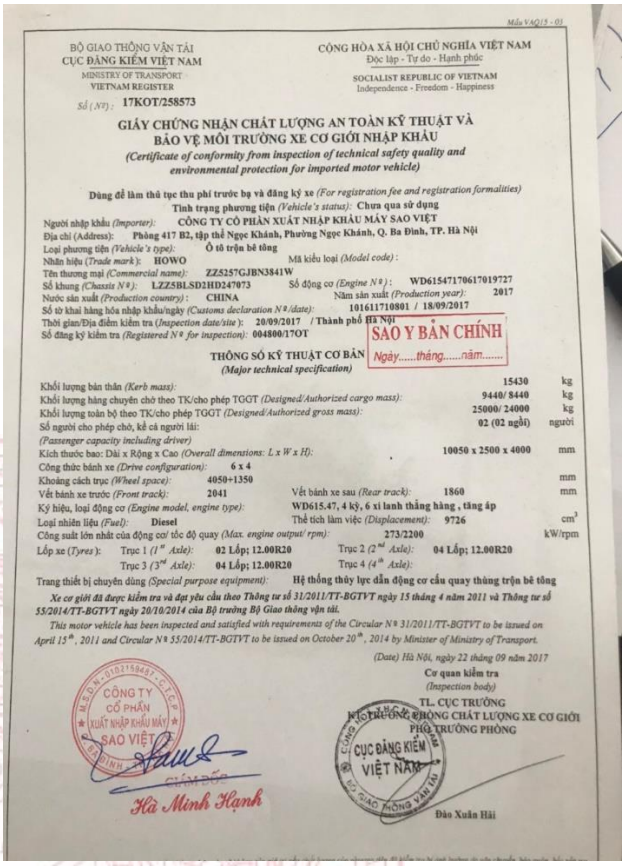
Xe cơ giới đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 và Thông tư số 55/2014/TT-BGTVT ngày 20/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
This motor vehicle has been inspected and satisfied with requirements of the Circular N° 31/2011/TT-BGTVT to be issued on April 15th, 2011 and Circular N° 55/2014/TT-BGTVT to be issued on October 20th, 2014 by Minister of Ministry of Transport.

(Date) Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2017

Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)
TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Đào Xuân Hải



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (*No*): 17KOT/258573

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported motor vehicle)

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm.....

Dùng để làm thủ tục thu phí trước bạ và đăng ký xe *(For registration fee and registration formalities)*

Tình trạng phương tiện *(Vehicle's status)*: Chưa qua sử dụng

Người nhập khẩu *(Importer)*: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU MÁY SAO VIỆT
Địa chỉ *(Address)*: Phòng 417 B2, tập thể Ngọc Khánh, Phường Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Loại phương tiện *(Vehicle's type)*: Ô tô trộn bê tông
Nhãn hiệu *(Trade mark)*: HOWO — Mã kiểu loại *(Model code)*:
Tên thương mại *(Commercial name)*: ZZ5257GJBN3841W
Số khung *(Chassis N°)*: LZZSBLSD2HD247073 — Số động cơ *(Engine N°)*: WD615471706170197 27
Nước sản xuất *(Production country)*: CHINA — Năm sản xuất *(Production year)*: 2017
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration N°/date)*: 101611710801 / 18/09/2017
Thời gian/Địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: 20/09/2017 / Thành phố Hà Nội
Số đăng ký kiểm tra *(Registered N° for inspection)*: 004800/17OT

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	15430	kg
Khối lượng hàng chuyên chở theo TK/cho phép TGGT *(Designed/Authorized cargo mass)*:	9440/ 8440	kg
Khối lượng toàn bộ theo TK/cho phép TGGT *(Designed/Authorized gross mass)*:	25000/ 24000	kg
Số người cho phép chở, kể cả người lái: *(Passenger capacity including driver)*	02 (02 ngồi)	người
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	10050 x 2500 x 4000	mm
Công thức bánh xe *(Drive configuration)*:	6 x 4	
Khoảng cách trục *(Wheel space)*:	4050+1350	mm
Vết bánh xe trước *(Front track)*: 2041 — Vết bánh xe sau *(Rear track)*: 1860		mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type)*:	WD615.47, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng , tăng áp	
Loại nhiên liệu *(Fuel)*: Diesel — Thể tích làm việc *(Displacement)*: 9726		cm^3
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm)*:	273/2200	kW/rpm
Lốp xe *(Tyres)*: Trục 1 *(1st Axle)*: 02 Lốp; 12.00R20 — Trục 2 *(2nd Axle)*: 04 Lốp; 12.00R20		
Trục 3 *(3rd Axle)*: 04 Lốp; 12.00R20 — Trục 4 *(4th Axle)*:		
Trang thiết bị chuyên dùng *(Special purpose equipment)*:	Hệ thống thủy lực dẫn động cơ cấu quay thùng trộn bê tông	

Xe cơ giới đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 và Thông tư số 55/2014/TT-BGTVT ngày 20/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
This motor vehicle has been inspected and satisfied with requirements of the Circular N° 31/2011/TT-BGTVT to be issued on April 15th, 2011 and Circular N° 55/2014/TT-BGTVT to be issued on October 20th, 2014 by Minister of Ministry of Transport.

(Date) Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2017

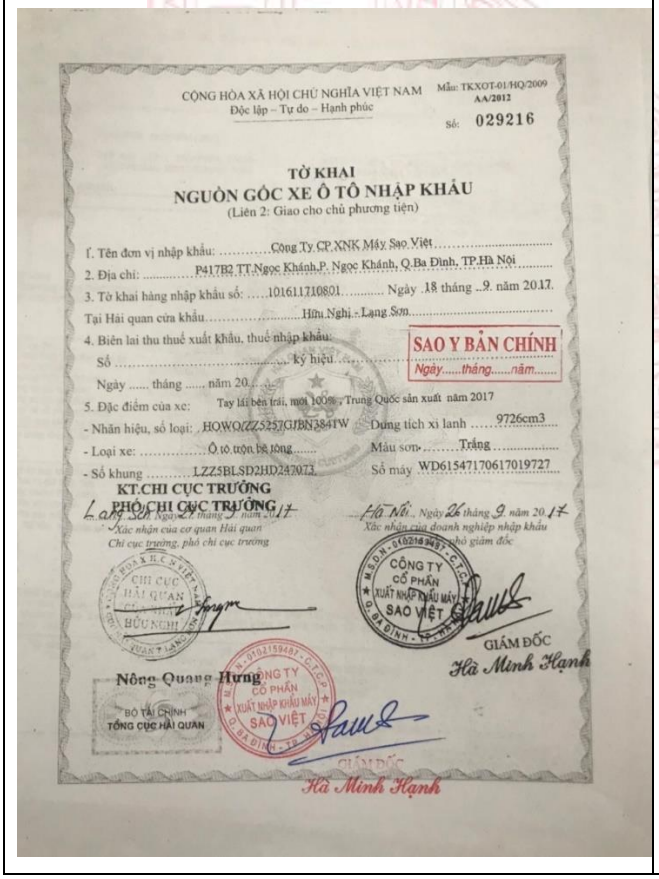
Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)
TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU MÁY SAO VIỆT

Hà Minh Hạnh

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Đào Xuân Hải



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu: TKXOT-01/HQ/2009
AA/2012
Số: 029216

TỜ KHAI
NGUỒN GỐC XE Ô TÔ NHẬP KHẨU
(Liên 2: Giao cho chủ phương tiện)

1. Tên đơn vị nhập khẩu: Công Ty CP XNK Máy Sao Việt
2. Địa chỉ: P417B2 TT.Ngọc Khánh,P. Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội
3. Tờ khai hàng nhập khẩu số: 101611710801 Ngày 18 tháng 9 năm 2017.
Tại Hải quan cửa khẩu: Hữu Nghị - Lạng Sơn
4. Biên lai thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:
Số: ký hiệu:
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
5. Đặc điểm của xe: Tay lái bên trái, mới 100% , Trung Quốc sản xuất năm 2017
- Nhãn hiệu, số loại: HOWO/ZZ5257GJBN384TW — Dung tích xi lanh: 9726cm3
- Loại xe: Ô tô trộn bê tông — Màu sơn: Trắng
- Số khung: LZZ5BLSD2HD247073 — Số máy: WD615471706170197

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm.....

KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG
Lạng Sơn, Ngày 27 tháng 9 năm 2017
Xác nhận của cơ quan Hải quan
Chi cục trưởng, phó chi cục trưởng

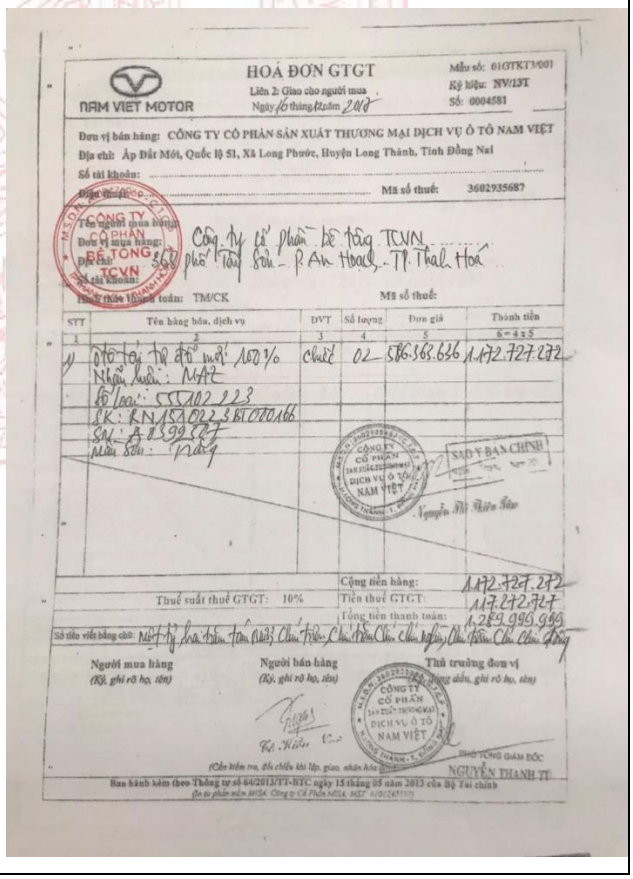
Nông Quang Hưng

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Hà Nội, Ngày 26 tháng 9 năm 2017
Xác nhận của doanh nghiệp nhập khẩu
phó giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU MÁY SAO VIỆT

GIÁM ĐỐC
Hà Minh Hạnh



NAM VIET MOTOR

HOÁ ĐƠN GTGT
Liên 2: Giao cho người mua
Ngày 16 tháng 12 năm 2017

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: NV/13T
Số: 0004581

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ Ô TÔ NAM VIỆT
Địa chỉ: Ấp Đất Mới, Quốc lộ 51, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
Số tài khoản:
Mã số thuế: 3602935687
Đơn vị mua hàng: Công ty cổ phần bê tông TCVN
Địa chỉ: 360 phố Tân Sơn - P.An Hoạch - TP. Thanh Hóa
Hình thức thanh toán: TM/CK — Mã số thuế:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Ô tô tải tự đổ mới 102% Nhãn hiệu: MAZ Loại: 555102-223 SK: KN15102233BT000166 Sx: 2016 Màu sơn: Vàng	Chiếc	02	586.368.636	1.172.727.272

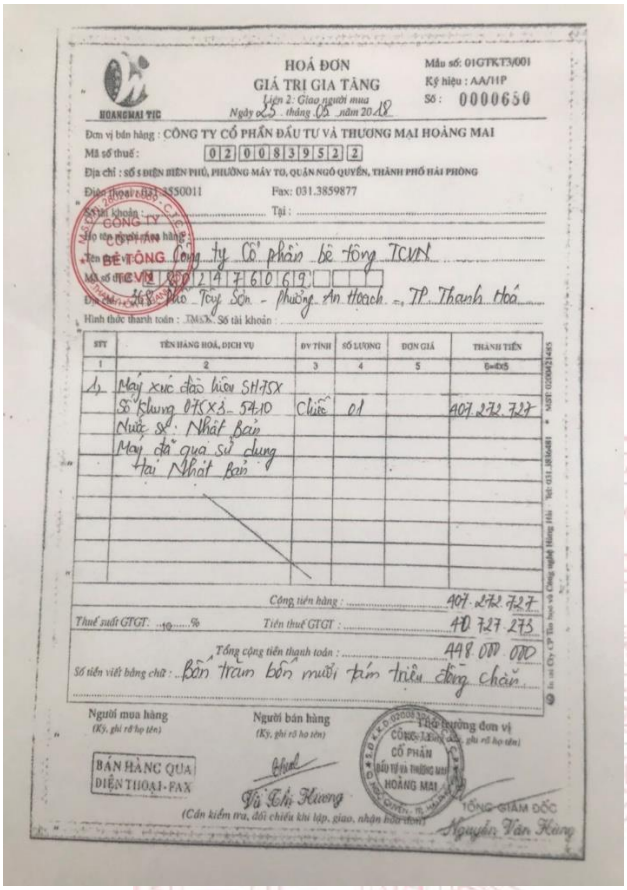
Cộng tiền hàng: 1.172.727.272
Thuế suất thuế GTGT: 10% — Tiền thuế GTGT: 117.272.727
Tổng tiền thanh toán: 1.289.999.999
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ hai trăm tám mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) — Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) — Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

NGUYỄN THANH TÍ

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Ban hành kèm theo Thông tư số 64/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 05 năm 2013 của Bộ Tài chính

HỒ SƠ NĂNG LỰC



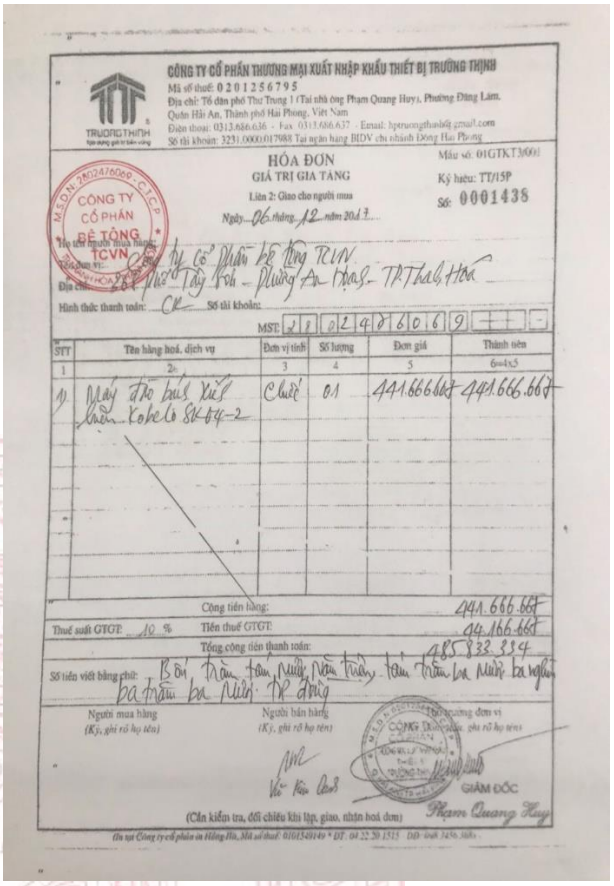
HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao người mua
Ngày 25 tháng 05 năm 2018
Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/11P
Số: 0000650

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG MAI
Mã số thuế: 0200839522
Địa chỉ: SỐ 5 ĐIỆN BIÊN PHỦ, PHƯỜNG MÁY TƠ, QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Điện thoại: 0313550011 Fax: 031.3859877
Số tài khoản: Tại:
Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: BÊ TÔNG Công ty Cổ phần bê tông TCVN
Mã số thuế: 2802147610619
Địa chỉ: Đào Tuy Sơn - Phường An Hoạch - TP. Thanh Hoá
Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

STT	TÊN HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Máy xúc đào hiệu SH75X Số khung 075X3-5410 Nước sx: Nhật Bản Máy đã qua sử dụng Hai Nhật Bản	Chiếc	01		407.272.727

Cộng tiền hàng: 407.272.727
Thuế suất GTGT: ...%... Tiền thuế GTGT: 40.727.273
Tổng cộng tiền thanh toán: 448.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi tám triệu đồng chẵn.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)
BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI - FAX
Vũ Thị Hương
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hưng
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ TRƯỜNG THỊNH
Mã số thuế: 0201256795
Địa chỉ: Tổ dân phố Thư Trung 1 (Tại nhà ông Phạm Quang Huy), Phường Đằng Lâm, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại: 0313.686.636 - Fax: 0313.686.637 - Email: hptruongthinh@gmail.com
Số tài khoản: 3231.0000.017988 Tại ngân hàng BIDV chi nhánh Đông Hải Phòng

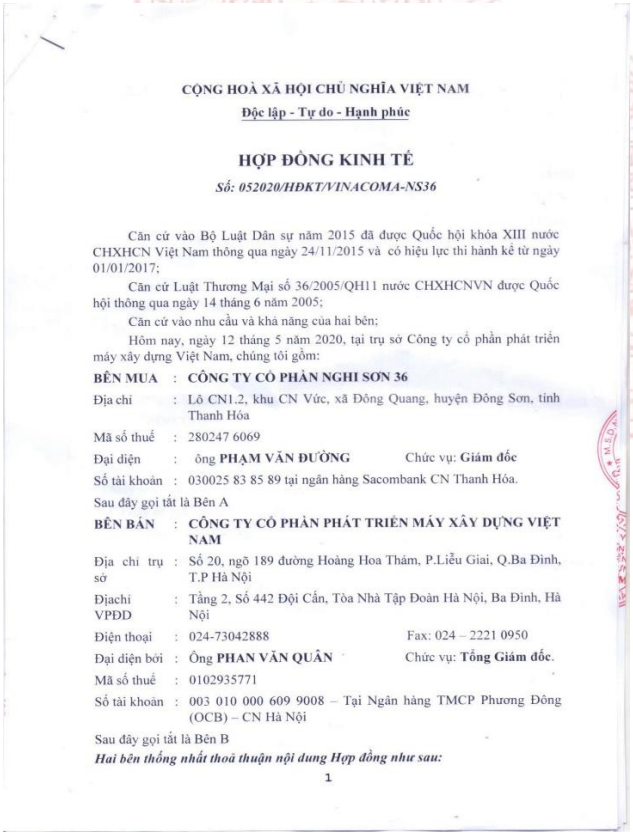
HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao cho người mua
Ngày 06 tháng 12 năm 2017
Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: TT/15P
Số: 0001436

Tên người mua hàng: Công ty Cổ Phần bê tông TCVN
Đơn vị: Mới Tây Hồ - Phường An Hoạch - TP Thanh Hóa
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:
MST: 2802147610619

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Máy đào bánh xích hiệu Kobelco SK04-2	Chiếc	01	441.666.667	441.666.667

Cộng tiền hàng: 441.666.667
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT: 44.166.667
Tổng cộng tiền thanh toán: 485.833.334
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm tám mươi lăm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tư đồng

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)
Vũ Văn Anh
GIÁM ĐỐC
Phạm Quang Huy
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số: 052020/HĐKT/VINACOMA-NS36

Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự năm 2015 đã được Quốc hội khóa XIII nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 nước CHXHCNVN được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

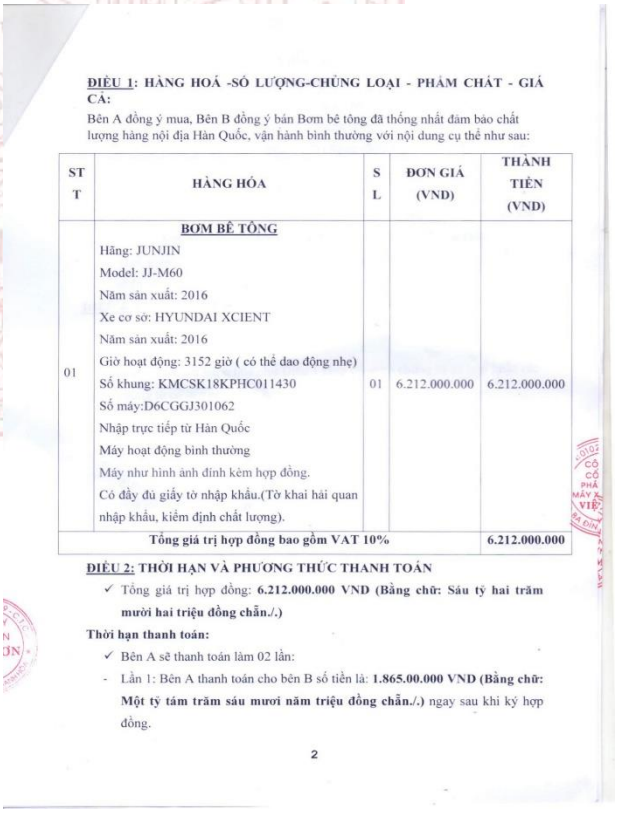
Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Công ty cổ phần phát triển máy xây dựng Việt Nam, chúng tôi gồm:

BÊN MUA : **CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36**
Địa chỉ : Lô CN1.2, khu CN Vức, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Mã số thuế : 280247 6069
Đại diện : ông **PHẠM VĂN ĐƯỜNG** Chức vụ: **Giám đốc**
Số tài khoản : 030025 83 85 89 tại ngân hàng Sacombank CN Thanh Hóa.
Sau đây gọi tắt là Bên A

BÊN BÁN : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÁY XÂY DỰNG VIỆT NAM**
Địa chỉ trụ sở : Số 20, ngõ 189 đường Hoàng Hoa Thám, P.Liễu Giai, Q.Ba Đình, T.P Hà Nội
Địachỉ VPĐD : Tầng 2, Số 442 Đội Cấn, Tòa Nhà Tập Đoàn Hà Nội, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại : 024-73042888 Fax: 024 – 2221 0950
Đại diện bởi : Ông **PHAN VĂN QUÂN** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**.
Mã số thuế : 0102935771
Số tài khoản : 003 010 000 609 9008 – Tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) – CN Hà Nội
Sau đây gọi tắt là Bên B
Hai bên thống nhất thoả thuận nội dung Hợp đồng như sau:

1



ĐIỀU 1: HÀNG HOÁ -SỐ LƯỢNG-CHỦNG LOẠI - PHẨM CHẤT - GIÁ CẢ:
Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán Bơm bê tông đã thống nhất đảm bảo chất lượng hàng nội địa Hàn Quốc, vận hành bình thường với nội dung cụ thể như sau:

STT	HÀNG HÓA	SL	ĐƠN GIÁ (VND)	THÀNH TIỀN (VND)
01	**BƠM BÊ TÔNG** Hãng: JUNJIN Model: JJ-M60 Năm sản xuất: 2016 Xe cơ sở: HYUNDAI XCIENT Năm sản xuất: 2016 Giờ hoạt động: 3152 giờ (có thể dao động nhẹ) Số khung: KMCSK18KPHC011430 Số máy:D6CGGJ301062 Nhập trực tiếp từ Hàn Quốc Máy hoạt động bình thường Máy như hình ảnh đính kèm hợp đồng. Có đầy đủ giấy tờ nhập khẩu.(Tờ khai hải quan nhập khẩu, kiểm định chất lượng).	01	6.212.000.000	6.212.000.000
	Tổng giá trị hợp đồng bao gồm VAT 10%			**6.212.000.000**

ĐIỀU 2: THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN
- ✓ Tổng giá trị hợp đồng: **6.212.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu tỷ hai trăm mười hai triệu đồng chẵn./.)**

Thời hạn thanh toán:
- ✓ Bên A sẽ thanh toán làm 02 lần:
- Lần 1: Bên A thanh toán cho bên B số tiền là: **1.865.00.000 VND (Bằng chữ: Một tỷ tám trăm sáu mươi năm triệu đồng chẵn./.)** ngay sau khi ký hợp đồng.

2

- Lần 2: Sau khi hàng về, bên A đến kiểm tra bơm, mọi thông số và quá trình vận hành bình thường, đảm bảo không lỗi, trục trặc và đồng ý với chất lượng của thiết bị, bên B cung cấp đầy đủ giấy tờ liên quan cho bên A đăng ký, đăng kiểm vay ngân hàng và bên A thanh toán cho bên B nốt số tiền còn lại của hợp đồng là: **4.347.000.000 VND (Bằng chữ: Bốn tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu đồng chẵn)**.

ĐIỀU 3: THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG

- ✓ Địa điểm giao hàng: tại nhà máy sản xuất bê tông Nghi Sơn 36 tại địa chỉ: số 368, phố Tây Sơn, phường An Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- ✓ Thời gian giao hàng: Trong vòng 25 – 35 ngày làm việc kể từ ngày Bên B nhận được đủ tiền thanh toán lần 1 tại Điều 2 của Bên A

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN BÁN

- ✓ Bên B cam kết đảm bảo hàng bán cho bên A thuộc sở hữu hợp pháp của bên B, không bị kê biên, tranh chấp.
- ✓ Bên B cam kết hàng hóa như Điều 1 Hợp đồng có chứng từ sở hữu hoặc các chứng từ có liên quan hợp pháp.
- ✓ Bên B chịu trách nhiệm về thủ tục: đăng kiểm xe và thông quan tờ khai hải quan.
- ✓ Hai bên sẽ làm biên bản bàn giao để xác nhận số lượng, quy cách lúc giao nhận đúng như quy định của hợp đồng. Biên bản bàn giao này là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.
- ✓ Bên B đảm bảo cung cấp bơm cho bên A đúng quy cách, số lượng, chủng loại và thời gian như quy định trong Điều 1, Điều 3 của Hợp đồng và bơm vẫn hoạt động bình thường.
- ✓ Sau khi hàng về nếu bơm gặp bất cứ sự cố tại công, bên Bán sẽ chịu toàn bộ chi phí sửa chữa cho bên Mua.

  Bên thời gian phát sinh do việc chậm trễ thì bên bán có trách nhiệm thuê bên mua 01 xe bơm tương đương để bên mua vận hành đảm bảo công việc đến khi bên mua nhận được hàng.
- ✓ Bên B có trách nhiệm giao hóa đơn giá trị gia tăng và hồ sơ bơm đầy đủ cho bên A.

- ✓ Sau khi máy được đưa về kho bãi của người sử dụng, bên Bán sẽ cử chuyên gia xuống đào tạo, chuyển giao công nghệ, hướng dẫn vận hành các chức năng của thiết bị.Thời gian bảo hành trọn gói cho các bộ phận chính (trừ các bộ phận hao mòn theo thời gian sử dụng và vấn đề do người sử dụng vận hành không đúng) sẽ do bên Bán chịu trách nhiệm trong vòng 06 tháng.
- ✓ Người Bán sẽ có trách nhiệm kiểm tra máy ít nhất từ 3-4 lần với chuyên gia Hàn Quốc và khắc phục kiểm tra máy trong vòng 1 năm. Bên Bán sẽ cung cấp phụ tùng chính hãng với giá từ nhà máy (nếu khách hàng có nhu cầu).

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN MUA

- ✓ Bên A có trách nhiệm cử đại diện để kiểm tra về mặt kỹ thuật, số lượng, quy cách sản phẩm, vận hành thử xe, ký biên bản giao nhận với bên B.
- ✓ Bên A chịu trách nhiệm pháp lý về việc sử dụng bơm ngay sau khi hai bên ký biên bản bàn giao và các giấy tờ kèm theo.
- ✓ Bên A có trách nhiệm thanh toán đúng thời hạn trong Điều 2 của Hợp đồng này. Trong trường hợp Bên A không thanh toán đúng như thỏa thuận thì Bên A phải chịu phạt theo phần trăm lãi suất tiền vay quá hạn của ngân hàng nhà nước kể từ ngày quá hạn. Thời gian quá hạn không quá 15 ngày kể từ ngày hàng về kho.

ĐIỀU 6: BẤT KHẢ KHÁNG:

- ✓ Nếu bất kỳ một sự kiện bất khả kháng nào như: chiến tranh, bạo loạn, xung đột vũ trang, thiên tai (lũ lụt, hỏa hoạn, động đất…) và các chế độ chính sách của nhà nước xảy ra, ngăn cản một Bên thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ theo Hợp đồng này thì phải ngay lập tức thông báo cho Bên kia biết. Trong trường hợp này thời gian thực hiện hợp đồng được kéo dài tương đương với thời gian chịu tác động của các trường hợp trên.

ĐIỀU 7: THANH LÝ HỢP ĐỒNG

- ✓ Kể từ ngày hai Bên đã thực hiện đầy đủ (được xác nhận bằng văn bản) và nghiêm chỉnh các Điều khoản trong Hợp đồng này, mà không có vướng mắc gì thì Hợp đồng coi như đã được thanh lý.

ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- ✓ Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này nếu xảy ra bất kỳ sự bất đồng nào, Bên này sinh bất đồng sẽ thông báo cho bên kia bằng văn bản. Hai bên sẽ thương lượng để giải quyết các bất đồng đó. Trường hợp không thống nhất hướng giải quyết thì hai bên sẽ tuân theo phán quyết của Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam.

ĐIỀU 9: CÁC TRƯỜNG HỢP CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- ✓ Hợp đồng này sẽ được chấm dứt trong các trường hợp sau:
- Khi các Bên thực hiện xong các quyền và nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng này.
- Khi một Bên vi phạm hợp đồng dẫn đến Hợp đồng không thể thực hiện được thì phía Bên kia có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.
- Hợp đồng có thể được chấm dứt do sự thỏa thuận của các Bên.

ĐIỀU 10: HIỆU LỰC THI HÀNH

- ✓ Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, và chỉ được coi là kết thúc khi các Bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng. Trong trường hợp một Bên muốn sửa đổi các điều khoản trong hợp đồng thì phải thông báo cho Bên kia biết trước ít nhất là 03 ngày và cùng nhau thoả thuận lại những điểm cần thay đổi với sự đồng ý của hai Bên bằng phụ lục được ký kết và được coi là một phần không thể thiếu của hợp đồng.
- ✓ Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau; các bên đã đọc, thông qua và thống nhất ký tên./.

BÊN BÁN	BÊN MUA
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÁY XÂY DỰNG VIỆT NAM	CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36
TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Phan Văn Quân	Phạm Văn Dưỡng

BÊ TÔNG NGHI SƠN 36
Trụ sở: lô CN1.2, KCN Vức, P. Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa.
Hotline: 0913 83 85 89 Email: ns36concrete@gmail.com

LỜI KẾT

Với mong muốn phát triển thương hiệu bê tông chất lượng cao Nghi Sơn 36 trở thành phổ biến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở phương châm lấy sự hài lòng của khách hàng làm động lực, kim chỉ nam cho mọi hoạt động; với trình độ quản lý vừa tiên tiến vừa giầu kinh nghiệm, ứng dụng khoa học kỹ thuật cao, Công ty cam kết luôn đảm bảo chất lượng, tiến độ, tuân thủ theo tiêu chuẩn xây dựng, theo quy định và của Chủ đầu tư; cam kết chia sẻ và đảm bảo sự phù hợp, cạnh tranh và chuyên nghiệp.

Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36 là một doanh nghiệp chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bê tông thương phẩm, với kinh nghiệm và khả năng của mình, Công ty luôn mong muốn được mang khả năng và kiến thức của mình để cống hiến trong công cuộc tạo lập cơ sở kết cấu hạ tầng chắc chắn, hiện đại. Trong kỷ nguyên công nghệ số 4.0.

Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36 luôn mong muốn và sẵn sàng phục vụ khách hàng một cách cầu thị nhất, luôn lắng nghe để hoàn thiện mình trên phương diện chuyên nghiệp nhất, lấy chất lượng sản phẩm và sự hài lòng trong cung cấp dịch vụ làm giá trị uy tín để lắng nghe ý kiến khách hàng.

Xin chân thành cảm ơn Quý khách hàng đã đồng hành và luôn tin tưởng lựa chọn thương hiệu "**Bê tông chất lượng cao Nghi Sơn 36**" để Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36 luôn cố gắng nỗ lực hết mình vì mục tiêu phục vụ khách hàng, góp phần xây dựng, phát huy truyền thống anh hùng của quê hương xứ Thanh ngày một giàu đẹp.

Kính chúc Quý khách hàng luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công hơn nữa; Công ty Cổ phần Nghi Sơn 36 luôn ước mong được phục vụ Quý khách hàng./

CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36

M.S.D.N: 2802476069 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NGHI SƠN 36
TP. THANH HÓA - T. THANH HÓA

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đào Trọng Thưởng